Số 7

THÁNG 1
1959

ĐẠI-HỌC

SỐ KỶ NIỆM ĐỆ NHẤT CHU NIÊN

ĐẶT LẠI VẤN ĐỀ VĂN HÓA, NHÂN SINH

KIỂM ĐIỂM . . . . . TẠP CHÍ ĐẠI HỌC
THỬ ĐẶT LẠI VẤN ĐỀ VĂN HÓA. . . . NGUYỄN VĂN TRUNG
TRỞ LẠI VẤN ĐỀ NHÂN SINH . . . . . TRẦN VĂN TOÀN

TÌNH YÊU TRONG THI PHẨM CỦA JOHN KEATS của LÊ VĂN • *NHỮNG NÉT ĐẸP XƯA TRONG THI CA VIỆT-NAM CẬN ĐẠI* của LÊ TUYÊN • *HỘI HỌA VÀ CẢNH THÊ LƯƠNG GIỮA THỜI LOẠN* của PHAN XUÂN SANH.

ĐỜI SỐNG VIỆN ĐẠI HỌC HUẾ

GIỚI THIỆU THÀNH TÍCH MỘT NĂM CỦA VIỆN ĐẠI HỌC HUẾ

PHÊ BÌNH CỔ LUẬT. . . . . NGUYỄN TOẠI
GIÁO SƯ NAOJIRO SUGIMOTO . . . . . CHEN CHING HO
HÓA CHẤT HỮU CƠ. . . . . VÕ QUANG YẾN

ĐỌC «LỊCH TRÌNH DIỄN TIẾN PHONG TRÀO QUỐC GIA V.N.» CỦA NGHIÊM XUÂN HỒNG • TRẢ LỜI 1 BỨC THƯ BÀN VỀ VAN GOGH

của

NGUYỄN MINH THĂNG — PHAN XUÂN SANH

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

MỤC - LỤC

ĐẠI-HỌC SO ĐỆ NHẤT CHU NIÊN

		Trang
TẠP-CHÍ ĐẠI-HỌC	KIỂM ĐIỂM	3
NGUYỄN-VĂN-TRUNG	THỬ ĐẶT LẠI VẤN ĐỀ VĂN HÓA Ở VIỆT-NAM NGÀY NAY	6
TRẦN-VĂN-TOÀN	TRỞ LẠI VẤN ĐỀ NHÂN SINH	30
LÊ-VĂN	TÍNH YÊU TRONG THÂN THẾ VÀ THI PHẨM CỦA JOHN KEATS	51
LÊ-TUYÊN	NHỮNG NÉT ĐẸP XƯA TRONG THI CA VIỆT-NAM CẬN ĐẠI	62
PHAN-XUÂN-SANH	HỘI HỌA VÀ CẢNH THÊ LƯƠNG GIỮA THỜI LOẠN	77
NGUYỄN-TOẠI	PHÊ BÌNH CỔ LUẬT	89
CHEN-CHING-HO	GIÁO SƯ NAOJIRO SUGIMOTO VÀ HỌC THUYẾT TRONG CUỐN SÁCH MỚI CỦA TIÊN-SINH	97
P.X.S.	ĐỜI SỐNG VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ	119
NGUYỄN-MINH-THĂNG	ĐỌC «LỊCH TRÌNH DIỄN TIẾN CỦA PHONG TRÀO QUỐC-GIA VIỆT-NAM CỦA NGHIÊM-XUÂN-HỒNG	137
VÕ-QUANG-YẾN	CÁC CHẤT HỮU CƠ VÀ BỆNH UNG THƯ	150
PHAN-XUÂN-SANH	TRẢ LỜI MỘT BỨC THƯ BÀN VỀ VAN GOGH	171

Thư từ, bài vở gửi về : Ông NGUYỄN-VĂN-TRUNG

Giao dịch cùng tòa báo : Ông NGUYỄN-ANH

Bưu-phiếu và Ngân-phiếu gửi về :

Linh-mục **CAO-VĂN-LUẬN**

TẠP-CHÍ NGHIÊN-CỨU ĐẠI-HỌC HUẾ

Tòa-soạn và Trị-sự : Số 36, đường Lê-Lợi HUẾ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ĐẠI-HỌC

TẠP - CHÍ NGHIÊN - CỨU CỦA VIỆN ĐẠI - HỌC HUẾ

LỜI GIỚI-THIỆU

Trong số đặc-biệt này, chúng tôi đăng nội-dung những buổi thảo luận, thuyết-trình của Đại-Học Hè 59 tổ-chức tại viện Đại-Học Đà-lạt từ 2-8 đến 7-8-1959. Như các bạn độc-giả quen thuộc đều biết, Tạp-chí Đại-học không phải chỉ nhằm khảo-cứu chuyên-môn thuần-túy, nhưng còn muốn đi vào những vấn-đề thời-đại đặt ra. Trong ý-định đó, chúng tôi đã đề-cập đến những vấn-đề Văn-hóa, Nhân-sinh, Phật-giáo, Người đàn bà, con người trong hoàn-cảnh hiện-đại. Đề-tài của Hội-thảo Đại-Học Hè 59 đầu tiên này cũng là: « Tìm hiểu những khát-vọng của thời-đại ».

Khi suy nghĩ về những vấn-đề liên-quan đến số phận của mình ở thời-đại này, chúng tôi nhận thấy một mâu-thuẫn đặc-biệt giữa một ý-chí tìm hiểu không ngừng và khuynh-hướng áp-chế, độc-tài về tư tưởng; giữa những tiến-bộ sâu rộng của các nỗ-lực khảo-cứu về khoa học, triết-lý, văn-học và những gia-tăng áp-lực bạo-động của các chế độ xã-hội.

Những nơi vẫn được coi là khung-cảnh lý-tưởng của suy-tư độc lập, tinh-thần tìm kiếm vô tư như Đại-Học ngày nay ở nhiều chỗ cũng bị đe dọa, bị chính-trị hóa. Thiết tưởng những người trí-thức thực sự cũng như những nhà văn-hóa chân-thành đều cho rằng không

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thể suy-nghĩ, sáng-tạo, nếu thiếu một bầu không-khí thuận tiện và lành mạnh. Do đó, một ước-vọng tha-thiết nhất của những người thường cộng-tác trong Tạp-chí Đại-Học này là làm thế nào gây được một bầu không-khí trí-thức để Tạp-chí có thể trở thành một nơi gặp gỡ của tất cả mọi người lòng chỉ đốt cháy bằng một thứ lửa chân thành tìm kiếm, chân-thành trao đổi.

Cũng trong ý-định muốn gây bầu không-khí trí-thức đó, mà chúng tôi đã thử tổ-chức một Đại-Học Hè đầu tiên này. Đại-học Hè không phải là một trại hè để nghỉ mát, cũng không phải một lớp học hay huấn-luyện nhưng là một gặp-gỡ hiểu theo nghĩa sâu-xa của nó. Ngoài phố, trong chợ, người ta có thể gặp biết bao nhiêu người, nhưng đó mới chỉ là sự giao nhau giữa hai đồ-vật như hai chiếc xe gặp nhau, chưa phải là gặp-gỡ giữa hai tâm-hồn. Sự gặp-gỡ này nhằm mục-đích khám-phá tha-nhân như một huyền-nhiệm đầy phong-phú với tất cả những nét tư riêng của họ. Muốn thế, cần phải có một thái-độ cởi mở, sẵn-sàng để đón tiếp, đi vào tâm-hồn người khác. Và bởi vì đi tới người khác là để tìm hiểu họ, nên cũng phải đi tới với tấm lòng khiêm-tốn, kính-trọng người khác, chờ đón nhận lấy hơn là tự bày tỏ để đòi được chấp-thuận.

Đại-Học Hè đã bế-mạc và khi viết mấy dòng này để giới-thiệu hoạt-động của Đại-Học Hè với các bạn độc-giả của « Đại-Học », chúng tôi đinh ninh rằng chúng tôi đã đạt tới một phần nào ý-nguyện trên : gây được một gặp-gỡ, một bầu không-khí tìm hiểu trong tinh thần đối-thoại, khoan-dung và chân-thành giữa các vị diễn-giả với các tham-dự-viên không phân biệt tôn-giáo, lập-trường triết-lý, quan-điểm văn-hóa là những sự có thể khác nhau.

Trong những bài trình-thuyết, và nhất là trong những buổi hội thảo, mọi người đã có thể thẳng-thắn trình-bày và trao đổi ý-kiến về những vấn-đề thời-sự như nói lên những bế-tắc hiện nay về kinh-tế,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

những sa-đọa về tổ-chức giáo-dục hiện thời, hay những thiếu xót về quan-niệm thông-tin ngày nay... mà có lẽ ở những nơi khác không thể hay không tiện nói ra vì sợ «đụng chạm» gây hiểu nhầm.

Sự kiện đó làm chúng tôi nhận định một cách mãnh-liệt rằng việc tạo ra một bầu không-khí thân-thiện, khoan dung là một điều cần thiết cho bất cứ cuộc trao đổi nào muốn đạt tới một xây-dựng hiệu-quả; Vì dù một cá-nhân có thiện-chí thế nào đi nữa, nhưng nếu người phải phát-biểu trong một bầu không-khí nghi kỵ, chính-trị hóa, dày thiên-kiến, thì lời nói của người chỉ gây thêm chia rẽ, hiểu nhầm, đố kỵ và do đó thà rằng người nên im lặng còn hơn !

Cho nên chúng tôi cảm thấy tiếc khi chỉ có thể giới-thiệu với các bạn độc-giả của Tạp-chí nội-dung trí-thức của Đại-Học Hè, vì còn một cái đặc-biệt khác mà Đại-Học Hè đã tạo ra được là bầu không khí trí-thức cởi-mở, khoan-dung, thân-ái thì lại không thể gửi đến cho các bạn thông-cảm được. Tuy nhiên, nếu các bạn độc-giả có đọc số phụ-trương kỷ-niệm Đại-Học Hè để ghi những hình ảnh, nếp sống của mọi sinh-hoạt Đại-Học Hè do chính anh chị em sinh-viên biên-soạn và trình bày cảm tưởng, có lẽ các bạn cũng sẽ cảm-thông được phần nào bầu không-khí đó.

Ở một thời mà người trở thành thù-địch với người, hay ít ra cũng là kẻ xa lạ với nhau vì quyền-lợi, lập-trường, ý-thức hệ... thiết tưởng điều cấp-bách nhất là phải làm cho người gần nhau và gặp nhau trong tình người để cùng nhau cứu vãn cái mà Vercors gọi là « cái làm cho người là người » (qualité d'homme); và trong tình - cảnh ấy, gây dựng được những nụ cười hồn-nhiên reo vui, những cái nhìn mời gọi chân-thành, những lời nói thân yêu thông-cảm, nỗi niềm nhớ nhung, tất cả chỉ là những cái tầm thường nhất đã trở thành những khát-vọng sâu-sa nhất, cao quí nhất của con người thời-đại.

ĐẠI-HỌC

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Sinh-hoạt văn-hóa của Đại-Học Hè

Thường mỗi ngày trong hai tuần có một hay hai bài trình-thuyết và những buổi hội-thảo được tổ-chức ngay sau hoặc vào buổi chiều. Chúng tôi rất tiếc không thể đăng hết nội-dung những hội-thảo, tuy chính những buổi hội-thảo mới đem lại nhiều nhận-xét sâu sa sống-động và chân-thực đáng kể ; vì số trang của Tạp-chí có hạn, hơn nữa tiểu-ban biên-tập cũng bận tham-gia vào cuộc thảo-luận nên đã ghi lại được rất ít những buổi trao-đổi ý-kiến nhiều khi kéo dài đến hai giờ.

Sau đây là danh-sách các giáo-sư và học-giả đã đến thuyết-trình và tổ chức Hội-thảo ở Đại-Học Hè :

L.M. Trần-văn-Thiện, *Viện-trưởng viện Đại-học Đàlạt.*
Ô. Nguyễn-khắc-Hoạch, *Giáo-sư Đại-học Saigon, Huế.*
L.M. Bửu-Dưỡng.
Bác-sĩ Nguyễn-văn-Ái, *Viện-trưởng các viện Pasteur ở V.N.*
Ô. Vũ-đình-Chính, *Khoa-trưởng Đại-học khoa-học Huế.*
Cụ Trần-quang-Khải, *Chủ-tịch Hội Khổng-học Đàlạt.*
Ô. Nguyễn-nam-Châu, *Nhà phê-bình văn học.*
Bà Lê-Thanh-Minh-Châu, *Khoa-trưởng Luật-khoa Huế.*
Bà Mai-ngọc-Liệu, *Giáo-sư trường Việt-Anh Đàlạt.*
Bà Nguyễn-văn-Đãi, *Hiệu-trưởng trường Bùi-thị-Xuân Đalạt.*
Cô Phan-ngọc-Quới, *Cán-sự xã-hội, Viện Quốc-gia Hành-chánh Saigon.*
Ô. Nguyễn-huy-Bảo, *Khoa-trưởng Văn-khoa Saigon.*
Ô. Nguyễn-Thái, *Tổng giám-đốc Việt-Nam Thông-Tấn-Xã.*
Ô. Huỳnh-văn-Lang, *Giám-đốc Viện Hối-đoái Quốc-gia.*
Ô. Vũ-quốc-Thúc, *Khoa-trưởng Luật-khoa Saigon.*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Ô. Cung-giũ-Nguyên, *Hiệu - trưởng trường Lê - quí - Đôn Nha-trang.*

Ô. Đặng-vũ-Biền, *Giáo-sư Đại-học Y-dược Saigon.*

L.M. Nguyễn-huy-Lịch, *Tuyên-úy sinh-viên Công-giáo Saigon.*

Ô. Nguyễn-Được, *Giám-đốc Nha Kỹ-thuật và Mỹ-thuật học-vụ.*

L.M. Cao-văn-Luận, *Viện-trưởng Viện Đại-học Huế.*

Một vài vị đã không thể tham-dự được: Giáo-sư Nguyễn-quang-Trình Viện-trưởng Đại-học Saigon, công cán bên Mỹ ; Ông Nguyễn-đăng-Thục : « Kiểm điểm những giá-trị cũ », đi họp hội-nghị ở Honolulu ; Ông Lý-chánh-Trung : « Phong-trào Mác-xít », đi họp hội-nghị giáo-dục ở Genève ; Thầy Huyền-Không : « Phật giáo với dân-tộc Việt-Nam », mắc bận việc riêng; Giáo sư Nguyễn-đình-Hòa : «Vấn-đề chuyển ngữ ở Đại-học», bị ốm không lên được.

Tiểu ban biên-tập thuyết-trình và hội-thảo :

Chị : Đào-kim-Phụng ;

và các anh : Trần-quý-Thiện, Nguyễn-tiến-Đức, Nguyễn-văn-Tài, Cao-bá-Vũ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Tìm hiểu những khát - vọng thời - đại

L.M. TRẦN-VĂN-THIỆN

TRƯỚC tiên, tôi xin để lời cám ơn Ban tổ-chức đã ngỏ ý chọn Đại-Học Đalat làm trung tâm Đại-Học Hè, mà lần thứ nhứt đã đặng mở ra trong quê-hương chúng ta. Đây là một khuyến-khích thân-thiện và là một sự tận tâm nâng đỡ tinh-thần cho một Đại-Học tư độc-nhất trên lãnh thổ Việt-Nam, nên chi chúng tôi hân-hạnh và sung sướng mà đón tiếp sinh-viên Saigon — Huế cùng tham - gia một phần nhỏ mọn trong cuộc gặp gỡ này.

Theo chương-trình Ban tổ-chức đưa ra, ta nhận thấy, ngoài việc tu-bổ sức khỏe cho sinh-viên, còn có điều không kém quan trọng là nung đúc tinh-thần thanh niên. Những ngày vắn ta sống chung ở đây sẽ là những ngày tĩnh tâm suy-nghĩ, dưới sự hướng-dẫn của một số diễn-giả có tiếng tăm, để cùng nhau tìm hiểu những khát-vọng của thời-đại.

Xem qua những vấn-đề sẽ đem ra trình-bày thảo-luận trong mấy ngày sau đây, tôi nhận thấy sự thiết tha mong ước của những đàn anh trí-thức tham gia trong việc hướng dẫn thanh-niên trí-thức, nhứt là các sinh-viên Đại-học trong phận-sự cao cả là xây-dựng tương-lai đất nước và chung cùng trong việc xây-dựng tương-lai nhơn-loại.

Tôi nói xây-dựng chẳng phải tôi phủ bỏ công trình to tát của cha ông chúng ta về trước. Tôi nghĩ rằng chúng ta sống vào thời kỳ cách mạng hoàn cầu, nhằm vào thế-kỷ chứng kiến sự đảo lộn tất cả các giá trị. Nên chi phận sự của hạng trí-thức là phải kiểm điểm và tạo-dựng trật-tự giá-trị đúng theo chân-lý, và lấy trật-tự ấy làm nền-tảng vững chắc mà xây-dựng tương-lai.

Trong những buổi nói chuyện theo chương trình ta sẽ thấy : văn hóa, văn-nghệ là phương-pháp giúp ta kiểm điểm những giá-trị cũ trước những trào lưu mới do phát-triển khoa-học đưa đến, đoạn sau cùng đề cập đến vấn-đề kinh-tế và đạo-giáo.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Thế-kỷ XX khởi đầu lịch-sử thế-giới : những tiến triển thay đổi chẳng còn giới hạn nơi một dân-tộc hay một đế-quốc nào song lan tràn khắp nơi khắp xứ (cuộc xâm lăng Tây-Tạng là một triệu chứng quá rõ rệt.) Hiện nay thế-giới đang chịu ảnh-hưởng hai lực-lượng đối-lập và đã có bề giống nhau : là khối Âu-Mỹ và khối Âu-Á. Hai lực-lượng ấy sẽ lôi cuốn cả Cận-Đông và Viễn-Đông, không thể tránh khỏi đặng.

Hai lực-lượng ấy là lực lượng vật-chất ; bắt đầu từ thế-kỷ XVIII, khoa-học mở lối mới cho một cảnh sống mới. Một khi máy móc thay cho con người trong công việc nặng-nề do sinh sống, thì ai cũng cho rằng đó là một thắng lợi to tát và vĩ-đại của nhơn-loại cùng tin chắc sớm muộn cũng sẽ thấy nhơn-loại thắng cả thiên-nhiên và đem lại hạnh-phúc đầy đủ vững bền. Ta không thể không nhận những thắng lợi đã quá rõ rệt. Nhưng tại đâu hạnh-phúc mong chờ vẫn còn xa vời và ẩn-tịch trong giấc mộng ?

Kỹ-nghệ hóa đã đưa ra hạng lao-động sống trong hoàn cảnh nô-lệ, nô-lệ bạc tiền và nô-lệ luôn đến máy móc nữa. Một nhóm người lợi-dụng kết quả của khoa-học để củng cố lực lượng của mình, thành ra thợ thuyền sau cùng chỉ là hạng bổ-túc cho máy móc và lắm khi giá-trị của họ phải đặt dưới giá-trị của dụng-cụ. Ngày nay các thắng lợi của khoa-học thay vì làm vinh-quang cho nhơn-loại lại trở nên một nguồn hổ-nhục, một mối lo-âu. Khoa-học có đủ phương-tiện giết hại, mà chẳng có thể giúp hàng trăm triệu người đủ ăn đủ mặc. Làm sao khỏi phải lo sợ ? Nguyên cớ sự thất-bại ấy do đâu, ai là người thành tâm suy-xét cũng phải nhận là : trong hai khối nói trên, một bên dẹp Thượng-Đế ra ngoài, một bên đem vật chất lên ngôi Thượng-Đế.

Hai khối nói trên : khối Âu-Mỹ và Nga-Sô, đã áp dụng kỹ-thuật và nhờ kỹ-thuật mà tiến xa hơn các dân-tộc ở ngoài hai khối ấy, trong nhiều phương-diện. Vì lẽ ấy mà các xứ còn chậm tiến trông mong vào sự nâng đỡ của hai lực-lượng cầm đầu ấy.

Bởi mong sự giúp đỡ hoặc mong nương dựa, nên ai cũng cho rằng hai khối ấy có giá-trị hoàn-toàn cao hơn tất cả. Đó là một tư-tưởng rất nguy-hiểm và lầm-lạc. Những kết quả của kỹ-thuật lòa đặng mắt ta phần nào, nhưng khi ta nghĩ thấy người ta bay đặng lên cung trăng mà chẳng có sức đem lại hòa-bình hạnh-phúc cho nhơn-loại thì ta có đủ lý mà nhận thấy khuyết-điểm của họ, và nhất thiết là ta cần phải tin rằng khối dân-tộc Viễn-Đông tuy chậm tiến trong nền kỹ-thuật, song nếu giữ vững và mở mang luân-lý, đạo-lý thì sẽ vượt qua khỏi thua kém và có thể giúp cho nhơn-loại đặng tồn tại. Việc tôi nói đây e rằng là quá đáng

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

trước những bằng chứng hiện tại, nhưng chúng ta có thể đoán rằng cuối thế-kỷ hai mươi nầy hai khối cầm đầu ngày nay hoặc sẽ tiêu-diệt nhau hoặc bắt tay nhau nhưng rồi họ sẽ chìm xuống trong sự no đầy vật chất và tự tiêu-diệt mình, nếu họ cứ phụng-sự vật-chất.

Trái lại khối các dân tộc Viễn Đông như Tàu, Nhựt, Ấn-Độ đang ở trong tình-trạng thật là nguy biến : dân số tăng lên quá mau chóng đang khi kỹ-thuật chưa chạy theo kịp mà cứu vãn tình-thế. Căn cứ vào tình trạng này có thể đoán rằng họ sẽ sớm bị tiêu-diệt hơn. Nhưng ta không nên quá bi ai : vì khối Viễn-Đông đang tỉnh thức rất mau chóng, và nếu khối nầy nhờ sự sáng suốt hướng-dẫn của hạng trí-thức xứng đáng và tận tâm hy-sinh cho các dân đặng cố-gắng áp-dụng kỹ-thuật do Âu-Mỹ đưa ra và áp-dụng trong trật-tự thiên-nhiên, nghĩa là nỗ lực mở mang vật-chất cốt ý để vật-chất phụng-sự tinh-thần và tinh-thần phụng-sự Đấng Tối-Cao, thì tất nhiên không những ta sẽ đặng tồn-tại mà hơn nữa sẽ đặng hân-hạnh đưa đuốc sáng cho thế-giới.

Đứng trước tình cảnh nầy chúng ta không thể điềm nhiên để cho dân-tộc Việt-Nam trôi theo một luồng sóng nào. Ta đang đến ngã ba đàng, trước mắt ta tẽ ra hai ngả: một ngả bề ngoài đầy cám-dỗ, đầy hứa hẹn, cái ngả đưa đến, theo như ta thấy trước mắt, các sung-sướng vật chất : nhà lầu, phòng lạnh, xe hơi v.v... mà số đông người cho là hạnh phúc thật đang khi kẻ đã hưởng đặng và sau say mê, mới rõ mình mang ách nô-lệ và có số người biết thẹn khi còn nghĩ đến phẩm-giá con người và sứ-mạng con người trên trần-gian. Ngả kia có vẻ mờ ám và đòi hỏi nhiều kỷ-luật, trật tự, đòi giải-phóng bản-thân khỏi các nô-lệ bên trong để rồi đem Bác-ái mà sống vị-tha, giờ ấy kỹ-thuật sẽ bổ-túc cho Bác-ái, mà đánh dẹp tất cả mọi lợi dụng cắn xé nhau và sau cùng đến hòa bình hạnh-phúc.

Rất tiếc thay ít ai muốn quay vào ngả đàng nầy vì các thắng lợi của vật-chất che khuất con mắt tâm-hồn con người. Trái lại đàng kia đã sẵn đầy cám-dỗ lại đặng nhiều xô đẩy đưa vào. Xem kỷ-luật của bên đối-phương ta sẽ thấy rõ cái nguy-hiểm đang chờ đợi ta. Cái nguy hiểm ấy ở nơi ta thích tự-do ngoài kỷ-luật đang khi đối-phương xử dụng triệt-để một kỷ-luật sắt, một kỷ-luật vô nhơn-đạo mặc dầu, song là có kỷ-luật.

Tôi xin phép lấy tình đàn anh mà nhắc cho các anh chị đàn em có mạng lịnh xây-dựng tương-lai đất nước chớ nên quên phận-sự cao cả là cùng nhau tạo ra một phong-trào gương mẫu cho hạng trí-thức tương-lai đặng xứng-đáng và đắc-lực trong phận-sự.

L.M. TRẦN-VĂN-THIỆN

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Những nẻo đường mới trong rừng văn-nghệ hiện-đại

NGUYỄN-KHẮC-HOẠCH

THỬ hình dung tình trạng hiện thời của những suy tư về văn nghệ, thử đánh dấu những đoạn đường mới mà các văn nghệ sĩ đã bước qua, thử ghi lại cảm nghĩ và băn khoăn của những con người ấy mỗi khi quay nhìn lại nghiệp dĩ của mình, mỗi khi tìm tòi căn bản và điều kiện sáng tạo mới để vượt xa hơn bước đường đã qua... đó là một công việc khó khăn vì đối tượng quá phức tạp. Dù sao, chúng tôi cũng cố gắng, rẽ gai vạch lá, tìm lại vài nẻo đường mới trong rừng văn nghệ, phác họa lại ở đây vài nét chính của những suy nghĩ đã được cụ thể hóa thành tác phẩm trong mấy bộ môn chính như thi văn, hội họa và âm nhạc... Và, lẽ dĩ nhiên, mấy trang sau đây không tránh khỏi những khuyết và nhược điểm thông thường của một bài tiểu luận có tính cách tổng hợp.

Suy nghĩ rất nhiều về văn-nghệ, luôn luôn tìm tòi những hướng sáng tạo mới là một đặc điểm của thế kỷ 20. Đó chỉ là biểu lộ, trong một địa bạt riêng, của thái độ chung của con người thế kỷ 20: thái độ đó tức là say mê tư tưởng, luôn luôn suy tư và *ý thức hành động* của mình. Thế kỷ 20 suy nghĩ nhiều về văn nghệ cũng vì các tác phẩm được phổ biến rộng và có tác dụng lớn trong quần chúng nhờ kỹ thuật khoa học (ấn loát, in hình, ghi âm, tổ chức bảo tàng) và cũng vì văn nghệ trong giai đoạn này đã trở nên một hoạt động độc lập, trái với thời trước khi mà, trong một phần lớn, văn nghệ chỉ là một phó sản của tôn giáo hay là một thứ tiêu khiển của các tầng lớp quý phái. Được nâng lên hàng một hoạt động riêng biệt và *độc lập* của nhân loại, văn-nghệ đã thành một biểu lộ căn bản của con người, và con người thế kỷ 20, luôn luôn ý thức hành động của mình, không thể không suy tưởng về văn nghệ. Do đó ta có thể gọi thế kỷ thứ 20 là thế kỷ của những suy tư về văn nghệ, của văn nghệ *tự ý thức* là một đoạn đường

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

vương giả, một hoàng kim thời đại của những tìm tòi mới mẻ trong lĩnh vực sáng tạo như lời T. Maulnier đã nói lúc áp dụng những danh từ đó vào thi ca thế kỷ 20.

So với những thế kỷ trước ta thấy đứng về phương diện địa bàn khai thác, văn nghệ hiện đại thao thức muốn phá vỡ những bức tường ngăn làm hẹp tầm mắt của con người sáng tạo và làm khô cạn một phần nào nguồn mỹ cảm. Văn nghệ hiện đại luôn luôn muốn vượt mọi biên giới: biên giới của từng khu vực không gian, biên giới của từng khu vực thời gian, biên giới cổ điển của tâm tư cũng như đường giới tuyến giữa những bộ môn văn nghệ. Ngoài ra về nội dung cũng như hình thức, các tác phẩm hiện đại đều mang nặng những tâm tư nhiều sao suyến, nhiều băn khoăn với một sức thụ cảm và truyền cảm mãnh liệt, ở đây phát tiết ra một cái gì khó tả, bi đát và quyến rũ, sâu sắc và tân kỳ, nó là sắc thái đặc biệt của văn nghệ phẩm và con người hiện đại, của thế kỷ 20.

Khoa học và nhịp sống mới đã, trong một phần nào, xóa nhòa những biên cương phân đoạn các quốc gia và các bộ phận văn minh. Các nhà văn minh sử cũng suy tưởng theo hướng đó và, sau khi tìm hiểu, với một tinh thần rộng rãi, những nền văn minh khác nhau, họ đã đem cái nhìn toàn diện đó vào trong văn nghệ sử ? Khi mà Benedetto Croce (1) nói rằng « không thể tách rời lịch sử nghệ thuật ra khỏi lịch sử toàn diện của văn minh nhân loại ; nghệ thuật là của tinh thần (nhân loại) nói chung, không phải là riêng của một hình thái tinh thần đó »; khi mà Oswald Spengler (2) nhận rằng có những hình thái văn nghệ khác nhau và là sản phẩm của những nền văn hóa khác nhau ; mỗi hình thái có một đời sống và cá tính riêng biệt.., các tư tưởng gia đó đều khuyên chúng ta nên đón nhận tất cả mọi âm thanh trong bản hòa âm vĩ đại của nhân loại, nên vượt biên giới không gian, nên sáng tác và đặt những suy tư về văn nghệ trên bình diện toàn thể nhân loại, không thể coi một bộ phận nào của nhân loại là đại diện cho toàn thể được.

Tây phương xưa vẫn tự cho mình là trung tâm vũ trụ dần dần đã phải đổi thái độ, biên giới ngày một mở rộng. Khởi đầu, đối với những con người Địa Trung Hải chỉ có văn nghệ Hy-La là đáng kể, là có một giá trị tuyệt đối, đáng gọi là văn nghệ cổ điển, khả dĩ làm khuôn vàng

---

(1) Trong *Breviaire d'Esthétique*, Payot 1922.

(2) Trong *Le declin de l'Oceident*, Gallimard 1931 — 1933.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thước ngọc cho những người ôm mộng sáng tạo (1). Dần dần họ thấy không phải vũ trụ chỉ có độc màu cẩm thạch Nhã-điển hay sắc trời La-Mã mà thôi, lại còn có cả sương mù Bắc-Hải, những khu rừng Nhật-nhĩ-Man âm-u và giải đồng bằng Hắc-thổ mênh mông quanh bờ sông Volga nữa. Họ đã bắt đầu thông cảm nguồn thần bí trong thi phẩm Blake, trong tư tưởng Swedenborg hay kịch phẩm Ibsen, họ đã biết rung động theo triều suối lãnh mạn và siêu hình tràn trề trong tác phẩm Goethe hay Rilke cũng như trong tấm lòng dân tộc Đức, họ đã cố tìm hiểu những điều khó hiểu trong thế giới phức tạp bí hiểm và nặng nề của những nhân vật Tolstoï hay Dostoievsky.

Địa hạt văn nghệ Tây phương từ nơi chôn rau cắt rốn là vùng hải đảo Hy-La đã mở rộng thêm và rập theo biên cương địa lý Âu-châu. Nhưng Âu-châu vẫn chưa phải là toàn thể nhân loại. Trong những thế kỷ gần đây người Âu-châu, người Tây-phương đã khám phá ra Đông-phương và muốn đi sâu vào Đông-phương. Tổ chức Văn hóa giáo dục của Liên Hiệp Quốc (U.N.E.S.C.O.) luôn luôn đả kích lối nhìn « lấy Âu-châu làm trung tâm» (Européocentrisme) của đa số học giả Tây phương và chủ trương rằng người ta chỉ có thể hành động nhân danh cho nhân loại một khi đã đứng trên bình diện nhân loại, trong đó lẽ dĩ nhiên có bình diện Đông phương với những cuộc đối thoại Đông-Tây (2). Những đàm thoại Đông-Tây chỉ mới là một phần cuộc hòa tấu của nhân loại, theo lời tạp chí «Présence Africaine» (xuất bản tại Ba Lê), tiếng nói của người trí thức da đen, vì tại sao lại chỉ có hai hướng Đông và Tây khi còn có cả một phần nhân loại cũng muốn đặt vấn đề đối thoại Bắc-Nam chẳng hạn, theo như vị trí địa lý của Châu Phi đối với Âu và Á châu !

Tóm lại từ sự độc tôn văn hóa Địa Trung Hải, Tây phương đã mở rộng tầm mắt, đã nói đến văn nghệ trong bình diện toàn thể nhân loại, đã biết rằng có nhiều nền văn nghệ khác nhau đều có giá trị riêng biệt cả và đều đáng trọng như nhau một khi là những nền văn nghệ chân chính.

---

(1) Cho đến nay vẫn còn một số đầu óc hẹp hòi khư khư giữ quan điểm kể trên. Tất cả văn phẩm của Ch. Maurras, con đẻ của văn hóa Địa Trung Hải đã được xây dựng trên tư tưởng độc đoán đó với một thái độ hết sức phản trí thức.

(2) UNESCO rất chú trọng đến văn hóa Đông phương nên đã dịch thuật và xuất bản một số văn phẩm Ấn, Hoa, Nhật... để giới thiệu với văn nghệ giới Tây phương.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Văn nghệ Á và Phi châu hiện đại chịu nhiều ảnh hưởng Tây phương. Nhưng kiến trúc và nghệ thuật trang trí Nhật Bản cũng đem một luồng gió mới đến cho nếp sống các xã hội Âu Mỹ. Nền điêu khắc các bộ lạc Phi châu, không nhiều thì ít, đã gợi cảm cho Picasso, và Gershwin cũng có một món nợ tinh thần đối với các tay quái kiệt của nhạc Jazz... Kết luận : không có cái đẹp tuyệt đối trái lại chỉ có nhiều vẻ đẹp khác nhau, vẻ nào cũng « mười phân vẹn mười»... Đó cũng là tư tưởng của Valéry, tư tưởng đó càng có giá trị hơn khi nó thoát thai từ lòng một thi sĩ hoàn toàn được nuôi dưỡng trong ánh sáng và trí tuệ Địa Trung Hải.

Và mới đây, R. Caillois và J.C. Lambert trong cuốn « Châu bảo thi ca thế giới » (1) đã đề cập tới một nền « nhân bản vũ trụ » kết tinh của nhiều nền nhân bản địa phương rồi tuyên bố rằng : « Đã đến lúc ta phải nhận là chất thơ siêu việt cũng được tiềm tàng trong rừng thẳm Phi châu và nơi triều đình Huyền-Tôn đời Đường... ».

Elie Faure, nhà thẩm-mỹ học trứ danh vừa có tinh thần thấu triệt sự vật rất uyên bác của nhà học giả vừa có cái rung cảm chân thành và phong phú của nghệ sĩ, đã nhận định rằng mỗi nền nghệ thuật có một vẻ riêng : nghệ thuật Tây phương đượm mầu lý trí và khoa học, nghệ thuật của người Hắc-phi và thổ dân Đại-dương-châu gần gũi với lối rễ nguyên thủy của nghệ thuật nghĩa là được xây dựng trên nhạc Xuân-thu, trên nhịp tuần hoàn của vũ trụ ; còn nghệ thuật Á-đông, với ý trí Trung Hoa và tinh cảm Ấn Độ, đã hòa hợp hai sắc thái nghệ thuật nói trên. E. Faure sau khi du ngoạn trong khu rừng man mác của nghệ thuật nhân loại đã hạ bút viết câu sau đây để chứng tỏ rằng những suy tư về văn nghệ hiện giờ phải được đặt trên bình diện toàn thể nhân loại : « một chiếc mặt nạ miền Côte-d'Ivoire và bức trần nhà trang trí của tiểu-giáo-đường Sixtine (2) đều cho chúng ta một cảm xúc nghệ thuật gần như tương tự ».

Cũng trong một viễn tượng đó, A. Malraux, nhà văn-nghệ từng quen thuộc nhiều nền văn-hóa khác nhau, ra công xây dựng « Viện Bảo tàng tưởng tượng » bằng cách xếp đặt lại hình ảnh hầu hết các sản phẩm nghệ thuật của bốn phương. Viện Bảo tàng đó không tưởng tượng mà thật sức thực vi đã bao gồm kết quả cố gắng của toàn thể nhân loại, đã mang nặng di sản tinh thần của Con Người nói chung.

---

(1) *Trésor de la poésie universelle*, Gallimard 1959.

(2) Một khu thuộc điện Vatican do Michel Ange bài trí.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Tây phương đã mở rộng biên cương, đã *tự ý* phóng tầm mắt xa hơn giới hạn địa lý của Âu-châu để suy luận và sáng tác văn nghệ. Còn thái độ Á-châu ra sao ? Trung Hoa xưa với chữ « Trung » trong Quốc hiệu cũng mắc bệnh tự cho mình là trung tâm vũ-trụ — Tiếng súng liệt cường đã *bắt* các dân tộc Á-châu nhìn ra khỏi Á-châu, về mọi phương diện, tất nhiên là cả về lĩnh vực văn nghệ nữa. Ở Trung-Hoa Khang, Lương Trần, Hồ ra sức mở rộng biên cương văn nghệ. Dĩ nhiên ở Việt-Nam cũng có hiện tượng đó. Nhưng mở rộng tầm con mắt, dìm mình vào đời sống chung của nhân loại là để chúng ta cởi mở tâm hồn chứ không phải để đưa ta tới chỗ vong bản. *Chúng ta không hẹp hòi, thiển cận, chúng ta yêu cái đẹp từ muôn phương lại, thưởng thức tinh hoa trí tuệ của mọi hướng trời, nhưng trong khi hoạt động trí thức, sáng tạo văn nghệ, chúng ta cần phải tiếp nhận hơi sống trong lòng đất mẹ, phải gìn giữ cái vốn của dân tộc làm căn bản, đồng thời khai thác và ứng dụng một cách thông minh những yếu tố ngoại lai.*

Tóm lại thái độ chung của các nhà trí-thức và văn nghệ sĩ, nhất là ở các nước Á-phi, là vượt ra ngoài biên giới địa phương mỗi khi suy luận về văn nghệ. Nhưng khi sáng tạo thì cần hòa hợp nhiều yếu tố trong đó những yếu tố quê hương phải chiếm một phần quan-trọng. Vì, chỉ khi chúng ta *hoàn toàn là chúng ta, là quê hương chúng ta*, chúng ta mới đạt tới cái khái quát, cái toàn thể của con người, của nhân loại. Malraux đã viễn du nhiều, đã thông cảm nồng nàn với những văn nghệ phẩm bốn phương, nhưng Malraux sáng tác vẫn là người Pháp thế kỷ 20 hơn ai hết, Tagore cũng như Cố-hồng-Minh đã sống lâu ở ngoại quốc và xử dụng Anh-ngữ như tiếng mẹ đẻ, nhưng mấy người Trung-Hoa dám tự phụ là Trung-Hoa hơn Cố-hồng-Minh và ai dám bảo là thi phẩm Tagore không mang nặng tâm hồn Ấn-Độ, một tâm hồn đầy nhiệt tình và say sưa đến chóng mặt vì những suy tưởng siêu hình !

Văn nghệ hiện đại vượt biên giới từng khoảng không gian, tiến đến cái toàn diện địa lý, đó là một hiện tượng có thực. Nhưng văn nghệ cũng vượt biên giới từng khoảng thời gian tiến đến cái toàn diện lịch sử. Duyên cớ vì đâu ? Có lẽ tại các văn nghệ sĩ luôn luôn khao khát những hướng trời tân kỳ, luôn luôn khai sơn phá thạch để tìm những giải đất tinh thần mới mẻ, nên trên con đường vạn dặm giữa cảnh núi rừng bao la nhiều khi người thám hiểm cũng cảm thấy cô đơn hay mỏi mệt, đôi lúc thấy phải dừng chân về thăm hay tưởng niệm lại quê cũ và truyền thống xưa để tìm ở đấy những điểm tựa, những niềm an ủi, những lý do tin tưởng ngõ hầu vững lòng tiến xa hơn nữa.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Sự kiện đó càng rõ rệt hơn trong thời đại chúng ta. Sau những cuộc chiến-tranh tàn khốc đảo lộn đến tận gốc rễ những giá trị văn minh, văn nghệ sĩ băn khoăn lo lắng, cảm như thấy mất hướng, nên, nhiều khi, giữa những cuộc thí nghiệm mới mẻ nhất đã quay về tìm những bài học của quá khứ. Quá khứ và hiện tại vì vậy luôn luôn tiếp diễn, hòa hợp: biên cương thời gian đã bị phá tung trong những sáng tác hiện đại. Các gian phòng kiến trúc tối tân nhất vẫn có thể có chỗ dành cho một lọ sứ Giang tây hay một bức thủy mạc đời Tống. Và người gái Âu-châu mặc đúng thời trang ngày nay trong một buổi dạ hội Versailles đôi khi có ngờ đâu tấm áo dài trắng và giải thắt lưng điều của mình là di-tích lối phục sức thời Lãng mạn, hay cái cổ áo và lối cuốn tóc của cô bạn mình là dựa theo chân dung nữ hoàng Eugénie thời Đệ nhị Đế quốc cách đây một thế kỷ...

Quá khứ nằm trong hiện tại... Truyền thống và hình thái văn nghệ xưa đôi khi vẫn còn tiềm tàng trong cái gì là tân kỳ nhất của những hoạt-động văn hóa hiện đại. Lòng con người luôn luôn biến chuyển... Và biến chuyển đó nhiều khi chỉ là một sự tuần hoàn đều đặn giữa mới và cũ, hay nói rộng ra, giữa những yếu-tố tương phản đã thay nhau luân chuyển trong thời gian. Apollinaire, cũng như Prévert, đã tìm nhạc điệu và tứ thi trong nhiều bài hát cổ, Honegger gói ghém rất đỗi nghệ-thuật chất nhạc mới mẻ và độc đáo của mình trong một hình thức cổ-điển, Picasso sau thời kỳ tập thể (thời lập thể thứ nhất) cũng có lúc trở về với những đường nét cổ điển của Ingres Bela Bartok, Manuel de Falla, Strawinsky là những nhạc sĩ nổi danh luôn luôn tìm nguồn cảm hứng trong các điệu nhạc và lời ca thảo dã được truyền thống gìn giữ và lưu truyền cho hậu thế...

Một lý do khác làm cho văn nghệ dường muốn phá vỡ biên cương thời gian hiện đại là do sự thành lập những quốc gia mới, sau hai cuộc thế chiến gần đây. Một phần lớn, vì bản năng tự vệ, các quốc gia đó luôn luôn trở lại quá khứ để tìm những bài học, những nguyên tắc hành động và cốt để xác nhận bản sắc của mình giữa cảnh vạn quốc đối thoại bằng cách chứng tỏ rằng mình cũng có một bối cảnh tinh thần, một quá khứ, một điểm tựa để tiến. Trường hợp này đã xảy ra ở thế kỷ 19 với các quốc gia tranh đấu thực hiện độc lập và thống nhất như Ba-lan và Đức, với các sáng tác và nghiên cứu hướng về nguồn xưa của Mickiewicz, Slovacki, Fichte, Grimm... và của các Đại-học Varsovie, Wilno, Iéna và Heidelberg cho nên ở các quốc gia mới nhất là các quốc gia Phi-Á chúng ta thấy trong văn nghệ giới ý muốn dung hòa truyền

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thống dân tộc với những yếu tố mới mẻ nhất góp nhặt từ muôn phương, nghĩa là ý muốn xóa bỏ giới hạn thời gian... Tuy chưa có những văn nghệ sĩ danh tiếng tiêu biểu cho khuynh hướng đó nhưng dù sao hướng đi đã được vạch sẵn (1).

Văn nghệ hiện đại bất chấp biên giới không gian và thời gian, lại còn vượt khỏi biên giới cổ điển của tâm tư nữa. Điều mà chúng ta ai cũng biết tức là khu vực hoạt động cổ điển của các nhà tâm lý học cho tới hết thế kỷ 19 vẫn là cái « tâm sáng sủa » (la conscience claire) cái « tôi xã hội » của con người. Với Bergson với W. James, ta bắt đầu nhận thấy rằng cái tôi sáng sủa chỉ là cái vỏ bề ngoài. Còn những miền ở sâu thẳm đáy lòng, miền hạ-ý-thức tiềm tàng những sức mạnh bí ẩn, phi lý, đơn thuần, có lẽ mới là động lực mãnh liệt của một số hành động không thể hiểu nổi được của con người.

Văn nghệ hiện đại bắt đầu khai thác khu rừng âm u tối tăm đó của tâm hồn để xây dựng và phân tách tâm lý một số nhân vật. Cho đến nỗi, trong khuôn khổ lý thuyết của mình về tâm bệnh học, Freud và môn đệ đã quả quyết rằng : « văn nghệ sĩ cũng như tâm bệnh nhân tự xa lánh sự thực chán nản để náu mình trong một thế giới tưởng tượng» (2) và « nhu cầu sáng tạo có thể coi như một nhu cầu tâm bệnh và phải được nghiên cứu như một phát biểu cụ thể của bản năng » (3). Tác phẩm văn nghệ trong quan niệm đó là sản phẩm của tiềm thức cũng như mộng và thần thoại. Tiềm thức tô điểm chế biến những mặc cảm bị ý thức dồn vào bên trong rồi lại tìm cho chúng một lối thoát bằng sáng tạo văn nghệ...

Đã đành rằng thuyết của Freud có vẻ quá đáng và đơn phương, bán trắc, nhưng không phải không chứa đựng một phần sự thực và nhà tâm bệnh học đó cũng như Bergson, James là những người tiên phong phá rừng xẻ núi để mở rộng biên cương tâm giới, để chỉ hướng thám hiểm cho văn nghệ ra ngoài « ý thức sáng sủa » hẹp hòi và một phần nào giả tạo, để đi vào những miền sâu nhất của tâm hồn... Nhìn họa

---

(1) Cũng nên nói rõ là sự xáo trộn quá khứ và hiện tại vẫn có từ xưa nhưng có lẽ không ai phủ nhận rằng trong văn nghệ phẩm hiện đại sự kiện đó đã được bày tỏ một cách rõ rệt nhiều khi như tuân theo một ý thức hệ, hay một quan niệm được xác định rõ ràng.

(2) Trong *Ma vie et la psychanalyse*, Gallimard 1949.

(3) G. Conchon, *Psychanalyse et création romanesque* in La Table Ronde. Déc. 1956.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

phẩm của một Max Ernst, một Chagall hay một S. Dali nhiều khi ta phải tự hỏi phải chăng nền hội họa mới có nhiều liên quan với sáng tác của những tâm bệnh nhân. Dĩ nhiên, không thể hoàn toàn phán đoán một tác phẩm văn nghệ trên những tiêu chuẩn tâm bệnh học, nhưng ta có thể đồng ý với C.G. Jung (1) và F. Alexander (2) để nhận rằng có lẽ có một sự « giống nhau trong cơ cấu hoạt động tâm trí các bệnh nhân với hoạt động một Picasso, ít ra là ở trong những họa phẩm của nghệ sĩ này » (C.G. Jung).

Một phần lớn thi ca và tiểu thuyết thế kỷ 20 cũng nằm trong khuynh hướng đó. Cả phong trào Siêu thực đã được A.Breton định nghĩa như một « tự động tâm linh » (automatisme psychique), nghĩa là một sự nổi loạn của tiềm thức, của bản năng chống lại lý trí và ý thức sáng sủa, nghĩa là nền móng sáng tạo đã được đặt ở nơi hạ-ý-thức phong phú và sống động. Và tiểu thuyết cũng như kịch bản Mỹ hiện đại — một bông hoa đẹp bừng nở cánh giữa nền văn minh cơ khí Mỹ — cũng mang nặng trong từng trang một dấu vết sự chỗi dậy của bản năng, của tiềm thức tàn phá như vũ bão nhất là với những văn phẩm của E. O'Neil, E. Caldwell, T. Williams và W. Faulkner (3). Đôi khi trận cuồng phong đó lan đến tận bờ Thái Bình Dương và, nói đến Trung-Hoa, có lẽ ta phải kể Tào-Ngu và kịch bản *Lôi-Vũ* diễn ra trong một bầu không khí nặng nề âm u và tàn bạo như sự bộc phát của giác quan, của hạ-ý-thức.

Đấy là chúng ta chưa kể đến những tác phẩm của Proust, J. Joyce hay V. Woolf . . . luôn luôn mô tả « giòng sông tâm lòng » với tất cả những tố chất rời rạc, lộn xộn và rất nhiều khi phi lý vì là biểu hiệu của tiềm thức tối tăm và khó hiểu như cái chết của nữ văn hào Anh, tác giả Mrs. Dalloway... Cái chết đó, cũng như những hành động cuồng nhiệt, lố bịch của S. Dali hay những mặt đàn bà bất thành nhân dạng của Picasso hay những hình ảnh táo bạo trong thơ của Tzara, Apollinaire và Breton . . . chứng tỏ rằng văn nghệ sĩ hiện đại đã vượt ra khỏi sự cầm hãm của tâm tư cổ điển, của «ý thức sáng sủa», của cái «tôi xã hội», hẹp hòi và câu chấp như một bà trưởng giả tỉnh nhỏ.

---

(1) Jung, tâm bệnh học Thụy Sĩ, nổi danh vì khảo cứu tiềm thức công cộng.

(2) F. Alexander, chuyên môn về tâm bệnh học ở Chicago.

(3) Những dân tộc ít thấm nhuần lý trí La Mã thừa nhận một cách dễ dàng thuyết lý của Freud. Nhà tâm bệnh học thành Vienne được hoan nghênh ở bên kia bờ Đại Tây Dương hơn là ở quê hương.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Vượt mấy lần trùng vây của không gian, thời gian và tâm tư họ còn phải đập phá những bức tường ngăn giữa các bộ môn văn nghệ để đi đến văn nghệ toàn diện, để hoàn thành, trong một phần nào, sự giải phóng bản thân. Khi người ta nói thơ như vẽ, khi người ta phổ một bài thơ thành nhạc hay vịnh một bức tranh tức là đã trong một phần nào đề cập tới vấn đề liên hệ giữa các bộ môn văn nghệ. Nhưng có lẽ từ lúc R. Wagner nhạc sĩ Đức ở hậu bán thế kỷ 19 quan niệm một nền nghệ thuật toàn diện và lúc thi phái Tượng Trưng với Baudelaire, Mallarmé đề cao sự tương ứng giữa các môn nghệ thuật người ta mới ý niệm một cách rõ ràng công việc phải làm. Nhạc Debussy, thơ P. Verlaine, tranh Pissaro có thể coi là những sắc diện riêng biệt của một phát biểu chung: khuynh hướng ấn tượng trong văn nghệ. Khi ở Bayreuth, Wagner mộng thành nghệ sĩ toàn diện vừa sáng tạo lời và nhạc của một bản nhạc kịch vừa tự huấn luyện diễn viên và vũ nữ lại chăm nom sửa soạn cách bài trí nhạc kịch đó thì lời thơ điệu nhạc nhịp múa và màu sắc đều đến với cảm quan của khán và thính giả trong một hợp tấu tuyệt diệu. Và chúng ta được chứng kiến một cảnh độc nhất : nghệ sĩ, như trong những cuộc hành lễ cổ sơ, tự dâng cho Đấng tối-cao cái toàn-thể toàn-diện tuyệt đối của bản thân nhỏ bé của mình giữa một bầu vũ trụ bao la mênh mông ý nhạc tuần hoàn...

Văn nghệ hiện đại khai thác đến triệt để con đường mới khám phá đó, con đường xây dựng văn nghệ toàn diện. Một ví dụ : phong trào siêu thực. Có thể gọi đó là một phong trào toàn diện vì có một nền thi văn Siêu thực, một hội họa Siêu thực, một nền điện ảnh Siêu thực... Tác phẩm *Le révolver à cheveux blancs* (Súng lục tóc trắng) của A. Breton, một số bài thơ của Prévert giai-đoạn đầu, tranh của M. Ernst, Dali, phim ảnh của J. Vigo (*Zéro de conduite*) hay L. Bunuel (Chien andalou...) đều mang những tính cách giống nhau chứng tỏ không có biên cương giữa các bộ môn văn nghệ : khiêu khích, phi lý, mơ hồ, lộn xộn, bừa bãi như trong mộng nhưng không phải là không đẹp, không tân kỳ, và đó cũng là đặc tính của phong trào siêu thực.

Văn nghệ sĩ bước một cách nhẹ nhàng từ địa hạt này sang địa hạt khác vì đâu còn những bức tường ngăn nữa ! Prévert đã giúp M. Carné nhiều để thực hiện những phim ảnh hay nhất của nhà đạo diễn đó. Strawinsky, Picasso và Cocteau là tượng trưng của cuộc hợp tác Nhạc, Họa, Thi mà hậu quả tốt đẹp là những vũ khúc Nga... Một con người như J.Cocteau là tượng trưng hùng hồn sự hòa hợp giữa các bộ môn văn nghệ. Vẫn có cái gì gai ngạnh bất thường phi lý và mộng ảo dù là trong tiểu thuyết

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Les enfants terribles (Những đứa trẻ ngỗ nghịch, quá quắt) trong phim ảnh *Le sang d'un poète* (Máu thi sĩ) hay trong những bích họa của tiệm-giáo-đường ngư-phủ bến Villefranche-sur-mer tất cả đều là tác phẩm của một nghệ sĩ, của một nguồn mỹ cảm duy nhất. Và, như chúng ta sẽ thấy sau đây, mỗi khi có một cuộc thí nghiệm mới mẻ nào trong một bộ môn văn nghệ lập tức những địa hạt khác cũng chịu ảnh hưởng. Cho nên chúng ta đã chứng kiến nhiều thí nghiệm song song tuy hình thức có khác nhau đôi chút : văn nghệ sĩ hiện đại không cam lòng nằm tù túng trong biên giới chật hẹp của một bộ môn văn nghệ nào cả !

Từ đây trở lên chúng ta đã đề cập tới lĩnh vực hoạt động của các nhà văn hóa thời đại. Hướng đi chính của người sáng tạo thế kỷ 20 là cố mở rộng địa bàn sáng tạo trong không gian, thời gian và tâm tư để con người được thực hiện trong toàn diện của nó, để lao mình vào một thí nghiệm Sống và Sáng tạo toàn diện và tuyệt đối... Những cố gắng đó đã được thể hiện trong một số lớn văn nghệ phẩm. Nhưng nội dung các tác phẩm này còn nêu lên một vài khuynh hướng khác có thể coi như những hiện tượng văn nghệ đặc biệt của thế kỷ chúng ta.

Thứ nhất là ý muốn *tránh thực tại, tránh xây dựng và hình dung lại sự thực ngoại giới.* Có lẽ vì người ta đã chán ngấy chủ nghĩa tả chân ở hậu bán thế kỷ 19, có lẽ, nhất là ở địa hạt hội họa, người ta không muốn ganh đua với những bộ máy ghi chép sự thực như máy ảnh, có lẽ vì đời sống thực tiễn máy móc và quá ư vật chất, và vì những cuộc thế chiến liên tiếp đã nhuộm cảnh vật một mầu đen nên văn nghệ sĩ chán nản muốn lánh xa sự thực ngoại giới để tìm một sự thực nội tâm sâu sắc hơn.

Khoảng 1925, Giraudoux và Cocteau chuyên viết những tiểu thuyết chứa đựng nhiều chất thơ (nên nhớ rằng thơ ít có liên quan nhất với thực tại !) Các tiểu thuyết gia hiện đại ít thích kể lại một chuyện đầy đủ sự kiện thực tại ngoại giới, hay bắt chước mô tả ngoại giới trong từng chi tiết một, họ chỉ muốn đạt tới cái gì sâu sắc nhất của cuộc-sống-bên-trong, muốn rằng tiểu thuyết phải là biểu lộ của cá tính và tâm tư con người *với rất nhiều chất thơ và triết.* Đối với Proust, Joyce, Kafka, V. Woolf hay Th. Mann « cuộc sống không phải là một giãy đèn báo hiệu xếp đặt cân đối phân minh mà là một vầng sáng lờ mờ, một lớp vỏ, nửa trong nửa đục, bao chùm lấy chúng ta...» (1) Chúng ta đã xa hẳn những

(1) V. Woolf in *Aspects de la littérature anglaise*, số đặc biệt Tạp chí *Fontaine*, 1946.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

nhân vật cổ điển của một Balzac, một Flaubert hay một Thackeray, một Dickens được mô tả rõ ràng trong từng chi tiết ngoại giới của họ : từ chiếc khuy áo bằng đồng họ vẫn dùng tới mẫu thêu tấm màn cửa gian phòng họ ở, hay cái góc công viên họ vẫn ngồi để ngắm chim bồ câu mỗi khi nắng chiều rơi xuống.

Trong kịch giới cũng vậy, các tác giả đều muốn thoát ly ra ngoài thực tại và khước từ sự bắt chước gò bó thực tại. Họ muốn rằng các nhân vật phải chứa đựng nhiều chất thơ, nhiều tính cách tượng trưng và siêu hình. Sự kiện này còn có thể thấy cả ở trong quan niệm bài trí và kỹ thuật sân khấu nữa. Ibsen, O'Neil, Thornton Wilder và Synge đều đã đóng góp rất nhiều để sân khấu trở nên một chỗ nghiên cứu phân tích không phải những sắc thái của cuộc sống khách quan, tả chân và ngoại giới mà chính là « đời sống nội tâm tức là con người được mổ sẻ trong khía cạnh siêu hình của nó » (1).

Nhưng phải bước vào địa hạt hội họa chúng ta mới thấy những thí-nghiệm táo bạo nhất để thoát ly khỏi thực tại, khỏi cái « sự vật » (objet) có thật ở ngoại giới. Chúng ta đã thấy khuynh hướng đó xuất hiện ngay từ thời họa phái ấn tượng. Bỏ chiều thứ ba (troisième dimension), do đó khước từ ảo tưởng hình nổi và « sự vật » thực tiễn, phái đó biến bức tranh thành một trạng thái tâm hồn...

Phái Lập thể với Braque, Picasso còn đi xa hơn nữa. Những khối, cạnh và hình kỷ hà có lẽ đã hình dung một khuôn mặt đàn bà thực hơn sự chép-in-hệt một người kiều mẫu, vì theo lời Apollinaire « sự giống, sự in hệt không còn gì là quan trọng nữa. Kiều mẫu hay đề tài không đáng kể.. » (2)

Đối với J. Metzinger thì họa phái lập thể « vượt lên trên sự vật ngoại giới, bao trùm lấy nó để hiểu nó thấu đáo hơn . . . và chỉ có sự thực nội tâm là đáng kể » (3).

Cuộc tiến triển của phong trào phản tả chân đi đến quãng đường cùng cực là hội họa *trừu tượng* tức là hoàn toàn không dựa gì vào thực tại vật chất, cụ thể. Chỉ có những hình thái *thuần túy*. Wassily Kandinsky đã kể trong trường hợp nào ông chứng kiến sự tan

---

(1) Arthaud : *Le théâtre et son double*, Gallimard 1938.

(2) Apollinaire in *Les peintres cubistes*, Genève 1950.

(3) J. Metzinger : *Du cubisme* Cie francaise des arts graphiques 1947.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

rã, sự hủy thể của « cái vật » cụ thể ở ngoại giới. Một chiều hoàng hôn ở München người nghệ sĩ đó từ từ trở vào phòng vẽ của mình bỗng ngạc nhiên như bị xúc cảm đến cực độ vì thấy trên tường một bức tranh tuyệt đẹp như chan hòa ánh sáng nội tâm. Nhìn gần thì họa phẩm đó có những sắc hình thực là khó hiểu vì không hình dung một vật gì ở ngoại giới. Sau Kandinsky mới biết bức tranh đó đã bị... treo ngược. Và khi nhìn lại bức tranh, trong tình trạng bình thường của nó, nghệ sĩ thấy bị « cái vật » hình dung trong tranh ám ảnh, đè nén, không còn tìm đâu thấy xúc cảm mãnh liệt của buổi hoàng hôn đã qua. Thì ra vì sự tình cờ, sự vật mô tả trong tranh bị hủy diệt nên đã cho họa phẩm một đời sống bên trong thực là phong phú đặc biệt. Từ đấy Kandinsky ra sức khai thác con đường hội họa trừu tượng mà ta có thể gọi là « phi vật ». Câu hỏi của nghệ sĩ từ nay sẽ là : « Phải tìm thứ gì thay thế cái sự vật bên ngoài, đừng để nó ngăn cản làn sóng mỹ cảm của nghệ sĩ như một bức trường thành !

Họa phái siêu thực cũng có những băn khoăn thoát ly sự vật thực tiễn như phái Lập thể và Trừu tượng. Nhưng bọn nghệ sĩ như Max Ernst, Dali lại còn phóng túng hơn, nghĩa là bất tuân những qui luật của nghệ thuật, hết sức bừa bãi trong công cuộc tự giải phóng khỏi sự chi phối của thực tiễn, của sự vật cụ thể ở bên ngoài.

Hướng đi về tâm tư đó kèm thêm sự ruồng bỏ thực tại ngoại giới đã có nhiều hậu quả tốt đẹp. Chỉ cần nói rằng phong trào siêu thực đã chi phối toàn thể văn nghệ giới tiền bán thế kỷ 20 này và đã đem một sắc diện đặc biệt cho đời sống hiện đại. Dù sao ta cũng nên ghi ở đây một vài phản ứng lại tư trào đó tức là sự trở lại thực tiễn và ngoại giới như trường hợp một Hemingway, một Steinbeck, một Dos Passos hay một Caldwell với những thói nhìn ngoại giới thực là trực tiếp, khách quan (1), gần như lạnh lùng và tàn bạo, hay, ở địa hạt hội họa, những nét vẽ khá thực tiễn của một Bonnard, một Buffet. Nhưng, dù sao với Steinbeck hay Buffet thực tiễn cũng không còn là thực tiễn của nhà nhiếp ảnh hay văn nghệ sĩ phái tả chân ở hậu bán thế kỷ 19 nữa.

Ảnh hưởng những cuộc thế chiến thực là sâu rộng và đôi khi như mâu thuẫn : Vì đứng trước một thế giới tan hoang và đổ vỡ, hậu quả của bao cuộc chém giết, con người đâm chán nản, xa lánh ngoại giới để tìm một chỗ trú ẩn trong tâm tư đó là khuynh hướng phản thực tiễn

(1) Đây có lẽ là ảnh hưởng tâm hồn và lối sống thực tế của người Anglo-saxons.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

đã nghiên cứu ở trên. Nhưng đồng thời văn nghệ sĩ cũng cảm thấy mình có trách nhiệm trước những cuộc đổ vỡ đó và nhận thấy nhiệm-vụ phải nhìn thẳng vào sự thực, tìm tòi một giải pháp để xây dựng, kiến thiết lại xã hội loài người. Đó tức là khuynh hướng « nhập thế » (engagement). Sau hồi đệ nhất thế chiến một nhà thơ đã nói « thi ca phải bổ ích cho một cái gì » và điều kiện của sáng tác thi ca là « sự hiện hữu trong xã hội một vấn đề chỉ có thể giải quyết được bằng một thi phẩm... »

Tính cách «nhập thế» càng rõ rệt hơn giữa hai cuộc thế chiến khi văn nghệ sĩ thấy có nhiệm vụ phải đả kích những phong trào phát xít và quân phiệt. Chế độ chính trị độc tài có nghĩa là phi nhân vị và phi văn nghệ, kinh nghiệm đau xót đó người trí thức đã từng trải từ thời Néron và Tần-thủy-Hoàng. Tư tưởng và tình cảm không còn chỗ dung thân trên đất Tây-ban-nha của Franco, ở Đức Quốc Xã, và dưới chính quyền Mussolini hay trên đất Pháp của Pétain.. Chúng xuất ngoại tìm những mảnh trời dễ thở hơn, nhiều tự do hơn, hay lẫn vào chiến khu của nghĩa quân. Vercors đã ca ngợi Tự do và nguyền rủa cường quyền bằng những áng văn đẹp nhất, Bernanos là hiện thân tinh thần bất khuất của người trí thức Pháp thời bị chiếm, F. Lorca đã rỏ lụy khi sáng tạo để khóc quê-hương bị chà đạp dưới gót sắt Franco, và Th. Mann ở hải ngoại đã tượng trưng truyền thống tư tưởng huy hoàng trong lòng văn nghệ sĩ Đức, những kẻ thù không đội trời chung của Hitler.

Vì thế, mặc cho J. Benda với quan niệm trí thức hẹp hòi của mình luôn luôn đòi bắt văn nghệ sĩ trở về tháp ngà và tin rằng « nhập thế là phản bội sứ mệnh », mặc cho J. Paulhan, trong *Les fleurs de Tarbes*, chủ chương rằng văn nghệ phải thuần túy và không được nhận mệnh lệnh của hoàn cảnh bên ngoài, mặc dầu lời kêu gọi của các nhà văn xuất thế quan niệm văn nghệ nhập thế càng ngày càng bành trướng, và các văn nghệ sĩ đều có ý muốn « vượt lên trên » văn nghệ để thành kỹ sư tâm hồn của thời đại.

Nhất là trong những năm gần đây, chúng ta được chứng kiến sự xâm nhập ồ-ạt của triết học vào địa hạt văn nghệ, mà một trong những khuynh hướng chính của tư tưởng hiện đại là khuynh hướng nhập thế. Khi các triết gia bâng khuâng suy tưởng trước những tàn tích đau thương và cảnh tượng hỗn mang của thời hậu chiến, họ đâm ngờ vực giá trị của nền văn minh nhân loại và không còn tin chắc ở sự vĩnh cửu của nền văn minh đó, vì vậy họ cảm thấy cần phải « nhập thế », phải « suy tưởng lại » những vấn đề liên quan đến kiếp người để tìm một lối thoát cho con

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

người. Tư tưởng và thái độ đó đã từ triết học giới bước sang địa hạt văn nghệ. Và Sartre như một nhịp cầu thông cảm giữa Triết và Văn đã có thể nói tới «hiệu lực» (efficacité) của văn nghệ hay là tung ra khẩu hiệu «Lời nói là hành động» (La parole est action). Sartre nhắn chúng ta dò hỏi con người sáng tạo câu này : « Người muốn bộc lộ trạng thái nào của vũ trụ loài người và bộc lộ như vậy người muốn đem đến một biến đổi gì cho thế nhân ? » (1).

Vì văn nghệ sĩ cũng là một con người trong muôn một, nên người trí thức hiện đại không quan niệm con người như một thế giới trừu tượng, khép kín, riêng biệt. Con người cũng như một điểm trong hình-số-học nghĩa là có những hoành độ xác định vị trí của nó trong không gian và thời gian, nghĩa là có liên hệ với thế giới và thời đại. Nhất là trong giai đoạn khủng hoảng tinh thần chúng ta đang sống, văn nghệ sĩ phải có một thái độ lúc đi vào đời, vào xã hội. Trong cuộc chiến đấu cho nhân loại, cho con người, văn nghệ sĩ phải trả lời những câu hỏi đầy lo lắng của thời đại, phải nói lên những sao suyến, băn khoăn và ước vọng của con người thời đại, phải mô tả những mối liên hệ của tâm trạng cá nhân với tâm trạng đoàn thể và sự vật vũ trụ... ta có thể nói đó là nét chính trong văn phẩm những người như Sartre, Malraux, Camus, Mounier, Bernanos, Koestler, Doudintsev, Gheorghiu...

Văn nghệ không phải như trong quan-niệm truyền thống, là một hoạt động có mục đích cho ta thưởng thức và hưởng thụ cái đẹp, hay gợi cho ta một rung cảm đặc biệt vì đã sáng tạo được cái đẹp. Trong quan niệm hiện đại dượm mầu triết lý này văn nghệ phải là một chiều (dimension) của tâm trạng con người, tâm trạng cá nhân và đoàn thể. Đối với những người như A.Malraux, P. de Boisdeffre hay Cl. Roy văn nghệ sĩ phải đem lại cho tác phẩm mình một ý nghĩa thật là súc tích, phải nêu rõ vai trò, thái độ và trách nhiệm của con người trong cuộc chiến đấu không ngừng của con người, phải nhấn mạnh lên ý nghĩa của kiếp người và sự «gặp gỡ đụng chạm của kiếp người với vũ trụ bao la xung quanh» (P. de Boisdeffre) (2), phải đặt con người trước trách nhiệm của mình, khuyên con người lựa chọn đảm nhận sứ mệnh của mình.

---

(1) Sartre, *Situations II*, Gallimard 1948.

(2) Trong *Métamorphose de la littérature*, 1953 — *Le commerce des classiques*, 1953.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Để tự xây dựng, Mounier (1) luôn luôn đưa mắt dò xét vào cuộc đời biến dịch của con người và ca ngợi « những cái gì là hoàn toàn riêng biệt, bất khả nhượng và vì vậy rất kỳ ảo của con người khi gắn bó thắm thiết với lẽ sống cuối cùng của đời mình ». Văn nghệ sĩ trong khi hình dung lại kinh nghiệm nội giới của con người đang làm chứng nhân cho thời đại, đang tự tạo giữa một hoàn cảnh, trên một vị-trí (situation) bao giờ cũng để lại cho thế nhân một lời nhắn nhủ sống và thực. Cl.E. Magny ưa nhắc lại chuyện nhà hiền triết Empedocle thời xưa nhảy vào lòng núi Etna chỉ để lại cho người đời thấy đôi giép mình trên miệng ngọn hỏa sơn . . . Văn nghệ sĩ cũng vậy. Sống mãnh liệt sống sôi nổi cuộc sống của con người nghĩa là lựa chọn, và nhận lãnh trách nhiệm song rồi biến vào cõi vô hình vô ảnh chỉ để lại cho thế nhân một chút văn nghệ phẩm của mình mà thôi, nhưng những tác phẩm này phải chứa đựng một lời nhắn nhủ để đánh dấu kiếp người toàn diện và cuộc sống tinh thần của văn nghệ sĩ... « Của tin gọi một chút này làm ghi... » Péguy nằm thiếp trong đồng lúa, tóc vàng quyện lá lúa vàng và máu thi nhân loang trong nắng chiều là cả một thiên anh hùng ca của Con người... Malraux can đảm đứng về bên chiến lũy những người dân chủ trong cuộc nội chiến Tây-ban-nha...St. Exupéry một buổi sớm cưỡi mây lướt gió ra đi để không bao giờ trở lại những phi đạo của « giải đất trần gian », họ đã để lại bao lời nhắn nhủ đẹp như những mảnh thạch tinh rớt từ những cuộc đời sao băng đó xuống hạ giới...

Nội dung văn nghệ hiện đại, như chúng ta vừa thấy, đã tỏ rõ sự tìm kiếm không ngừng những nẻo đường mới. Về hình thức, về kỹ thuật sáng tạo, chúng ta cũng chứng kiến những băn khoăn và tìm hỏi tương tự vì sự thực giữa nội dung và hình thức có nhiều mối liên hệ mật thiết.

Những năm gần đây, các văn nghệ sĩ chú trọng đặc biệt đến *tiến-trình sáng-tác* và ưa phân tích cơ cấu các tác-phẩm, nghĩa là không còn coi kỹ-thuật sáng tạo và hình thức văn nghệ phẩm như một điểm phụ nữa. Họ luôn luôn nói đến *phương - diện tạo-tác* khi nghiên cứu một bài thơ hay một bức tranh. Tác-phẩm là một thế giới riêng, kết-quả một sự *tạo-tác* của văn nghệ sĩ. Đối với Alain « Nghệ thuật là một *cách-thức tạo-tác* không phải là một cách thức suy tưởng » (2) Claudel thì cho rằng thi ca là « kết quả của một sự *cần tạo-tác, cần thực hiện, bằng những danh-từ, một tư-tưởng người ta có về sự vật nào đó . . .* »

---

(1) Trong *Carnets de route III*, 1953.

(2) *Préliminaires à l'Esthétique*, Gallimard, 1940.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Còn đối với Valéry thì phương diện sản xuất (production) rất quan trọng vì « sự tạo tác bài thơ tức là bài thơ đó! » và thi sĩ đã mở hẳn một lớp ở Collège de France để phân tích hiện tượng sáng tạo văn nghệ (1) Quan-niệm thẩm mỹ học đó cụ thể, khách-quan, và vật chất, vì cho đối tượng của thẩm mỹ học là *lối tạo tác* là tác phẩm văn nghệ, một thế giới riêng biệt ta phải bước vào trong như vào một sự vật cụ thể. Nó ưa phân tích cơ cấu tác phẩm và phản lại quan niệm cổ điển về thẩm mỹ học, quan niệm chủ quan, thích nghiên cứu nguồn mỹ cảm của tác giả và quần chúng thưởng thức văn nghệ phẩm, quan niệm của Winckelmann hay của B. Croce. Tất nhiên ta không thể hoàn toàn thừa nhận quan niệm đặc sắc và mới mẻ của Valéry vì tính cách phiến diện của nó. Nhưng dù sao ta cũng phải nhận rằng, ngoài những yếu tố quan trọng về hiện tượng sáng tác nó đã nêu lên, quan niệm đó bắt ta chú trọng nhiều đến kỹ thuật, đến hình thức văn nghệ, một điểm mà các nhà khảo cứu nhiều khi hơi sao lãng.

Theo Sartre kỹ thuật văn nghệ có nhiều tính chất siêu hình và một kỹ thuật mới có thể đổi hẳn nội dung, và một nội dung mới tất nhiên phải đòi hỏi một kỹ thuật mới. Vì nội dung xúc tích, vì quan niệm mới mẻ, các thi sĩ hiện đại, từ Mallarmé đến Prévert, Char, Michaux, nhiều lúc phải phá vỡ cơ cấu truyền thống của ngôn ngữ, bơm máu mới vào những danh từ quá nhạt nhẽo, những danh từ « chết » vì bị dùng quá nhiều, hay tìm một lối hành văn tự-động (écriture automatique) không lệ thuộc lý trí một chút nào như A. Breton và các thi sĩ siêu hình, tóm lại họ muốn phát minh một ngôn ngữ có tính chất sáng tạo khác với ngôn ngữ mô tả. Họ dùng những hình ảnh hết sức táo bạo : thơ Apollinaire, A. Breton và văn Lautreamont rất nhiều hình ảnh, những hình ảnh làm ta nghĩ đến tranh các họa sĩ lập thể và siêu thực với những mặt người có một mắt hay một ngôi sao giữa mà... Để diễn tả được hoàn toàn sự thực của đời sống ngoại giới cũng như nội tâm các văn nghệ sĩ hiện đại sáo trộn cao đẹp với tầm thường, nhịp nhàng với rối loạn... Trong một bài thơ nhiệm mầu, cao siêu có thể nói đến tiếng kêu con bò cái hay những con bọ xít và mùi tỏi... Baudelaire, thi sĩ tiên phong trên con đường táo bạo đó đã ca ngợi người yêu đẹp như ngôi sao sáng của lòng mình rồi phút chốc lại ví nàng với một con chó chết đầy ruồi bọ khi thời gian đã cuốn nàng về cõi chết.

---

(1) Xem *Introduction à la poétique*, Gallimard, 1938.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Về âm nhạc cũng có những pha trộn bất ngờ như vậy. Strawinsky và Gershwin, đã hòa hợp nhạc điệu cổ điển nhịp nhàng, thánh thót với những đoạn ầm-ĩ chói ráy gần như không theo âm luật nào vì nhuộm màu nhạc Jazz, hỗn loạn đến làm ta tưởng rằng đấy là những tiếng động thuần túy. Sự xáo trộn đó không phải hoàn toàn vô lý : các văn nghệ sĩ muốn đạt tới sự thực mà sự thực và cuộc đời phải chăng cũng là một pha trộn hết sức phức tạp ; nếu chỉ chú trọng riêng về một phía thì ta có thể thành phiến diện...

Ngoài ra còn nhiều phát minh mới mẻ, nhất là ở địa hạt văn xuôi như kịch bản, tiểu thuyết, vì chịu ảnh hưởng nhiều của kỹ thuật chiếu bóng, ví dụ về phương diện xây dựng cốt chuyện, vị trí của tác giả, kỹ thuật mô tả nhân vật... và nhiều điểm khác không tiện đề cập trong khuôn khổ một bài tiểu luận. Chỉ có thể nói rằng hình thức kỹ thuật văn nghệ hiện đại cũng đầy rẫy những phát minh và cách mạng mới mẻ như về phần nội dung...

Tóm lại, đưa mắt nhìn qua những nẻo đường trong rừng văn nghệ hiện đại chúng ta thấy với thái độ nhập thế, hòa mình vào thời đại, với ý định đả phá mọi biên cương thu hẹp con người và cuộc sống, văn nghệ sĩ thời đại chúng ta đã sống thực sôi nổi thực đầy đủ, đã làm một thí nghiệm toàn diện, đã gắng xây dựng con người trong mọi sắc diện của nó. Văn nghệ phẩm thế kỷ 20 vì vậy mang nặng những băn khoăn những xao xuyến của con người hiện đại, một con người luôn luôn biến dịch, luôn luôn động, không bao giờ chịu dừng chân, cởi giáp trên con đường thám hiểm vô tận đầy rẫy chông gai nhưng cũng không thiếu kỳ hoa dị thảo... Cảm xúc mãnh liệt, băn khoăn, suy tưởng và tìm hiểu không ngừng... đó là lẽ sống, là cái gì đẹp nhất, quyến rũ nhất trong dung mạo người trí thức sáng tạo của thế kỷ 20. Là những con người thời đại chúng ta có thể vinh dự về tính cách sống động, về hướng đi lên của văn nghệ thế kỷ chúng ta mặc dầu nó không phải không có nhiều khuyết điểm.

Và, để chấm rứt chuỗi suy tư và nhận xét nhỏ về văn nghệ hiện đại, tôi chân thành mong độc giả, người bạn thân mến, chú ý tới điểm sau đây: Chúng ta có đôi khi đi tìm yên tĩnh cho thể xác và tâm hồn ở những nơi nghỉ mát vùng Cao nguyên gió núi cây rừng, xa cái chật hẹp, bụi bặm và thấp bé của cuộc sống vật lộn hàng ngày... Chúng ta hãy gắng vươn lên những miền cao nguyên của tâm hồn, những miền đẹp và trong sáng nhất của con người, gắng tìm ở đấy những tiêu chuẩn để định lại giá trị con người. Trong cuộc sống quá ư vật-chất của thế

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

giới hiện đại, chúng ta, dù thuộc địa hạt hoạt động nào đi nữa, cũng nên mỗi ngày dành riêng những phút thiêng liêng nhất để trở về gặp gỡ chính tâm hồn chúng ta, để đi sâu vào thế giới tinh thần mà văn-nghệ — theo nghĩa chân chính của danh từ — là một biểu lộ đích thực nhất.

Những người trí thức sáng tạo thế kỷ 20, đang xây dựng con người toàn diện, đã nhắn nhủ chúng ta rằng ngoài những yếu tố đạo đức, yếu tố căn bản, giá trị con người là ở *năng-lực cảm-xúc và năng-lực suy-tưởng*, hai động lực chính của văn nghệ. Vì cần gì phải nhắc lại rằng khi nào tinh thần — cũng như đạo đức — bị khinh miệt tức là thế giới loài người đang đi đến chỗ suy vong! Chúng ta hãy suy nghĩ nhiều về điểm đó để khỏi phụ lòng kỳ vọng của những học giả và văn nghệ sĩ chân chính, của những kỹ sư tâm hồn thời đại chúng ta . . .

NGUYỄN-KHẮC-HOẠCH

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Những niềm xao-xuyến và hy-vọng của con người trong văn-nghệ Âu-châu hiện-đại

NGUYỄN-NAM-CHÂU

« Sự thất vọng đang tàn rũa thời đại chúng ta. Các người đương thời không còn thiết sống nữa. Họ đau khổ một cách vu vơ khủng khiếp. Họ sẵn sàng muốn chết, miễn là nghĩ được rằng cái chết của mình chỉ là vô ích. Họ cũng vui lòng sống một cách ngại ngùng miễn là nghĩ được rằng cái sống của mình cũng là vô vị... Các quan sát viên sáng suốt nhất của thời đại chúng ta đã khám phá ra rằng trong từng giai đoạn lại có một khát vọng bao la vươn tới sự chết. Bao nhiêu dân tộc sống trong chán mứa. Con người không còn muốn bám víu vào đâu nữa ; họ không còn tin tưởng gì ở việc mình làm, không còn biết lấy gì làm lẽ sống nữa. Biến cố, tử thần, chiến tranh, tất cả đã đến tấn công họ một cách bất ngờ khủng khiếp, họ bị tách rời và sẵn sàng lãnh nhận bất kỳ một cuộc phiêu lưu nào... »

P. EVELY. 1953

THỰC vậy, chúng ta đang sống trong một thời đại đầy những con người không còn biết hy-vọng vào đâu nữa. Họ sống thường xuyên trong sự lo âu, xao xuyến. Lo âu vì sinh kế thường ngày, lo âu vì mệt mỏi bệnh hoạn ; lo âu vì tử thần chờ đợi và nhất là lo âu vì chiến tranh lúc nào cũng sẵn sàng xảy tới. Nhưng trên hết thảy những mối lo âu đó còn có một nỗi lo âu xao xuyến khác khủng khiếp và bao la hơn : nó là nguyên nhân của mọi nỗi xao xuyến khác : đó là nỗi xao xuyến về thân phận con người, một nỗi xao xuyến tràn đầy trong văn-nghệ Âu-châu hiện đại.

Đứng trước tất cả mọi khổ đau bi thảm của nhân loại hiện thời, các nhà tư tưởng cũng như văn nghệ sĩ đều muốn đi tìm đến tận nguồn

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

mạch ý nghĩa của cuộc đời : Con người là gì ? Giá trị của nó là ở chỗ nào ? Cái giá trị ấy có đáng cho nó đón nhận tất cả những ô nhục, khổ đau của thân phận làm người hay không ?

Để trả lời câu hỏi này, có hai khuynh hướng căn bản. Một khuynh hướng cho rằng cuộc đời là vô lý, con người là kẻ thụ nạn vô ích và mọi cố gắng của nó chỉ là vô vị mà thôi. Quan niệm này đưa đến một ý-tưởng chán nản, xao xuyến về cuộc đời và sau cùng dẫn tới nhịp sống cuồng loạn của đám thanh niên tuyệt vọng. Một khuynh hướng khác cho rằng cuộc đời có một ý nghĩa — tuy là huyền nhiệm — nhưng con người có hy vọng tìm ra ý nghĩa đó để tiến tới một thân phận an bình và hạnh phúc.

●

Năm 1946, khi chiến tranh vừa dứt, André Malraux đã từ trên diễn đàn Trụ Sở Văn Hóa Liên-Hiệp-Quốc (U.N.E.S.C.O.) ném xuống một câu hỏi làm cho thế giới phải xao xuyến :

« Hồi cuối thế kỷ XIX, tiếng nói của Nietzsche đã lặp lại một câu cổ thời : « Thiên Chúa chết rồi... » và đem lại cho câu đó tất cả một giọng bi thảm của nó. Người ta biết rõ câu ấy muốn nói gì. Muốn nói rằng người ta chờ đợi đến ngày con người làm bá chủ.

Ngày nay vấn đề quan trọng nhất đối với chúng ta là hỏi xem trên mảnh đất Âu Châu già cỗi này, con người đã chết rồi *hay là chưa ? »*

(Diễn văn đọc tại UNESCO; 1946).

Mấy giòng trên này chỉ cốt nhắc lại một tư tưởng mà trước kia, năm 1926, Malraux đã từng quả quyết : *« Sau khi Thiên Chúa đã chết, thì con người cũng chết theo »* (La Tentation de l'Occident. éd. Skirà ; 1926). Theo Malraux, con người thực đã chết rồi. Và *« cái thảm trạng của Âu-Châu chính là vì con người đã chết »* (Adresse aux Intellectuels). Con người ở đây là con người tinh thần, con người với ý nghĩa và giá trị trường cửu của nó. Bảo rằng con người tinh thần ấy đã chết tức là có ý nói rằng trước kia nó đã từng sống.

Thực vậy, đã có một thời kỳ con người sống trong hy-vọng và hoan-lạc của nó. Con người đã tác-tạo nên nền văn-minh Tây phương với những đặc điểm quý báu của nó, như C.V. Gheorghiu đã nói tới :

« Nền văn hóa của chúng ta đã tiêu tan rồi. Từ xưa, nó vẫn có ba phẩm tính : Yêu mến và tôn trọng Cái Đẹp, một thói quen nhận được ở

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

người Hy Lạp; Yêu mến và tôn trọng Pháp Quyền, một thói quen nhận được ở người La Mã; Yêu mến và tôn trọng Con Người, một thói quen mãi lâu sau này và phải nhiều khó khăn mới nhận được ở Người Ky-tô-giáo. Chỉ vì kính trọng ba tượng trưng đó : Con Người, Cái Đẹp và Pháp Quyền, nên nền văn-hóa Tây-phương mới có thể trở nên địa vị của nó thời qua. Nhưng bây giờ nó vừa làm mất cái phần quý báu nhất của sản nghiệp mình : Tình Yêu và lòng tôn trọng Con Người. Không có tình yêu và lòng tôn trọng ấy, nền văn-hóa Tây-phương không còn nữa. Nó đã chết. » (La Vingt cinquième heure, trg. 199)

Chỉ vì cuộc đời có ý nghĩa và con người có giá trị, nên mới có cái Đẹp, sự Thiện và Pháp Quyền; bởi vì cái Đẹp, sự Thiện và Pháp Quyền chỉ có vì con Người, và để phụng sự con Người. Nếu cuộc đời là vô lý, con người là vô vị, thì tất cả những sự kia chỉ là vô nghĩa. Và nền văn hóa Tây phương, với tất cả những cái ngày xưa kia vẫn được coi là cao đẹp của nó cũng không còn giá trị gì nữa.

Chính vì lòng tôn trọng giá trị con người, nên nền văn hóa Tây phương mới giữ được sự điều hòa và mới nuôi được trong tâm hồn con người niềm hy vọng ở tình huynh đệ trần thế cũng như ở cuộc đời hoan-lạc mai sau. Nhưng con Người chỉ có giá trị thực, nếu nó bắt nguồn từ một nguyên nhân có giá trị vĩnh cửu. Nguyên nhân đó ngày trước, nhân loại vẫn gọi là Thiên Chúa, là Thượng Đế, là Ông Trời v.v... Tin ở Thượng Đế, con người đã nhận đồng loại làm anh em và tôn trọng giá trị tinh-thần trong tâm hồn người khác. Tin ở Thượng Đế, con người mới sẵn sàng đón nhận những khổ đau tạm bợ của cuộc đời để cứu vãn những giá trị tinh-thần vĩnh cửu. Tin ở Thượng Đế, con người mới vui lòng hy-sinh mạng sống để cứu vớt anh em đồng loại, vì biết rằng : « Ai hy sinh vì anh em mình ở cuộc sống này, thì sẽ được Thượng Đế ban lại gấp trăm nghìn lần ở bên kia thế giới... » (Jésus Christ).

Ngày nay, lòng tin ở Thượng Đế đã tiêu tan trong tâm hồn nhiều người ; và bởi đó lòng tôn trọng con người cũng đã mất hết hiệu lực. Nói cho ngay, nền văn hóa Tây phương tuy có những giá trị tinh thần tốt đẹp ; nhưng lại có nhiều người nhân danh nó để làm những điều xấu xa. Người ta đã nhân danh cái đẹp để gò bó và bóp méo nghệ-thuật trong những nguồn hứng khô trời, bế tắc. Người ta đã nhân danh pháp quyền để tạo ra những chế độ biệt đãi đối với kẻ giàu sang mà ấp chế bóc lột những kẻ hèn yếu. Người ta đã nhân danh lòng tôn trọng con

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

người để gò bó nhân loại trong những lề luật khô khẳng, giả hình. Kết quả là gây nên niềm công phẫn của một ít nhà văn hóa thế kỷ XVIII.

Những nhà văn hóa này lại nhân danh sự giải phóng con người để thóa mạ và đạp đổ tất cả những giá trị tinh thần cổ truyền. Trước hết, họ đánh đổ cái tiêu chuẩn tinh thần làm nền móng cho văn-hóa Tây-phương: họ đánh đổ Thiên-Chúa. Từ nhóm Bách Khoa thế kỷ XVIII sang Feuerbach, người ta cố tìm cách biện minh rằng không hề có Thượng-Đế ; hay nói đúng hơn, Thượng-Đế chỉ là một thần tượng do con người sáng chế ra giống hình ảnh mình. Từ đó con người định đòi lại quyền bá chủ vũ trụ : « *Homo Deus homini* » (*Con người làm Chúa con người*) Con người chỉ là tổng hợp của vật chất vô tri, ở một giai đoạn tiến bộ nào đó. Và như vậy, con người còn có rất nhiều khả năng để tạo ra cho mình một giá trị vô song. Nietzsche đã bám vào quan niệm đó để tuyên bố cái chết của Thượng-Đế : «*Dieu est mort... — Thượng-Đế chết rồi*». Từ nay con người tự nhận trách nhiệm sáng tạo cuộc đời và phẩm giá của nó. Nietzsche cổ võ một mẫu người *Siêu nhân*, con người kiêu hãnh ở khả năng của mình, con người hoàn toàn tự do, giải phóng không còn chịu ràng buộc vào bất kỳ một tiêu chuẩn hay lề luật luân lý nào. Hitler đã áp dụng quan niệm đó vào chủ nghĩa Quốc-xã Đức. Moussolini cũng áp dụng vào chủ nghĩa Phát-xít của ông. Cả hai đều muốn tạo nên một xã-hội lấy chủng tộc làm nền tảng và bá chủ thế giới bắt các dân tộc khác phải làm nô lệ cho họ. Còn chủ nghĩa Mác-xít lại coi giá trị con người ở năng lực sản-xuất (*animal économique*) và muốn xây dựng một xã hội no ấm lấy trần gian này làm cõi thiên đàng dưới thế. Kết quả là tranh chấp và chiến tranh cùng sự hỗn loạn của thế-giới hiện thời.

Sở dĩ trước đây nhân loại dễ dàng chấp thuận những quan niệm như vậy là bởi vì một đàng cái xã-hội cũ đã lâm vào những bế tắc và khủng hoảng trầm trọng trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, xã hội và luân lý. Đàng khác những phát minh mới mẻ vào đầu thế kỷ XIX đã làm hoa mắt nhiều người, khiến cho họ càng tin tưởng ở năng lực riêng của trí tuệ con người.

Các văn-nghệ sĩ tưởng như mình được hoàn toàn giải phóng để đắm mình trong những cảm giác say sưa mới lạ. André Gide đi rao truyền một thứ đạo mới : *đạo khoái lạc của cảm giác*, trong « Les Nourritures terrestres », 1897. Ông kêu gọi :

« *Nathanael hỡi, ta dậy em lòng nhiệt huyết...*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Hành động mà không cần phê phán xem hành vi tốt hay xấu. Yêu mến mà không quan tâm đến điều lành hay dữ.

Nathanael ơi, ta đầy em lòng nhiệt huyết.

Một đời sống bi thương, Nathanael ơi, thì hơn là sự yên hàn.

Ta không ao ước sự nghỉ ngơi nào khác ngoài giấc ngủ của tử thần.

Nathanael ơi, hãy biết thỏa mãn niềm hoan lạc khi tâm hồn em tươi tỉnh, hãy thỏa mãn khát vọng yêu đương của em khi môi em còn tươi đẹp... và khi sự ôm ấp của em còn sung sướng.

Bởi vì sau này rồi em sẽ nghĩ, rồi em sẽ bảo : — trái ngọt sẵn đó... môi tôi sẵn đó và đầy khao khát... — mà bây giờ thì hồn tôi và xác thịt tôi đều khát khao một cách tuyệt vọng. — Vì thời giờ đã qua đi một cách tuyệt vọng ». (Les Nourritures terrestres, Mercure de France, 1897. Gallimard tái bản 1917).

Tất cả các văn nghệ-sĩ ở đầu thế-kỷ XX đều theo chân Gide để ca tụng sự hoan lạc của cuộc sống : tất cả những Apollinaire, Cendrars, Larbaud, Cocteau, Giraudoux và cả đến những Camus của thời trai trẻ đều bám vào những thực phẩm của trần gian này và lấy cõi thế làm Thiên-Đàng trọn hảo.

Nhưng niềm tin tưởng và mối lạc quan ấy không được bao lâu. Cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất đã làm tiêu tan hết những giấc mộng tưng bừng của họ. Paul Valéry là kẻ đầu tiên đã loan báo sự xụp đổ của tất cả những giá trị văn minh và những quan niệm lạc quan đó. Ông viết :

« Chúng ta, những nền văn minh, bây giờ chúng ta mới biết rằng mình có thể tàn tạ; chúng ta đã từng nghe nói tới những thế giới hoàn toàn tan biến, những đế quốc từ trên chóp đỉnh cuộn chảy với tất cả những lớp người và dụng cụ của họ ; những đế quốc sa chìm vào đáy thẳm của những thế kỷ, với các thần minh và luật pháp của họ; các hàn lâm viện, các từ điển, các sách vở cổ điển, các văn chương lãng mạn và tượng trưng, các tác phẩm phê bình của họ. Chúng ta biết rằng toàn thể trái đất bề ngoài kia chỉ làm bằng tro than mà thôi... Bây giờ chúng ta lại biết rằng vực thẳm của Lịch sử cũng khá lớn để có thể chứa đựng mọi người... »
(Variété III, Gallimard, 1936)

Nỗi lo âu xao xuyến của con người càng lên đến tuyệt đỉnh khi họ phải tham dự vào những cảnh tàn sát dã man của trận Đại chiến thứ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

hai vừa rồi. Cái xao xuyến của họ không phải chỉ do lòng sợ hãi trước cái chết mà chiến tranh sẽ đem lại, nhưng còn là cái chán nản của một cuộc sống vô nghĩa.

Trước những cảnh bi đát mà con người phải đón nhận, các nhà văn hóa đã lo âu đi tìm ý nghĩa của đời người. Một số đông đã cùng với Sartre tưởng rằng ý nghĩa ấy chỉ là vô vị. Cuộc đời là phi-lý và con người là kẻ thụ nạn vô ích. Và từ lúc đó, con người buồn rầu đón nhận lấy thân phận tuyệt vọng của mình, nhận lấy trong một bộ mặt tàn lụi và đẫm máu hơn cả bộ mặt của chiến tranh nữa ; như lời Malraux đã nói :

« Bên trên hết thảy những điều chúng ta đã xem thấy, bên trên tất cả những thành phố ma dại, những thành phố điêu tàn kia, còn có một bộ mặt khủng khiếp hơn nữa đang phơi mình trên đất Âu-Châu : bởi vì chính cái Âu-Châu bị tàn phá và đẫm máu kia cũng không tàn lụi và đẫm máu bằng bộ mặt Con Người mà Âu Châu muốn tạo ra...

(Diễn văn UNESCO, 1946)

Thực vậy, cái bộ mặt mà Âu-Châu đã tạo ra cho Con Người ngày nay là bộ mặt của con người chán chường và tuyệt vọng, bởi vì là con người của một thế giới vô lý và vô vị. Con người đã gây nên sự nôn mửa và nhất là sự sợ hãi. Karl Jaspers đã diễn tả tâm trạng của nó như sau :

Những nét diễn tả về con người tân tiến từ hồi cuối nửa thế kỷ này đã nhuốm một cái gì khiến ta phải sợ hãi : con người dứt đứt mọi cây cầu liên lạc với quá khứ. Sống trong thời gian khoảnh khắc, nó thả lỏng mình buông theo hoàn cảnh về sự tình cờ. Nói cho đúng, nó còn sống giữa những hành lang chạy từ quá khứ mà đến. Nhưng những hành lang đó không còn là khung cảnh đích thực của đời nó ; những hành lang đó có vẻ như một đống gạch vụn... Con người có vẻ đạt tới cái hư vô. Nó cướp lấy cái hư vô đó với một niềm thất vọng hoặc với một niềm chiến thắng của kẻ phá hoại. Từ thời Nietzsche đến nay, người ta thường nghe nói một cách vẫn mạnh mẽ rằng : Thiên Chúa chết rồi. Đời sống con người biến thành đời sống quần chúng. Cá nhân chủ nghĩa bị thất bại, cá nhân phải sống am hợp với các mẫu người mà sự tuyên truyền, màn ảnh và các thúc đẩy của hoàn cảnh thường nhật đã tạo ra. Cảm thấy mình nguy ngập, nó tìm cách vớt lại tàm tưởng về phẩm giá của mình trong cái « chúng tôi », bằng cách gói ghém vào tiếng ấy một mãnh lực không lồ nào đó. Còn có những kẻ khác, qua giòng sống hiện tại đều đều này, còn

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

biết tin tưởng ở Thượng-Đế. Cũng có những nhà kỹ thuật vĩ đại của lịch sử, những kẻ nghĩ tới lịch sử tổng quan, và tưởng rằng có thể bao hàm được toàn thể lịch sử qua một tư tưởng của họ, hoặc tưởng có thể nắm được lịch sử trong tay nhờ một mãnh lực chuyên chế thực tiễn nào đó. Họ tưởng mình nắm được tay lái của lịch sử và chế tạo ra được con người cho tương lai. Và cũng có những kẻ chịu khuất phục, chịu hy sinh, chịu phụng sự một lãnh tụ một đảng phái với một niềm tin cuồng tín mơ hồ. Họ vui nhận sống trong bầu khí của đối trá và còn sẵn sàng vâng lệnh trên để thi hành bất kỳ thứ tội ác nào. Ngày nay, người ta có cảm tưởng nhận thấy trong con người chỉ đầy hỗn loạn ; người ta thấy bản năng tha hồ buông lỏng... » (*Karl Jaspers, Rencontres internationales de Genève, 1949, Edit. de la Baconnière*).

Không phải chỉ các nhà tư tưởng như Sartre, Camus, Malraux, Jaspers, Maulnier v.v. mới nhận thấy cảnh tuyệt vọng, vô lý của con người hiện đại. Cả đến những thanh niên mới lớn lên đây cũng đã từng thấm thía nhận thấy rằng cuộc đời của họ là vô nghĩa và họ phải sống trong cái hỗn loạn của một xã hội phi lý và tàn ác dã man. Một Paul Van den Bosch mới 15 tuổi đầu, khi ra khỏi chiến tranh đã nhân danh thế hệ của mình mà than thở :

«*Ngày nay chúng tôi phải hái lấy những hoa trái của sự vô lý. Đó là những hoa trái khô khan, đắng đót, hái sớm quá và vừa ăn người ta đã phải vội ném đi ngay. Cái vô lý ấy, nhiều thế hệ đã từng làm của nuôi mình, nhưng đến thế hệ chúng tôi, chúng tôi bị chết vì nó. Ở bất kỳ nơi nào, cái làm cho chúng tôi khác biệt với thế hệ đàn anh là : ở đâu chúng tôi thấy khởi đầu thì ở đó họ thấy tận cùng. Đối với họ, sự hư vô đã là một trái cây chín mà họ ăn ngon lành. Từ Nietzsche đến Sartre, các văn sĩ đều đã sống bằng sự kiểm tra cái vô lý ; nói cách khác, cái vô lý đã là một lục địa mới cho họ khai thác. Mà thực sự thì đến lúc mọi lục địa đều đã tàn khuất cả rồi chỉ còn độc một lục địa của sự vô lý đó, nên từ nay đành phải sống trên đó vậy. Chính trên mảnh đất khô trỗi này chúng tôi phải tranh đấu để tồn tại.* » (*Les enfants de l'absurde, collection Opéra, Paris, 1956 — trang 159*).

Và một thiếu niên khác tôi đã có dịp nói tới trong cuốn *Những Nhà Văn Hóa Mới*, khi viết về Françoise Sagan (trg. 228), thi sĩ W. Borchert cũng nói về thế hệ chán mứa của mình :

« *Chúng tôi là thế hệ không tình thương nối kết, không chút gì sâu xa. Chiều sâu của chúng tôi là vực thẳm. Chúng tôi là thế hệ không hạnh*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

phúc, không gia đình và không biết đến lời từ biệt nhau. Mặt trời của chúng tôi nhỏ hẹp, tình yêu của chúng tôi man rợ, tuổi trẻ của chúng tôi không có thanh xuân. Chúng tôi là thế hệ không biên-giới, không cương tỏa và cũng không có cái gì che chở nữa »

Đó là cái thế hệ « *lấy sự vô lý để cắt nghĩa cuộc đời ; lấy sự bất khẳng và tự do tuyệt đối làm phương châm, lấy sự thỏa mãn bản năng và cảm giác làm lẽ sống* » (Nguyễn-Nam-Châu, Những Nhà Văn Hóa Mới, trg. 228).

Bởi vì không hề có Thượng-Đế và Con Người chỉ là một con vật tiến bộ do sự tình cờ tạo ra, cho nên con người không có lẽ sống nào khác là sự thỏa mãn bản năng dục vọng trong chốc lát bằng những khoái lạc đê mê của cảm giác nhất thời. Lý tưởng của họ là *sự sống cuồng loạn* (La fureur de vivre). Sống thật nhiều, thật hối hả, thật mãnh liệt. Cái đạo khoái lạc của Gide được đem áp dụng với một sự cuồng bạo nhất chưa từng thấy. Những đe dọa của chiến-tranh càng khiến cho con người hối hả hưởng thụ. Họ dẫm lên kẻ khác, đè bẹp kẻ khác, thủ tiêu kẻ khác để tranh lấy quyền hưởng thụ.

Rất nhiều kẻ vô lương đã đánh hơi thấy lòng khát sống cuồng nhiệt ấy. Họ đã lợi dụng nghệ thuật văn chương, nói cho đúng lợi dụng danh nghĩa của văn nghệ, để sản xuất ra những hình ảnh và câu nói kích thích cái bản năng đê hạ nhất của con người. Tất nhiên những cái đó sẽ đem lại cho họ thật nhiều tiền bạc. Đó là nguyên nhân của những thứ văn nghệ hắc ám, văn nghệ khiêu dâm trên thế giới hiện đại : kể từ màn ảnh đến tiểu thuyết rẻ tiền, gây nên một bầu khí bẩn thỉu sa đọa tràn lấn các đô thị trên thế-giới.

Sống trong bầu khí ấy, thanh niên thiếu nữ càng bị thấm nhiễm và kích động, nhịp sống cuồng loạn của họ càng ngày càng tăng thêm. Đó là lý do khiến ta hiểu biết tại sao các phong trào ái mộ tài tử minh tinh (Marlon Brando, James Dean, Yul Bryner, Brigitte Bardot v.v...) phong trào nhảy Rock and Roll, phong trào Hula Hupe lại đã chóng quyến rũ và lan tràn trên thế giới như vậy. Thực ra những cái đó chỉ là một cách thế giải thoát cho cái nhịp sống cuồng loạn của những kẻ bị kích thích quá mạnh trong những thèm khát của bản năng, cảm giác.

Nhiều tác phẩm văn nghệ ngày nay đã phân tích và trình bày cho ta thấy rõ tâm trạng của lớp thanh niên cuồng loạn này. Những tác-phẩm của Françoise Sagan (Bonjour Tristesse, Dans un mois dans un an,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Un certain sourire) hoặc những phim như (Avant le Déluge, La fureur de vivre, Jeunesse délinquante, Les Tricheurs và L'Ange sale v.v...) chỉ là những hình ảnh còn rất nhạt mầu sánh với cảnh hỗn loạn sa đọa, mệt mỏi chán chường của một số thanh niên thiếu nữ hiện đại.

Họ cho chúng ta thấy hình ảnh của những thanh niên thiếu nữ thả lỏng cuộc đời trong nhịp sống cuồng loạn giữa những thuốc lá, whisky, nhạc jazz, khiêu vũ, bãi biển, những mối tình nhục dục thoảng qua. Sống bên ngoài cuộc đời, bên trên pháp luật và bất kể mọi sự. Nhưng rốt cuộc chỉ là một kiếp mệt mỏi, chán chường và tuyệt vọng. Các nhà văn nghệ ấy chỉ cho ta nhìn thấy chứng bệnh nhưng không có phương pháp cứu chữa.

Một ít nhà văn hóa khác như Thierry Maulnier, Charles Moeller cho ta thấy cảnh hỗn loạn đó bằng những nét thấm thía và bạo động hơn. Họ bắt những người dửng dưng nhất cũng phải suy nghĩ và lo lắng đến thân phận của mình. Thực vậy, bên cạnh cái Âu châu mệt mỏi chán chường trong khoái lạc của mình kia, họ còn dựng lên cho chúng ta thấy một Âu châu đang sợ hãi kinh hoàng. Trước hết là một thế giới đang bị nghẹt thở trong các quốc gia độc tài chuyên chế của chủ nghĩa Cộng sản, giữa những công trường cưỡng bách, những trại tập trung, những trại tập trung mà Pesternak cho rằng tất cả những dã man của chiến tranh vừa qua cũng không sánh nổi với sự dã man trong đó. Những hỏa ngục mà A. Koestler, Kraouchenko, Gheorghiu, đã cho chúng ta biết một phần nào sự thực.

Còn một sự sợ hãi khác lúc nào cũng đè nặng trên đầu chúng ta : Đó là mối lo âu trước cơn chiến tranh bất cứ lúc nào cũng có thể bùng nổ :

« Trước kia chúng ta đã ngây thơ tin tưởng rằng hòa bình là trạng thái tự nhiên và là bản chất của vũ trụ, rằng chiến tranh chỉ là một xáo động tạm thời trên ngoại diện của nó. Ngày nay chúng ta mới biết rằng mình lầm lẫn : sự chấm dứt chiến tranh chỉ có nghĩa là chấm dứt một trận chiến tranh này... Ngoài ra tôi còn nhận thấy ngay cả trong tâm tưởng những người tốt nhất, một thứ đồng tình cảm lặng với chiến tranh như thể một thứ chấp nhận trước cái bi thảm của thân phận con người » (*Merleau-Ponty, trong Les Temps modernes, số 1, trang 156*).

Rồi còn nỗi kinh hoàng trước những cuộc cách mạng lúc nào cũng sẵn sàng đe dọa :

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

« Cuộc cách mạng có thể bùng nổ nay mai. Người ta đã thấy nó chớm nở trong lòng các quốc gia giống quốc gia chúng ta. Nó không đến tức khắc, nhưng nó đè nặng trên đời sống thường ngày của chúng ta... Nếu nó đến, nó sẽ không chỉ đến với một vài nạn nhân chọn sẵn, không chỉ đến với vài cô cậu độc ác, đĩ điếm mà thôi, cũng không chỉ đến với mấy anh chàng xấu số mà vì số phận tình cờ đã phải chết dưới mũi dao của một tên cuồng tín hay dưới viên đạn của một mụ đàn bà ghen tuông, hoặc trước sự tức giận của một kẻ tình địch. Cuộc cách mạng sẽ đến với mọi người... » (*Thierry Maulnier trong La maison de nuit*).

Tất cả những sự chán nản, sợ hãi, kinh hoàng của cái thế giới sa đọa hay nghẹt thở này đã gieo trong tâm hồn người thời đại chúng ta một nỗi lo âu xao xuyến thường trực, một niềm tuyệt vọng đối với nền văn minh xưa cũ cũng như đối với thân phận làm người ; Franz Kafka, nhà văn Tiệp Khắc nhìn thấy trong tình trạng này một dấu hiệu sụp đổ của đời sống nhân loại ; ông viết :

« Chiến tranh, cuộc cách mạng Nga và sự khốn cùng của toàn thế giới kia đối với tôi tưởng như một thứ cơn lụt tràn lấn của sự Ác. Chiến tranh đã mở nắp những bờ đập ngăn tội Ác. Những miếng gỗ nâng đỡ đời sống nhân loại nay đã xụp đổ rồi. Cuộc biến dịch của lịch sử không còn được nâng đỡ bởi cá nhân nữa mà bởi đám quần chúng. Người ta chen đẩy ta, càn quét ta. Chúng ta chịu lịch sử lấn át. Sự chuyển động khiến ta không còn đủ khả năng nhìn nhận cái chi nữa. Ý thức chúng ta bị co hẹp vào. Mà chúng ta cũng chẳng cảm thấy hiện tượng ấy nữa. Chúng ta chưa chết mà đã bất tỉnh không còn nhận ra sự gì nữa. » (*trong cuốn* Kafka m'a dit *của Gustav Janouch, bản dịch của A. Malraux, Paris 1952*).

C. V. Gheorghiu nhìn thấy trong cảnh tượng đó sự sụp đổ của nền văn hóa Tây phương. Còn G. Marcel thì lại coi đó là sự rạn vỡ của toàn thể thế giới. Nhưng dù nhận định thế nào chăng nữa, các nhà tư tưởng hiện nay đều đồng ý với nhau mà cho rằng con người thời đại chúng ta đang sống thường xuyên trong mệt mỏi, chán chường, lo âu xao xuyến và sợ hãi kinh hoảng. Là chứng nhân của thời đại, họ đã đem vào tác phẩm của mình tất cả những niềm lo âu xao xuyến đó. Bởi vậy văn nghệ hiện đại mới tràn đầy suy tư và mang mầu triết lý như chúng ta thường thấy.

●

Vậy chúng ta còn hy vọng nào chăng ? Chúng ta còn hy vọng cứu vớt con người, cứu vớt thân phận mình ra khỏi tình trạng xao xuyến lo âu và tuyệt vọng kia không ? Nhiều nhà văn hóa trả lời rằng có.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Trước hết họ phân tích tâm trạng của xã hội, của con người thời đại, để tìm ra căn bệnh và nguyên nhân của nó. Con người ngày nay lo âu chán chường nhưng lại ham mê hưởng thụ khoái lạc vật chất. Không còn tin tưởng gì ở những giá trị quá khứ, cũng không còn biết trông cậy chi ở tương lai, họ đành bám vào phút sống hiện tại, phút sống của cảm giác. Nếp sống và thái độ hưởng thụ của họ không khác gì nếp sống và phản ứng tự động của loài vật. Con người đã mất hết nhân tính của nó mà chỉ còn cư sử như con thú. Để tranh dành những tiện nghi cũng như những hoàn cảnh hưởng lạc, con người-thú-vật cũng dùng đủ mọi mưu kế và cử chỉ tàn ác độc địa đối với đồng loại mình : kẻ mạnh áp chế kẻ yếu, người tinh khôn qủy quyệt lừa dối người hiền lành ngây dại. Các nhà văn hóa cho rằng con người ngày nay đã làm mất hết phẩm giá làm người của nó rồi : l'homme a perdu sa qualité d'homme (Vercors).

Con người thời nay lại còn cư xử giống một thứ khác nữa ; đó là máy móc. Đầu tiên, máy móc phụng sự con người. Nó đem lại cho chúng ta những tiện ích và giúp đời sống chúng ta dễ chịu hơn. Nhưng dần dần nó ảnh hưởng đến ta, khiến ta có những cử chỉ cũng lạnh lùng như máy móc. C.V. Gheorghiu cũng như G. Marcel đều đã phân tách kỹ lưỡng đời sống máy móc hóa con người trong tác phẩm của các ông :

« *Loài người bắt buộc phải sống và cư xử theo lệ luật kỹ thuật trái với nhân đạo... Sau cùng loài người không thể sống trong xã hội mà còn giữ được đặc tính của loài người nữa. Họ sẽ bị coi như bình đẳng, đồng đều theo những luật lệ hệt như những định luật áp dụng cho máy móc* » (*C.V. Gheorghiu*).

Khi nói về G. Marcel trong cuốn « Những Nhà Văn Hóa Mới », tôi cũng đã từng chú thích tới sự thoái hóa của con người khi họ bị nô lệ kỹ-thuật :

« *Thế giới sở dĩ rạn vỡ là vì con người đã từ bỏ tính chất người của mình. Họ lấy kỹ thuật làm cứu cánh và bắt con người phải làm nô lệ cho máy móc. Ban đầu máy móc chỉ là phương tiện phụng sự con người. Nhưng rồi vì quá say mê ôm ấp nó, con người đã để hết tâm chăm lo cho máy móc, bắt chước cách sinh hoạt của máy móc mà quên những con người, quên cách xử sự của loài người.*

Người ta lấy việc xử dụng xe hơi, vô tuyến truyền thanh, vô tuyến truyền hình, điện ảnh làm cứu cánh của cuộc đời. Cho nên thay vì để

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

giờ chuyện vãn, thông cảm với con người, người ta lại để hết thời giờ vào công cuộc sản xuất máy móc, và xử dụng nó. Đời sống gia đình đã dần dần mất hết về thân mật ấm cúng của nó. Người ta chỉ biết coi người khác như những vật hữu, những dụng cụ giúp người ta thỏa mãn. Cho nên khi không cần xử dụng đến kẻ khác nữa, người ta liền bỏ rơi, và để giờ vào việc đi xem màn ảnh, nghe phát thanh, coi vô tuyến, hoặc vác xe hơi đi chơi. Con người đã hết thông cảm với nhau như những con người.

Trong tương giao nhân loại, con người bị gán vào chức vụ của họ, giống như một chiếc máy, chỉ được đánh giá theo khả năng lao động của nó. Khi người ta nghĩ tưởng hoặc giao dịch với một người thường chỉ chú ý tới chức phận và tài ba của người đó ; ta nói : ông tài xế này, ông công an nọ v.v... Ít khi ta nghĩ tưởng tới con người cụ thể của họ, con người có những tình cảm yêu thương, giận ghét, những nhớ nhung thương tiếc... Ngay cả chính ta nữa, ít khi ta nghĩ đến cái gì sâu xa trong tâm hồn. Ta chỉ chú ý đến công việc, đến phận sự phải làm cho đúng chức vụ mình. Cho nên ta lãng quên đời sống cảm thông với đồng loại ».

(Nguyễn Nam Châu, Những Nhà Văn Hóa Mới, trg. 167)

Tình thương xót đã dần dần tiêu tan trong xã hội chúng ta ; xã hội những tên *công dân*. Bởi vì :

« *Người công dân là một con vật nguy hiểm nhất đã phát hiện trên mặt đất, từ hồi con người gặp nhau với máy móc. Nó vừa có sự dữ tợn của con người và con vật, lại vừa có sự lãnh đạm lạnh lùng của máy móc.* » (*Vingt cinquième heure, trg. 47*).

Vậy cơn khủng hoảng và sợ hãi của thế giới hiện thời càng tăng thêm vì con người lạnh lùng đã man càng lan tràn trên khắp nơi từ bên này qua bên kia bức màn sắt.

Con người chỉ hy vọng được cứu rỗi khi nó chế ngự được con người đã man đó ; khi nó nuôi lại được trong tâm hồn tình thương xót, lòng nhân đạo ; và sau hết, khi nó cứu vãn lại được phẩm giá của mình.

Tất cả những nhà văn hóa muốn xây dựng lại xã hội, cứu vãn con người đều đồng ý nhau ở điểm đó : phải cứu vãn phẩm giá làm người (sauver la qualité d'homme). Nhưng phẩm giá của nó là gì ? Đó là điểm mà người ta chưa đồng ý với nhau trong việc xác định nó.

●

Đối với những nhà văn không tin tưởng ở giá trị siêu linh nào,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thì phẩm giá con người là *ở lòng kiêu hãnh biết chống lại định mệnh mù quáng* để tạo ra cho mình một con đường nào đó. Người ta gọi chủ trương của họ là một thứ *nhân bản anh hùng* (humanisme héroïque).

Đó là những Nietzsche, Sartre, Camus, Malraux, Vercors, v...v.

Nietzsche muốn vươn tới hạng người siêu đẳng, với ý chí mãnh liệt, biết đè bẹp lên mọi cái gì là yếu hèn là sợ hãi. Phẩm giá con người là ở lòng kiêu hãnh biết đương đầu cùng mọi trở lực của vũ-trụ, của đời sống.

Đối với Sartre, phẩm giá con người là ở sự Tự Do. Tự do lựa chọn : hoặc là nhẫn nhục chấp thuận số phận mình ; hoặc là công phẫn đối với số phận đó. Miễn là mình được tự do lựa chọn, tự do thực hiện thân phận đó. Phẩm giá con người là ở chỗ tự trách nhiệm đời mình, không trói buộc, không cương tỏa. Tất nhiên không phải thứ tự do bừa bãi, nhưng là một sự lựa chọn có ý thức, rồi hành động theo sự lựa chọn đó. Sartre nói về chủ nghĩa hiện sinh của mình như sau : *« chủ nghĩa hiện sinh không phải là một sự thèm khát ảo não, nhưng chính là một nền triết lý nhân bản đòi hỏi sự hành động, sức cố gắng, sự chiến đấu và tình tương ái »* (*Tạp chí Action, 29-12-1944*). Nói cách khác ông chủ trương một triết học tình nguyện hiến thân (philosophie engagée : quyết tuyển) : tự lựa chọn mục đích rồi tình nguyện cố gắng hành động vươn tới đích đã chọn. Phẩm giá con người là trung thành vươn tới cùng đích mà mình đã tự do chọn lựa.

Camus thì cho rằng phẩm giá con người ở chỗ nó biết thường xuyên công phẫn đối với sự ác chung quanh, công phẫn đối với các thứ bệnh dịch tễ hằng bao trùm lên xã hội loài người. Bởi vì theo ông thì hết mọi người trong bất kỳ xã hội nào đều có thể gây nên tội ác, hoặc đồng lõa với tội ác :

« Cùng với thời gian, tôi nhận ra rằng ngay cả đến những kẻ tốt nhất, tốt hơn mọi kẻ khác, ngày nay cũng không tránh khỏi việc giết người hoặc làm ngơ cho kẻ khác giết người... và chúng ta không thể làm cử chỉ nào trên đời này mà lại không rủi làm chết kẻ khác ! Phải, tôi vẫn lấy làm xấu hổ, tôi đã hiểu biết rằng chúng ta hết thảy đều sống giữa bệnh dịch tễ, và bởi đấy tôi mất hết sự an bình » (*La Peste*).

Bởi thế, ông cho rằng :

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

« Ngày nay không một sự khôn ngoan nào có thể cậy mình cống hiến hơn nữa. Sự công phẫn không ngừng đẩy lui sự ác, rồi từ đó nó lấy đà sinh lực mới... nghệ thuật cũng như sự công phẫn chỉ tiêu diệt cùng với con người sau cùng...

Sự công phẫn chứng tỏ rằng nó chính là chuyển động của cuộc sống. Khi một cuộc cách mạng nhân danh mãnh lực và nhân danh lịch sử bỗng trở nên một thứ máy móc giết người và quá độ, thì một sự công phẫn mới sẽ trở nên linh thiêng, nhân danh sự chừng mực và nhân danh sự sống... » (*L'homme révolté, Gallimard, 1951*).

Vercors thì tin tưởng ở trí tuệ con người, ở sự thoát ly ra ngoài thú tính, để chế ngự thiên nhiên, đương đầu được với số mệnh mù quáng.

Malraux đã phiêu du trong trường hoạt động để mong giải thoát những tiềm lực mù quáng trong con người, nhưng vẫn không thoát khỏi bộ mặt kinh khủng của tử thần, của định mệnh tàn khốc, nên đã muốn tiến tới một chủ nghĩa *nhân bản dựa trên nghệ thuật* (humaniste artistique). Theo ông, nghệ thuật vừa là tiếng nói phổ cập liên kết mọi người của mọi thế hệ, vừa là phát hiện của cái gì cao cả quý giá nhất của con người. Sau hết, nghệ thuật đã giúp bất tử hóa sự hiện diện của con người qua thời gian : *« con người nhận thức được thân phận mình rồi sáng tạo ra những bậc anh hùng »*. Những bức tượng, những hình ảnh trong văn thơ : đó là những hình ảnh và tiếng nói duy nhất của những người đã chết, tiếng nói duy nhất của con người giữa cái im lặng bao la của vũ trụ vô giác. Con người không thể thoát khỏi tay tử-thần, không thể chống lại cùng số phận. Thì nghệ thuật là một tiếng phản kháng, là một lời gửi để nhắc nhở sự có mặt của con người ; nghệ thuật là một sự thách thức của con người, của trí tuệ nhân loại đối với vạn vật vô tri đè nặng lên thân phận nó :

« Nhân bản chủ nghĩa không có ý nói : « Không con vật nào thực hiện nổi điều tôi đã làm », nhưng là bảo : « Chúng tôi đã từ chối vật tính trong chúng tôi và muốn tìm lại con người trong mọi nơi nào có cái chi đè bẹp con người » (*La voix du silence*).

Nói tóm lại, đối với Malraux, nghệ thuật là sự tồn tại của con người qua thời gian đồng thời cũng chứng tỏ cái giá trị chiến thắng của nó đối với vạn vật : nghệ thuật là sức mạnh và là vinh dự của con người. Cho nên, các bảo tàng viện chính là nơi chứa đựng niềm hy vọng của con người.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Thierry Maulnier thì lại nghĩ khác. Giữa cái thế giới đầy tàn bạo đau thương do con người đem lại cho con người này, ông muốn cổ võ lòng thương xót đối với đồng loại. Cái đòi hỏi khẩn thiết của con người hiện đại là tình thương xót, lòng nhân đạo. Lòng thương xót khiến chúng ta từ bỏ sự ích kỷ và sự tàn ác đối với kẻ khác ; hơn nữa lòng thương xót khiến chúng ta có thể hy sinh để cứu vớt người khác :

« *Có một thứ tiếng nói khác với thứ tiếng mà ta gọi là lý trí. Một tiếng nói không phải tiếng ta, mà là tiếng của kẻ khác, tiếng những người khác trong ta. Sự cứu vớt kẻ khác và sự giải thoát của chính ta, sự chiến thắng của kẻ khác và có khi là sự chiến bại của ta nữa* » (*La Maison de nuit, trang 165*).

Và lòng hy sinh đó chứng giám cái gì cao cả trong con người.

Chúng ta thấy rằng tất cả các nhà văn hóa trên đây cũng như bao nhiêu nhà văn hóa vô tín ngưỡng khác đều chỉ biết bám vào một lòng tin tạm bợ ở những cái nhất thời, khiến giúp họ quên được niềm «*xao xuyến có tính cách siêu hình* » (Angoisse métaphysique) về thân phận con người. Nhưng dù thế nào đi nữa, những cái mà họ nêu ra, hoặc là sự hỷ sả, sự trách nhiệm, tình thương xót hay nghệ thuật. Tất cả cũng đều chỉ là những cái không nền tảng, không đáp lại nổi hình ảnh bi đát, khủng khiếp của số phận.

Bởi vì, như Sartre đã nói, nếu cuộc đời là vô lý thì con người và mọi hành vi của nó chỉ là vô nghĩa, không ích gì. Hoặc theo kiểu nói của Vercors, con người nếu đã chỉ là những kẻ bồng bềnh trên chiếc tầu sắp chìm đắm thì mọi hành vi cũng đều vô vị : « *ôm hôn nhau hay là đánh giết nhau* » cũng không hơn gì. Rốt cuộc con người vẫn rơi vào « *chiếc mõm đen ngòm của huyền nhiệm vũ trụ* ». Và con người vẫn vô vọng (inespéré)

●

Một số nhà văn hóa khác không muốn tự lừa dối mình bằng những danh từ hoặc những thái độ lãng mạn kiêu hãnh như thế. Họ muốn có một trả lời và một thái độ đáp lại phần nào cái xao xuyến siêu hình kia. Họ cũng nói đến lòng bác ái, tình thương xót, niềm kính trọng và sự cảm thông đối với con người, nhưng lại muốn những cái đó có một nền tảng siêu hình làm tiêu chuẩn cho niềm hy vọng và lòng tin tưởng của họ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Con người sở dĩ sa đọa và làm mất phẩm giá của mình chính là vì nó đã mất hết mọi tin tưởng ở các giá trị siêu linh. Con người đã chết vì chính Tạo Hóa đã chết. Con người lấy mình làm trung điểm, nhưng khi nhìn lại thân phận mình, nó chỉ thấy một sự nghèo nàn, bất lực và vô nghĩa. Cho nên nó trở nên tuyệt vọng, chán chường, công phẫn và điên dại. Vậy muốn cứu vãn, muốn đem lại niềm hy vọng cho nó, không phải chỉ cần lừa dối nó bằng những kiểu hãnh tạm bợ, nhưng là đem lại cho nó một lẽ sống hợp lý : đem lại cho nó lòng tin ở giá trị cuộc đời, trả lại cho nó lòng tin ở Thượng Đế.

S. Kierkegaard nhận rằng thân phận con người là hèn hạ là yếu đuối và cần phải có tình bác ái, có lòng thương xót. Nhưng ông lại cho rằng tình yêu thương đó phải bắt nguồn từ Thượng Đế là nguồn mạch sự yêu thương, thì tình người mới có giá trị và bảo đảm ; đây là lời ông cầu khẩn với Thượng Đế :

« Lạy Đấng Thiên Chúa của Ái Tình, làm sao người ta có thể nói tới Ái Tình được nếu họ quên lãng Chúa là nguồn phát sinh mọi tình yêu trên trời dưới đất ! Chúa không đắn đo, nhưng đã hiến cho tất cả trong tấm lòng Yêu thương của Chúa ; Chúa là thứ Tình yêu khiến cho mọi tình yêu của kẻ nào yêu sở dĩ có giá trị là bởi nó ở trong Chúa... » (*Vie et Règne de l'Amour, Aubier, 1952, trang 9*)

Saint-Exupéry nói đến lòng kính trọng và tương giao giữa con người, nhưng lòng kính trọng và tương giao ấy chỉ có được là vì mọi người đều là hình ảnh, là anh em con một Thượng Đế, vì mọi người đều được nối kết bởi một nút giây thiết yếu (noeud essentiel) là Thượng Đế :

« Kính trọng con người ! Kính trọng con người ! Đó là hòn đá nền tảng... Chúng tôi muốn xây dựng lòng tôn trọng con người. Tại sao ở trong cùng một trại chúng ta lại đem lòng ghét nhau làm chi ? Không ai trong chúng ta được độc quyền ý chí ngay lành. Tôi có thể nhân danh con đường của tôi để chống lại con đường mà kẻ khác đã lựa chọn. Tôi có thể phê bình những lối lập luận của lý-trí y. Những lập luận của lý trí không vững chắc bao nhiêu. Nhưng tôi phải kính trọng con người kia, trên bình diện Tinh Thần, nếu người đó đang gắng công tiến tới cùng một ngôi sao như tôi.

Nếu lòng tôn trọng con người được xây dựng trong trái tim mọi người, thì mọi người rốt cuộc sẽ xây dựng được hệ thống xã hội chính trị và kinh tế biết tận hiến cho lòng tôn trọng đó... » (*Lettre à un otage. Gallimard, 1945*).

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nhưng tại sao tôi phải tôn trọng con người ? Là bởi vì :

« Nền văn minh của tôi đã tìm cách làm cho mỗi người đều trở nên Đại sứ của một ông Hoàng duy nhất. Trải qua bao thế kỷ, nền văn minh của tôi đã biết chiêm ngưỡng Thượng Đế qua con người. Con người đã được tạo nên theo hình ảnh của Thượng Đế. Người ta tôn kính Thượng Đế trong con người. Mọi người đều là huynh đệ trong Thượng Đế. Cái phản quang của Thượng Đế đã đem lại cho mỗi con người một phẩm giá không hề suy giảm. Các mối tương quan giữa con người và Thượng Đế đã hiển nhiên tạo ra những nhiệm vụ của mỗi người đối với bản thân và đối với người khác » (*Pilote de Guerre, trang* 224).

Lòng tôn trọng con người đâu phải sự sùng thượng hèn hạ trước cái tầm thường ngớ ngẩn hay dốt nát của một cá nhân. Tôn trọng con người chỉ là tôn trọng phẩm tính vị Đại sứ của Thượng Đế. Bởi vậy tình yêu Thượng Đế đã tạo nên giữa loài người những mối tình cao thượng, những công việc giao dịch giữa vị Đại sứ này với vị đại sứ kia, vượt trên phẩm tính các cá nhân » (*trang* 226).

« Tôi hiểu rõ nguồn gốc tình Huynh Đệ giữa loài người. Mọi người đều là huynh đệ trong Thiên Chúa. Nếu không có Nút Giây nối kết họ lại thì loài người chỉ chồng chất cạnh nhau chứ không thể liên kết với nhau...» (*trang* 227). (Xin coi bài về Saint Exupéry trong cuốn « Những Nhà Văn Hóa Mới », trang 217).

Tóm lại, theo Saint-Exupéry, con người chỉ có giá trị vì nó là Con và là hình ảnh của Trí Tuệ Tuyệt Đối : Thượng Đế. Không có giá trị ấy, con người chỉ còn là nắm đất thó hư hỏng.

Gabriel Marcel cũng lấy nền tảng giá trị con người nơi Đấng Huyền Nhiệm Tuyệt Đối. Con người vượt trên thú vật và máy móc. *Phẩm giá của nó là sống khác máy móc.* Máy móc và thú vật không biết cảm thông, không biết thương yêu nhau. Chỉ có con người mới làm được những điều đó. Vậy cuộc giải thoát của nó phải là sự xây dựng lại nhân tính, từ chối tính cách máy móc của thú vật. Muốn như vậy con người trước hết phải nhìn nhận mình không thể chỉ là con vật tiến bộ, nhưng là một tinh thần siêu việt.

Emmanuel Mounier cũng đặt nền tảng giá trị con người trong cái Tinh Thần siêu việt, vượt quá con thú. Nhưng ông nhấn mạnh đến tính cách đoàn thể và phương diện toàn vẹn của kiếp người : con người vừa là Tinh Thần lại vừa chiếm hữu — hay nói cho đúng — vừa kết hiệp với

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

một thân xác vì con người đang thực hiện thân phận mình trên đường trần gian này.

Vậy niềm hy vọng của nó là : chấp nhận sự cao cả siêu việt của tinh thần ; vươn tới cùng đích siêu việt ngoài trần gian, nhưng đồng thời cũng điều hòa những tương quan và đòi hỏi của cuộc đời tạm nơi trần thế :

« Chủ nghĩa nhân vị không phải là một chủ nghĩa duy linh, trái lại thế nữa. Chủ nghĩa nhân vị bao quát toàn thể vấn đề con người trên toàn thể bình diện nhân loại cụ thể, từ thân phận thể chất hèn mọn nhất cho tới những khả năng tinh thần cao cả nhất... Chủ nghĩa duy linh (le spiritualisme) và chủ nghĩa duy luân lý (le moralisme) đều bất lực vì chúng bỏ rơi những thực tại hèn mọn về sinh lý và kinh tế. Mà chủ nghĩa duy vật cũng thất bại như vậy, vì một lý do ngược lại. » (Le Personnalisme coll. Que sais-je ? P.U.F. 1950).

Như vậy cả Kierkegaard, Saint-Exupéry, Marcel hay Mounier cùng nhiều nhà văn hóa khác đều muốn đặt lại niềm hy vọng của con người trong một tiêu chuẩn siêu việt. Họ không thể nào chịu coi con người chỉ là con vật tiến bộ. Nếu thế, con người không có bổn phận nào khác là sống như con vật. Và như thế, con người sẽ không bao giờ thoát ra khỏi niềm xao xuyến tuyệt vọng của nó.

●

Bây giờ nếu chúng ta nhìn lại các hình ảnh mà các nhà văn hóa hiện nay đã diễn tả trong tác phẩm của họ, chúng ta sẽ chỉ thấy hình ảnh của một con người duy nhất : Con người xao xuyến lo âu đi tìm ý nghĩa của thân phận mình. Con người mất hết mọi niềm tin tưởng ở những giá trị siêu linh. Nó đi lang thang trong tuyệt vọng, giữa cái vũ trụ bao la câm lặng. Như con thú vật, có lúc nó điên cuồng hưởng thụ những khoái lạc tạm bợ mà bản năng nó đòi hỏi. Nó hưởng thụ bằng cách tranh chấp, xâu xé, dầy đạp lên sự sống kẻ đồng loại. Nhưng tất cả chỉ đưa đến chán mứa và vô vọng. Có lúc nó nuôi lòng công phẫn ngạo nghễ và tưởng sẽ lấy những tác phẩm do trí tuệ mình sáng tạo ra làm giá trị cho mình. Nhưng thực sự, rốt cuộc cũng chỉ thấy đầy giả dối, ảo tưởng.

Nhưng may mắn là chính trong tâm trạng vô cùng tuyệt vọng đó, con người mới lường được sức mình, mới cảm thấy thân phận hèn hạ,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

yếu đuối mỏng manh của mình. Và cũng chính trong cuộc thất bại, đau đớn đó, con người mới tìm lại được niềm hy vọng của mình. Như lời Malraux nói : « *Trong con người có một niềm hy vọng khủng khiếp và sâu xa* » (*il y a un espoir terrible et profond dans l'homme*) (*Espoir, trg.* 233). Chính vì quá khổ đau, thất vọng, con người mới chịu khiêm tốn vươn mình đến hy vọng. Và chính lúc đó sự cứu vãn mới đến cùng nó.

Cho nên chính những lời phân tích đầy công phẫn, chán chường, tuyệt vọng trong văn nghệ hiện đại lại là cửa ngõ đưa đến những niềm hy-vọng lớn lao và sâu xa nhất. Chính những niềm xao xuyến siêu hình sẽ đưa con người đến những nhẫn giới siêu hình.

Chính vì thế mà câu nói trên kia của P. Evely : « *Sự tuyệt vọng tàn phá thời đại chúng ta* » đã được thay thế bằng một câu khác trong Hội Nghị Bảo Vệ Hòa Bình và Văn Minh Ky-tô-giáo tại Florence năm 1955 :

« *Thời Đại chúng ta là một Thời Đại Hy vọng* »
(*Notre Temps est un temps d'espérance*).

Các nhà văn hóa hiện kim, các chứng nhân của Thời đại đang chứng kiến những biến chuyển lớn lao trong tâm tư con người : con người đắm chìm trong tuyệt vọng, đang vươn tới ánh sáng của một ngày mai huy hoàng rực rỡ. Chúng ta phải nhìn vào văn nghệ hiện đại với cái nhìn như vậy, cái nhìn của con người lạc quan và tràn trề hy vọng. Có như thế mới khỏi lạc hướng và lao đao trong cái chán nản thất vọng của bầu khí xã hội hiện thời.

NGUYỄN-NAM-CHÂU

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Trước những trào-lưu mới : Phong-trào Nhân-vị

L.M. BỬU-DƯỠNG

LƯỢC TÓM PHẦN THUYẾT-TRÌNH :

LỊCH-SỬ PHONG-TRÀO NHÂN-VỊ

HAI chữ Nhân-vị đã được nói nhiều tại Việt-Nam tự do. Nhưng cần phải hỏi có phong-trào nhân-vị chưa và có từ bao giờ ? Không thể định rõ một ngày nào có phong-trào nhân-vị vì nói tới nhân-vị tức là nói tới con người toàn diện. Mà thời đại nào, con người cũng xao xuyến trước các vấn đề : tư tưởng, hạnh phúc, đời sống, tình cảm. Nhưng, cách đây 20 năm, một số nhà tư tưởng đã nói nhiều về những xao xuyến của con người và cố gắng tìm một lối thoát cho con người như Paul Bourget, Valéry, Charles Péguy, Gheorghiu, Jean Paul Sartre, Françoise Sagan.

Có lẽ vì cơ khí khiến con người trở thành một cái máy mà quên rằng con người đã phát minh ra máy móc và điều khiển máy móc. Nghĩa là họ quên tư tưởng mà chỉ nhìn thấy vật chất. Vì thế, có người cho rằng cần phải trở về con người để tìm hiểu con người, cần phải có một ngọn gió mới, một phong-trào Nhân-vị như nhóm Esprit của Emmanuel Mounier.

ĐỊNH-NGHĨA NHÂN-VỊ

Nhân là người. Vị là thứ bậc. Nhân-vị là tính cách con người sống đầy đủ con người theo thứ bậc của mình, đối nội cũng như đối ngoại. Theo nghĩa đó, hai chữ Nhân-Vị đầy đủ hơn chữ Personne Humaine của Pháp ngữ, vì hai chữ Personne Humaine nhấn mạnh đến ý nghĩa của chữ *nhân* mà ít chú trọng tới *vị*. Cần phải hiểu theo một ý nghĩa đầy đủ của cả hai chữ. *Nhân* là sống đầy đủ con người. *Vị* là sống theo đúng thứ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

bậc của mình trong những tương quan với người khác và vạn vật. Như vậy thì quan niệm về nhân-vị tùy thuộc quan niệm về *con người* và quan niệm các tương quan.

Đối với chúng ta, con người không phải chỉ là cái máy mà thôi mà còn có cái gì hơn cái máy. Nếu không nhận con người có linh hồn thì ít ra ta cũng phải nhận con người có tinh thần, vì vật chất và tinh thần liên quan với nhau, như Pascal nói : « con người không phải chỉ là con vật hoặc thiên thần ». Vì thế, cần phải có cả vật chất và tinh-thần mới thành con người, và tinh thần ảnh hưởng tới vật chất chứ không phải vật chất chi-phối tinh thần. Con người không có tình cảm, ý chí, suy tưởng thì không phải con người. Cần có sự thống nhất trong con người, con người thống nhất là con người tồn tại qua không gian thời gian và mọi biến chuyển. Con người sống đầy đủ như vậy thì sẽ không còn nôn mửa như Sartre, bất mãn như F. Sagan và đòi giết Thiên Chúa như André Gide. Và mối tương quan giữa người với người không còn sợ bị dòm ngó, trái lại ta sung sướng khi thấy họ nhìn ta, họ càng nhìn ta càng yêu họ, nếu ta có cái yêu của nhân-vị.

SO SÁNH NHÂN-VỊ VỚI CÁC KHÁI-NIỆM

Bản-ngã và Nhân-vị.— Khái niệm Bản Ngã nghiêng về vật chất và bao hàm những ham muốn vị-kỷ do bản năng tự-tồn, vì thế càng sống theo bản ngã thì càng mất nhân-vị. Chức-vị và huy-chương chứng minh công lao và năng lực, nhưng nếu chỉ biết có chức-vị hay huy-chương mà không để ý tới con người thì chỉ sống theo bản-ngã mà quên sống nhân-vị.

Cá-nhân và Nhân-vị.— Khái-niệm Cá-nhân có tính cách số lượng vật chất. Cá-nhân có thể tiêu tan trong một đoàn-thể còn Nhân-vị thì không bao giờ tiêu tan cả. Trong một xã hội mà đời sống cá-nhân quá mạnh thì không còn nhân-vị. Trong « Nửa chừng xuân », cô Mai đã sống nhân-vị, bà Án trái lại chỉ sống cá-nhân và bắt người ta sống cá-nhân như bà (Lộc). Trong « Đoạn-trường Tân-thanh », nàng Kiều đã sống nhân-vị, còn Thúy-Vân thì sống cá-nhân khi nhận lời thay thế Kiều để lấy Kim-Trọng.

Nhân-vật và Nhân-vị.— Nhân vật là một cái gì giả tạo, thay đổi. Càng tìm Nhân-vật thì càng mất Nhân-vị, trái lại càng sống theo Nhân-vị thì càng có Nhân-vật. Trong lịch sử Việt-Nam, có những người thà

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

chết còn hơn mất Nhân-vị : Trần-bình-Trọng thà làm quỉ nước Nam hơn làm Vua đất Bắc, chính vì thế mà Trần-bình-Trọng đã trở thành một Nhân-vật lịch-sử quan-trọng.

Nhân-phẩm, Nhân-cách và Nhân-vị.— Nhân-phẩm, Nhân-cách cũng là những gì thuộc về người, nhưng nếu chỉ sống theo nhân-phẩm và nhân-cách thì chỉ thấy người mà không thấy con người. Những người đó không lo sống đầy đủ con người mình với quốc gia, quốc tế mà chỉ cầu mong sự giả dối, vinh quang. Họ quên quyền lợi chân chính và bổn phận họ.

KẾT - LUẬN

Phải tôn trọng Nhân-vị mình và Nhân-vị của người khác, tức là tôn trọng quyền lợi chính đáng của mình và người khác. Sống Nhân-vị là sống với hai tay giang ra với mọi người, với đôi mắt trong trắng yêu đời để nhìn mọi người. Sống bản-ngã là sống khép tay lại. Sống cá-nhân là sống nhắm mắt lại. Sống nhân-vật là sống nhìn người lại nhìn mình. Sống nhân-phẩm là chỉ nhìn những cái bên ngoài của mình và của người.

L.M. BỬU-DƯỠNG

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Sinh - lực của Nho - giáo trong thời-đại hiện-tại

TRẦN-QUANG-KHẢI

TRƯỚC khi nhập đề, xin nói qua loa chữ Nho, nguồn gốc là thế nào hẳn quý vị đã rõ, hẳn-hữu quý vị nào chưa hiểu lắm, thì nói đây cũng không phải hoàn toàn vô ích.

Nguồn gốc chữ Nho có từ đời Vua Phục-Hy bên nước Trung-Hoa, từ 4480 năm trước kỷ-nguyên Thiên-Chúa giáng-sinh. Chính Đức Phục-Hy hoạch-định ra gọi là Thư-Khế-Nghĩa, là lối chữ Khoa đẩu tượng hình. Ngày nay chúng ta là 1959, cộng với 4480 là 6439 năm. Đến đời Vua Hoàng-Đế có ông Thượng-Hiệt chế ra văn-tự, tức chữ Hán ngày nay, nhưng không phải thế là hoàn tất. Lần lần đến đời Chu, Tần, Hán, mới kiện-toàn. Đấy là chữ Nho hay Hán của nước Trung-Hoa.

Vậy thì chữ Nho hay chữ Hán truyền bá qua nước ta tự bao giờ, không thấy sử sách nào nói rõ. Chỉ biết rằng : chữ Nho mà ta có từ đời Hùng-Vương, vị Vua đầu họ Hồng-Bàng tức là Hùng-Vương là Kinh-Dương-Vương, lập ra nước Xích-Quỷ sau gọi là nước Văn-Lang rồi dần dần đến nay là Việt - Nam. Năm 2879, trước kỷ nguyên Thiên-Chúa Giáng-sinh, cùng một lúc với họ Thả-Nông bên Tàu, chữ Nho qua ta độ hơn 2.000 năm, vì trong thời kỳ Hùng-Vương không thấy sử nói rõ, phần đông sỹ phu người mình cho học-tổ của mình là ông *Sĩ Vương-Tiên* tức là ông *Sĩ-Nhiếp*. Nhưng xét trong sử sách thì nước ta bị người Phương Bắc đô-hộ lần thứ hai, trước tây lịch III năm thì đã có bọn ông Lý Cầm, Lý Tiên đậu khoa Hiếu-Liêm Mậu-tài (như Tú-tài, Cử-nhân ngày nay) làm quan bên Trung-Quốc rồi. Thế mà ông Sĩ-Nhiếp do nhà Đông-Hán bổ qua bên ta làm Thái-Thú vô khoảng đệ nhất hay đệ nhị thế-kỷ, xa cách nhau đến ngót 300 năm sau, thì sao mà ta tôn làm học-tổ được ? Có lẽ ông Sĩ-Nhiếp là người có văn-học làm quan cai-trị dân, mở trường khai-hóa, mở mang sự học-hành mới

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

được tiếng là học-tổ chăng ? Vì vậy, mà ở Phủ Thuận-Thành, Tỉnh Vĩnh-Yên ở Bắc Phần bây giờ; còn có đền thờ, câu đối, bức hoành nhắc đến công-đức của ông. Đây là nói về nguồn gốc chữ Nho, và chữ Nho truyền-bá sang nước ta.

Vì đã nói chữ Nho, lẽ dĩ-nhiên phải nói đến Đức Khổng-Tử. Vậy thì Đức Khổng-Tử là ai ? Ngài là một bậc Thánh ở Phương Đông, người nước Lỗ, sanh vào năm 551, trước kỷ-nguyên Thiên-chúa giáng-sinh về đời Linh-Vương Nhà Chu, ở Làng Xương-Bình, Huyện Khúc-Phụ, bây giờ là Tỉnh Sơn-Đông bên Trung-Quốc, nay thuộc phạm-vi Trung-Cộng, thân phụ là Thúc-Lương-Ngột và thân-mẫu là Bà Nhan-thị Trưng-Tại ; Ngài tên chữ là Trọng-Nê huy là Khâu. Sanh thời, Ngài vào đời *Xuân Thu Chiến Quốc*, Ngũ Bá Tranh Cường, dân tình đồ thán, Ngài lấy đạo đức để cứu đời, có làm quan ở nước Lỗ. Không gặp được thời thế thuận tiện, cùng với một số học trò chu du Liệt-quốc, cũng đeo đuổi mục đích cứu đời nhưng không có kết quả gì; lúc già, trở về nước Lỗ dạy học. Số học trò trên 3.000 và soạn lại Kinh-thi, Kinh-thư dịch, Lễ nhạc và làm ra Kinh Xuân-Thu ; thọ được 73 tuổi; tôn chỉ của Ngài là Hiếu-đễ Trung-thứ, hậu thế suy-tôn. Ngài là vạn thế sư biểu thánh chi thời là Tổ Vương.

Cứ theo Khổng lịch, không kể về trước ngài, đến chúng ta bây giờ là 2510 năm. Họ Khổng liên-tiếp truyền-thống. Kỳ tháng 10 năm ngoái, ông Khổng Đức-Thành là cháu thứ 77 đời do Hội Khổng-Học Trung-Ương Saigon mời qua thăm Việt-Nam. Theo báo-chí, kể từ Ngài sắp xuống, họ Khổng có đến trên 100.000 người, hương khói không bao giờ ngớt. Ông Khổng Đức-Thành do Chánh-Phủ Trung-Hoa Dân-Quốc phong làm Phụng-Tử-Quan, ngang hàng Bộ-Trưởng.

Nước ta cũng tôn-sùng ngài như Trung-Quốc, nhưng mãi đến đời Lý-Thánh-Tông mới lập văn miếu ở Thành Thăng-Long là Hànội vào khoảng năm 1054-1072 tức là thế-kỷ thứ II, quốc-tế Ngài Xuân-Thu Nhị Kỳ. Về đời hậu Lê đến nay, phỏng độ hơn 200 năm, Ông Nguyễn-Nghiễm thân-phụ ông Nguyễn-Du tác-giả cuốn Kim-vân-Kiều, có viết bức hoành bốn chữ « *Cổ Kim Nhật Nguyệt* » thờ Ngài, nghĩa là đức nghiệp chí cao chí đại của Ngài, ví như mặt trời, mặt trăng soi sáng khắp thế gian từ xưa đến nay. Trong thời kỳ đó, thường có Sứ Tầu qua lại nước ta, thấy bốn chữ này tấm tắc khen ngợi, là chữ Hán mà người Việt học được cái tinh-túy về văn-chương, biết dùng chữ vô chỗ đáng dùng vậy. Vì mấy năm loạn lạc nên Khổng-miếu hương tàn khói lạnh. May thay, vị lãnh-đạo anh-minh của dân-tộc là *Ngô Tổng-*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Thống cho lập Hội Khổng-học ở Thủ-Đô, cùng khắp các Tỉnh trong lãnh-thổ để bảo-tồn đạo-đức luân-lý cổ-truyền, cũng là để đi song song với Quốc-sách thuyết duy-linh là căn-bản của nhân-vị. Vậy thì ai đang núp dưới bóng cờ Quốc-gia thấm nhuần chủ-nghĩa Quốc-gia từ bên này Bến-Hải vĩ-tuyến 17 vào đến mũi Cà-Mau đều phải rèn luyện thâm-tâm, để cho con người có đạo-đức, biết trọng phẩm giá của mình thì mới xứng đáng là công-dân nước Việt vậy.

●

ĐẠI HỌC CHI ĐẠO — TẠI MINH MINH ĐỨC TẠI THÂN DÂN — TẠI CHỈ Ư CHÍ THIỆN

Đức Khổng-Tử nói rằng : Cách thức học hỏi của bậc quân tử đến mức đại học là làm cho sáng cái đức đã sáng, thương yêu người đến tốt lành, tốt đẹp.

Đại-học là gì? là học cho đến triệt thượng, triệt hạ, thành kỹ, thành nhân, từ thân đến nhà, từ nhà đến nước, từ nước đến thiên hạ. Đại học là thế. Bây giờ phải tìm ra đường lối làm sao mới đến chỗ Đại-học được. Mở pho sách đại-học, thì thấy ngay bốn chữ « *Đại Học Chi Đạo* » ở trang đầu. Chữ *Đạo* nghĩa là đường lối lại có nghĩa là chân-lý, cùng nghĩa là phương-pháp. Đủ cả 3 nghĩa nầy, mới biết được nghĩa chữ *Đạo*, tìm ra đường lối đến *Đại-học* và nhận cho ra chân-lý của Đại-học, như vậy, mới đúng nghĩa câu « *Đại Học Chi Đạo* ».

TẠI MINH MINH ĐỨC. — Đức là gì ? Nguyên lẽ phải tự nhiên, mà gốc là ở lẽ trời, người ta vin vào để tạo ra nhân sự đương nhiên ấy, gọi là *Đức*. Đức gốc ở lẽ trời mà in vào lòng người, bản thể nó vẫn rất sáng lạn, không cợn bã, như gương trong, soi đâu cũng thấu, mà bóng ở ngoài, tất thấy rọi được vào vậy, gọi là *Minh Đức*. Minh Đức đó đã minh, lại minh thêm, tự nó một gang, một tấc, lần đến một tầm, một trượng, càng ngày càng nở nang, rực rỡ, cho đến cả thiên hạ chốn nào tất thấy cái tia sáng của Minh Đức, vậy gọi là *Minh Minh Đức*.

TẠI THÂN DÂN.— Chữ dân đây, tức là Nhân, chữ Dân, học nghĩa là người.

Từ đời xưa cho đến bây giờ, ở trong vũ-trụ tham với trời đất, mà linh-hồn vạn-vật chỉ là người, mà người tức là Dân. Đạo Đại-học không

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

phải riêng cho một người mà chung cả thiên-hạ. Sách Lễ-Ký có nói : « *Đại Đạo Chi Hành Giả, Thiên Hạ Vi Công* ». Lại có câu : « *Dĩ Thiên Hạ Vi Nhất Giả* ». Về Đại-Học, là đạo người, muốn cho thực hiện được đạo người, duy chỉ có thân-yêu người với người thì mới được. Các bản sách chép từ Tống nho sắp xuống Việt, chữ *Tân Dân* chứ không phải *Thân Dân*. Học giả gần đây tìm cho đến các bản cổ thư đời Hán, rồi nghiệm cho ra nghĩa Kinh-Văn, thời chữ *Thân Dân* đúng hơn.

Có Thân được Dân, mới rõ được hết *Minh Đức*. Chữ Minh-Đức gồm cả đức của mình và đức của người, cho nên người mới thương người được. Thầy Mạnh-Tử có nói rằng : « Nhân nhân thân kỳ thân, trưởng kỳ trưởng nhi thiên-hạ bình » nghĩa là, người nào cũng thương yêu lấy người thân của mình cùng kính trọng lấy Tôn trưởng của mình, thì thiên hạ cân bằng. Đó chính là nghĩa chữ *Thân Dân*.

TẠI CHỈ Ư CHÍ THIỆN.— Chữ Chỉ là dừng lại, tức như mũi tên bắn vừa đến lòng bia gặm lại. Nếu Minh minh đức, thân dân mà chưa đạt đến cực-điểm, thế là chưa hết được việc mình, việc thân, tức là chưa đến chốn Chỉ. Nên đã minh phải minh cho đến chốn *Chỉ*. Chỉ ở đây ? tất chỉ ở nơi chí-thiện, có chí thiện mới có tốt lành tột bực vậy ; Chữ thiện phản đối với chữ ác ; không có một tí gì là ác cả, mới gọi là thiện được. Nhưng thiện cho đến cực-điểm, hoàn toàn viên-mãn mới là chí thiện, mới là đại-học chi đạo. Người ta phải làm thế nào có đủ ba câu trên : « *Minh Minh Đức, Thân Dân, Chỉ Ư Chí Thiện* » mới là đường lối đến mức Đại-học, cũng là chân-lý, phương-pháp, mới làm đến đại-học được.

Để đạt tới đường lối để đi đến đại-học, tất phải cách-vật trí tri, chính tâm, thành ý, tu thân, tề-gia, trị Quốc, Bình thiên-hạ.

Cách vật là thế nào ? Nghĩa là cái gì chênh-lệnh, sửa lại cho ngay thẳng, đừng xiêu, đừng vẹo. Chữ Cách, tùy theo trường hợp mà hiểu nghĩa của nó. Cách, nghĩa là đến, là chính, đối ; nhưng đi với đoạn nầy, chỉ là sửa lại cho chính.

Trí tri là biết, cho thấu triệt đến nơi đến chốn, không thể lầm lẫn được.

Chính tâm thành ý là lòng cho thiệt ngay thẳng không có một chút gì là xiêu vẹo, thành ý khi mình nghĩ cái gì hay, làm việc gì thì phải nhận định rằng cái đó hợp lẽ phải thì nhất định theo đó mà làm cho đến kỳ được, bởi vì lòng trời phú cho mình mà gọi là lương-tri vẫn có đức

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

sáng để biện-biệt phải trái, lành dữ, mình cứ theo lệnh của lương-tri phải thời làm trái thời thôi, lành thời theo, dữ thời tránh. Như thế là mình trung-thành với lòng mình. Nếu trái lại bỏ điều phải lấy điều trái, theo điều dữ, ghét điều lành đó là mình giả-dối với lương-tri mình, tức là mình tự khinh lòng mình, thì làm sao mà thành được ý mà chính được tâm. Giữ được như vậy, ngửng lên không thẹn với trời, cúi xuống không hổ với đất. Khi tâm đã chính, ý đã thành là thân tu được. Thân tu được thì gia-tề cho nên Đức Thánh nói rằng : « được như vậy cốt nhờ chánh bệnh chữ Tịch ». Chữ Tịch nghĩa là xiêu vẹo nghiêng lệch. Đối với người gần mình như người trong nhà, xa ra như người trong nước mà giữ được ngay thẳng, nếu có thân-ái, mà thân-ái vì công - tâm ; nếu có tiện-ố, mà tiện-ố vì công-lý ; nếu có uy-kính, mà uy-kính vì đạo-đức ; nếu có ai-căng, mà ai-căng vì từ. Dầu có ngạo-đọa vì lòng ố-ác, thì lấy lòng chí-thành mà khuyên-răn làm gì mà thân không tu được. Người ta chỉ vì bệnh tịch mà cái tâm thiên-lý bị nhân dục che lấp, chuyện văn có lời đau đớn cho loài người rằng : *Cố hiếu nhi tri kỳ ác — ố nhi tri kỳ mỹ giả — thiên hạ tiện hỷ nghĩa lã* : người ta ai cũng có lòng hiếu, lòng ố cả. Trong chốn mình hiếu mà biết có cái ác vẫn nép trong ấy. Ở trong chốn mình ố mà biết có cái mỹ vẫn nép ở trong ấy, thời tuy hiếu mặc dầu, nhưng không lẽ hiếu cả cái ác. Tuy ố mặc dầu, không lẽ ố luôn cả cái mỹ. Người được như vậy mới công bình, mới phù-hợp với thiên-lý, nhưng mà người ấy trong thiên-hạ ít lắm vậy.

Ý Thánh-hiền là trông cho loài người, ai nấy cũng đem công-tâm công-lý ăn ở với nhau. Cái gì mình hiểu, chớ hiểu lầm cái xấu ; cái gì mình ố, chớ ố càn đến việc tốt, thì chắc là thân ai cũng tu, gia ai nấy đều tề cả. Chứng vào lời ngạn nầy, càng biết rõ bệnh tịch của người đời. « Nhân mạc chi kỳ tử chi ác, mạc chi kỳ miêu chi thạc, thị vi thân bất tu bất khả tề kỳ gia dã » nghĩa là câu tục ngạn rằng : Điều ác vẫn ai cũng ghét, mà điều ác của con mình, thì mình lại dung. Vì sao vậy ? Vì thương con quá, thành ra mù mịt. « Ái giả bất minh » như cây mà tốt, ai lại không biết tốt, mà mình thì không biết, là vì cái lòng quá ham được cho nhiều thành ra không biết vậy, « Tham đắc giả vô yếm ». Than ôi ! Con mình xấu không biết là xấu, mà mình tốt không biết là tốt, chỉ vì bệnh tịch mà mê hoặc đến như thế, thì thân làm sao mà tu; thân không tu, thì làm sao mà tề được gia. Thân mà tu được, thì gia tề ; Gia tề thì thấu-triệt để giúp đến chỗ trị Quốc, bình thiên-hạ. Năm chữ nầy, xin miễn nói dành cho các bậc đại chí-sĩ, vĩ nhân.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Bốn chữ *Trí Tri Cách Vật* đây, nghĩa là biết cho đến nơi đến chốn, thấu-triệt để sửa đổi cho ngay thẳng, cho chính đính, cái gì chênh lệch xiêu-vẹo, tức là con người ta hoàn toàn không có tư dục vậy.

Căn-bản của con người là *Tâm* ; làm cơ-quan cho tâm là ở chỗ ý. Ý là động cơ ở trong lòng người ta. Lúc bắt đầu, lòng người ta mới manh động tư-tưởng, là ý ; ý với tâm chỉ là một giống. Thí-dụ : Tâm toàn, là bộ máy; mà ý, ví như hơi điện. Máy chạm vào điện máy mới phát động được ; Máy mới phát động được mà muốn cho linh tất nhiên phải cho mạnh, cho tốt. Vậy, nếu muốn chính cái tâm, trước phải thành ý. Tâm như cặp chân đi đường, ý như con mắt dòm đường, nếu ý mà không thành, chắc không thể nào tâm chính được.

Nhưng vì cái ý của lòng người ta, vốn là một giống có trí giác, mà lại là một giống dễ cảm-xúc. Muốn ý cho được thành tất phải có bộ óc cho thiệt khôn, cho thật sáng suốt biện biệt được *Thị phi*, nghiên-cứu *Chân giả*. Nếu không được bộ óc như thế, làm sao mà thành ý được. Nên cần phải trong khi thành ý, chính tâm tất trước phải lo *Trí Tri*, mà trí-tri thì chỉ ở nơi cách-vật. Thế là trí-tri tại *Cách vật*, 4 chữ trí-tri cách-vật nầy, là theo giải-thích của một túc-nho đời Minh, chớ không phải theo Tống nho. Không hiểu rõ Đức-Thánh dạy ra sao, vì có lẽ mật vào lúc bạo Tần, khi đốt sách chôn học-trò, đời sau ai hiểu. Sao thì học vậy. Mãi đến Tống-Nho vào khoảng thế-kỷ thứ 10 và 13, hai họ Trình, Chu giải-nghĩa Cách-vật, là đến tận nơi trên mình mọi vật, mọi việc, mà tìm xét vật-lý. Vật gì sinh ra, tất có cái lý của nó. Muốn được rõ ràng vật-lý, thì mình phải đến bản-thân mỗi vật, mỗi việc, mà nghiên cứu suy nghĩ. Nay cách một vật, một việc, mai cách một vật, một việc thì mọi sự vật, mọi sự việc trong thiên hạ mới đều hiểu biết ; lâu dần về sau, vật việc gì, cũng hiểu biết cả, thế là thấu suốt cả việc đời, mối đạo.

Phái Lục-Tương-Sơn, cực-lực phản-đối lại cho là như vậy đời người có sống đến trăm tuổi đi nữa, cũng không sao mà làm cho hết được. Họ Lục chủ-trương rằng : « Người ta đừng có vật-dục, lo sửa lấy thân mình cho được sáng sủa trọn lành thế là *Cách vật*. Lòng ta tức muôn vật, muôn vật tức lòng ta ». (Ngô tâm tức vạn vật, vạn-vật tức ngô-tâm), thuyết này của họ Lục, xuất, sác hơn nhiều. Nhưng mãi sau đến Vương-Thử, Nhân-Tự là Dương-Minh về đời Minh vào khoảng thế kỷ 14—17 mới mở mang rõ ràng thấu suốt hơn.

Cũng nhân đó, ông Vương-Dương-Minh mới phát-minh ra thuyết

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Tri Lương Tri, và *Tri Hành Hiệp Nhất*, để dạy người đời. Lương-tri, ông chủ-trương trau-dồi đức-hạnh mình cho được sáng suốt, tự-nhiên thấy rõ : Thiện là thiện, Ác là ác, phải là phải, trái là trái. Chừng đó mọi sự vật trong thiên-hạ, ta đều thấy minh bạch, cần gì phải đi đâu cho mệt. Còn Tri-Hành hợp nhất, xưa nay ai cũng cho là 2 việc khác nhau. Tri rồi mới hành, bao giờ tri cũng dễ hơn hành. Ông Vương nói: «Đều hiểu sai tư-tưởng của Thánh-hiền cả. Tri-hành đều không thể chia đôi ra được, nó chỉ là một mà thôi». Ông nói một câu tỉ-dụ rất đơn giản ai ai cũng có thể hiểu ngay được, như câu nầy : « Như hiếu hảo sắc, như ố ác xũ » Hiếu là phần tri, Háo là phần hành; Ố là tri, Ác là hành. Thuyết này rất thích-hợp với cách học ngày nay của con em ta. Chuyên môn về trồng cây hay về y-khoa theo lối Âu-Mỹ, học rồi đều phải làm thí nghiệm ngay. Đến như học thấp nữa, về tiểu-học chẳng hạn, lúc học về cách-tri, người ta cũng phải có vật liệu cần dùng ngay trước mắt cho các trẻ em, thì nó hiểu ngay được. Cho nên các Cụ ta ngày xưa, thường khuyên con cháu hai chữ « học-hành », không phải là vô-nghĩa vậy.

Tóm tắt lại, không học về 4 chữ : *Trí Tri Cách Vật* nầy, trừ các vị hiền-triết là môn-đệ trực-tiếp với Đức-Thánh, thì chỉ có Vương-dương-Minh mới hiểu rõ một cách thấu đáo thánh ý, cho nên cái sở-học của ông chính người Trung-Quốc không hiểu, mà người Nhật Bản theo lại lợi-dụng được. Trong thời đại nhà Minh bên Trung Quốc, có mấy vị tu-sĩ bác-học ở phương Tây giúp việc cho chánh phủ, như Matheoricci Tàu gọi là Lợi-Mã-Dầu, P.A. Schall gọi là Thăng-Nhược-Vọng, và Verbiest gọi là Nam-Hoài-Nhân, đều chịu phục tư-tưởng họ Vương ; giải-thích như vậy, mới đúng nghĩa Khổng-Giáo, không khác gì thuyết của Ciceron triết-gia La-Mã trước kỷ-nguyên Thiên - Chúa Giáng-sinh.

Luật pháp không viết ra thành văn, chỉ ghi chép ở trong tâm (Loi non écrite, mais inscrite dans le coeur), thật ra thì sở học của Vương là một món khí cụ có lợi cho cuộc tiến hóa mà người Trung-Hoa không biết dùng, lại để cho người ngoài dùng được. Thế-kỷ thứ 17 trở về trước sĩ-phu Nhật-Bản rất mộ cái học Trình, Chu của Tàu. Kịp đến khi học thuyết họ Vương tràn qua, họ ham mộ tôn-sùng đến nỗi phần đông trí thức lúc đó, đeo ở trước ngực một pho tượng họ Vương nhỏ bằng ngón tay ; mỗi khi đến thăm bạn, nói chuyện về học hành, trước hết để tượng lên cao đứng cúi đầu vái mấy vái để tỏ lòng cung-kính rồi mới ngồi đàm-luận. Người Nhật sở-dĩ sùng-bái như thế, là vì tư - tưởng học-vấn của Vương rất có nghị-lực, và thiết với thực-dụng, nhất là những cái đặc sắc trong danh-dự, khinh sống chết, cốt tín nghĩa, quí liêm-sỉ,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

rất hợp với tinh-thần võ-sĩ-đạo của họ. Người ta nói cái học của Vương, là người Trung-Hoa đã đào-tạo nên những nhà nho Nhật-Bản cương-nghị thức-thời, giúp vào công việc minh-trị duy-tân được mau kết quả tốt đẹp.

Đáng tiếc thay nước ta ở khít ngay Trung-Hoa mà lại không hấp thụ được. Trong sách Vân-đài loại ngữ của một nhà bác-học nước ta về thời hậu Lê, là ông Lê - quý - Đôn, có viết sơ lược mấy hàng nói đến ông Vương - Dương - Minh không bàn bạc gì cả. Sau mãi đến đời Tự-Đức có ông Hải-Phu-Tử là Nguyễn-văn-San, hiệu Vân-Du Cư-Sĩ, người làng Đa-Ngưu, tỉnh Bắc-Ninh, ở Bắc-Phần bây giờ, có bắt đầu nghiên-cứu Vương-học, nhưng rồi cũng bỏ đi. Nói rút lại đã thấu triệt được 4 chữ Trí-tri cách-vật nghĩa là vô-tư thì quan-niệm về chính trị của Thánh là Nhân làm gốc cho chính-trị. Lấy nhân mà sửa đạo, lấy đạo mà sửa mình, tự nhiên kẻ hiền tài theo mình để giúp việc chính-trị mau có công hiệu. Trọng-tâm là đức-trị rồi mới đến pháp-trị hay hình trị. Sách Luận-Ngữ Thiên-Nhan-Uyên có chép : Quý Khang-tử tướng nước Lỗ hỏi Ngài : Giết kẻ vô đạo để nước hữu đạo có nên chăng? Ngài nói : Cần gì nói giết chóc, người trên làm điều thiện thì dân phải theo mà làm. Pháp-trị hay hình-trị cốt lấy bằng cớ minh-bạch, có tội làm tội, nhưng tỏ ra có tình thương xót cho nên có chữ « Hình - Kỳ vô hình. »

Về Kinh-tế cũng chủ-trương ở nguồn gốc đạo-đức mà ra. Đừng có sai khiến dân trái mùa làm cho công việc cấy gặt thiệt hại. Lo cho dân khỏi đói rét, việc công tư đều phải tiết-kiệm, tránh lãng-phí. Rừng núi, sông ngòi, đất hoang, đồng bằng cũng như muông thú phải khai-thác, bảo dưỡng cho được sanh hóa theo thời tiết. Nông, công, thương: chữ Trung và thanh-tín làm căn-bản, cho đến chỗ toàn thiện toàn mỹ, tăng năng xuất cho nước mạnh dần dần. Không giả dối, bội-tín phương hại đến quốc-gia xã-hội.

Triết-lý Khổng-Tử là thế khốn nỗi người đời học một đàng làm một nẻo, nên thất bại, những người không hiểu cho là thoái-hóa là hủ lậu, không thích-hợp với thời-đại hiện tại nầy, không thể nào đưa nước nhà đến chỗ phú-cường được. Nhưng chỉ nói hiện tình nước ta ngày nay không phải cầu học cho được để làm thánh làm hiền hay nói theo cách bây giờ làm công-chức cao cấp gì gì, cốt sao học cho biết đạo làm người.

Đức Thánh nói : « Quân-tử động nhi thể vi thiên-hạ đạo, hành nhi thể vi thiên-hạ pháp, ngôn nhi thể vi thiên-hạ tác, viễn chi tắc vọng cận

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

nhi tắc bất yếm » nghĩa là người quân-tử cử-động, đều là làm đạo cho thiên-hạ ; làm lụng việc gì, làm phép cho thiên hạ ; nói năng điều gì làm mức cho thiên hạ, người ở xa mong đến với mình ; người ở gần mình, không bao giờ chán.

Đến thế-kỷ 18, triết-gia người Đức tên là *Kant* (1724-1804) Tàu gọi là Khang-Đức, cũng nói một câu tương-tự như vậy : «Agis de telle façon que la maxime de ton vouloir puisse être acceptée comme règle universalle » ăn ở thế nào, khiến cho công việc mình làm, người đời cho là khuôn vàng thước ngọc.

Tuy là Đông, là Tây, tư-tưởng đều gặp nhau cả, ấy cũng nhờ vậy mà ông cha chúng ta từ ngàn xưa đến nay thấm nhuần được giáo-lý Khổng-Tử mới phù thực được cương-thường, chấn-chỉnh được phong hóa, bảo-tồn được quốc-hồn, quốc-thể, quốc-túy, mới duy-trì được thế đạo nhân-tâm.

NGŨ THƯỜNG VÀ *TỨ DUY* TỨC LÀ *NHÂN, NGHĨA, LỄ, TRÍ, TÍN*

NGŨ THƯỜNG là 5 đạo thường, phát-sinh từ đời Nghiêu Thuấn, Vũ-Thang văn-vũ, kịp đến đời loạn lý Xuân-Thu chiến-quốc, Đức Khổng-Tử mới chỉnh đốn lại để làm căn-bản cho đường lối cứu đời, nhưng chỉ nói riêng từng tiếng một. Mãi đến đời Hán, một danh nho là Đông-Trọng-Thư mới hệ-thống-hóa, thành ra một chuỗi dưới danh-từ là ngũ-thường. Phàm là con người đứng trong trời đất, bất luận nam nữ, muốn rèn luyện thâm-tâm mình, thì cần phải dùng làm phương-châm mới được. Mà nhất là những người có đọc sách thánh-hiền, đứng đầu Ngũ thường là chữ Nhân.

NHÂN : là đức tốt, lòng từ ái, tình thương người một cách quán triệt bao la, không kể thời gian, không-gian, không có hạn độ trong đức thương người hoàn toàn vô-tư, không đắn đo suy tính, là làm điều Nhân. Không mong báo đền chữ Nhân, còn có nghĩa bao quát rất to, cái gì không hợp với lẽ trời, thì mắt không nhìn, tai không nghe, miệng không nói, tay không làm, đó là đức độ của Thánh-hiền, người quân-tử.

Trong triết-lý Khổng-Học, Nhân có hai phương-diện : một là đối nội, là mình đối với mình; hai là đối-ngoại, là mình đối với người.

Đối nội về phần chủ-quan của mình, thì tự mình phải rèn luyện thế nào tỏ tinh-thần đạo-đức, mới thể-hiện được cái lẽ *Hiếu Sinh Dung Vật* của trời đất. Nói tóm lại, sửa mình sao cho bỏ hết cái lòng

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ư-dục của mình, việc gì cũng thuận theo lẽ phải. Người nhân, trước khi nói, có đắn đo suy nghĩ, nên ít lầm. Những người cầu - thả, hường trong lời nói ít có nhân, cho nên nho-học có câu : « Xảo ngôn lệnh sắc tiền hỹ nhân » là người khéo trau chuốt lời nói, là những người có ít lòng nhân vậy.

Đối-ngoại, là mình đối với người, thì phải có lòng nhân đức, bao giờ cũng tỏ bày cái lòng nhân từ đại-lượng khoan-dung, dung-thứ. Nếu mình làm chính-trị hay làm việc xã-hội, thì muôn vạn người được mình giúp đỡ, lẽ dĩ-nhiên được họ yêu-mến ủng-hộ, nhưng phải hết sức tránh sự kiêu-căng,để khiến người ta tìm đến gần mình, nhờ vậy, nghe nhiều, biết rộng ; đức khiêm-tốn, kính-cẩn, cũng ở trong chữ Nhân.

NGHĨA : là lẽ phải, sự hợp-lý, sự đứng đắn, việc làm đúng lẽ phải ỷ như đi trên đường thẳng, Đức-Thánh nói : « Quân-tử dụ ư nghĩa, iểu-nhân dụ ư lợi » Sáng suốt về những việc hợp lẽ phải, trái lại kẻ iểu-nhân, cái gì lợi cho mình mới làm. Ngài lại nói : « Quân-tử sát hân dĩ thành nhân » hay « Xả thân tựu nghĩa ». Có khi vì việc nghĩa nà chịu thiệt, còn tiểu-nhân trái lại, thường thường vì tư ý, tư lợi, vụ ợi mà bỏ việc nghĩa.

LỄ : bao quát nhiều phương-thức, như Lễ-Nghi, là thờ phụng rời đất, Phật, Thánh, Thần, Tổ-tiên, về mặt thiêng-liêng. Về hình-thức, hong-tục tập-quán mà xã-hội Quốc-gia, đã công nhận, như quan, hôn, ang, lễ. Đức Khổng-Tử nói : « Lễ giả giả nghĩa chi thực giả » nghĩa là ễ, là phần thực-tế của lẽ phải, của sự hợp-lý ; nhờ có lễ, mới định ược thân sơ, định phải trái, giải-quyết những sự hiềm nghi. Ngài lại ói : « Phi lễ vật thính, phi lễ vật động » như tôi đã nói ở trên, bất kỳ ái gì không hợp lẽ phải, không nghe, nhìn, nói, làm. Người ta ở đời nhờ ó biết lễ, mới tu được thân, tức là một điều-kiện rất quan-yếu vậy. Lại ó chữ : « Vô thể chi lễ» nghĩa là lòng kính cẩn, nó không hình dung ra ề ngoài, như chúng ta thấy người đạo đức. Ông già bà cả, hay người àng-tật đui-mù, mình có lòng kính thương v.v...

TRÍ : là trí khôn. Người có trí, tức là người sáng suốt, mới xét hận được sự lý phải trái. Người mưu kế kỳ-xảo đều là người có trí. hữ kỳ xảo nầy, là xảo bằng một cách chính đáng, thì mới đúng với ghĩa chữ Trí của ngữ. Thường Đức Thánh nói : « trí giả bất hoặc nghĩa » à người khôn, không có lầm lẫn. Ngài lại nói : « Vụ dân chi nghĩa inh quỷ thần nhi viễn chi khả vị trí hỹ » nghĩa là chăm lo lắng hững việc thông thường thực-tế hợp lẽ phải đối với người, còn đối

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

với quỷ thần thì nên kính trọng nhưng không nên gần gũi, như vậy gọi là Trí.

TÍN : là không dối trá, không sai lời, hứa hẹn. Chữ tín trong học thuyết Khổng-Mạnh rất quan-hệ. Đức Thánh nói : « Cẩn nhi tín nghĩa » là cẩn-thận và thành tín, lại nói : « Kính sự nhi tín » là bất kỳ công việc gì làm hết sức cẩn-thận không bao giờ giả-dối. Trong việc trị nước yên dân, Ngài nói rằng : « Túc thực, túc binh, dân tín chi hỹ nghĩa » là làm cho dân được ăn no, mặc ấm, đủ quân số và đủ võ-khí để bảo-vệ lãnh-thổ, nhưng lại phải giáo-dục cho dân giữ được thành-tín mới được. Một trong các vị cao-đệ hỏi Đức-Thánh : « Nếu gặp phải trường-hợp bất đắc dĩ, phải bỏ một trong ba điều ấy, bỏ điều nào trước ? » Ngài dạy : « Cơm ăn áo mặc, là điều kiện sống cho con người ; bỏ ăn bỏ mặc thì phải chết, nhưng sự sống chết xưa nay là thường. Còn như thân mình cũng như nhân-dân, nếu mà bỏ chữ tín, thì không còn chỗ đất nào mà đứng được nữa. » Như vậy, biết rằng đức tín quan-hệ đến bực nào. Cho nên Ngô Tổng-Thống, vị lãnh-đạo anh-minh của dân-tộc, nhân ngày lễ Cộng-Hòa 26-10-56, để nêu cao Khổng-Học trong lời hiệu-triệu Quốc-dân, cũng như bức Thông-điệp đọc ở Quốc-Hội ngày 7 tháng 12 cùng năm, Ngài có đề-cập đến hai chữ Thành và Tín, vì Thành và Tín là hai đức tính cần thiết cho đời sống cá-nhân cũng như đoàn-thể dùng làm tiêu-chuẩn để đi đến chỗ căn-bản nhân-vị mà hiện nay cần phải phổ-biến một cách sâu rộng.

Đã Tín, tất phải thành mà tín, cho nên chữ Tín cần phải đi đôi với chữ Thành. 5 chữ *Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín*, là Ngũ-thường.

LỄ, NGHĨA, LIÊM, SỈ GỌI LÀ *TỨ DUY*

Một đại chính-trị gia là ông Quản-Trọng tức là Quản-di Ngô, Tướng quốc nước Tề đời Tề Hoàn-Công, trong thời đại Đông Chu Liệt-quốc, ghép 4 chữ nầy tức là Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ, gọi là Tứ-duy. Mới rồi đây, vị Tổng-Thống Trung-Hoa Quốc-Gia, ông Tưởng-Giới-Thạch giải-thích một cách sâu rộng tường tận, thì hai chữ Lễ, Nghĩa, bao hàm những ý-nghĩa cũng tương-tự như tôi đã nói ở trên, trừ 2 chữ Liêm, Sỉ sẽ nói ra đây, để quý vị nhận định.

Bốn chữ giềng mối này, tương-quan mật thiết của quốc-gia, nhân dân, cho nên gọi là Quốc-Chí Tứ-Duy (Tứ duy bất trương quốc nãi diệt vương).

Vậy thì Liêm là gì ?

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

LIÊM : là thanh-liêm, minh-chính, triển dụng ý thức lễ nghĩa làm tiêu-chuẩn để phân biệt sự phải trái. Những công việc làm đúng lễ nghĩa, là đúng lẽ trời. Người sáng suốt để áp-dụng trong sử-thử-xã tức là Liêm Chính. Người có đức Liêm-tiết-thảo bao giờ cũng cao khiết, nói tóm lại, là Thanh-bạch. Thuyết-minh 2 chữ Thử-xã ở đây, đời nhà Hán có ông Vương-Chấn tướng quốc, cử Vương-Mật làm áp-lệnh (như Tri-huyện hay Quận-Trưởng ngày nay) đêm tối đem vàng đến lo lót với ông, ông nhất định không nhận mà lại la rầy, Mật cứ năn-nỉ lạy lục xin nhận cho, nói rằng : «đêm hôm vắng vẻ không ai biết»; «Ông nói sao là không ai biết, ta biết, người biết, trời biết đất biết».

SỈ : là hổ thẹn. Khi người ta làm một việc gì trái lương tâm, tự nhận thấy làm như vậy là không hợp lẽ trời, tức là lễ, nghĩa, liêm. Tự-giác xấu hổ, bẽn lẽn, sượng-sùng, gọi là Sỉ. Ngược lại người ta biết thẹn, biết sỉ, tức là người có đức-tính tự-trọng, thì không bao giờ dám làm những việc đê-hèn, ám muội, để cao sự tự trọng của mình, không tự-khi, tự bạo. Biết sỉ mà đã là quốc-sỉ lại nặng về chữ hiếu nữa. Như truyện Ngô-Việt Xuân-Thu, Việt-Vương Câu-Tiễn có cái thù với Ngô Phù-Sai không đội trời chung, quyết rửa cho được cái sỉ cha mình bị nước Ngô giết. Nằm gai nếm mật hằng ngày trước khi lâm Triều bắt người gọi tên mình lên : Câu-Tiễn không nhớ thù nước Ngô giết cha mầy sao ? Chịu nhục như vậy đến khi báo-thù được mới thôi.

Người ta ở đời, nếu gìn giữ được giềng mối nầy cho đúng nghĩa của nó, thì công-việc lập thân xử-thế tiếp-vật còn gì quí hơn nữa.

Chữ LỄ : Đã nói trong ngũ thường, lại đã nói cả trong Tứ duy, xin nói thêm chữ Lễ đi đôi với chữ Nhạc là Lễ Nhạc. Đã có lễ, lẽ tất nhiên phải có nhạc. Thầy Tuân-Tử trong sách nhạc-luận đã giải-thích : « Nhạc giả lạc giả ».

NHẠC : là cái làm cho người ta vui, tình cảm con người không thể không có nhạc được. Do đó, hàm cái hiệu-dụng của đức nhân, làm cho tính tình người ta được thêm khoan-khoái, nhưng chữ nhạc cần phải đi đôi với chữ lễ, thì lễ chỗ nầy là tiết-chế lòng người : Lễ, Tiết-chế, dân-tâm. Chữ nhạc là điều-hòa giọng nói của người, tức là đi đến chỗ giống nhau trong tình cảm ; Nhạc Hòa chi thanh. « Lễ tự ngoại tắc cổ-văn, lễ chi tắc bất tranh » nghĩa là lễ tự ngoài gây thành cảnh tượng văn vẻ, lễ mới dẹp được mọi sự tranh-chấp. «Nhạc do trung xuất cố tịnh, nhạc chi tắc vô oán » nghĩa là nhạc tự trong mà ra gây nên tình-trạng êm-đềm khoan-khoái, Nhạc làm cho tiêu tan được sự oán-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

hờn ở đời. Đức Thánh nói rằng : « Nhạc không phải ở nơi chuông trống, đàn địch mà nên ; nhạc là gốc ở thịnh-đức, mới hình dung ra thanh-âm, khiến cho người ta nghe nhạc mà tưởng đến đức, mới là nhạc hay vậy. »

Cứ coi về hai chữ lễ nhạc, mà triết-lý Khổng-Mạnh dẫn chứng đơn sơ như thế này, thuyết Minh cho thấy lễ nhạc là hình-thức nghệ thuật có hiệu-lực phát-huy được mỹ đức của 2 chữ Nhân và Nghĩa vậy.

Đã nói chữ lễ đi với ngũ-thường, đi với tứ-duy, lại đi với chữ nhạc, thế thì chữ nhân, chữ nghĩa, chữ trí cũng đi đôi với chữ Dũng, thì ta không nên quên mà không nói đến.

Chữ *DŨNG* đứng một mình, chỉ nghĩa là mạnh nhưng nếu đi đôi như *Nhân Dũng*, *Nghĩa Dũng*, hay *Trí Dũng*, thì lại có nghĩa rất cao cả, tiết tháo rất sáng ngời, khiến cho người đời phải sùng bái. Chữ Dũng của Đức Khổng-Tử là *Đức Dũng* tức là nhân-nghĩa chi-dũng chứ không phải chữ dũng của người thường thì chỉ là huyết-khí chi-dũng.

Vậy *Đức Dũng* là thế nào ?

Đức Dũng là người không có tư-dục, hoàn toàn thẳng thắn, dù trước mình muôn vạn kẻ thù, hay gặp sự nguy hiểm đến tính mệnh đi nữa cũng lướt qua như không ; rèn luyện cho được chữ dũng nầy là người đã cách-vật trí-tri, thành ý chính tâm rồi, Đức Thánh nói rằng : «Nhân giả tất hữu dũng, Dũng giả bất tất hữu nhân » nghĩa là người đã có đức nhân tất nhiên có khí mạnh. Nếu người chỉ có sức mạnh mà thôi, không chắc gì có nhân vậy. Ngài lại có câu : « Kiến nghĩa bất vi vô dũng giả » cho nên ông Nguyễn-Du trong Kiều có nói :

Anh hùng tiếng đã gọi rằng
Giữa đường gặp việc bất bằng mà tha.

Theo binh-thư đồ trận của Tôn-võ-Tử đời xưa, thì chữ dũng chia làm 5 bực, mà *Đức Dũng* đứng đầu, đến *Nhân Dũng*, *Tiết Dũng*, *Nghĩa Dũng* và *Trí Dũng*. Mấy danh từ này do nguồn gốc đức nhân mà ra cho nên người ta mới có tiết dũng chí-khí can đảm. Cho nên về lịch-sử cận-đại đây, như cái chết của các ông Võ-Tánh, Ngô-tùng-Châu ở Thành Qui-Nhơn, vô khoảng năm đầu thế kỷ thứ 19 là 1801 ; Chuyện ông Lê-Lai giúp đức Lê-Lợi đánh quân xâm-lăng vào khoảng thập ngũ thế-kỷ là 1419. Chuyện ông Hoàng-Diệu tuẫn-tiết về năm 1882 ở

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Hà-Nội khi quân Pháp đến hạ thành lần thứ 2 ; đều gọi là tiết-dũng cả. Về sau một danh-nho làm thơ về ông Hoàng-Diệu :

Đã tay cầm bút lại cầm binh,
Muốn dậm giang-san nặng một mình,
Phò chúa chúa lo lo với chúa,
Giữ thành thành mất mất theo thành,
Suối vàng ắt hẳn mài gươm bạc,
Huyết đỏ âu đành chép sử xanh.
Di-biểu hãy còn sôi chính-khí,
Đời đời sùng bái bậc khoa-danh.

Nói xa hơn nữa, như thời Xuân-Thu, nước Tấn và nước Trịnh đánh nhau, Trịnh thua xin hòa. Nước mạnh bắt phải nạp cho mình Thúc-Chiêm, nhà mưu-sĩ giúp việc đắc-lực nhất của Trịnh để làm tội bỏ vô vạc dầu. Trịnh không nỡ vì tội chung, mà để riêng oan một người, nhưng Thúc-Chiêm tiết dũng, nên hy-sinh đòi đi cho được để chết thay cho nước. Khi tới trước Tấn-Văn-Công, thì Tấn-Văn-Công quát to mắng Chiêm, nói Trịnh thất lễ với ta, đó là một tội ; sau khi hội-minh với ta rồi, lại bội-ước là hai tội. Vậy mày đáng phải chịu cực-hình là ném vào vạc dầu đang sôi sùng sục nầy. Thúc-Chiêm thản nhiên không đổi sắc mặt nói rằng : «Khi mà nhà ngươi thất thế ở đất Trịnh ta, ta từng nói với chủ ta, nhà ngươi là bậc hiền minh, lại có tả-hữu là những bậc anh-kiệt, sau nầy ắt hẳn làm bá-chủ thiên-hạ. Chủ ta không nghe, nhưng vẫn để nhà ngươi yên ổn về nước, đến khi hội-minh, ta lại khuyên chủ ta nên thiện giao với nước Tấn và không nên bội-ước. Nhưng trời làm hại nước ta nên mới xui khiến chủ ta không nghe lời, đến nỗi ngày nay thua trận, nhà ngươi đòi bắt ta, nhưng chủ ta không nỡ dứt tình để nộp ta cho nhà ngươi, nhưng ta vì chính nghĩa, đành liều thân mình để cứu trăm họ, thì cái thân nầy đáng tiếc gì. Coi như ta, việc gì cũng liệu được trước như thế gọi là Trí, hết lòng giúp nước gọi là Trung, thấy nguy-hiểm không tránh gọi là Dũng, hy-sinh thân mình để cứu sống trăm họ gọi là Nhân, người đủ cả Nhân, Trí, Trung, Dũng, mà luật pháp nước Tấn lại bắt phải chịu hình phạt, ném vào vạc dầu thì còn có nghĩa lý gì.»

Tấn-văn-Công nghe Chiêm nói thế, đổi sắc mặt tạ lỗi : «Ta thiệt là thiển-cận. Tiên-sinh quả là một bậc liệt-sĩ trong thiên-hạ đáng kính.» Rồi lấy lễ thượng khách ra đối đãi với Thúc-Chiêm, khẳng khái thay lời nói của Thúc-Chiêm đã không phải chết vì cực-hình, mà lại còn được nghênh đón là bậc thượng khách của nước địch.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Khổng học đào-tạo những người như Thúc-Chiêm không phải là ít, cho nên Thầy Tăng-Tử cao đệ của Đức-Thánh có nói : « Sĩ bất khả bất hoằng nghị, nhậm trọng nhi đạo viễn, nhân vi-kỷ nhiệm bất diệt trọng hồ, tử nhi hậu dĩ bất diệt viễn hồ » Kẻ sĩ-khải có chí-khí rộng lớn và cương-nghị, vì gánh thì nặng đường thì xa. Đức nhân là các trách-nhiệm mình phải gánh lấy há không nặng sao. Đã làm điều nhân thì mình phải làm cho đến chết mới thôi, như vậy con đường chẳng phải là xa hay sao.

Câu nầy là một cái trục chính-thức đã thúc đẩy các cơ-cấu tiến hóa, con người đối với vũ-trụ nào là ngày giờ, nào là cơ trời tương đối, nào là cảnh vật ngăn trở, nào là thế lực chướng ngại không lúc nào không bị nó chống chọi với mình, dù học rộng tài cao sức mạnh nếu không có nghị-lực như thầy Tăng đã nói thì không thành được. Hãy coi gương của Christophe Colomb (1451—1506) ta gọi là Kha-Luân-Bố tìm được Mỹ-châu, cái nghị-lực đó cũng nằm trong phạm-vi lời nói thầy Tăng vậy.

Tóm lại *Ngũ Thường* hay *Tứ Duy*, dầu ở vào thời đại nào đi nữa, mà nhất là dưới chế-độ Cộng-Hòa ngày nay rất cần cho chúng ta tu-thân, tề-gia, xử-thế, tiếp-vật.

Cả hai thuyết nầy, có hàm-xúc cả ý nghĩa những chữ mà chúng ta ai ai cũng thường nói hàng ngày, là *Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa, Tứ Đễ, Thuận Nhường, Kính Ái* và *Thành Tín*.

Phàm đã là người công-dân của nước, thì phải tận trung tận thành với nước với xã-hội nhân-quần. Con phải giữ trọn đạo hiếu với cha mẹ, trong đạo vợ chồng là đường mối quan-hệ nhất, phải có tiết nghĩa, trinh-thuận. Cha mẹ đối với con phải có Từ. Anh em đối với nhau cho tròn chữ Đễ, dưới kính trên, nhường dưới. Đối với bạn bè phải cẩn-tín. Với ông già bà cả, người tàn tật đui mù phải kính nhường thương yêu nâng đỡ giúp dùm.

Ở vào một châu-thành nhỏ miền cao nguyên nên tôi có được quen biết nhiều người; trong lúc đàm luận, lắm khi nói đến hai chữ tác-phong, tôi có đề-cập đến 2 thuyết ngũ-thường và tứ-duy, nhưng tôi rất lấy làm tiếc là còn nhiều người ngộ nhận, cho lúc nầy đâu còn lạc hậu, đâu còn hủ-nho, để kéo dài những giả-thuyết về đạo-đức Phong-kiến.

Theo ý thiển-cận của tôi, thì ta không nên theo thành-kiến mà cho rằng : Nhân, Nghĩa, Lễ, Nghi, Liêm, Sỉ là đạo-đức phong-kiến, là

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

cổ-hủ v.v... Vì phạm-vi đạo-đức, là những quy-phạm hướng dẫn con người xứng đáng với nhân-vị của mình, không cứ gì cổ hay kim, Đông hay Tây, miễn thích-ứng cho đời sống của loài người là được.

Nếu cho đó là đạo-đức phong-kiến, thì như khẩu-hiệu tự-do, bình-đẳng, bác-ái mà ta ngày nay mới gọi đây, từ khi có gió Âu mùa Mỹ tràn qua ta, chả hóa ra đạo đức tư-bản cá-nhân của một xứ nào hay một đảng phái nào ?

Nói cho cùng, đạo-đức, luân-lý, là nhu-cầu rất cần-thiết đối với cá-tính hay quần-tính, trong cuộc sinh-hoạt hàng ngày của con người, vì vậy mà Nhân Nghĩa theo nguyên-lý đã giải-thích trong bài nầy là hai Mỹ-đức của Khổng-học xây dựng, dạy người sống chung với nhau trong một xã-hội.

Để chấm dứt, xin nhấn mạnh triết-lý Khổng Tử hoàn toàn là đạo-đức luân-lý về nhân-sinh thiệt-hành nguồn gốc do chữ Nhân không pha màu sắc tôn-giáo cũng không có tính-cách thần-thoại thần bí. Sở-dĩ người Á-Đông tôn-sùng mà thờ kính là biểu-dương tinh-thần đạo-đức chớ không nên ngộ nhận là mê-tín.

TRẦN-QUANG-KHẢI

Những tài liệu tham khảo :

— *Khổng Học đăng Phan-bội-Châu*,
— *Vương-dương-Minh*,
— *Đào-trinh-Nhất*,
— *Sử-lược Trần-trọng-Kim*,
— *Báo Sinh-Lực* và *Minh-Tâm*.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

DẢN TẶNG TOÀN-QUỐC ĐẠI-HỌC SINH-VIÊN HUỆ PHÓNG TUYÊN-ĐỨC CHI THỨ

PHIÊN ÂM

Dữ tử nhất tịch thoại,
Đức-thành úy tịch liêu,
Vãng lai cơ thiên lý,
Hội ngộ tại kim chiêu,
Cựu nghiệp nho lâm phú,
Tân trào học hải nhiêu,
Hậu-sinh như khả úy,
Kiện cách hướng vân tiêu.

DỊCH NÔM

Họp mặt đương buổi ấy,
Đức-thành bớt tịch liêu,
Tới lui trên ngàn dặm,
Gặp gỡ trong một chiều,
Cựu-nghiệp rừng nho rộng,
Tân-trào bể học nêu,
Hậu-sinh bằng khá sợ,
Thẳng cánh vượt vân-tiêu.

Tháng 8 năm 1959

TUYÊN-ĐỨC KHỔNG-HỌC HỘI ĐỒNG NHÂN HỈ THƯ

(Một Hội-viên)

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Tiến tới một nhân-bản khoa-học

NGUYỄN-VĂN-ÁI

THẾ-GIỚI hiện nay chúng ta sống là một thế-giới đương vươn mình biến-chuyển trưởng-thành, mang theo cùng lúc một nguồn hi vọng và một mối lo sợ như chưa bao giờ thấy trong lịch-sử nhân-loại. Mối lo sợ đó và nguồn hi-vọng đó đều do những tiến-bộ của khoa-học và kỹ-thuật đã thực-hiện được với một nhịp rất mau lẹ trong những năm gần đây.

Thật vậy, thế-giới ngày nay biến-chuyển rõ-ràng dưới sự thống trị của những tiến-bộ kỳ-lạ của khoa-học và kỹ-thuật. Trong lịch-sử nhân-loại, chưa bao giờ con người đạt được tới một trình-độ khoa-học và kỹ-thuật cao như hiện nay. Mọi con mắt đều hướng về khả-năng của khoa-học và kỹ-thuật hiện-kim, vừa thán phục, vừa hi-vọng, vừa lo-ngại.

Tất cả những tiến-bộ này là những chiến-thắng rực-rỡ của lý-trí loài người trên thế-giới vật-chất.

Nhưng khoa-học tiến để đưa con người tới đâu ? Bước tiến của khoa-học có thật dẫn tới một nhân-loại tiến-bộ trong những giá-trị nhân-bản chăng ? Khoa-học và nhân-bản có những liên-quan gì với nhau ? Khoa học phụng sự nhân bản hay là phá hoại nhân bản ?

Chúng ta có thể hi-vọng *tiến tới một nhân-bản khoa-học* được chăng ?

●

Trước đây chưa đầy một thế-kỷ, khi một bệnh dịch nổi lên, là hàng triệu người bị mắc bệnh và đa số sẽ phải chết không có phương cứu chữa. Một năm hạn-hán là nhìn thấy trước viễn-tượng của nạn đói. Gió bấc mưa dầm là mang theo những đe dọa vỡ đê nước lụt.

Trước đây chưa đầy một thế-kỷ, đời sống con người ở bất cứ một điểm nào trên thế-giới đều bị chi-phối nặng-nề bởi những điều kiện của thế-giới tự-nhiên.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nhờ khoa-học con người đã hiểu biết, dưới một vài khía cạnh, bộ mặt thật của vũ-trụ trong đó mình sống. Con người đã thu được một số các năng-lực tiềm-tàng trong thiên-nhiên để mang vào trong áp-dụng kỹ thuật. Nhờ khoa-học và kỹ-thuật, con người đã chinh-phục được thế-giới tự-nhiên ngoài sức tưởng-tượng của người.

Hiện nay, con người đã có những phương-pháp để chặn đứng lại đa số những bệnh dịch. Y-học hiện-kim đã làm được một vài phép lạ thấy nói tới ở trong kinh-thánh. Nhờ những ngân-hàng mắt, trong một vài trường-hợp, người mù có thể nhìn thấy. Nhờ những máy thu-thanh tinh-vi, có những người điếc nghe thấy được. Nhờ những kích-thích tố vỏ thượng-thận, có những người tê-liệt kinh-niên đứng dậy đi được. Nhờ những ngân-hàng máu, bao nhiêu người sắp chết được sống lại. Nhờ khoa giải phẫu, bộ mặt người có thể được thay đổi hẳn, người già có thể được làm trẻ lại. Nhờ hiểu biết về sinh-lý, con người có thể cắt vào óc, mổ lấy một miếng phổi, mang kim khâu vào tận trái tim. Nói sao hết được những thực-hiện lạ-lùng của y-học hiện-đại.

Và trong mọi ngành khoa-học, hoặc nhiều hoặc ít, chúng ta đều có thể kể ra những khám phá kỳ lạ như vậy.

Từ thế-giới nhỏ bé của điện-tử, nguyên-tử, tế-bào, đến thế-giới bao la của vũ-trụ, con người ở thế-kỷ thứ 20 đều đã mang được ánh sáng của thông-minh vào thám-hiểm, để dần dần lấy ra được những áp-dụng kỹ-thuật.

Trong lịch-sử nhân loại, chưa bao giờ con người được làm chủ những quyền-năng mãnh-liệt như ngày nay.

Những tiến-bộ khoa-học và kỹ-thuật này có thể mang lại cho loài người những phương-tiện để chinh-phục vũ-trụ tự-nhiên mỗi ngày một sâu rộng thêm, có thể giải-thoát con người khỏi nghèo đói bệnh tật, có thể mang tới cho con người một đời sống vật chất tương đối dễ dàng đầy đủ và lâu dài hơn, có thể giải-thoát con người khỏi những đòi hỏi sinh-lý chật-vật hàng ngày, để con người được tự-do hơn, đạt tới một đời sống bên trong sâu sắc hơn, một nền văn-hóa cao-đẹp hơn, một đời sống tinh-thần phong-phú hơn, tương-xứng hơn với phẩm-cách của người.

Ngay từ những bước tiến-bộ đầu tiên của khoa-học, nhiều người đã đặt hi-vọng này vào khoa-học. Nhưng đây chỉ là một thái-độ lạc quan quá dễ dàng cho rằng tất cả mọi chuyện sẽ được giải-quyết bằng khoa-học, tổ-chức và tiến-bộ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nếu một phần nào khoa-học đã giải-đáp được những mong đợi nói trên, khoa-học ngày nay cũng đã mang tới những dụng-cụ chiến-tranh có thể tiêu-hủy cả nhân-loại; khoa-học cũng đe-dọa cả đời sống bên trong của mỗi người, biến đổi những nhân-vị thành những con người máy, và có thể dẫn nhân-loại tới diệt-vong hoặc man-rợ.

Trong cuộc thi-đua khoa-học, có những dân-tộc đã thản nhiên hi sinh nhiều thế-hệ con người để đạt tới những mục-tiêu đã định.

Và như vậy, thực-tế phũ-phàng đã dần dần làm cho con người vỡ mộng và lo ngại. Tưởng tìm thấy chìa khóa của thiên đàng, khoa-học càng tiến-bộ, con người càng cảm thấy hình như đương tự đốt lò một địa ngục.

Thế-giới tự-nhiên biến-chuyển trong một trật-tự tuần-tự kéo dài hàng triệu, hàng ức năm. Với những năng-lực tìm thấy, khoa-học đã thay đổi cả bộ mặt của thế-giới trong một thời-gian ngắn. Từ trên mặt của trái đất đến tận đáy các đại-dương, đều có dấu vết thám-hiểm của loài người. Các nguyên-liệu chôn vùi hàng bao nhiêu thế kỷ trong lòng trái đất được đào lên để dùng. Các đô-thị, các xưởng máy vĩ-đại được thiết lập ở những nơi trước kia là rừng núi, hoặc là ngay sa-mạc. Không-khí để thở cũng bị thay đổi bởi khói bụi của các nhà máy, và của các cuộc thí nghiệm nguyên-tử. Và ngay cả trong không gian đã bắt đầu thấy mọc lên những vì tinh-tú nhân-tạo.

Tiến-bộ khoa-học một phần nào đã làm cho thế-giới tự nhiên mất tự-nhiên.

Con người khi cởi mở được những năng-lực tiềm-tàng trong vũ-trụ vật chất, cũng đã cởi mở được một cách mãnh-liệt những thú-tính của lòng mình bằng cách nuôi-dưỡng những thỏa-mãn nhu-cầu vật-chất một ngày một nhiều, một phức-tạp và không bao giờ hết.

Nhưng chưa bao giờ mực sống vật chất của con người lại sai-biệt nhau nhiều như hiện-tại. Bởi vì, hiện nay chỉ có một thiểu-số trong nhân loại được hưởng những tiện lợi của khoa học và kỹ-thuật, còn đại đa số vẫn sống trong nghèo đói, trong tật bệnh, trong chết yểu, trong cơ-cực của vật-chất và sinh-lý.

Và nỗi cơ-cực này càng được cảm thấy sâu-cay vì con người ý-thức thấy : có những lời giải diễn ra trước mắt mà mình không được đạt

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

tới. Mực sống lâu trung bình của người Âu-Mỹ là 65 tuổi. Mực sống trung bình của người Ấn-Độ là 27 tuổi.

Những dụng-cụ để chinh-phục thế-giới vật chất cũng được dùng ngay để phụng-sự ý-chí thống-trị nhân-loại bằng uy-lực. Vào đầu thế-kỷ, nhờ hiểu biết khoa-học, các nước ở Âu-châu đã chia nhau làm bá-chủ nhân-loại.

Ngày nay, với những năng-lực mới tìm thấy, sự tranh-dành lại tái diễn với những địch-thủ mới, nhưng ngày nay với những khí-giới chiến tranh có thể tiêu-diệt cả nhân-loại.

Đấy là chưa nói tới những phương-pháp lấy ra ở những định-luật tự-nhiên cũng đã được mang áp-dụng thẳng vào đời sống bên trong của con người, để kiểm-soát, điều-khiển và thuần-phục con người như con người dẫn-dắt các súc-vật và sai-khiến các cái máy.

Các hình-ảnh trên không có chi là đẹp-đẽ cho những tiến-bộ khoa học. Mọi việc xảy ra như thể khoa-học càng tiến con người càng trở nên vô-nhân-đạo. Phải chăng muốn đạt tới khoa-học, con người đã đem bán linh-hồn mình cho khoa-học ? Phải chăng nền văn-minh vật-chất dựa trên khoa-học và kỹ-thuật sẽ nhất-định tạo ra những con người quái vật quá ngả về vật-chất đến nỗi lạc hướng đi về tinh-thần, có thể dẫn nhân-loại tới diệt-vong hoặc man-rợ ?

Trong thực-tế, sự khủng-hoảng của nền văn-minh hiện-tại, sự tăng-cường các máy móc, sự chế-tạo các khí-giới tối-tân để chống đối lại người, luôn luôn làm liên-tưởng tới tính-chất « phá nhân-bản » của khoa-học.

Bởi vậy khi nói tới một *nhân-bản khoa-học,* thật không khác nào như chới-với theo một ảo-mộng.

Cũng vì vậy, trước hiện-tượng khoa-học và kỹ-thuật, nhiều người đã có một thái-độ từ-chối. Từ-chối, như một nhà hiền-triết Trung-Hoa đã nhất-định dùng tay múc nước tát vào ruộng, chứ không chịu dùng cái gàu. Bởi vì ông ta hiểu-biết về hai bàn tay của ông ta, nhưng không biết cái gàu sẽ đưa ông ta đi đến đâu.

Thái-độ từ-chối này mơ-ước tới một thời Nghiêu-Thuấn ở đó con người sống hòa-hợp với trật-tự tự-nhiên và nhân-đạo.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nhưng làm thế nào để có thể quay lại được dĩ-vãng, để từ-chối không chấp-nhận những tiến-bộ của khoa-học và kỹ-thuật ?

Ở thời đại có *máy dệt tự-động* và có thể *dệt vải thừa mặc cho cả nhân-loại*, cử-chỉ của Thánh Gandhi ngồi đưa thoi trên khung cửi chỉ có một giá trị tượng-trưng.

Cho nên trước khoa-học và kỹ-thuật, chúng ta không thể có thái độ lạc-quan dễ-dàng, cũng như thái-độ bi-quan đến nỗi từ-chối khoa-học hoặc thái-độ buông xuôi đến đâu hay đó.

Trước khoa học và kỹ-thuật, chúng ta phải biết nhận trách-nhiệm làm người để xây-dựng một thái-độ độc-nhứt có thể chấp-thuận được : đó là một thái-độ hi-vọng. Hi-vọng không phải ở khoa-học, nhưng hi vọng ở người. Hi-vọng ở người biết dùng khoa-học để phụng-sự toàn thể nhân-loại.

Thái-độ này là một thái-độ khó-khăn đòi hỏi nhiều can-đảm, nhiều hi-sinh và nhiều tranh-đấu.

Tất-cả sẽ tùy thuộc ở sự phản-ứng của con người, của toàn-thể nhân-loại, nghĩa là của mỗi người chúng ta.

Con người hiện-tại sẽ phản-ứng làm sao trước sự cơ-giới hóa nhân vị, trước sự đe dọa của một khoa-học vô ý-thức và vô trách-nhiệm.

Sự phản-ứng này là một sự tối cần-thiết đối với con người hiện tại để thiết-lập một nhân-bản khoa-học trên những điều-kiện mới của sự sống do tiến-bộ của hiểu biết đặt ra.

Tính-chất phá-hoại của khoa-học không phải là một đặc-tính thực sự của khoa-học. Khoa-học vô-tội trước những thảm-cảnh đổ-vỡ trong nhân-loại do áp-dụng khoa-học tạo ra. Trách-nhiệm phải quy về con người, về một xã-hội con người.

Chúng ta đừng quên tính-chất song-phương của khoa-học. Khoa-học một sản-phẩm của người, cũng mang theo hình ảnh của người : không phải là thiên-thần; cũng không phải là súc-vật. Khoa-học tự nó *không xấu* và cũng *không tốt*. Cái gì đáng kể, cái gì định hướng xấu hay tốt là cách dùng những khám-phá khoa-học bởi *con người*.

Nguyên-tử-lực có thể tiêu-hủy nhân-loại, cũng như có thể mang tới một đời sống đầy-đủ và dễ-dàng. Cả hai viễn-tượng đối-chọi nhau đó đều ở trong cùng một khám-phá khoa-học.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Những áp-dụng của khoa-học vào điều-kiện con người thuộc một luân-lý ở ngoài phạm-vi của khoa-học.

Khoa-học không đáng chê-trách. Đáng chê-trách là hoạt-động của con người khi áp-dụng khoa-học, đã quên mất ý-nghĩa của phẩm-giá con người.

Không những khoa-học vô-tội, khoa-học không đáng chê-trách, nhưng thật ra khoa-học là một tiến-bộ không ai có thể chối cãi.

Khoa-học là kết-quả của sự đụng chạm giữa trí-óc loài người và vũ-trụ. Khoa-học giúp người mỗi ngày một tiến gần thêm về sự thật.

Tinh-thần khoa-học trước nhất là một trạng-thái phục-thiện trước sự thật, biết chấp-nhận những hiện-tượng mới để sửa đổi những sai nhầm của sự hiểu biết cũ. Tất cả đời sống trí-thức khoa-học được diễn ra ở nơi biên-thùy khó đứng giữa sự hiểu biết và sự chưa hiểu biết. Điểm chính của suy-tưởng khoa-học là biết chấp-nhận : trước kia chính mình chưa hiểu và bây giờ mình mới hiểu. Do đó muốn phụng-sự khoa-học trước nhất phải có một tinh-thần cởi-mở để luôn luôn sẵn-sàng xây dựng lại lập-luận của mình, và đời sống tinh-thần của mình.

Tinh-thần khoa-học thuần-túy hướng về sự tìm kiếm sự thật tiến-bộ khoa-học luôn luôn làm ngạc-nhiên lý-trí, và có những tầm-thước mở rộng vô-tận. Trái lại tinh-thần kỹ-thuật mới hướng về sự kiểm-soát và thống-trị thế giới tự-nhiên.

Nhìn theo khía cạnh đó, khoa-học và kỹ-thuật là những dụng-cụ để giải-phóng con người, để làm trưởng-thành con người và cũng có năng-lực hợp-nhất nhân-loại.

Trước vũ-trụ và thế-giới tự-nhiên, khoa-học cho thấy con người chỉ là một. Trước bệnh dịch-tả, không có người Trung-Hoa, người Pháp, người Mỹ, người Nhật-Bản.

Thí-dụ như một ngày kia, chương-trình diệt-trừ sốt-rét được thực-hiện kết-quả hoàn-toàn tốt-đẹp ở Việt-Nam, nhưng nếu ở Cao-Mên không có chương-trình đó, muỗi ở Cao-Mên vẫn sang Việt-Nam, và bệnh sốt-rét vẫn chưa bị diệt-trừ hẳn. Trước khoa-học, quan-niệm biên-thùy trở thành vô-nghĩa.

Như vậy, khoa-học là một tiến-bộ giải-phóng con người tới một nhân-loại trưởng-thành trong hợp nhất.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Trong nhân-loại đương trưởng thành này, kỹ-thuật và khoa-học sẽ có một nhiệm-vụ quyết-định. Vì vậy, sự tiến-triển của khoa-học và kỹ thuật hiện nay bắt buộc con người phải kiểm soát lại chính ngay những nguyên-tắc đã thúc đẩy trí óc loài người đi tìm hiểu vũ-trụ.

Khoa học được nung đúc trong điêu luyện khó khăn của thông minh và kỷ-luật khắt-khe của sự thật, đòi được gia-nhập một tinh thần bao quát. Tinh-thần đó phải là một sự kính-trọng và phụng-sự những giá-trị nhân-bản.

Khoa-học phải là một công cuộc vĩ-đại của trí óc loài người dùng thông-minh để dò xét, cởi mở những định-luật sẵn có trong vũ-trụ, nhưng không ngoài phận-sự để cải-thiện nhân-loại và nhân-hóa vũ-trụ.

Đúng theo ý-nghĩa của nó, khoa-học phải phụng-sự nhân-bản.

Và trái lại, trước sự lan tràn của khoa-học và kỹ-thuật trong đời sống vật-chất và tinh-thần của con người, một *nhân-bản* không thể nào được xây-dựng ở ngoài khoa-học, và nhất là chống lại khoa-học.

Như vậy, tiến tới một nhân bản khoa-học, có nghĩa là : nhất-định tin-tưởng vào khoa-học và kỹ-thuật, nhưng cũng biết đặt khoa-học và kỹ thuật vào trong một vũ-trụ giá-trị nhân-bản bao-quát.

Một trong những đặc-điểm của nhân-bản khoa-học là hướng về tương-lai, trong khi những nền nhân-bản cổ-điển hướng về dĩ-vãng.

Nhân-bản khoa-học mang tới một hi-vọng, một đợi chờ, một cảm giác : nhân loại luôn luôn bước tới một thực hiện nhân loại càng ngày càng toàn-vẹn hơn nhờ sự hiểu biết sâu rộng về trật-tự tự-nhiên để không bao giờ ngừng tiến trên con đường của sự thật.

Nhân-bản khoa-học hướng về viễn-tượng những thời gian sắp tới ở đó con người đạt tới trưởng thành hơn trong những tầm thước mỗi ngày một toàn vẹn của người.

●

Như tôi đã nói ở trên, trước những tiến-bộ khoa-học và kỹ-thuật ngày nay, chúng ta không nên có thái-độ lạc-quan hay bi-quan, nhưng một thái-độ hi-vọng, hi-vọng vào con người sẽ tiến tới được một nhân-bản khoa-học.

Hi-vọng này phải chăng là một hi-vọng suông? một ảo-tưởng ?

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Chưa bao giờ con người được đặt trước trách-nhiệm làm người một cách gay go như hiện nay.

Con người sẽ xử-dụng quyền tự-do của mình ra sao ?

Không lúc nào bằng lúc này, con người cảm thấy thấm-thía : con người luôn luôn ở trong một tình-trạng bi-đát, không những về phương-diện sinh-lý và vật-chất, nhưng một tình-trạng bi-đát có cỗi rễ sâu xa hơn ở chính-ngay trong tâm-hồn đang kêu gào đòi được giải-phóng khỏi sự xấu. Vì vậy thái-độ hi-vọng nói trên không ở ngoài lòng tin vào con người có một tầm-thước hướng-thượng.

Chúng ta hi-vọng, bởi vì làm thế nào chúng ta có thể tin vào tầm thước hướng thượng của người *trong một nhân loại đã mất hi-vọng* ?

Cho nên trong những bước tiến kỳ-lạ hiện nay của khoa-học, thật ra con người đang đuổi theo không phải những vì tinh-tú của không gian, nhưng đuổi theo chính định-mệnh của mình, trên con đường tìm kiếm hoàn-kết một nhân-loại thật là nhân-loại. Trên con đường tìm kiếm này, mỗi dân-tộc hình như có một nhiệm vụ.

Các nước hậu-tiến có lẽ chính bởi vì chưa phải ép mình nhớn vọt lên quá trớn, có thể còn đủ tầm xa để nhận-định và giúp ích vào việc tìm kiếm một thế quân-bình cho sự sống trưởng-thành của loài người, trong mọi tầm-thước của người.

Các nước này hiện nay là đa số nhân loại. Một phản-ứng cương quyết chung của họ có thể có một ảnh-hưởng quyết-định vào hướng đi của nhân-loại. Trái lại, các nước tiền-tiến chớ nên vội hoa mắt về giới hạn quyền lực của mình, đến nỗi lạc hướng làm người.

Sự có mặt của vũ-trụ tự-nhiên, sự có mặt của sự sống, sự có mặt của con người trên mặt đất, là những sự việc không thuộc vào ý muốn của loài người. Bất-cứ một biến-chuyển trưởng-thành nào cũng mang theo cùng một lúc những hiện-tượng đào-thải, những biến-thiên đau-đớn, nhưng hi vọng xây-dựng.

Vì vậy, chúng ta không nên quá lo về sự sống còn của nhân loại, nhưng có lẽ đáng lo cho những dân-tộc nào không theo được và không cộng-tác vào hướng tiến của sự sống toàn thể con người.

B.S. NGUYỄN-VĂN-ÁI

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Con người trước vấn-đề tiến-hóa

VŨ-ĐÌNH-CHÍNH

TÔI nhớ lại chuyện những người Tầu lúc mới sang Việt-Nam làm ăn với tất cả hành lý là một cái bị nhỏ, một khi phát đạt, trở lại làng xóm của mình ở nước Trung-Hoa xa xôi. Đó chỉ là sự phát-biểu của một tính-chất của con người lúc nào cũng muốn quay về nguồn gốc.

Ngay từ khi biết làm nông-nghiệp để điều-hòa lượng thức ăn quanh năm, con người muốn tìm hiểu nguồn-gốc và vị-trí của mình hiện tại trong vũ-trụ sinh-vật.

Chúng ta từ đâu sinh ra ? Vị-trí của chúng ta trong vũ-trụ hiện-tại là gì ? Chúng ta sẽ đi tới đâu ?

Những câu hỏi đó luôn luôn vơ vẩn trong trí óc con người.

Ở đây, chúng tôi chỉ tóm tắt các cố-gắng của người để giảng nghĩa nguồn gốc của mình, đoạn xác-định vị-trí của con người trong vũ-trụ hiện-tại và tương-lai của nhân-loại.

Chúng ta từ đâu đến ? Về vấn-đề này *Darwin* đã dùng một hình ảnh rất khéo léo. Chúng ta hãy tưởng tượng đứng trên cao nhìn xuống một cái cây mà mây mù phủ kín chỉ để lộ các điểm tận cùng của các cành. Chúng ta có cảm tưởng rằng mỗi một cành con là một vật riêng biệt không có liên-hệ gì với các cành khác. Nhưng nếu gió thổi tan hết mây mù đi, chúng ta sẽ thấy rằng tất cả những cành đó đều phát xuất tự một thân cây, phân chia thành nhánh.

Ở thế-giới sinh-vật ngày nay cũng vậy, chung quanh ta sinh vật có muôn loài muôn giống, mới nhìn thì tưởng như không có liên-hệ gì với nhau, nhưng thực ra đều có thủy-tổ chung. Thời-gian cùng các hiện tượng địa-chất thay đổi khung cảnh, điều-kiện sinh-hoạt đã là đám mây mù. Nếu chúng ta đi ngược lại thời-gian, biết được những chuyện xảy ra thì ta sẽ thấy các mối liên-hệ giữa các sinh-vật. Tất cả các sinh-vật

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

đều bắt nguồn tự một loại sinh-vật nguyên-thủy, đoạn thay đổi tiến-hóa mà biến thành muôn loài muôn vật.

Để chứng minh rằng các sinh-vật thay đổi, chúng ta tìm những tài liệu lấy ở cổ sinh-vật-học, giải phẫu so sánh học và phôi-học.

Cổ sinh-vật-học là khoa-học khảo sát các sinh-vật đã sống trong các thời-đại quá-khứ. Nguyên-tắc thật giản-dị. Quả đất luôn luôn bị soi mòn, các mảnh vụn của nham-thạch theo nước tới sông rồi ra bể, và lắng tụ theo thứ tự của trọng-lượng xuống đáy bể thành từng lớp, từng hàng, mang theo các xác sinh-vật đã chết. Như vậy mỗi lớp đất lắng tụ như một trang giấy sắp đặt theo thứ tự của thời-gian ghi chép các sinh-vật đã sống trong thời-gian tương-ứng. Giở lại trang giấy đó thì hiểu biết được lịch-sử của muôn loài. Một trong những thí-dụ thường được dẫn ra để chứng minh sự tiến-hóa là « chân con ngựa ».

Thủy tổ con ngựa là con *Eohippus*. Mới đầu, chân gồm có năm ngón, ngón giữa to nhất. Qua các thời đại địa-chất, ngón thứ nhất biến hẳn đi, ngón thứ hai và thứ tư thu gọn lại, chỉ còn ngón thứ ba là khai triển.

Khoa giải-phẫu học so sánh, so sánh cách tổ-chức của cơ thể sinh vật, để lập một mối liên-hệ giữa các cơ-quan mà các sinh-vật khác nhau. Sự so sánh não bộ của loài cá, loài ếch nhái, loài bò sát và có vú cho ta thấy rằng :

Ở loài cá, các bán cầu não chưa xuất-hiện, chỉ có vân thể, tiểu não nhỏ. Trái lại các thủy khứu giác khai-triển và củ não sinh đôi tạo thành phần lớn nhất của não bộ.

Ở các loài ếch nhái và bò sát, các bán cầu não và tiểu não tăng trưởng dần dần, các thủy khứu-giác và củ não sinh đôi giảm đi.

Ở loài có vú bán cầu não và tiểu não khai-triển vượt bực, đồng thời có hai giải chất trắng nối liền hai bán cầu não. Bán cầu não khai triển che lấp các phần khác của não bộ và chỉ để hở một phần tiểu não.

Chúng ta có thể tìm rất nhiều các thí dụ tương tự khác. Khoa giải phẫu so-sánh cho ta thấy những điểm giống nhau về bình-diện tổ chức, các phần tương-ứng sắp đặt theo một thứ tự nhất định.

Nếu ta chú ý đến hai sinh-vật, rất có thể các cơ-quan hoặc các phần của cơ-quan khác nhau rất nhiều, nhưng ta có thể tìm được những

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

nhóm trung-gian và theo dõi sự biến đổi dần dần.

Nếu người, con chó, con cá voi hay con dơi không có liên-hệ hoặc họ hàng gì với nhau, thì làm sao người ta có thể thấy ở tay, ở chân, ở vây hay ở cánh các xương giống nhau, sắp đặt một cách giống nhau.

Sự giống nhau là do sự di-truyền, khác nhau là do các sự tiến hóa.

Chúng ta còn nhận thấy rằng những sinh-vật sống trong một môi-trường giống nhau có cấu-tạo giống nhau. Các thực-vật mập sống trong môi-trường khô-khan có hình dạng giống nhau, nhưng thực ra đều thuộc về các loài khác nhau. Ta phải thừa nhận rằng các thực-vật mới đầu khác nhau, nhưng vì phải thích-nghi với môi-trường nên dần dần thay đổi.

Khoa phôi học khảo sát đến các phôi của các sinh-vật, các hiện tượng phức-tạp của các tế-bào, sự phân chia tế-bào, sự thụ-tính và sự khai-triển của các trứng.

Khoa phôi-học cho chúng ta thấy những hiện-tượng, những hình thái và các cách khai-triển giống nhau, chứng tỏ một nguồn gốc chung và sự tiến-hóa các sinh-vật.

Chúng ta thấy trong các phôi của động vật có xương sống ở cạn có những mang. Những mang này không có công-dụng và về sau biến đi.

Người ta chỉ có thể hiểu được các hiện tượng đó nếu cho rằng tất cả các sinh-vật đều có nguồn gốc chung. Trong một thời gian, người ta đã cho rằng sự tiến-hóa của một phôi chỉ là sự tiếp diễn tất cả các trạng thái cơ thể của tổ tiên. Nhưng nói như vậy thì hơi quá, vì thực ra phôi của các động-vật có xương sống trên cạn chỉ giống các trạng thái của phôi cá chứ không giống cá.

Để giảng nghĩa sự tiến-hóa đó, *Lamarck* đã nói đến sự thích-nghi với môi-trường và di-truyền các tính-chất tiếp thụ. *Darwin* nói đến sự cạnh tranh sinh-tồn và đào-thải thiên nhiên. *Hugo de Vries* và các môn-đệ nói đến các sự ngẫu biến. Sự ngẫu biến được di-truyền tuy có tính chất bất-ngờ và không có mục đích thích nghi, nhưng sự đào thải tự nhiên loại các sự ngẫu biến không thích-hợp.

Tất cả các sự cố gắng để giảng nghĩa sự tiến-hóa đều vấp phải

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

những sự khó khăn lớn và không thỏa mãn hoàn toàn mọi người. Tuy nhiên tất cả mọi người đều phải công nhận sự tiến hóa của các sinh-vật.

●

Những biện chứng vừa nêu lên chứng tỏ rằng các sinh vật đều có một nguồn gốc chung, và người là một sinh-vật trong số các sinh-vật hiện có trên mặt trái đất, và vì vậy có liên-hệ với các sinh-vật khác, đã sống, đang sống hay sắp sống trên mặt quả đất này... Nhưng người giống một sinh-vật này hơn một sinh-vật khác. Ví dụ : người thuộc về động-vật, chứ không phải thực-vật. Trong nhóm động-vật, người thuộc về nhóm có xương sống ; trong nhóm có xương sống, người thuộc về nhóm có vú chứ không phải thuộc về nhóm ếch nhái, bò sát hay cá. Trong nhóm có vú, người thuộc về bộ linh trưởng (primate). Sự hiểu biết của chúng ta chưa cho phép ta kết luận một cách chắc chắn vị trí rõ rệt của người trong bộ linh-trưởng và mối liên-hệ với các linh-trưởng khác. Nhưng thực ra vấn-đề này cũng không quan trọng lắm nếu chúng ta có mục-đích đi tìm ý-nghĩa của con người trong vũ-trụ của chúng ta. Chúng ta không cần biết thủy tổ loài người là *Pithecanthropus* hay là *con khỉ độc*, vì sự hiểu biết đó không có ảnh-hưởng gì quan trọng đến tính chất của con người hay vị-trí của con người trong thiên-nhiên.

Bảo rằng người là một linh-trưởng không có nghĩa rằng người *chỉ* là một con vật, như con chim hay con cá. Kết luận như vậy là sai lầm và làm cho ta không hiểu mình và giá-trị của mình, là nhận rằng người không có tính-chất gì khác tính-chất của một con vật.

Thực ra người có tất cả các tính-chất của một con vật nhưng bên cạnh những tính-chất đó, có những tính-chất mà ta không tìm thấy ở một con vật nào khác. Tuy người chỉ là một kết-quả hay một giai-đoạn của sự tiến-hóa cơ-thể, nhưng vị-trí của con người trước thiên nhiên và ý-nghĩa của đời sống con người không phải xác-định bởi tính thú-vật của người nhưng bởi nhân-tính. Vì người có sự thông minh, tính uyển chuyển, có nhân-vị và tổ-chức xã-hội. Có lẽ ở một số sinh-vật khác chúng ta cũng tìm thấy những tính-chất này, nhưng ở một trạng-thái sơ khai và chưa bao giờ khai-triển như ở người. Ngoài ra người không những có thể thích nghi dễ dàng với môi trường, nhưng còn kiểm soát một phần nào trên môi trường.

Nếu đặt người vào trong giới-hạn của các sinh-vật, thì với những tính chất nói trên, người là con vật tiến-hóa nhất, tinh vi và phức tạp

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

nhất. Tình trạng này không phải là do một sự chủ-quan của loài người gây nên. Có nhiều người thường nói mỉa mai rằng: « Nếu có một con cá, khảo sát về vấn-đề tiến hóa của sinh vật, nó sẽ cho loài cá là loại động vật tiến hóa nhất và nó sẽ chế nhạo người, cái con vật khi vào nước thì cử động vụng về, thô kệch, không có các cơ quan toàn mỹ để hô hấp như mang cá, hoặc để bơi lội trong nước như vậy ». Riêng tôi, thì tôi cho rằng, trong trường hợp đó con cá sẽ lấy làm ngạc nhiên rằng có một con vật khác là người cũng nghĩ đến các vấn-đề tiến hóa và băn khoăn trên vấn đề đó.

Như vậy sự đặt loài người lên đầu các loài sinh-vật không phải là do một sự chủ - quan, nhưng là do sự-kiện : người là sinh-vật duy nhất có thể suy luận như vậy được. Nhưng quan niệm người là một sinh vật đứng đầu trên các hàng sinh-vật, tiến hóa nhất, hoàn mỹ nhất chưa đủ. Người là một *loại sinh-vật mới*. Ở người, bên cạnh sự tiến-hóa cơ-thể luôn luôn tiếp-diễn, có một sự tiến hóa mới mà căn bản là một loại di-truyền mới : sự di-truyền các điều hiểu biết. Ở một vài động-vật có vú khác hay ở một vài động-vật thấp hơn, người ta cũng nhận thấy sự di-truyền này, nhưng ở người, nó khai triển mạnh mẽ nhất.

Trong sự tiến-hóa cơ-thể, sự di-truyền các tính-chất tiếp thụ không được chứng-minh. Ví dụ đuôi con chuột, người ta cắt đuôi chuột trong rất nhiều thế-hệ liên tiếp, nhưng những thế-hệ sau vẫn sinh ra có đuôi đầy đủ. Trong sự di-truyền mới, các sự học hỏi được, các điều hiểu biết, đều coi như là những tính-chất tiếp thụ, đều có thể di-truyền được nhờ tổ-chức xã hội tác-dụng như một môi trường.

Sự di-truyền cơ-thể đòi hỏi một sự liên-tục hay một sự gần gũi, giới-hạn bởi không gian và thời gian.

Sự di-truyền các kiến-thức hay tư-tưởng mới đầu cũng bị giới hạn như trên ở loài người. Ngày nay các giới hạn đó đều bị phá vỡ và không tồn tại nữa, nhờ những kỹ-thuật ghi chép và truyền bá, nhờ các phương-pháp thống-kê hay giây nói, vô-tuyến và vô-tuyến truyền hình. Trong sự di-truyền mới, ta có thể tiếp-thụ được các tư-tưởng hoặc điều hiểu biết của các tổ-tiên sống trước ta hàng 2.000 năm hay trẻ hơn ta và xa cách ta, ở phần bên kia của trái đất.

Trong các sinh-vật, sự di truyền có thể tác dụng trên các giống sinh vật gần nhau, giới hạn bởi những điều kiện địa dư. Trong xã hội loài người, sự di truyền các hiểu biết tác-dụng giữa các nhóm văn hóa

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

hay tư tưởng riêng biệt, những điều kiện về địa dư, về quốc-tịch hay ngôn-ngữ vẫn còn ảnh hưởng nhưng nhẹ hơn, phơn phớt hơn là ở sự di-truyền cơ-thể, có nhiều khi những điều kiện đó không còn ảnh-hưởng nữa.

Khoa-học của loài người là một bộ máy sản-xuất các nguyên liệu để di-truyền giữa các nhóm văn hóa. Khoa học tiến bộ đã loại hẳn những điều kiện về địa-dư.

Sự tiến hóa mới bắt đầu tự loài người thực ra chỉ là kết-qnả của sự tiến hóa cơ thể, nhưng nó khác hẳn về tính chất. Ở các đoạn trên chúng ta đã kể đến các sự sai biệt. Sự sai-biệt quan trọng nhất có lẽ là điểm sau :

Trong sự tiến-hóa cơ-thể có sự ngẫu-biến. Sự ngẫu biến xảy ra đột ngột, không phải do lý trí, hoặc sở thích, hoặc nhu-cầu gây nên. Một khi sự ngẫu biến đó xảy ra rồi, những then máy bình thường của sự tiến hóa tác-dụng và sinh-vật lúc bấy giờ chỉ giữ một vai trò thụ-động.

Trong sự tiến-hóa mới, một nguyên-động-lực mới xuất-hiện không phải một cách đột ngột, nhưng ảnh-hưởng bởi thói quen, bởi trạng-thái tâm-lý hay cảm xúc, hoặc bởi tiềm-thức có liên-hệ đến nhu-cầu hay sở thích của toàn diện hoặc của một số đông người, nhưng nhờ có trực-giác và phản ứng của một cá-nhân làm cho sáng tỏ.

Một khi đã xuất hiện, nguyên-động-lực đó không phải tiến-hóa một cách máy móc, nhưng lại phụ thuộc không những vào các ảnh hưởng của nhu-cầu hay cảm-súc hiện tại, nhưng còn phụ thuộc vào cảm súc, của tất cả các khái-niệm về giá-trị và đạo-đức.

Qua sự sai-biệt căn-bản giữa sự tiến-hóa cũ và mới, ta thấy sự tiến hóa mới bị kiểm-soát bởi ý-thức (conscience). Trong đám động-vật chỉ có người là biết mình đang tiến-hóa và chỉ có người là có thể tìm hướng cho sự tiến hóa của mình. Đối với người, sự tiến-hóa không phải là một việc gì bắt buộc phải xảy ra, nhưng là một điều mà người dự vào một phần hoạt-động rất lớn.

Trong sự tiến-hóa mới, sự hiểu biết càng ngày càng sâu rộng, khái niệm về giá-trị càng ngày càng khai-triển và có sự tự-do chọn lựa. Nhờ đó, người kiểm-soát được sự tiến-hóa cơ-thể. Nhưng sự kiểm soát của người trên sự tiến-hóa cơ-thể hay xã-hội không chặt chẽ, vì người không thể chắc chắn rằng sự tiến-hóa xảy ra theo một chiều nào nhất

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

định mà không bị lạc hướng, và người cũng không có thể chọn một đường tiến-hóa bất di dịch với một vận tốc nhất định tùy theo sở-thích của mình. Trong lãnh-vực sự tiến-hóa cơ-thể, chúng ta chưa thể gây ra một ngẫu-biến phù-hợp với sở nguyện của chúng ta, chúng ta chưa có phương pháp nào để thay đổi các nhiễm thể một cách chính xác để gây nên sự xuất-hiện một tính-chất mới. Trong lãnh-vực của sự tiến-hóa xã hội, những sự hiểu biết mới, những tư-tưởng mới không xuất-hiện đồng lúc với các nhu-cầu và sở nguyện vì các lực-lượng đối-lập và các lực *inertie*.

Trong vũ-trụ vật-chất, sự thực-hiện ngay những điều ước vọng của ta là một điều không thể có được, nhưng như vậy không có nghĩa là ta không có thể kiểm soát một cách có ý-thức sự tiến-hóa của chúng ta. Tất cả vấn-đề là ta phải nhận chân những năng-lực của chúng ta và những giới hạn gò ép chúng ta. Sự tiến-hóa cơ-thể là một quá-trình hoàn toàn vật-chất đứng về hai phương-diện nguồn gốc và tác-động, và đời sống có một căn-bản vật-chất, nhưng tính-chất của đời sống phụ thuộc vào sự tổ-chức của vật-chất, chứ không phải tính-chất của vật chất. Người là một kết-quả của sự tiến-hóa vật-chất, nhưng ngoài tính chất chung cho các sinh-vật, người còn có tính-chất đặc biệt : sự thông minh, đời sống tinh-thần và tổ-chức thành xã-hội. Nhưng tất cả tính chất này đều phát nguồn tại sự tiến-hóa cơ-thể. Bắt đầu từ người thì bên cạnh sự tiến-hóa về cơ-thể, có một sự tiến-nóa mới, bắt nguồn từ sự tiến-hóa cơ-thể nhưng khác hẳn về tính-chất. Trong sự tiến hóa mới này, các đặc-điểm là sự dự-trù và sự lập chương-trình. Vì người dự trù và sau khi dự-trù thì lập chương-trình để thực-hiện.

Tuy nhiên người không phải là mục-đích tối hậu của sự tiến-hóa, vì sự tiến-hóa không có mục-đích. Sự xuất-hiện của người không được dự trù trước vì sự tiến-hóa không theo một chương-trình nhất-định và người cũng không phải là một kết-quả tối hậu của sự tiến-hóa. Vậy vị-trí của người là gì ? Phải chăng sự xuất-hiện của người không có ý nghĩa và chỉ là kết quả của một sự bất ngờ. Thực ra người chỉ xuất hiện sau rất nhiều biến-cố mà may có rủi có và sau một sự chuyển hướng — sự may nhiều hơn rủi, sự chuyển hướng tuy không liên-tục nhưng tổng-hợp là sự xuất-hiện người — bảo rằng đó chỉ là một sự bất ngờ không bao hàm một ý-nghĩa gì thì không đúng.

●

Chúng ta đã nói đến những đặc điểm của người, khác hơn những

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

sinh vật khác. Chỉ có người là biết mình đã tiến-hóa, đang tiến-hóa và tự đặt mình trong một lãnh-vực riêng biệt của thời-gian và không gian. Người còn chọn lựa và dự định. Tất cả các tính-chất đó làm cho người có một trách-nhiệm.

Vì người có thể hiểu biết nên có bổn phận phải tìm chân-lý và truyền bá chân-lý đó cho xã hội.

Vì có thể chọn lựa, nên có trách-nhiệm chọn điều phải và tránh điều xấu.

Khái-niệm về giá-trị cho người phương-tiện và trách-nhiệm chọn điều phải.

Vì có thể dự định được nên người có trách-nhiệm thực-hiện những điều mà cho là phải.

Những năng-lực và trách-nhiệm đó, không phải là các tính-chất của đời sống hay của sự tiến-hóa nhưng là những tính-chất của người. Người là động-vật biết nhiều nhất và nghĩ nhiều nhất, và người là động vật có trách-nhiệm. Vì vậy người có trách-nhiệm chọn lọc đường tiến hóa của mình, khai-triển các năng-lực và tiến-bộ hơn nữa, hoặc thoái hóa. Không có một then máy tự-động nào có thể làm cho người tiến-hóa tự nhiên không cần chọn lọc và không cần cố gắng. Vì sự tiến-hóa không có chương-trình, nên người phải tìm một đường lối cho sự tiến hóa. Sự tiến đến một giai-đoạn tốt đẹp đòi hỏi một sự tiến-hóa cơ-thể và sự tiến hóa của con người, nhưng người chọn một chiều hướng cho sự tiến hóa đó.

Nguyên-động-lực quan trọng nhất trong sự tiến-hóa mới của người là sự hiểu biết, sự truyền-bá và di-truyền sự hiểu-biết. Vì vậy cho nên ta có thể coi sự hiểu biết như là một mục-đích của loài người, và mọi người phải cố gắng cho sự hiểu biết tăng-trưởng. Như vậy nghĩa là mỗi người phải luôn luôn tìm kiếm những chân-lý mới, tìm cách truyền bá các chân-lý đó, hoặc là nhận chân những chân lý và học hỏi thêm. Sự hiểu biết bao giờ cũng là một điều tốt, nhưng sự hiểu biết chỉ tác dụng khi thấm nhuần nhiều vào dân chúng, và ảnh-hưởng tốt hay xấu lại tùy thuộc vào loài người. Vì thực ra có nhiều loại hiểu biết. Sự nhận thức tình âu yếm, hay sự yên bình của một đứa trẻ khi gục đầu vào lòng mẹ, hay sự khám phá cấu-tạo của siêu-vi dưới kính hiển-vi điện-tử đều là sự hiểu biết. Tuy nhiên khoa-học là phương-tiện độc nhất ngày nay để ta học hỏi thêm. Người ta phân chia khoa-học thành ba

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

loại : lý học, sinh học và xã-hội học, tương-ứng với ba cấp bực của sự tổ-chức của vật chất và năng-lượng hay đúng hơn là ba loại tổ-chức. Sự tổ-chức lý-học ít phức-tạp hơn các tổ-chức về sinh-học, và sự tổ-chức về xã-hội hội-tụ sự phức-tạp của cách tổ-chức về lý và sinh học. Sự nguy hiểm cho người là ở mối liên-hệ giữa ba loại hiểu biết đó. Một mặt thì lý-học là căn bản của sự hiểu biết khoa-học và những kết-quả của lý-học có thể áp-dụng để làm điều thiện hay ác. Khoa lý-học là khoa học đơn giản nhất, vì vậy nên những sự phát minh nhiều hơn và những sự tiến bộ của khoa-học mau chóng hơn. Lý-học đi xa hẳn các nguồn gốc đạo đức và môi-trường nó được đem áp-dụng. Môi-trường và nguồn gốc đạo đức đó thuộc về xã-hội, mà khoa-học xã-hội thì phức-tạp, sự phát minh đòi hỏi nhiều thì giờ hơn, công phu hơn, sự áp-dụng và truyền bá cũng chậm hơn. Để lấy một ví dụ : Khoa lý-học đã làm cho loài người hiểu biết được sự bí mật của năng lượng nguyên tử trong khi đó khoa-học xã-hội chưa tìm ra một phương pháp nào để kiểm-soát và thực-hiện sự áp-dụng hòa-bình của năng-tử lực.

Vì sự khai-triển của các khoa-học lý-học và xã-hội không đều, và người có thể áp-dụng sai lầm các kết-quả của khoa-học nên đòi hỏi ở mỗi người một trách-nhiệm. Xã-hội loài người chỉ tốt đẹp khi mọi người đều nhận trách-nhiệm đó. Mỗi người có trách-nhiệm tìm kiếm sự thật, truyền-bá sự thật, ứng-dụng theo lẽ phải và góp phần vào tài sản hiểu biết của loài người.

Ngày nay chúng ta chưa thể tiên đoán một cách hết sức chính xác đường lối tương-lai của sự tiến-hóa của loài người. Sự tiến-hóa đó có thể là một sự tiến-bộ, nó cũng có thể là một sự thoái-hóa. Nhưng chúng ta và con cháu chúng ta có bổn phận làm thế nào cho sự tiến hóa là một sự tiến bộ. Bổn phận cấp bách nhất là làm cho giống nòi vĩnh cửu, tránh những sự-kiện có thể làm tiêu-diệt, và tiến tới một xã hội đạo-đức tốt đẹp hơn. Để thực-hiện công việc nặng nề đó loài người chỉ khác các sinh-vật khác có sự hiểu biết. Chúng ta cần phải hiểu biết chúng ta nhiều hơn, lấp bằng sự sai biệt trong sự tiến bộ của lý-học, sinh-học và xã-hội học, lập lại mối tương-quan lực-lượng của ba khoa học nói trên, thế nào cho khoa xã-hội học tiến nhất và khoa lý-học tương đối chậm nhất. Chúng ta cần phải nhận chân rằng những sự tiến-bộ về kỹ-thuật, sự phát minh và hưởng-thụ các sự tiện lợi của máy móc không phải là một sự hiểu biết ích lợi nhất và tương đối không có quan-trọng thật cho sự tiến-bộ thật của loài người. Chúng ta cần phải nhớ rằng sự tiến-hóa về văn-hóa chỉ xảy ra nếu có sự trao đổi tư-tưởng cũng như

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

sự giao-giống là điều-kiện của sự tiến hóa cơ-thể. Một thiên tài với những tư tưởng sâu sắc nhất chỉ là một hoạn nhân trí-thức nếu sự hiểu biết của ông ta không được truyền bá một cách quảng đại. Sự giữ độc-quyền sự hiểu biết là một tác-động vô đạo.

Với những điều-kiện trên thực hiện, chúng ta tin chắc rằng tương-lai của con người sẽ sáng sủa hơn. Con người đã tách khỏi thế giới động-vật đã sinh ra nó, sẽ tiến xa vào một đời sống xứng đáng hơn về vật chất và tinh-thần.

B.S. VŨ-ĐÌNH-CHÍNH

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Vấn-đề phát-triển kinh-tế

HUỲNH-VĂN-LANG

1.— ĐỊNH-NGHĨA VÀ TIÊU-CHUẨN.

XÉT về phương diện phát triển kinh tế, có những chỉ số liên quan đến đời sống con người. Những chỉ số ấy có khi có tính cách tiền tệ như lợi tức đồ đồng, mức tiêu thụ, lực lượng sản xuất... Có khi không có tính cách tiền tệ như mực sức khoẻ, học thức, sống lâu... Nếu những chỉ-số ấy liên tục tiến lên là bằng chứng có một sự mở mang đã được thành tựu. Bởi vậy, muốn phân biệt nước kém mở mang với nước đã mở mang chúng ta chỉ cần khảo sát các chỉ số đó. Nhưng có nhiều chỉ-số khác nhau, cho nên khó mà dùng mọi chỉ số để làm tiêu chuẩn nghiên cứu sự phát triển kinh-tế, thành ra có người thường dùng một chỉ số chính có thể đại diện ít nhiều cho các chỉ số khác, đó là « lợi tức hiện thực đồ đồng của mỗi người ». Nếu thực ra lợi tức đồ đồng có thể đại diện được các chỉ số khác để đo lường sự thanh nhàn vật chất được, thì sự khuếch trương kinh tế có nghĩa là gia tăng lợi tức đồ đồng ấy. Hay nói một cách khác là cái gì cần phát triển ở các nước kém mở mang chẳng qua là những khả năng để gia tăng lợi tức hiện thực của họ lên. Cho nên mở mang có nghĩa là khai thác các khả năng ấy. Ở các nước kém mở mang, tiềm-thế lợi tức hiện thực của đất đai, của dân tộc, của tất cả tư bản, dụng cụ trang bị, của sự hiểu biết kỹ thuật... hiện có hay có thể có được của họ tất nhiên là phải trên các mức lợi-tức họ đang có bây giờ.

Sự khai thác các tài nguyên thiên nhiên hay kỹ nghệ hóa chắc chắn sẽ đem lợi-tức hiện-thực lên. Nhưng kém mở mang không đồng nghĩa với sự không khai thác tài-nguyên thiên-nhiên hay không kỹ-nghệ hóa. Vì mở mang có nghĩa là vận dụng và thay đổi thế nào để khai thác được các khả năng sinh ra lợi tức hiện thực. Đối với nước này, sự thay đổi ấy là sự xử dụng các tài nguyên sản xuất hiện có, như cần lao, đất đai một cách hiệu nghiệm hơn. Đối với nước khác thì sự thay đổi

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ấy là làm sao cho khỏi thiếu khả năng doanh nghiệp, thiếu dụng cụ hay thiếu những yếu tố xã hội văn hóa thuận tiện... Tựu trung cho mọi nước thì sự mở mang hay phát-triển kinh tế có nghĩa như là đầu tư làm sao để thay đổi được các yếu tố nói trên và để gia tăng được các tài nguyên hầu thêm lợi tức hiện thực của mỗi người.

Chỉ một tài nguyên hiện hữu của một nước không có nghĩa bao nhiêu, vì quan-niệm ngoài khuôn khổ đầu tư, khuôn khổ tổ chức xã hội tài nguyên hiện hữu có tính cách mơ hồ, như khả năng điện lực sông Cửu-Long cho Đông-Dương, chất uranium cho Mọi Congo, hay than đá cho nước Đức vào năm 1000 vậy.

Bởi thế khi nói đến tài nguyên phải hiểu là những tài nguyên sản xuất được, cho nên một dân tộc càng giầu, dân càng hiểu biết thì tài nguyên sản xuất càng khai thác được nhiều và có thể xem những tài nguyên không nhân bản lại thành một yếu tố tùy thuộc ở những tài nguyên nhân bản. Như vậy nghĩa là phải đồng hóa sự phát triển kinh tế với những sự đầu tư và những sự thay đổi làm cho lợi tức đồ đồng hiện thực của mỗi người càng ngày càng lên cao đến gần cái mức tối đa họ có thể có được. Cho nên phát triển nói ở đây là một thứ phát triển liên tục, chứ một sự bạo phát bạo tàn, khi thăng khi trầm khó mà gọi là phát triển được. Bởi vậy ta có thể định nghĩa sự phát triển kinh tế là *một quá trình theo đó lợi tức quốc gia liên tục gia tăng trong một thời gian dài*. Thành ra đôi khi lợi tức đồ đồng không gia tăng, nhưng nếu dân số vẫn tăng thêm đều đều, thì cũng vẫn gọi là có phát triển kinh tế, vì lợi tức quốc gia phải gia tăng thế nào mới giữ được mức lợi tức đồ đồng đó không thay đổi.

Nếu gọi là một quá trình thì tất nhiên phát triển phải hàm súc sự tác động một số lực lượng, và những lực lượng này thay đổi các yếu tố kinh tế. Các chi tiết của quá trình này thì có khi khác nhau theo không gian và thời gian, nhưng cũng có những đặc tính căn bản giống nhau. Và kết quả chính của quá trình này là sự gia tăng sản xuất quốc gia.

Nếu chúng ta chỉ xem cái gia tăng sản xuất quốc gia là kết quả của quá trình phát triển thì là ta có một quan niệm tổng quát của vấn đề phát triển kinh tế. Nhưng nếu ta đi vào chi tiết của cái quá trình ấy thì ta thấy có nhiều cái thay đổi đi trước hay theo sau sự gia tăng sản xuất mà mỗi sự thay đổi đều có một đặc tính riêng biệt. Các sự thay đổi ấy thường được sắp thành hai loại : các yếu tố bên cung và các yếu tố bên cầu các sản phẩm (hàng hóa và dịch vụ). Bên cung thì có :

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

1) Sự sưu tầm các tài nguyên mới ;
2) Sự tích lũy tư bản ;
3) Sự gia tăng dân số ;
4) Sự hoàn bị các khả năng kỹ thuật ;
5) Sự áp dụng các kỹ thuật sản xuất mới và tốt hơn ;
6) Các sự thay đổi về cơ cấu và tổ chức xã hội.

Bên cầu thì có :

1) Dân số và cơ cấu tuổi tác dân số ;
2) Mực lợi tức và sự phân phối lợi tức ;
3) Các thị hiếu ;
4) Các sự sắp xếp về cơ cấu và tổ chức xã hội.

Tóm lại, nếu xét sự phát triển kinh tế một cách tổng quát, thì sự thay đổi sản xuất quốc gia được xem là cứu cánh của sự phát triển kinh tế ; nhưng nếu xét sự phát triển kinh tế là một quá trình lịch sử nghĩa là trong không gian và thời gian, thì phải xem sự biến chuyển của những yếu tố bên cung và bên cầu các sản phẩm là những yếu tố đi trước và đi sau sự gia tăng sản xuất quốc gia. Vậy những danh từ quan trọng trong định nghĩa phát triển kinh tế là : quá trình, lợi tức hiện thực quốc gia và dài hạn.

Chúng tôi xin nói thêm về ba danh từ trên :

Quá trình : Nếu xét sự phát triển kinh tế là một quá trình lịch sử thì liệt kê và phân loại các phát triển này các phát triển kia, hay xem từng cục-bộ riêng biệt không đủ, mà phải xem những liên quan giữa hiệu quả và căn nguyên của các sự phát triển ấy. Chỉ dựa theo những liên quan ấy mới biết được những hiệu quả của sự thay đổi này hay thay đổi khác. Và hiểu được tại sao thay đổi cái này thì lợi tức sẽ thay đổi ra thế kia, tức là chúng ta đã đi đến bề sâu và tìm hiểu được cái quá trình làm cho lợi tức gia tăng.

Lợi tức hiện thực : Chúng ta không nên lầm với lợi tức tiền tệ xuông, lợi tức hiện thực tức là lợi tức tiền tệ được sửa chữa lại bằng một chỉ số giá cả hàng hóa tiêu thụ và hàng hóa sản xuất. Nhưng lợi tức quốc gia là một phương diện của sản xuất quốc gia, mà sản xuất quốc gia có hai loại : sản xuất ngang (produit brut) và sản xuất ròng (produit net). Hàng năm ta phải tiêu hao một phần tài sản, cho nên sản xuất ròng là sự đo lường đúng hơn.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Dài hạn : Như trên đã nói, xét về mặt phát triển, thì sự gia tăng sản xuất quốc gia phải là một sự gia tăng chi trì, dài hạn. Những cuộc thăng trầm, chu kỳ kinh tế không thể coi như là có tính cách phát triển kinh-tế. Mà nếu các chu kỳ được kể là 9, 10 năm thì thiết nghĩ một trào lưu phát triển phải dài ít ra là hai, ba chục năm. Nếu trong khoảng thời gian hai ba chục năm có 2, 3 chu kỳ thăng trầm, thì nếu cái hướng tổng quát chung là đi lên tức là có sự phát triển kinh tế, lẽ tất nhiên là sau khi sửa chữa sự thay đổi về giá cả tiền tệ.

Có nhiều người lại cho rằng sự phát triển kinh-tế còn có nghĩa gì khác hơn là sự gia tăng sản xuất quốc gia. Theo sự phát triển kinh-tế còn có nghĩa là sự gia tăng mực sống của người dân, cho nên phải lấy mức lợi tức đồ đồng (percapita) để làm tiêu chuẩn đo lường sự phát triển kinh-tế. Nhưng như trên đã có nói, có trường hợp lợi tức quốc gia gia tăng mà mực sống hay lợi tức đồ đồng không gia tăng, vì dân số gia tăng quá nhanh.

Ở đây không có vấn đề là sự phát triển kinh-tế phải nhắm mục tiêu là lợi tức quốc gia hay lợi tức đồ đồng, vì lợi tức đồ đồng chỉ là lợi tức quốc gia, chia cho dân số. Nhưng ta nên chú trọng đến lợi tức quốc gia hơn vì những lẽ này :

— Chính sự gia tăng lợi tức quốc gia sẽ định đoạt được sự gia tăng lợi tức đồ đồng. Hơn nữa có những trường hợp mà mực gia tăng dân số mau hơn sự gia tăng lợi tức quốc gia đến nỗi làm cho lợi tức đồ đồng đi xuống nhưng không thể vì vậy mà bảo rằng trong trường hợp đó lại không có phát triển kinh tế.

— Nếu nói đến vấn đề mực sống người dân, thì sự phát triển kinh tế ở các nước hậu tiến mà mực gia tăng dân số thật nhanh, lại phải nhắm một mực gia tăng lợi tức quốc gia càng nhanh hơn nữa. Trại lại ở các nước đã giàu rồi thì sự phát triển kinh tế lại nhắm mục tiêu duy trì mức lợi tức quốc gia để tránh lạm phát hay giảm phát có nguy hại. Cho nên lợi tức quốc gia vẫn là tiêu chuẩn thuận tiện nhất cho sự phát triển kinh tế ở các nước hậu tiến nghèo nàn cũng như ở các nước đã giàu rồi, chứ không riêng gì cho các nước nghèo hay các nước giàu.

— Nếu lấy lợi tức đồ đồng thì vấn đề dân số xem chừng bị bỏ qua. Trái lại nếu lấy lợi tức quốc gia để đo lường sự phát triển kinh tế, rồi từ đó để đi đến lợi tức đồ đồng hay mực sống của người dân thì tất nhiên sẽ lưu ý được vấn đề dân số.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Ở trên đây đã phân biệt sự phát triển kinh tế với sự tiến bộ kinh tế hay là tiến bộ về đời sống của con người. Nhưng nếu nói đến đời sống của con người thì một vấn đề khác chen vào nữa là có khi lợi tức quốc gia gia tăng, lợi tức đổ đồng gia tăng, mà trong thực tế người giàu thêm giàu, còn người nghèo vẫn thêm nghèo. Nhưng khi nói đến hạnh phúc hay đời sống con người thì lại vấp phải vấn đề phong hóa, giá trị v.v... càng phức tạp hơn và khó mà so sánh được.

Hơn nữa đừng lẫn lộn sự phát triển kinh tế với sự giàu có, vì thành phần của sản xuất cũng quan hệ. Sự phát triển kinh tế có thể gây ra một sự phung phí tài nguyên thiên nhiên đến cùng tận, hay chỉ có nghĩa là tích lũy toàn những dụng cụ chiến tranh hoặc toàn những dụng cụ trang bị tư bản, thay vì hàng hóa để tiêu thụ. Cho nên sự phát triển kinh tế khó mà liên đới chặt chẽ với hạnh phúc hay sung sướng của con người. Hơn nữa nhiều khi chính thị hiếu con người dài hạn sẽ thay đổi.

Nếu phải xét về mặt hạnh phúc của con người thì cần phải xét không những là sản xuất cái gì, mà còn phải xét sản xuất thế nào, làm sao. Vì nhiều khi sản xuất gia tăng mà điều kiện làm việc lại nặng nề hơn, thời giờ nghỉ ngơi lại phải giảm đi một cách quá đáng.

Cho nên nếu xét về phương diện phân phối lợi tức quốc gia, các thành phần sản xuất, sự thay đổi về thị hiếu, tính cách, điều kiện cần lao v.v... thì sẽ thấy ngay được sự phát triển kinh tế khác xa với hạnh phúc vật chất hay đời sống của con người.

II.— TÌNH-TRẠNG KÉM MỞ-MANG.

Khi nói đến sự phát triển kinh tế thì thường thường người ta nghĩ đến các nước kém mở mang hơn. Nhưng không phải vì thế mà ở các nước giàu có, đã mở mang rồi lại không có vấn đề phát triển kinh tế. Đối với các nước kém mở mang thì phát triển kinh tế là vấn đề làm sao phát triển cho nhanh, đi mau theo kịp các nước đi trước. Trái lại, đối với các nước mở mang rồi thì vấn đề phát triển kinh tế là làm sao duy trì cho sự phát triển hiện có. Nếu đối với nước Mỹ, Anh hay Pháp thì vấn đề phát triển kinh tế của họ là làm sao cho lợi tức quốc gia hằng năm tiếp tục gia tăng 2, 3% thì đối với Việt-Nam ta và các nước hậu tiến, hiện có một lợi tức quốc gia tương đối kém hơn các nước trên cả mười, hai chục lần, thì phải làm sao cho lợi tức quốc gia gia tăng 5, 6%

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

mỗi năm để trong 10, 20 năm nữa hay quá lắm là 1/2 thế kỷ, lợi tức quốc gia của các nước sau này theo kịp các nước trên. Theo kịp ? Thật là một cái khó khăn gần như không thể nào làm được, vì hai lẽ chính này :

1— Các nước kém mở mang, trong hoàn cảnh hiện tại của họ, làm sao mà lợi tức quốc gia tiến nhanh được 5, 6%, đang khi các nước tiền tiến có thừa điều kiện mà chỉ tiếp tục tiến lên 2, 3% mỗi năm thôi.

2— Các người yếu đuối chạy sao cho kịp một người đã chạy trước họ hằng chục cây số, mà sức lực hai bên lại khác nhau. Người chạy trước đã bỏ xa mà lại vẫn khoẻ mạnh, lực lưỡng hơn, và vẫn chạy chớ không đứng lại chờ người sau, thì thử hỏi bao giờ họ sẽ gặp nhau được. Khi còn ở trường, chúng ta hay gặp những bài toán tương tự như sau : một chiếc xe A chạy 30km một giờ, chạy trước 2 giờ, một chiếc xe B chạy sau 2 giờ nhưng chạy 50Km một giờ. Hỏi mấy giờ gặp nhau, ở đâu ? Hay một cái vòi nước chảy 100 lít một phút, vào 1 hồ nước dung tích $10m^3$, đang khi cái vòi khác tháo nước ở hồ đó ra ngoài 50 lít một phút, hỏi chừng mấy giờ hồ đó sẽ đầy nước ? v.v... Hai bài toán trên chúng ta tính được dễ dàng. Nhưng nếu tôi đặt bài toán lại như sau thì đố các bạn giải quyết được : Chiếc Mercedes tốc độ 100km chạy trước 2 giờ, hỏi chừng nào chiếc xe cyclo tốc độ 20km một giờ đuổi kịp xe ô-tô trên... Bài toán thật là khó, vì không bao giờ chiếc cyclo đuổi kịp chiếc Mercedes được, trừ khi khiếc Mercedes en panne nằm lại chờ cả đêm thôi.

Cho nên vấn đề phát triển kinh tế cho các nước đi sau thật là một vấn đề, hơn là cho các nước đi trước.

Không cần phải nghĩ đến chuyện theo kịp, chỉ một việc lo phát triển không thôi đã là cả một vấn đề phức tạp lắm rồi, nhất là khi xét đến tình trạng hiện tại của các nước kém mở mang. Tình trạng của các nước kém mở mang là tình trạng mở mang kém cỏi về mọi phương diện chứ không có gì lạ. Bởi vậy, kém mở mang là một quan niệm hàm súc bao nhiêu đặc tính phức tạp mà các nhà kinh tế thường xếp làm 4 loại :

1.— Đặc tính kinh tế.
2.— Dân số và sức khoẻ.
3.— Đặc tính kỹ thuật.
4.— Văn hóa và chính trị.

Tôi xin kể thêm ra đây để các bạn nhận định thế nào là kém mở mang hay lạc hậu, hậu tiến và từ đó hiểu thế nào là phát triển kinh tế, và tiện so sánh tình trạng nước này với nước khác.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

1/ Đặc-tính kinh-tế

a) Tổng-quát :

— Một tỷ lệ quá cao dân số sống về nghề nông, 70 đến 90%.

— Nhân mẫn (quá đông đúc ở lãnh vực nông nghiệp) nghĩa là nếu có di dân thì cũng chẳng bớt sản xuất nông nghiệp chút nào.

— Khiếm dụng nhân công một cách rõ rệt mà ngoài nông nghiệp lại không mấy khi có việc làm.

— Tư bản đổ đồng thật ít.

— Lợi tức đổ đồng thật kém, nên đời sống chỉ lẩn quẩn ở cái mức khỏi chết đói (subsistance).

— Thiếu tiết-kiệm hẳn ở trong đám quần chúng.

— Nếu có tiết kiệm thì là do các chủ điền, mà tiết kiệm đó không phải để đầu tư kỹ nghệ hay thương mại.

— Các kỹ nghệ về nông nghiệp, lâm sản và hầm mỏ đều là những kỹ nghệ biên tế, thừa cặn.

— Nông sản toàn là ngũ cốc hay nguyên liệu hơn là gia-súc.

— Phần lớn chi tiêu về thực phẩm và cần thiết.

— Xuất cảng thực phẩm và nguyên liệu.

— Khối lượng thương mại đổ đồng kém thấp.

— Tiện nghi tín dụng và thị trường gần như không có.

— Nhà cửa nghèo nàn.

b) Tính-chất căn-bản nông-nghiệp :

— Kém tư bản, nhưng xử dụng tư bản hiện có lại bất hợp lý vì ruộng đất chia xẻ quá nhỏ.

— Trình độ kỹ thuật nông nghiệp kém cỏi, dụng cụ thô sơ và lạc hậu.

— Tuy có chủ điền to, nhưng ruộng nương tổ chức thương mại hóa lại kém cỏi, vì thị trường không có, giao thông thiếu thốn.

— Các tiểu điền chủ, tá điền không biết thay đổi mùa màng, triệt để khai thác ruộng đến hỏng đi.

— Sánh với tài sản và lợi tức, người ta quen mắc nợ quá to.

— Phương pháp sản xuất quá lỗi thời và ít hiệu nghiệm nên không mấy có dư để đem ra thị trường.

— Người ta đua nhau dành giựt đất, vì các ruộng đất chia ra quá nhỏ, mà dân càng ngày càng nhiều.

2/ Đặc-tính về dân-số

— Tỷ lệ số sinh cao, thường trên 40%

— Tỷ lệ số tử cao và đời sống ngắn.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

— Thôn quê đông đúc.
— Ăn uống thiếu thốn, không đồng đều.
— Vệ sinh, y tế thô sơ.

3/ Kỹ-thuật

— Năng xuất thấp.
— Thiếu tiện nghi để huấn luyện chuyên viên, kỹ sư.
— Phương tiện giao thông, chuyên chở không phù hợp.
— Kỹ thuật thô sơ

4/ Văn-hóa và chính-trị

— Giáo dục thì sơ sài và thường có nạn thất học nặng.
— Xu hướng bắt trẻ con làm việc.
— Không có giai cấp trung lưu hay có mà yếu thế.
— Địa-vị và địa thế đàn bà thấp kém
— Bản tính thích tập hợp quần chúng.

Tôi trình bày ở đây những đặc tính chánh của một nền kinh tế lạc hậu hay kém mở mang để các bạn thấy rõ sự phát triển kinh-tế phức tạp đến chừng nào và các chỗ yếu của một nền kinh tế chạy sau kẻ khác là những gì.

III.— NHỮNG YẾU-TỐ ĐỊNH-ĐOẠT SỰ PHÁT-TRIỂN KINH-TẾ.

Ở trên tôi đã nói phát triển kinh tế là gì. Trong đoạn này tôi xin trình bày những điều kiện chung của sự phát triển kinh tế. Những điều kiện này có khi là căn nguyên nhưng có khi chỉ là hậu quả của sự phát triển kinh tế. Có những người cho những điều kiện này hơn những điều kiện kia tùy theo hoàn cảnh nhận xét của họ.

Có những người cho yếu tố chính để phát triển kinh tế là tài nguyên, nhất là tài nguyên thiên nhiên. Phải chăng nước Đức, nước Anh phát triển hơn nước Pháp vì hai nước kia có những tài nguyên thiên nhiên cần thiết để cho hai nước đó mở mang hơn như than, như sắt, kẽm. Thuyết này thịnh hành cho đến khoảng 1929 hay 1936. Nhưng ta thấy là nó không đúng hẳn, vì chất Uranium ở Congo, hay đồng sắt ở Rhodesia, cũng như sông Mékong của Việt-Nam thì chẳng lợi gì cho kinh tế các nước ấy bao giờ. Trái lại, một nước khác, không hầm mỏ, không ruộng đất nhiều như Thụy-sĩ, lại được mở mang rất nhanh chóng.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Từ khi quyển sách của nhà kinh tế học lỗi lạc Keynes ra đời (quyển Théorie Générale) 1936 thì người ta lại chú trọng đến vấn đề đầu tư và từ đó người ta cho rằng yếu tố chính để phát triển kinh tế là tư bản. Và hiện giờ vẫn còn nhiều người tin tưởng rằng tư bản đủ để cho một nền kinh tế kém mở mang được phát triển ngay. Thuyết này sau rồi cũng bị lung lay và chưa được hoàn toàn công nhận. Kế đó, các tài liệu chính thức của các tổ chức quốc tế lại công nhận rằng ngoài tư bản ra, còn một yếu tố có phần quan hệ hơn nữa, là khả năng kinh doanh và điều khiển của dân bản xứ. Ngoài ra, có những nhà khảo cứu cho rằng không phải những sự đầu tư vào dụng cụ trang bị tư bản mới là yếu tố quan trọng, mà chính những sự đầu tư vào giáo dục những người sản xuất và sự áp dụng những kỹ thuật tối tân mới là yếu tố căn bản của sự phát triển kinh tế. Hơn nữa, có những chuyên viên ngoại quốc đi thăm các « thuộc địa cũ » bị ám ảnh về những ảnh tượng văn hóa, xã hội, chính trị ở nơi đó.. thì lại cho rằng yếu tố chính làm ngăn trở sự phát triển kinh tế không phải là thiếu tài nguyên, thiếu tư bản, kỹ thuật, thiếu nhân viên điều khiển hay doanh nghiệp, mà là thiếu một hoàn cảnh văn hóa, xã hội, chánh trị thuận tiện để phát triển kinh tế.

Theo thiển ý của chúng tôi thì những người nào đặc biệt lưu ý yếu tố này, để rồi lại lãng quên các yếu tố khác, thì cũng chẳng khác gì những người mù với con voi, người nào rờ được cái gì thì hình dung con voi như cái đó. Cho nên, thiết tưởng các yếu tố trên đây đều là những yếu tố quan hệ của sự phát triển kinh tế. Nếu xét ngan hạn, thì cũng thấy những cái này cần hơn cái kia, nhưng xét dài hạn thì sẽ thấy cái nào cũng quan hệ hết, mà vấn đề phát triển kinh tế phải là một vấn đề dài hạn như chúng ta đã thấy trên.

Ở đây chúng tôi đề cập sơ qua những yếu tố quyết định sự phát triển kinh tế. Những yếu tố đó có thể xếp làm 3 loại :

1.— Những tài nguyên.
2.— Cách thể xử dụng các tài nguyên.
3.— Hoàn cảnh văn hóa, xã hội, chánh trị...

1/ Những tài-nguyên

Những tài nguyên thiên nhiên như hầm mỏ, đất đai, núi rừng, sông biển ; những tài nguyên nhân tạo như tư bản tích lũy từ xưa đến nay ; những tài nguyên nhân bản như sức cần lao, trí óc của con người. Ba loại tài nguyên trên đây, chẳng những là « phẩm » mà cả « lượng » nữa, đều rất quan hệ đối với việc phát triển kinh tế.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Bởi vậy nếu có « lượng » mà không có « phẩm » thì cũng chẳng ích gì, thí dụ như có cần lao mà không có cần lao mạnh mẽ, khéo léo, được huấn luyện ít nhiều, có khả năng khảo cứu, chuyên môn, hành chánh mà lại thiếu khả năng trí óc tổ chức kinh doanh v.v... thì kết quả thâu lượm được cũng chẳng có bao nhiêu.

2/ Sự xử-dụng các tài-nguyên

Có những nước rất giàu tài nguyên thiên nhiên mà đời này qua đời kia không xử dụng được hay xử dụng một cách bừa bãi phung phí. Ruộng nương họ khai phá trồng tỉa một cách không hợp lý, họ không biết thay đổi mùa màng, chăn nuôi súc vật. Nếu họ có tài nguyên thiên nhiên, có cần lao, có dụng cụ, thì nhiều khi họ lại thiếu nhà kinh doanh, thiếu người tổ chức để khai thác cho chu đáo, cho có hiệu quả hơn. Dụng cụ được xử dụng một cách bừa bãi, không biết gìn giữ... Kỹ thuật sản xuất cổ truyền, nay vẫn còn giữ lại không chịu cải tiến, nên sản xuất vẫn kém đi.

3/ Hoàn-cảnh văn-hóa xã-hội chính-trị

Sự sản xuất không những là tùy ở lượng, phẩm của tài nguyên và kỹ thuật xử dụng các tài nguyên ấy, mà nó còn tùy ở hoàn cảnh văn hóa xã hội chính trị của địa phương nữa. Bò cái ở Ấn-độ vẫn có nhiều, kỹ thuật chăn nuôi, lấy sữa chắc cũng có, nhưng người Ấn-độ vẫn thiếu sữa bò để uống, hay nếu có đủ uống thì cũng lại không có để bán ra, chỉ vì hoàn cảnh tín ngưỡng, văn hóa của họ không cho phép họ khai thác tài nguyên ấy cho hợp lý. Ở Việt-Nam ta, nhiều người vẫn còn khinh rẻ công kỹ nghệ, thương mại, và vẫn còn cho chữ « sỹ » là đáng trọng hơn hết.

Thuộc về loại yếu tố thứ ba này phải kể cả tín ngưỡng đạo giáo, thành kiến phong tục... đó là chưa nói đến yếu tố chính trị. Làm gì mà xây dựng được, khi người ta chỉ chực cuốn gói ra đi, làm sao mà phát triển kinh tế được, khi người ta không muốn hưởng ứng đường lối chấn hưng kinh tế của chính phủ.

Tóm lại, muốn có một mực độ phát triển kinh tế nhanh chóng thì cần phải có tài nguyên dồi dào, phải biết cách xử dụng các tài nguyên ấy một cách hiệu nghiệm và nhất là phải được một hoàn cảnh xã hội thuận tiện cho phép. Ba yếu tố trên đây đủ quyết định được mực độ phát triển kinh tế.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

IV.— NHỮNG CHỦ-TRƯƠNG PHÁT-TRIỂN KINH-TẾ

Chắc chắn là ai ai cũng muốn có một mực độ phát triển thật nhanh. Nhưng làm thế nào để phát triển cho nhanh được? Có hai chủ trương chính để phát triển cho nhanh :

— Chủ trương thứ nhất là cần phải phát triển điều hòa (balancé).

— Chủ trương thứ hai là phát triển không điều hòa, nghĩa là cái gì làm được thì cứ làm, đừng lần quần mất thì giờ.

Muốn phân biệt hai chủ trương trên đây thì cần phải giải thích thế nào là phát triển điều hòa. Sự phát triển điều hòa có nhiều nghĩa :

— Có nghĩa là điều hòa giữa các lãnh vực kinh tế như giữa canh nông và kỹ nghệ, giữa sản-xuất sản phẩm tiêu thụ với sự sản xuất tư bản, điều hòa các phương tiện căn bản như chuyên chở, năng lực, nước . . . Phát triển cho kịp thời để nâng đỡ và khuyến khích kỹ nghệ v . v . . . điều hòa giữa lãnh vực công tư, ngoại nội.

— Điều hòa còn có nghĩa là điều hòa giữa các khu vực địa dư với nhau, không nên để miền này quá nghèo, miền khác quá giàu ; giữa thành thị với thôn quê không nên quá chênh lệch, v.v...

— Điều hòa còn có nghĩa nữa là điều hòa giữa các kỹ nghệ với nhau, không nên thiên về kỹ nghệ nào hơn kỹ nghệ nào.

Cái thuyết căn bản của chủ trương trên đây là sự quân bình tổng quát kinh tế. Các lãnh vực kinh-tế, các khu vực địa dư của một nước đều chặt chẽ liên đới nhau. Nếu điều hòa được sự phát triển kinh tế thì tránh được phung phí hao tốn do sự chênh lệch gây ra, tránh được những xáo trộn nặng nề mà chung qui chỉ làm chậm mức tiến của sự phát triển kinh tế.

Những tác giả danh tiếng nhất bênh vực thuyết này là Kosenten Rodan, Nurkse, Lewis và Scitovsky. Và chính thuyết này là căn bản cho những người thiên về kế hoạch hóa kinh-tế.

Chống với thuyết điều hòa nói trên, gần đây lại có một chủ trương phát triển không điều hòa. Nếu xét sâu xa thì thấy chủ trương mới này do lý thuyết tự do cổ điển xưa kia còn di truyền lại. Vì theo tự do chủ nghĩa thì trước 1930 các nước tư bản vẫn phát triển mạnh mẽ, nhất là

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ở Anh, ở Mỹ, ở Pháp, mà không mấy khi người ta phải nghĩ đến kế hoạch hay sự phát triển điều hòa. Các lý lẽ chính của những người theo thuyết này là :

— Muốn phát triển điều hòa thì cần quá nhiều điều kiện, quá nhiều phương tiện, mà các nước, nhất là các nước kém mở mang, lại không có đủ, cho nên làm được cái gì cứ làm cái ấy, đừng mất thì giờ chờ đợi, suy tính, sửa chữa.

— Về tình trạng kém mở mang có người quan niệm tương tự như tình trạng quân bình, nhưng quân bình ở cấp rất thấp và bất lợi. Cho nên muốn phát triển kinh tế thì làm sao phá cái vòng quân bình được, và tốt hơn là phá vòng đó ở bất cứ một chỗ nào, rồi tự đó tiến lên. Các cơ cấu kinh tế liên quan chặt chẽ với nhau, nên như vậy tất cái này sẽ kéo cái kia để cùng tiến lên một mực. Người đại diện cho lý thuyết sau này là Dr. Hirshman, trong quyển «The Strategy of Economic Development», cùng với những người theo thuyết tự do nói trên, và những người bừa bãi.

Theo thiển ý của tôi thì chủ trương sau này không phải là không có lý. Nhưng nếu đem hai lý lẽ chính của họ ra phân tách và kiểm điểm thì thấy :

1) Lẽ thứ nhất không đứng vững mấy, vì chúng ta nhận thấy các nước chủ trương phát triển điều hòa, hoạch định kinh tế lại tiến rất nhanh, trong khi những nước thiếu một kế hoạch hay thiếu tổ chức kinh tế thì thường lẩn quẩn trong cái vòng nghèo túng và rối loạn. Nếu có phát triển được nhanh chóng chăng nữa thì cũng chỉ có kết quả trong một hạn ngắn được thôi, còn trong hạn dài thì sẽ bị lủng củng, thiếu cái này hụt cái kia, dư thừa cái nọ, để rồi chung qui sự phát triển vẫn chậm lại.

2) Nếu đem lý lẽ thứ hai mà áp dụng trên các nước hậu tiến thì càng thấy khó hơn nữa. Vì ở các nước hậu tiến có nhiều điều kiện như sự bất động cần lao, thị trường không tổ chức, hạ tầng cơ sở thiếu sót cho nên nếu phát triển được một hướng thì nó sẽ đi theo luôn hướng ấy chứ không gây được sự phát triển qua hướng khác nữa ; ví dụ nếu chỉ phát triển canh nông thì không thể vì phát triển canh nông mà có thể lôi kéo kỹ nghệ được (investissement induit). Bởi vậy có khi áp dụng chủ trương sau, sẽ làm một tình trạng đã nguy ngập rồi, lại thêm nguy ngập hơn nữa. Nhất là tình trạng các nước kém mở mang thực ra

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

không phải là tình trạng quân bình ở cấp thấp mà chính là tình trạng mất quân bình, cho nên nếu không chủ trương một sự phát triển điều hòa, thì có khi chỉ càng làm cho mất quân bình thêm thôi.

Tóm lại theo thiển ý của tôi thì muốn phát triển kinh tế, phải phát triển điều hòa, mà phương tiện thực hiện phát triển điều hòa là một kế hoạch cụ thể. Bởi vậy mà mục tiêu chính của một kế hoạch cũng chỉ là :

1.— Thêm tài nguyên cho quốc gia về phẩm cũng như về lượng.

2.— Xử dụng tài nguyên quốc gia một cách hiệu nghiệm hơn.

3.— Sửa đổi hoàn cảnh văn hóa, xã hội thuận tiện cho một cuộc phát triển mau lẹ, và đó cũng là vai tuồng quan hệ nhất của chính phủ.

V.— *KẾT-LUẬN*

Chính phủ muốn làm trọn vai tuồng của mình nhắm về việc phát triển kinh tế thì ngoài nhiệm vụ hằng ngày của chính phủ là các việc thu thuế, chi tiêu, an-ninh như mọi quốc gia khác, chính phủ còn phải giữ những vai trò phức tạp hơn nhắm ba mục tiêu vừa nói trên.

1.— Gia tăng lượng hay phẩm các tài nguyên quốc gia như mở mang ruộng đất mới, tìm kiếm khai thác hầm mỏ thêm ; gia tăng vốn liếng, tập trung vốn liếng, đặt hạ tầng cơ sở kinh tế ; tổ chức cần lao, huấn luyện cần lao cho hiệu nghiệm hơn.

2.— Xử dụng các tài nguyên hiện có, hay có thể có được, một cách hiệu nghiệm hơn : trồng tỉa đất đai cho hợp lý, xử dụng nhân tài phải chỗ, phải nơi, không những không phung phí tư bản tài chính quốc gia mà còn phải dùng vào việc đầu tư hợp lý.

3.— Tạo ra hoàn cảnh văn hóa chính trị xã hội cho thuận tiện. Điều sau này có khi là khó khăn nhất, nhưng có khi lại là quan hệ nhất. Một ít ví dụ cụ thể : nếu muốn cho người ngoại quốc đầu tư, mà luật lệ thương mại, luật lệ hối đoái vẫn chặt chẽ, các cơ quan vẫn làm khó dễ thì khó lòng mà lôi kéo được vốn ngoại quốc. Đó là chưa nói đến hoàn cảnh chính trị an ninh. Làm sao mà tư bản dám đầu tư khi tình trạng chiến chinh hay quân sự vẫn còn khẩn trương ?

Chính phủ không có thể làm tròn các vai tuồng kể trên một cách hiệu nghiệm nếu không có một kế hoạch, để quan niệm các vai

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

tuồng ấy trong sự liên đới của nó, để hoạch định những động tác và để theo dõi cho đến nơi đến chốn mà sửa chữa khi cần v...v.

Nói đến kế hoạch chắc chắn tất có nhiều người sẽ cho là có nhiều nước không làm được, vì thiếu tài liệu thống kê, thiếu người v...v. Nhưng đó là nói đến một kế hoạch hoàn bị thì đã mấy nước có đủ điều kiện mà quan niệm, thành lập hay thực hiện. Nhưng từ một kế hoạch hoàn bị đến tình trạng bừa bãi còn bao nhiêu trình độ, kế hoạch khác nữa. Có những kế hoạch tổng quát và chi tiết như kế hoạch của Nga, của Trung-hoa, nhưng cũng có những kế hoạch ít tổng quát và chi tiết hơn của Ấn-độ, Pháp, Ý, Miến-điện, Tích-lan... Ngoài kế hoạch ít ra cũng còn có nhiều loại chương trình, gồm nhiều mục tiêu, nhiều động tác liên hệ với nhau.

Cho nên điều kiện trước nhất để phát triển kinh tế là một kế hoạch hay ít ra là một chương trình mà trong đó các yếu tố, các cơ sở, các động tác phải hòa hợp nhau. Điều kiện kế đó là chính phủ phải hoạt động dưới hình thức nào. Động tác của chánh phủ trong việc phát triển kinh tế có hai hình-thức chính :

1.— Hoặc khởi đầu mãnh liệt và hoạt động kinh doanh như ở Nhật, sau 1870, ở Đức ở Nga sau đại chiến thứ nhất ;

2.— Hoặc chỉ chạy theo hay điều khiển một cách gián tiếp như ở Anh, ở Mỹ...

Phần đông học giả ngày nay đều công nhận rằng ở các nước nghèo động tác của chính quyền cần phải mãnh liệt hơn để gia tốc mực phát triển kinh tế, vì chỉ có chính-phủ mới đủ sức, đủ điều kiện phá nổi cái vòng lẩn quẩn nghèo nàn của kinh-tế quốc gia thôi. Và sự phát triển ngày nay không hồn nhiên như ở thế kỷ 19 nữa, vì đã xuất hiện bao nhiêu ràng buộc như tờ rớt, đế quốc kinh tế, luật lệ hối đoái, giao thông thương mại, khối này khối nọ . . .

Bởi vậy :

A) Chính phủ phải tổ chức thị trường bằng cách lập khuôn khổ luật lệ, tổ chức hành chính...

B) Chính phủ phải kinh doanh trong những ngành mà tư nhân không làm, vì không có lời hay vì quá nguy hiểm.

C) Chính phủ còn phải kinh doanh trong các nhành mà tư nhân có thể làm được nhưng kết quả không được mỹ mãn.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

D) Chính phủ phải điều khiển, can thiệp để cho sự phát triển được điều hòa.

Tóm lại, có hai chủ trương về vai trò của chính phủ :

1.— Chủ trương thứ nhất tin rằng trở ngại để phát triển kinh tế quá nặng nề và tràn trề, không sao chế ngự được, trừ khi chính-phủ tự ý trực tiếp cố gắng kỹ nghệ hóa và tức khắc chính phủ phải đảm nhận việc thiết lập chương trình hay kế hoạch hợp lý, nhận lãnh những phần lớn hoạt động có tính cách kinh doanh và cố tạo tư bản một tỷ lệ thật cao. Người ta thường nói đến một kế hoạch đầy đủ để phát triển. Kế hoạch ấy phải gồm ít ra bốn phần chính sau đây :

a) Những mục tiêu sản xuất để gia tăng về lượng những sản phẩm mình cần hay muốn có.

b) Một ngân sách tư bản gồm các việc đầu tư công.

c) Ngân sách đầu tư nhân bản, gồm các sự đầu tư vào nhân dân, như giáo dục, huấn luyện cần lao, y-tế...

d) Những biện pháp điều hòa các hoạt động của tư nhân, của những tổ chức, của những cơ sở kinh tế, để điều khiển hướng dẫn các hoạt động ấy thế nào hầu thực hiện cho kỳ được các mục tiêu của kế hoạch.

2.— Chủ trương thứ hai ngược lại chủ trương trên là thiên về chủ nghĩa tự do, ít quan tâm đến vấn đề tự-ý kỹ-nghệ hóa, giới hạn sự hoạch định kinh tế, dựa trên guồng máy thị trường và cố gắng tư nhân, giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế từng giai đoạn một. Nhóm này có thể gọi được là nhóm tuần tự, chống với nhóm trên là nhóm mạnh.

Theo nhóm mạnh thì sự phát triển chỉ có thể thành công là khi nó khởi sự đúng lúc, thật nhanh và thật rộng lớn trong cả kinh tế. Đối với họ, thì chủ trương tuần tự tiến chỉ là chủ trương chủ bại và thật là nguy hiểm, vì chính sự chậm chạp đó sẽ đưa tới sự đầu hàng trước những trở ngại. Quá trình phát triển kinh tế không thể tự nẩy nở và tự tích lũy được, trừ khi chương trình phát triển hàm xúc được những sự thay đổi to lớn : nếu cần chạy thì phải chạy với một tốc độ tối thiểu. Bởi vậy, theo thuyết này thì chương trình phát triển kinh tế phải có một tầm rộng lớn tối thiểu nào đó, mới mong giảm bớt được những sự gián đoạn, những sự cứng rắn của kinh tế, mới tránh được những sự phung phí do mức sản xuất nhỏ hẹp, mới có ảnh hưởng trên những giá trị xã

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

à mới loại trừ được những lực lượng xuất hiện bất ngờ làm đình
ự phát triển, một khi sự phát triển vừa khởi sự (chẳng hạn sự gia
dân số). Về vấn đề tích lũy tư bản thì sự phát triển kinh tế đòi hỏi
sự đầu-tư tư-bản to lớn. Sự đầu-tư này phải làm từng số lượng
chứ không phải đầu tư biên tế tùy ý nhiều người rời rạc. Sự đầu
to lớn này có thể làm được, nếu các nước tiên tiến chịu giúp đỡ
ng rãi và cộng tác chặt chẽ với các nước kém mở mang. Còn về viện
ợ kỹ thuật thì không phải là viện trợ bừa bãi, nhưng viện trợ ít quá thì
ũng không đủ làm được cái gì nên trò. Nói đến các trở ngại về văn
óa xã hội thì chỉ có những sự thay đổi kinh tế to lớn mới đủ sức làm
ay chuyển và giảm bớt các trở ngại ấy.

Thuyết tuần tự không chủ trương chính phủ trực tiếp can thiệp để kỹ nghệ hóa kinh-tế, nhưng các chương trình phát triển lại phải chú trọng vào việc cải thiện nông nghiệp, tổ chức các dịch vụ xã hội, thiết lập hạ tầng cơ sở kinh tế và những kỹ nghệ nhẹ rải rác nhiều nơi. Lý lẽ chính của những chương trình khiêm tốn này là : Lãnh vực nông nghiệp là lãnh vực chính và lãnh vực đó thì quá nghèo nàn nhưng lại dồi dào khả năng gia tăng sản xuất, vừa nhanh, vừa nhiều. Hơn nữa, chính lãnh vực nông nghiệp lại chặt chẽ liên đới với thị trường quốc-tế. Còn về những dự án xã hội nhỏ như trường học, nhà thương . . . thì đầu tư ít nhưng kết quả lại nhiều, vì giảm bớt được sự cơ cực của con người. Còn những dự án to lớn hơn về hạ tầng cơ sở, thì nên để chính phủ làm, vì lẽ tư nhân không ai chịu bỏ vốn vào đó. Nhưng những kỹ nghệ nặng thì không được chủ trương trên chú ý đến vì nhiều lý lẽ: vì thị trường không thích hợp, thiếu tư bản, ít khả năng kỹ thuật, thiếu chuyên môn, hành chính, kinh doanh. Nhiều xứ lại thiếu tài nguyên để kỹ nghệ hóa và có nhiều nước có thể kỹ nghệ hóa nhưng kết cuộc lại thiếu nguyên liệu. Cho nên kỹ nghệ nhẹ, từ tiểu công nghệ bành trướng ra, là đáng khuyến khích nhất...

Những lý lẽ chính của chủ trương trên là hy vọng kỹ nghệ hóa sẽ được quy kết bởi những sự đầu tư trong các ngành kinh tế khác, hơn là bởi sự tự ý cố gắng của chính phủ.

Theo thiển ý của tôi, thì chủ trương nào cũng có lý. Nhưng có lẽ một chủ trương dung hòa chủ trương trên là đúng hơn cả. Vì như ở các nước Nam Mỹ thì thiên về chủ trương thứ hai. Như ở Tích Lan thì theo kế hoạch 6 năm (1951-1957) chỉ có 6% tổng số đầu tư của chính phủ là dành cho các kỹ nghệ, để quyền ưu tiên cho các kỹ nghệ dùng nguyên liệu

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

bản xứ mà có thể thêm được năng xuất cho lãnh vực nông nghiệp. Ở Ấn-độ thì theo kế hoạch thứ 1 (1951-1956) chỉ có 8% đầu tư của chính phủ là dùng vào kỹ nghệ 1/2 số ấy đầu tư vào kỹ nghệ nặng : sắt và thép. Kế-hoạch thứ hai lại để dành đến 25% tổng số đầu tư của chính phủ vào kỹ nghệ nặng và hầm mỏ. Pakistan để dành 20% đầu tư vào kỹ nghệ (kế hoạch 1951-1957). Các xứ ở Phi-châu lại xem lĩnh vực kỹ nghệ là lĩnh vực để dành riêng cho tư nhân. Nhưng trái lại ở Nhật trước chiến tranh thứ hai và một ít nước Á-đông thì chính phủ lại tự mình đảm nhiệm việc kỹ nghệ hóa.

Tóm lại, chúng tôi thiết nghĩ :

— Cần phải phát triển kinh tế và phải phát triển điều hòa, nhưng không phải chủ trương phát triển điều hòa nào cũng đòi hỏi cho kỳ được một kế hoạch tinh vi và hoàn bị, vì từ kế hoạch sang qua chương trình đến tình trạng đụng đâu làm đó, có nhiều trình độ kế hoạch, chương trình.

— Cần phải có dự trù nếu không phải là một kế hoạch thì ít ra cũng là một chương trình tối thiểu, nhưng rõ ràng, để làm khuôn khổ cho sự phát triển kinh tế, để điều hòa, phù hợp các động tác kinh tế, tránh được sự phung phí thời giờ, va chạm bất lợi.

— Chính phủ phải có một cơ quan chuyên môn phù hợp để quan niệm, thành lập và theo dõi sự thực hành kế hoạch hay chương trình ấy.

— Người công dân phải hưởng ứng chính sách phát triển kinh tế và hết lòng cộng tác trong khi thực hiện chính sách đó. Nếu người dân đứng ngoài thì dầu có chính sách gì hay đến đâu, cơ quan điều hành giỏi đến đâu thì công việc cũng không thể tiến hành được, đó là chưa nói gì đến tiến nhanh nữa.

Đó cũng là kết luận của bài này.

HUỲNH-VĂN-LANG

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

HỘI-THẢO VỀ VẤN-ĐỀ PHÁT-TRIỂN KINH-TẾ

HỎI : Sau loạt bài của ông Tổng Giám Đốc nhận định về hiện tình kinh tế nước ta, khoảng thời một năm gần đây, tình hình kinh tế nước ta có tiến triển khả quan chăng ?

ĐÁP : Thương mại của ta, trước đây dựa vào kinh tế chiến tranh, nay chiến tranh không còn nữa tất nhiên khối lượng thương mại phải sút kém. Trái lại kỹ-nghệ và nông nghiệp của ta có triển vọng tiến bộ nhờ sự đầu tư của chính phủ và tư nhân vào cả hai lãnh vực. Tuy nhiên chúng ta chưa vội lạc quan được và còn phải nỗ lực nhiều hơn nữa.

HỎI : Sau cuộc viễn du Hoa Kỳ của Ngô Tổng-Thống và cuộc thăm viếng của Phó Tổng-Thống kiêm Bộ-Trưởng Kinh-tế Tây Đức tại Việt Nam, đều có đề cập đến việc đầu tư vào Việt Nam, xin hỏi, sự đầu tư của ngoại quốc vào nước ta ra sao ?

ĐÁP : Hội những người bạn Mỹ tại Việt Nam đã kêu gọi được một sự đầu tư đáng chú ý vào Việt Nam. Tuy nhiên đó mới chỉ là bước đầu đáng khuyến khích chứ chưa đạt tới mức khả quan mong đợi. Sở dĩ chưa có sự đầu tư quan trọng vào Việt Nam cũng vì nhiều lý do : chế độ công xá tại Việt Nam cao hơn nhiều nước Đông Nam Á, ảnh hưởng tuyên truyền Cộng Sản khiến nhân dân nước ta, một nước mới thu hồi độc lập khỏi ách thực dân, có tâm lý nghi kỵ tư bản ngoại quốc và một phần nào không khí chính trị căng thẳng và bất an của vùng Đông Nam Á.

HỎI : Muốn tăng lợi tức phải cần đầu tư mà trong hoàn cảnh Việt Nam hiện thời đầu tư ngoại quốc gần như không có và đầu tư quốc nội cũng rất ít, vậy có phương pháp nào khác để phát triển kinh tế ?

ĐÁP : Có nhiều thứ đầu tư. Sức lao động cũng là một loại đầu tư quan trọng. Các Quốc gia Đông Nam Á còn rất nhiều lao động chưa xử dụng, như thế có thể phát triển kinh tế nhờ sự khuyến khích nỗ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

lực cần lao và tận dụng nhân công. Ngoài ra Quốc gia cần được đầu tư nhiều hơn. Đầu tư của Việt Nam hiện nay chỉ có 5% lợi tức quốc gia, trong khi các nước Cộng Sản đầu tư tới 25% dĩ nhiên vì Cộng Sản đàn áp bắt buộc nhân dân nhịn đói và làm khổ, nhưng về phần chúng ta tuy có được bảo vệ tự do tôn trọng nhân vị, thiết tưởng chúng ta cũng cần nỗ lực gia tăng đầu tư, ít nhất lên tới 15o/o thì kinh tế nước ta mới khỏi nguy ngập.

HỎI : Công cuộc viện trợ Mỹ hình như chỉ có mục đích tạo cho chúng ta một nền kinh tế sống khỏi nguy ngập một cách lần hồi nhờ vả, xin hỏi, có cách nào làm cho công cuộc viện trợ có mục đích cao hơn là phát triển mạnh mẽ nền kinh tế nước nhà như kỹ nghệ hóa chẳng hạn ?

ĐÁP : Vấn đề kỹ nghệ hóa một nước tùy thuộc nhiều điều kiện quan trọng : thị trường, chuyên viên, thợ chuyên môn v.v... Công cuộc viện trợ nào cũng vậy, kết quả tốt đẹp được là tùy ở sự xử dụng của ta. Vả chăng, sự phát triển kinh tế của một nước không thể hoàn toàn do ngoại viện mà thật ra cần sự nỗ lực làm việc, và tiết kiệm chi tiêu của nhân dân để gia tăng tỷ số đầu tư vào lợi tức quốc gia.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Vấn-đề mở mang kinh-tế ở các nước Đông-Nam-Á

VŨ-QUỐC-THÚC

Hồi tháng giêng dương-lịch năm nay, trong khóa hội-thảo của các công-đoàn Âu Á, tổ-chức tại Saigon, tôi đã có dịp thuyết-trình một cách rất tổng quát về các vấn đề kinh tế và xã hội hiện tại của Á-Châu. Lẽ dĩ nhiên, với một đề tài mênh mông như vậy, tôi chỉ có thể lướt qua các vấn đề, không đi sâu vào chi tiết ; mặt khác, tôi đã chú trọng đặc biệt đến các trạng thái liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến hoạt động của các đoàn thể thợ thuyền.

Bây giờ, tôi xin phép thu hẹp khuôn khổ thảo luận vào một vùng nhất định ở Á-Châu là miền Đông Nam Á. Hơn nữa, tôi chỉ xét một vấn đề — mặc dầu vấn đề đó rất rộng rãi — tức là vấn đề mở mang kinh tế. Tôi sẽ đứng về phương diện của những công dân, tha thiết với tương lai của giống nòi và của toàn thể nhân loại. Như vậy, tôi sẽ xét vấn đề mở mang kinh tế trong sự tương quan mật thiết của nó với mọi trạng thái tinh thần và tình cảm của cuộc sống.

●

Trước hết, chúng ta cần định rõ vị trí của miền Đông Nam Á trên bản đồ thế-giới.

Theo quan niệm thông thường, miền Đông Nam Á gồm tất cả các nước ở phía Nam Trung-Hoa và phía Đông Ấn-Độ nghĩa là : Miến-Điện, Mã-Lai, Tân-Gia-Ba, Thái-Lan, Ai-Lao, Cao-Mên, Việt-Nam, Phi-Luật-Tân, Nam-Dương và Bornéo. Diện tích các nước này, tính gộp lại, được trên bốn triệu cây số vuông và dân số được trên 180 triệu người.

Về địa-lý, đây toàn là những nước thuộc về *nhiệt đới*, chịu ảnh hưởng của *gió mùa*, và do đó hàng năm có một mùa mưa và một mù

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

hanh. Những nước ấy đều ở trên *bán đảo* hoặc *quần đảo*. Nhờ ở mấy con *sông lớn* như sông Hồng-hà, sông Cửu-long, sông Ménam, sông Irawadi, nên vùng này có những đồng bằng, tuy không rộng rãi nhưng rất phì nhiêu.

Về nhân chủng, vùng này gồm có nhiều dân tộc khác nhau, có những phong tục khác nhau, cách sinh hoạt khác nhau... Nếu xét về dân số, ta chỉ thấy một nước rất đông dân là Nam-dương (trên 80 triệu người); bốn nước cỡ trung bình, từ 20 đến 26 triệu người đó là Thái-lan : 20 triệu, Việt-Nam : 26 triệu, Miến-Điện : 22 triệu, Phi-Luật-Tân : 20 triệu ; năm nước nhỏ, dưới 7 triệu dân, là Mã-Lai : 6 triệu rưỡi, Cao-Mên : 4 triệu rưỡi, Ai-Lao : 1 triệu rưỡi, Tân-Gia-Ba : 1 triệu, Bornéo : 1 triệu.

●

Sau khi đã định rõ vị trí của vùng Đông Nam Á, tôi thiết tưởng cần phải lưu ý quý bạn về mấy đặc điểm rất quan hệ của vùng này. Đây là những đặc điểm do hoàn cảnh địa lý, chính trị, văn hóa, lịch sử v.v.. đã tạo nên. Ta có thể coi đó là một bối cảnh của tấn tuồng kinh tế. Nếu không biết rõ bối cảnh ấy, ta không thể hiểu nổi vấn đề mở mang kinh tế ở các nước Đông Nam Á.

1.— ĐẶC ĐIỂM THỨ NHẤT

Vùng Đông-Nam-Á là một vùng sản-xuất nhiều thực-phẩm và nguyên-liệu, rất cần-thiết cho Châu-Á và về một vài phương-diện cho các Châu khác nữa.

Trong cuốn sách « Les pays tropicaux » (Các nước thuộc miền nhiệt đới) nhà địa dư học Pierre Gourou có chứng minh rằng miền nhiệt đới, trái với ảo tưởng thông thường, không phải là một vùng thuận lợi cho sự sinh hoạt. Đừng thấy có những khu rừng rậm rạp mà tưởng rằng đất đai phì nhiêu đâu ! Trong rừng rậm đó, không có mấy gỗ quý. Nếu đốn hết cây, thì sẽ ít mưa và đất sẽ khô kiệt ngay. Ông Gourou đã căn cứ vào trường hợp các miền nhiệt đới ở Châu Phi và Châu Mỹ : ông thấy rằng ở các miền ấy, dân cư rất thưa thớt. Riêng ở Đông Nam Á Châu, dân số đông hơn nhiều ; ông Gourou cho rằng lý do chính của sự khác biệt này là ảnh hưởng của phương pháp thủy nông, nói khác, của kỹ thuật trồng lúa trong những cánh đồng lầy (technique de la riziculture inondée). Nhờ kỹ thuật này dân Đông Nam Á đã có thể

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

biến những đồng bằng ngập nước ở Bắc Việt, ở Nam Việt, ở Cao Mên, ở Thái Lan và ở Miến Điện thành những ruộng lúa phì nhiêu. Số lúa gạo sản xuất hàng năm trong vùng thừa nuôi nhân dân nên có thể đem xuất cảng.

Trước cuộc thế giới chiến tranh thứ hai, Thái Lan, Miến Điện và Nam Dương là ba xứ xuất-cảng nhiều lúa gạo nhất thế giới. Ngày nay, tuy sức sản xuất đã bị suy giảm vì chiến cuộc, nhưng miền Đông Nam Á vẫn còn rất nhiều khả năng để đóng vai tuồng tiếp tế thực phẩm cho toàn Châu Á. Ta có quyền tin rằng vai tuồng này càng ngày càng quan trọng hơn, vì dân số Trung Hoa, Ấn Độ và Nhật Bản tính gộp lại hiện đã quá 1 tỷ : mỗi năm dân số đó sẽ còn tăng từ 15 cho đến 20 triệu người. Dưới áp lực của nạn nhân mãn, ta khỏi phải nói là vựa thóc Đông Nam Á sẽ khiến cho rất nhiều kẻ thèm muốn.

Ngoài lúa gạo, Đông Nam Á còn có thể sản xuất nhiều thực phẩm khả dĩ tiếp tế cho toàn Châu Á như ngô, khoai, các gia súc v...v.

Một thứ nông phẩm chính yếu khác của Đông Nam Á là cao-su, hiện được trồng ở Mã Lai, Nam Dương và Việt Nam. Đây là một nguyên liệu căn bản hàng năm xuất cảng sang Nhật Bản, Âu Châu và Mỹ Châu. Nếu sau này các nước Á Châu khác súc tiến công việc kỹ nghệ hóa, cao su có thể tiêu thụ ngay ở Á Châu.

Về khoáng chất, Đông Nam Á lại còn sản xuất dầu hỏa (Nam Dương) thiếc (Mã Lai) than đá (Việt Nam) quặng nhôm (Nam Dương)... đó là không kể nhiều kim loại khác chưa được biết tường tận vì các cuộc tìm tòi chưa được tổ chức chu đáo.

Xét một cách tổng quát, ta có thể nói rằng miền Đông Nam Á tuy không giàu tài nguyên nhưng rất quan hệ đối với Á Châu vì trong miền có những thực phẩm và một số nguyên liệu cần thiết cho cuộc phát triển kinh tế tương lai của Châu Á.

II.— ĐẶC ĐIỂM THỨ HAI

Hoàn-cảnh địa-lý và lịch-sử thực ra, rất bất lợi cho sự liên-hiệp chính-trị và kinh-tế ở Đông-Nam-Á.

Chúng tôi đã nói rằng các nước Đông Nam Á gồm toàn quần đảo hoặc bán đảo. Hình thế đó khiến cho khuynh hướng địa phương biệt lập

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

luôn luôn mạnh mẽ, cả về phương diện chính trị lẫn phương diện kinh tế. Nếu xét nội bộ từng quốc gia, ta thấy 3 nước Việt Nam, Phi Luật Tân và Nam Dương có một hình thế bất lợi hơn cả : Quần đảo Nam Dương chẳng hạn, chạy dài trên 4.600 cây số. Còn về Việt Nam, chúng ta hẳn còn nhớ đã có một tác giả Pháp so sánh 2 đồng bằng Bắc Việt và Nam Việt như 2 thúng gạo treo ở 2 đầu chiếc đòn gánh tức là Trung Việt. Lối so sánh bóng bẩy này mô tả thật rõ ràng những nỗi khó khăn trong sự giao thông giữa hai miền Nam Bắc.

Nếu xét sự liên lạc giữa các quốc gia trong vùng Đông Nam Á, ta cũng thấy ngay ảnh hưởng tai hại của các trở lực thiên nhiên. Trên bán đảo Đông Dương chẳng hạn, giải Trường Sơn đã khiến cho sự giao thương giữa Việt Nam và Ai Lao khó khăn vô cùng. Một thí dụ khác : từ Saigon đến Ngưỡng Quảng, nếu thẳng đường chim bay, chỉ có 3.000 cây số. Tuy vậy, muốn tải hàng hóa từ Saigon tới Ngưỡng Quảng, người ta vẫn phải dùng đường biển, phải vòng qua Tân Gia Ba, nghĩa là sẽ mất hàng 4, 5 ngày.

Nếu ta so sánh vùng Đông Nam Á với khối Trung Hoa ở phía Bắc và khối Ấn-Độ ở phía Tây, ta thấy ngay sự khác biệt sâu sa : Trung Hoa nhờ hoàn cảnh địa lý thuận tiện, đã có thể tổ chức thành một hệ thống chính trị và kinh tế thống nhất ngay từ thời Tần Thủy Hoàng. Với 4.700.000 cây số vuông và 650 triệu dân, Trung Hoa quả thật là một lực lượng chính trị và kinh tế đáng kể. Ấn Độ cũng vậy : với 3 triệu cây số vuông và 350 triệu dân, Ấn-Độ đáng coi là một tiểu lục địa. Giữa hai khối vĩ đại đó, miền Đông Nam Á đã phơi bày cả một tình trạng chia rẽ, khiến cho ta không khỏi liên tưởng tới tình trạng vùng Ba Nhĩ Cán ở Âu-châu. Cũng như ở Ba Nhĩ Cán, mười quốc gia hiện thời ở Đông Nam Á đều tha thiết với chủ quyền của mình : óc biết lập đó nhiều khi đã đưa tới những sự hiềm khích địa phương (ở đây : tôi nghĩ tới những sự xung đột đã xảy ra ở biên thùy Thái-Mên và Mên-Việt).

Phải chăng tình trạng này hoàn toàn bắt nguồn ở hình thế địa dư ?

Xưa kia, hồi kỹ thuật giao thông còn kém cỏi, bể cả hoặc núi cao có thể coi là những trở lực bất khả thắng. Nhưng một khi đã có tàu bể, máy bay ; một khi người ta có thể đặt thiết lộ qua đèo, hoặc xuyên sơn... những trở lực thiên nhiên không thể dùng để bào chữa cho tình trạng chia rẽ chính trị và kinh tế được nữa.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Thực ra, muốn tìm hiểu tình trạng hiện thời ở Đông Nam Á, ta phải căn cứ vào hoàn cảnh lịch sử.

Khuynh hướng thống nhất, theo lý, phải đi liền với sự tiến bộ trong kỹ thuật giao thông. Ở Âu-châu, khuynh hướng này đã xuất hiện ngay từ thế kỷ 15.

Vùng Đông Nam Á bắt đầu được các tàu thuyền Âu-châu tới thăm từ thế kỷ 16. Sự tiếp xúc đầu tiên giữa các dân tộc Đông Nam Á với các nhà hàng hải Âu-châu, đã không có ảnh hưởng làm cho kỹ thuật giao thông ở đây được cải tiến và do đó, tăng cường sự liên lạc giữa các quốc gia Đông Nam Á. Trái lại, các cường quốc Âu-châu đã lợi dụng ưu thế của mình để chiếm đoạt đất đai trong vùng làm thuộc địa. Trong ba thế kỷ 17, 18 và 19 lần lượt các nước Đông Nam Á đã biến thành thuộc địa của Tây Ban Nha, Hòa Lan, Anh và Pháp... Sự cạnh tranh giữa các cường quốc ấy khiến cho các nước Đông Nam Á không thể liên lạc điều hòa với nhau được nữa. Chúng ta thừa hiểu rằng các chính sách « thực dân khế ước », « ưu tiên đế quốc », « đồng hóa quan thuế », « đồng hóa tiền tệ » v..v... đều hướng về mục đích tách các thuộc địa ở Đông Nam Á ra khỏi khu vực kinh tế thiên nhiên của mình để chịu cảnh ràng buộc chặt chẽ vào mẫu quốc — mặc dầu mẫu quốc đó cách xa hàng vạn dặm. Ngày nay, hầu hết các quốc gia Đông Nam Á đều đã độc lập : nhưng mấy trăm năm đô hộ đã để lại nhiều vết tích không dễ xóa nhòa.

Về mặt kinh tế chẳng hạn, các quốc gia Đông Nam Á vẫn chưa tìm được một phương thức phân công thích đáng để tiến tới một thế quân bình vững chắc cho toàn vùng.Chế độ thuộc địa đã khiến cho họ phải chuyên về sự sản xuất nguyên liệu và thực phẩm, để rồi đổi lấy sản phẩm kỹ nghệ của mẫu quốc. Do đó các quốc gia Đông Nam Á đã sản xuất những thứ hàng giống nhau : Đây là những nền kinh tế *cạnh tranh* lẫn nhau chứ không phải *bổ-túc* cho nhau. *Ví dụ* : trong sự xuất cảng lúa gạo chúng ta đã phải đương đầu với Diến Điện, Thái Lan, Cao Mên. Trong sự xuất cảng cao-su ta cũng phải cạnh tranh kịch liệt với Mã Lai và Nam Dương. Những thứ hàng ta cần nhập cảng như vải sợi, máy móc, dược phẩm . . . chỉ có thể mua ở Âu, Mỹ hay Nhật chứ không thể tìm thấy ở các nước láng giềng.

Nói tóm lại ta có quyền tin rằng, nếu cơ cấu kinh tế hiện thời của các nước Đông Nam Á không thay đổi, và nếu các chính phủ Đông Nam Á không biết thỏa hiệp cùng nhau để áp dụng một kế hoạch chung, tình

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

trạng chia rẽ sẽ còn tồn tại mãi. Ảnh hưởng dĩ nhiên của tình trạng đó, sẽ là sự yếu ớt cả về chính trị lẫn kinh tế.

III.— ĐẶC ĐIỂM THỨ BA

Trên bản đồ thế-giới, vùng Đông-Nam-Á có một vị-trí hết sức quan-hệ.

Đó là một ngã tư thiên nhiên : Nhiều đường hàng hải và hàng không quốc tế đã gặp nhau trong vùng này, chẳng hạn : đường đi từ Âu-châu sang Trung-Hoa Nhật-Bản và Úc-châu ; đường đi từ cận đông và Ấn-Độ sang Mỹ quốc.

a) Chính vì vậy, ngay từ cổ, Đông Nam Á đã là nơi gặp gỡ giữa hai nền văn minh chính yếu của Á châu là văn minh Trung Hoa và văn minh Ấn Độ. Giữa hai hệ thống tư tưởng, hai nền văn hóa, hai phương pháp tổ chức xã hội, khác xa nhau như thế, các dân tộc Đông Nam Á đã phản ứng ra sao ? Đã chọn lựa ra sao ? Họ có tìm được một đường lối đặc biệt nào để có thể vừa thâu nhận những yếu tố ngoại lai, vừa giữ vững cá tính và truyền thống của mình không ? Đây là một lãnh vực khảo cứu đầy hứa hẹn hãy còn chờ đợi các vị học giả Đông Nam Á.

Về phương diện kinh tế, ta có thể tìm xem sự tiếp súc giữa các nền văn minh đó đã có những ảnh hưởng gì đối với kỹ thuật sản xuất, đối với cách sinh hoạt và đối với cơ cấu kinh tế của vùng Đông Nam Á. Sự tiếp xúc ấy có kích thích sự mở mang kinh tế ở vùng Đông Nam Á không ? Hay trái lại, nó đã tạo nên một tình trạng rối loạn, làm tê liệt sự phát triển... ?

Ở đây tôi thiết tưởng cần nói tới vai tuồng cực kỳ quan trọng mà các di dân Trung Hoa đã đóng trong lịch sử kinh tế của nhiều quốc gia Đông Nam Á.

Ta có thể nói rằng vùng Đông Nam Á là vùng tuyển trạch của các hoa kiều cần xuất ngoại để cầu thực. Ở Việt Nam, Cao Mên, Thái Lan, Hải Dương, Phi Luật Tân, Mã Lai, Tân Gia Ba... số hoa kiều cư ngụ đã chiếm một tỷ lệ khá cao đối với tổng số nhân dân. Trong một vùng chia dân lại chuyên về nông nghiệp, dĩ nhiên các Hoa kiều đã lợi dụng địa vị đặc biệt của họ để đóng vai trung gian... Dần dần họ đã nắm chắc cả hệ thống thương mại quốc tế của Đông Nam Á. Họ đã kiểm soát nhiều ngành công nghệ, vận tải, ngân hàng... Họ đã tích lũy được

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

rất nhiều tư bản, thiết lập được những cơ sở vững vàng. Tuy nhiên ta cũng phải thành thực công nhận rằng nhờ có các Hoa kiều nền kinh tế Đông Nam Á đã phát triển mau hơn và mạnh hơn. Điều đáng để ý, là các Hoa kiều này thường thường xuất ngoại với ý tưởng lập nghiệp vĩnh viễn ở tha phương. Mục đích của họ không phải chỉ là kiếm thật mau một số tài sản thật lớn để quay về quê cũ. Về mặt kinh tế, tình trạng này dĩ nhiên rất có lợi cho các nước Đông Nam Á, nhưng về mặt chính trị và xã hội, sự hiện diện của một thiểu số hoa kiều rất có thế lực có thể nêu lên nhiều vấn đề gây cấn. Ta cần phải xét xem các Hoa kiều đó có chịu sát nhập vào xã hội bản xứ không và trong trường hợp này, họ có làm thay đổi hẳn các tư tưởng, các phong tục, các chế độ địa phương không ?

Xét một cách tổng quát, ta có thể tạm kết luận rằng hầu hết các Hoa kiều sau một thời kỳ tạm trú đã dần dần nhập tịch để tham dự tích cực vào đời sống chính trị và xã hội của các quốc gia Đông Nam Á. Sự nhập tịch này có thể đưa tới chỗ đồng hóa hoàn toàn, nếu các phong tục và nền văn hóa địa phương không khác xa phong tục và văn hóa Trung Hoa mấy nỗi. Đó là trường hợp của Việt Nam, trái lại, sự đồng hóa sẽ khó xảy ra nếu các phong tục và nền văn hóa địa phương khác biệt nhiều quá : đó là trường hợp của Nam Dương, Mã Lai, Thái Lan, Phi Luật Tân. Dẫu sao sự hiện diện của các Hoa kiều hải ngoại này đã giúp rất nhiều cho sự bành trướng của nền văn minh Trung Hoa : ta có cảm tưởng là trong cuộc tranh dành thế lực ở Đông Nam Á, Trung Hoa đã thắng Ấn Độ...

b) Tuy nhiên từ thế kỷ thứ 16 đến nay sự bành trướng của Trung Hoa đã vấp phải một trở lực mới : đó là thế lực chính trị, tinh thần và kinh tế của các cường quốc Âu Mỹ.

Về mặt chính trị, dĩ nhiên các Hoa kiều đã phải phục tòng các nhà cầm quyền Anh, Pháp, Hòa Lan và Hoa Kỳ. Nhờ ở quy chế ngoại kiều của họ, họ đã hưởng được một vài đặc quyền. Chẳng hạn, theo hợp ước Pháp — Hoa ký tại Nam Kinh năm 1935, các hoa kiều ở Việt Nam đã được đối đãi như các kiều dân Pháp.

Về mặt tinh thần, ở khắp các nước Đông Nam Á, ta thấy các Hoa kiều hải ngoại cũng đã chịu ảnh hưởng xâu xa của văn minh Tây phương : họ đã học tiếng Tây phương, bắt chước cách sinh hoạt của Tây phương, điều này rất hiển nhiên đối với những tầng lớp Hoa kiều giàu có, ở các nơi như Phi Luật Tân, Tân Gia Ba...

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Về mặt kinh tế, các Hoa kiều hải ngoại đã khôn khéo đóng vai trung gian giữa các xí nghiệp Âu Mỹ và dân bản xứ. Trong vai tuồng này họ đã trở nên bạn đồng minh cần thiết của các xí nghiệp Âu Mỹ. Ta khỏi phải nói là họ đã thâu được rất nhiều lợi lộc.

Có một điều đáng để ý là văn minh Tây phương lan tràn sang Đông Nam Á qua năm đại diện khác nhau là Tây Ban Nha, Hòa Lan, Anh, Pháp và Hoa Kỳ. Do đó, các dân tộc Đông Nam Á không bị « tây hóa » theo một kiểu chung. Ta có thể gọi rằng vùng Đông Nam Á là vùng duy nhất trên thế giới, trong đó văn minh *Tây phương* đã gặp gỡ văn minh *Đông phương* dưới đủ mọi sắc thái phức tạp.

Sự kiện này có thể rất hay cho các dân tộc trong vùng nếu họ biết hòa hợp những yếu tố dị biệt thành một hệ thống nhất trí. Nhưng trước khi đi tới kết quả đẹp đẽ ấy, trong một thời gian khá lâu, ta có quyền tin rằng, sự đụng chạm của những khuynh hướng trái ngược nhau sẽ khiến cho tình trạng văn hóa, xã hội và kinh tế ở Đông Nam Á phải rối loạn. Về phương diện phát triển kinh tế, dĩ nhiên, đó không phải là một hoàn cảnh thuận tiện vì nó khiến cho sự giao thương giữa các nước Đông Nam Á luôn luôn bị trở ngại. Chẳng hạn : các nước đó đã không theo một lề lối kinh doanh chung. Nước này thì dùng tiếng Pháp áp dụng luật thương mại của Pháp, các giấy tờ như thương phiếu, chi phiếu hợp đồng đặt hàng v.v... đều theo kiểu mẫu bên Pháp. Các nước khác thì lại dùng tiếng Anh hay tiếng Hòa Lan áp dụng luật thương mại của Anh hay Hòa Lan, thiết lập giấy tờ theo kiểu mẫu của Anh hay Hòa-Lan Đơn vị đo lường cũng không nhất trí : nước thì dùng ki-lô và mét ; nước thì dùng pound và yard... cả tới thị hiếu của nhân dân, chế độ công xá của thợ thuyền, cách thức đánh thuế hàng hóa.. cũng khác nhau rất nhiều, thị trường Đông Nam Á vì vậy mà bị chia ra làm nhiều khu vực nhỏ. Nếu dùng một danh từ chuyên môn, ta sẽ nói rằng số cung và số cầu bị mất tính cách lưu động.

IV.— ĐẶC ĐIỂM THỨ TƯ

Các dân-tộc Đông-Nam-Á đã bị bóc-lột trong một thời-kỳ rất dài.

Dưới chế độ thuộc địa, vẫn biết nền kinh tế các quốc gia như Nam Dương, Mã Lai, Việt Nam đều được mở mang hơn trước nhưng trong thực tế, phần lớn lợi tức của sự mở mang đó đã rơi vào quỹ các xí nghiệp Âu tây và vào túi các trung gian Hoa kiều. Người dân bản xứ chỉ được

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

hưởng một phần rất nhỏ. Năm 1938, chẳng hạn, theo một tài liệu công khai của Liên Đoàn các nhà xuất cảng gạo ở Đông Dương, thì trong số 80 phật lăng là thành giá của một tạ gạo bán sang Pháp, người nông dân Việt Nam chỉ được thâu 10f20 nghĩa là chưa tới 13%. Trên 87% số tiền đó đã dùng để trả cho các hãng vận tải, các nhà buôn, các ngân hàng, các hãng bảo hiểm và để đóng thuế cho nhà nước (Pháp). Đây chỉ là một trong rất nhiều thí dụ. Dĩ nhiên, các dân tộc Đông Nam Á, khi giành được độc lập, đều khó lòng mà tránh khỏi khuynh hướng bài ngoại. Họ nghi ngờ bất cứ hãng ngoại quốc nào. Các công nhân luôn luôn yêu sách để đòi tăng công hoặc để hưởng một chế độ rộng rãi hơn. Khách hàng thì đòi hạ giá. Nhà cầm quyền thì muốn kiểm soát chặt chẽ để thâu thuế cho đúng mức, để hạn chế các vụ chuyển ngân... Do đó những xí nghiệp Anh, Pháp, Hòa Lan... đã dần dần rút lui, kẻ có vốn đều e ngại, không dám đầu tư thêm.

Hậu quả chắc chắn của tình trạng này, là trong một thời gian, có thể kéo dài tới 5, 10 năm, sau ngày độc lập, lực lượng sản xuất của các quốc gia Đông Nam Á sẽ bị giảm sút ; lợi tức sẽ rút bớt. Các luồng thương mại giữa thuộc địa và chính quốc lúc trước nhất đán sẽ bị gián đoạn. Trong khi đó, các quốc gia Đông Nam Á vẫn chưa tìm được thị trường mới, chưa thiết lập được một hệ thống ngoại thương mới.

Một điều đáng ngại nữa là khuynh hướng bài ngoại có thể bị một số phần tử quá khích khai thác với mục đích kéo dài tình trạng khủng hoảng, ngõ hầu thâu đoạt chính quyền. Những việc sảy ra gần đây ở Nam Dương, Mã Lai... đã chứng tỏ một phần nào những âm mưu quỷ quyệt ấy.

Dù muốn, dù không, ta vẫn phải công nhận rằng quần chúng trong vùng Đông Nam Á hãy còn thiếu suy xét, thiếu kinh nghiệm. Họ dễ bị siêu lòng vì những luận điệu bài ngoại. Đây là một trở lực quan hệ trong công cuộc mở mang kinh tế vì ta thừa hiểu rằng các nước Đông Nam Á chưa đủ khả năng để tự lực cánh sinh. Họ còn cần rất nhiều tư bản và kỹ thuật gia ngoại quốc...

V.— ĐẶC ĐIỂM THỨ NĂM

Vùng Đông-Nam-Á là nơi mà cuộc chiến-tranh nguội giữa hai khối Cộng-sản và Tư-bản đang tiếp-diễn và sẽ tiếp-diễn gay go hơn cả.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Trong thế giới hiện thời, nếu ta xét những vùng có thể dùng làm địa bàn cho cuộc chiến tranh nguội, ta có thể lần lượt kể:

— Vùng Tây và Nam Âu-châu.
— Vùng Cận Đông.
— Vùng Phi-châu.
— Vùng Nam Á.
— Vùng Đông Bắc Á.
— Vùng Đông Nam Á.
— Vùng Trung và Nam Mỹ.

Ta có thể gạt ngay vùng Trung và Nam Mỹ vì vùng này ở xa các nước Cộng sản và gần Hoa Kỳ. Các phần tử Cộng sản có thể quấy rối nhưng chắc chắn sẽ không phá nổi thế quân bình.

Vùng Tây và Nam Âu-châu gồm có nhiều nước rất mở mang: trình độ dân trí rất cao. Lý tưởng Mác-xít có thể hấp dẫn một số thợ thuyền và tri thức nhưng hệ thống tư bản sẽ thừa đủ sức mạnh để chống Cộng.

Vùng Đông Bắc Á gồm có một nước rất mở mang là Nhật Bản và hai nước kiên quyết chống cộng là Cao Ly và Đài Loan. Đấy cũng là một pháo đài kiên cố để ngăn làn sóng đỏ.

Trong vùng Phi-châu, dân chúng hiện đang vận động mạnh mẽ để giành độc lập. Rất có thể họ sẽ lợi dụng sự viện trợ ngấm ngầm của Cộng sản. Tuy nhiên, các nước Phi-châu ở xa Nga-sô, và hiện vẫn còn bị các cường quốc Tây Âu kiểm soát rất chặt chẽ, nên thế lực cộng sản không chắc gì đã bành trướng nổi ở đây.

Vùng Đông Nam Á và vùng Cận Đông đều ở sát nách khối Cộng sản. Tuy nhiên, nhờ ở sự thống nhất tôn giáo (thí dụ: Liên đoàn Hồi-giáo) hoặc thống nhất chính trị (thí dụ: Ấn Độ) nên các nước trong vùng này có đủ lực lượng tinh thần để chống lại mọi đe dọa của Cộng sản. Các biến cố xảy ra gần đây ở Ai Cập, ở Irak và ở tiểu bang Kérala đã cho ta thấy rõ ý chí chống Cộng của dân tộc hai vùng vừa kể.

Còn lại vùng Đông Nam Á. Chúng ta đã thấy là vùng này rất chia rẽ, rất yếu ớt, có một vị trí chiến lược rất quan hệ, lại chứa đựng nhiều tài nguyên cần thiết cho khối Cộng sản, nhất là cho Trung cộng. Đã thế, trong vùng lại có rất nhiều Hoa kiều cư trú. Các dân tộc Đông Nam Á cũng không có một thái độ nhất trí đối với Cộng sản. Một nửa

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

dân Việt Nam đã bị Cộng sản kiểm soát. Các dân tộc Nam Dương, Cao Mên, Diến Điện đều có khuynh hướng trung lập. Chỉ còn mấy nước Thái Lan, Cộng Hòa Việt Nam, Phi Luật Tân và Mã Lai là cương quyết chống Cộng... về mặt tôn giáo, cũng không có sự thống nhất. Có nước theo Phật giáo, có nước theo Hồi giáo. Một phần quan trọng nhân dân lại còn theo Thiên Chúa giáo hoặc các tôn giáo khác... Như vậy, ta thấy vùng Đông Nam Á quả là một miếng mồi ngon lành để hấp dẫn Cộng sản.

Nếu Đông Nam Á bị hồng hóa, dĩ nhiên toàn thể Á châu và Úc châu sẽ bị đe đọa. Các vùng Nam Á và Đông Bắc Á sẽ bị cô lập. Úc Đại Lợi, với một dân số thưa thớt và hàng triệu cây số vuông hoang vu, liệu có đủ sức để chế ngự làn sóng Cộng sản hay không ?.. Không cần nói, ta cũng cảm thấy tất cả cái nguy hiểm của viễn ảnh ấy !

Trong chiến lược mà Cộng sản thường áp dụng để bành trướng thế lực, một khí giới hữu hiệu nhất là sự bất mãn của những tầng lớp nghèo túng...

Xưa kia, mỗi khi thiếu ăn, thiếu mặc, mỗi khi bị tật bệnh hành hạ, mỗi khi không kiếm được kế sinh nhai... người Đông Nam Á đã « lấy câu định mệnh để khuây vần » nỗi đau khổ. Họ đã có thể nhẫn nại kéo dài cuộc sống kham khổ vì các tôn giáo mang lại cho họ một niềm hy vọng vô biên — hy vọng ở Thiên đường, hy vọng ở Nát bàn, hy vọng ở lẽ chí công của Tạo hóa và ở sự tuần hoàn của các cuộc bĩ thái. Ngày nay, tinh thần của họ rất có thể lay chuyển vì luận điệu tuyên truyền của Cộng sản : họ sẽ có khuynh hướng trách cứ kẻ thực dân ngoại quốc, rồi tới các giới phong kiến, các giới tư bản : đã bóc lột họ, giam hãm họ trong sự ngu tối, bần cùng.

Như vậy ngày nào các chính phủ Đông Nam Á chưa bị nạn Cộng sản chi phối, ngày đó, khối Cộng sản sẽ còn tìm đủ mọi cách để làm tê liệt cuộc mở mang kinh tế trong nước.

Chính vì hiểu rõ nguy cơ ấy cho nên Hoa Kỳ đã áp dụng chính sách viện trợ : thành thử sự mở mang kinh tế trong vùng Đông Nam Á đã vượt khỏi khuôn khổ chật hẹp của kinh tế để biến thành một cuộc tranh đấu thế lực.

●

Chúng tôi đã trình bày một số đặc điểm trọng yếu mà bất cứ ai muốn giải quyết vấn đề mở mang kinh tế ở Đông Nam Á đều nên biết trước.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Hiện thời các giới chính quyền, các báo chí, các lý thuyết gia cũng như các nhà doanh nghiệp luôn luôn nói tới danh từ « mở mang kinh tế », « phát triển kinh tế », « khuếch trương kinh tế » v.v... Những danh từ này trở nên rất thông dụng, khiến cho ta có cảm tưởng rằng dư luận đã mặc nhiên chấp thuận một quan niệm chung về sự mở mang kinh tế.

Sự thật khác hẳn !

Nếu chúng ta mở một cuộc thăm dò trong các từng lớp nhân dân ta không khỏi nhận thấy rất nhiều sự bất đồng ý kiến. Có người thì quan niệm mở mang kinh tế như một sự làm giàu. Nhiều người khác tin rằng kinh tế chỉ mở mang khi nào mọi công nhân được toàn dụng. Lại có người ngầm hiểu mở mang kinh tế là kỹ nghệ hóa... Dĩ nhiên, với những ý kiến khác biệt xâu xa như thế, người ta khó lòng thỏa thuận cùng nhau để tìm một giải pháp chung cho vấn đề.

Ở đây tôi không dám ngông cuồng chủ trương rằng quan niệm nào là đúng, quan niệm nào là sai. Sai hay đúng, như ta thấy, đều tùy thuộc cứ điểm mà mỗi người đã chọn lựa để quan sát và lý luận.

Tôi chỉ xin phép dựa vào thực trạng hiện thời của vùng Đông Nam Á, với tất cả những nỗi éo le của nó, để đưa ra ba cách thức mà các giới hữu quyền có thể quan niệm vấn-đề mở mang kinh tế.

A.— Trước hết người ta có thể bắt chước các chuyên viên quốc tế, *lấy số lợi-tức hàng năm tính theo đầu người* (revenu annuel per capita) *làm tiêu-chuẩn để đo sự mở mang kinh-tế*. Lợi tức hàng năm của mỗi quốc gia là một con số tổng hợp, trong đó người ta cộng gộp giá trị của tất cả các thứ tài hóa hữu hình hay vô hình mà nhân dân đã sản xuất được trong năm như ; thóc lúa, cao su, rau trái, gia súc, các sản phẩm kỹ nghệ và tiểu công nghệ, công việc của các nhà buôn, các nhà vận tải, các ngân hàng, các hãng bảo hiểm, các nghề tự-do, các công chức v.v... Dĩ nhiên, hoạt động kinh tế càng tăng tiến bao nhiêu thì số lợi tức hàng năm của quốc gia càng lên cao bấy nhiêu.

Cái gì quan hệ là số thương (quotient) của lợi tức quốc gia chia cho dân số.

Giả tỉ nhờ ở các cuộc dinh điền hay nhờ ở các kỹ nghệ mới thiết lập, lợi tức quốc gia tăng thêm được 2%. Nếu cũng trong thời gian đó, dân số tăng thêm 2%, ta không thể coi là kinh tế mở mang hơn,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Như vậy, đứng về phương diện thuần túy toán học, ta có thể phân biệt ba trường hợp.

1— Dân số tăng, lợi tức quốc gia tăng nhiều hơn.
2— Dân số giữ vững, lợi tức quốc gia tăng.
3— Dân số giảm, lợi tức quốc gia giữ vững.

Trong cả ba trường hợp này, nếu chỉ căn cứ vào lợi tức trung bình theo đầu người, ta sẽ tưởng rằng kinh tế mở mang hơn.

Tuy nhiên, nếu trường hợp thứ nhất không có gì đáng nói, thì hai trường hợp thứ hai và thứ ba (dân số giữ vững hay giảm sụt) có thể khiến cho ta hoài nghi.

Sự tăng gia dân số là một khuynh hướng thiên nhiên của nhân loại. Khuynh hướng này bắt nguồn ở những yếu tố sinh lý và tâm lý. Nếu để bảo vệ hay nâng cao mức sống, người ta phải hạn chế sự sinh dục, tức là người ta đã làm trái khuynh hướng thiên nhiên ấy.

Ở những nước Đông Nam Á nhân dân hãy còn tha thiết với đời sống gia đình và trung thành với những truyền thống cố hữu về sự phụng thờ tiên tổ và nối giõi tông đường, dĩ nhiên người ta không thể tán thành những biện pháp giả tạo để hạn chế sinh dục. Hơn nữa, các tôn giáo như Phật giáo, Hồi giáo hay Thiên Chúa giáo đều dạy tín đồ phải tôn trọng sinh mạng. Như vậy ở các nước Đông Nam Á, sự mở mang kinh tế phải dựa vào một nền tảng dân số, mỗi ngày một tăng thêm. Tỉ lệ tăng gia trung bình của dân số trong vùng sấp sỉ vào khoảng 1,7 đến 2% mỗi năm. Do đó, kinh tế chỉ nên coi là mở mang nếu hàng năm lợi tức quốc tăng gia trên 2%.

Đó là nói về tổng số lợi tức. Nếu xét số lợi tức trung bình theo đầu người, thì *ít nhất* các nước Đông Nam Á cũng cần phải tìm cách tăng gia số lợi tức đó theo đúng nhịp phát triển thông thường ở các nền kinh tế tự do (ta cần phải căn cứ vào các nước tự do vì ai cũng biết nhịp phát triển kinh tế ở các nước ấy là một nhịp phát triển *tự nhiên* : nói khác — một nhịp tối thiểu. Nếu áp dụng chính sách hoạch định, người ta có thể huy động toàn thể khả năng sản xuất để đạt tới một nhịp phát triển cao hơn nhiều). Hiện thời, nhịp phát triển thông thường ở các nơi kinh tế tự do là 3% mỗi năm. Như vậy muốn cho lợi tức trung bình theo đầu người tăng 3% một năm, trong khi dân số hàng năm tăng thêm từ 1,7 đến 2%, tổng số lợi tức quốc gia sẽ phải tăng vào lối 5% một năm.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Dù có thực hiện được tỉ lệ phát triển này các nước Đông Nam Á vẫn còn phải giải quyết một vấn đề khác — tức là vấn đề *kém mở mang*. Nếu ta so sánh lợi tức trung bình theo đầu người của hai quốc gia: một quốc gia cỡ trung bình ở Đông Nam Á là Thái Lan và một quốc gia cỡ nhỏ ở Âu-châu là Đan Mạch, ta sẽ thấy sự chênh lệch rất là sâu xa. Mỗi người dân Thái Lan, năm 1954, trung bình sản xuất được 65 Mỹ-kim ; mỗi người dân Đan Mạch, cũng năm đó, trung bình sản xuất được 750 Mỹ kim, nghĩa là nhiều hơn 11 lần. Tất cả vấn đề hiện thời là làm thế nào để cho những nước kém mở mang như Thái Lan có thể dần dần đuổi kịp các nước tiền tiến như Đan Mạch. Muốn thế, nhịp phát triển lợi tức quốc gia hàng năm không thể là 5% mà phải nhiều hơn nữa...Nói khác, nhân dân vùng Đông Nam Á phải tăng gia sản xuất bằng đủ mọi cách : nông nghiệp, kỹ nghệ, thương mại, hàng hải, ngân hàng v.v... Số giờ làm việc trung bình phải tăng thêm. Các phương pháp làm việc phải được cải thiện để cho năng xuất được cao hơn. Dĩ nhiên, người ta lại còn phải hạn chế sự tiêu thụ để có thể đầu tư nhiều hơn...

Tất cả các việc vừa rồi, tuy phức tạp nhưng về phương diện kỹ thuật thuần túy đều có thể làm dễ dàng. Tại sao vậy ? Chính vì quan niệm mở mang kinh tế, như một sự phát triển lợi tức quốc gia, thực sự là một quan niệm rất đơn giản. Người ta chỉ chú trọng đến số lợi tức tuyệt đối mà không cần bận tâm về nội dung của lợi tức. Do đó, người ta có thể dùng bất cứ *phương tiện nào* ; khuếch trương canh nông, khuếch trương tiểu công nghệ, kỹ nghệ hóa, hoặc bành trướng khu vực tam đẳng (nghĩa là các ngành sản xuất, dịch vụ như thương mại, vận tải, các nghề tự do, các ngành tiêu khiển v.v...). Người ta có thể áp dụng bất cứ *chính sách* nào : hoạch định chặt chẽ cơ hồ tiêu diệt thị trường và sáng kiến tư nhân, hoặc hoạch định mềm rẻo bằng cách khuyến khích, hướng dẫn và nâng đỡ tư nhân...

Người ta cũng không cần đến cách *phân phối lợi tức* trong nhân dân : rất có thể lợi tức toàn thể tăng rất nhiều, mà trong nước một số thợ thuyền lâm vào cảnh thất nghiệp vì họ đã bị thay thế bằng các máy tự động. Rất có thể các tá điền vẫn bị điền chủ ức hiếp, người tiêu thụ bị các trung gian bóc lột... Nếu chỉ căn cứ vào lợi tức trung bình theo đầu người, người ta sẽ không thể nhìn thấy mà cũng không cần để ý tới những cảnh bất công đó.

Tôi khỏi phải dùng nhiều lời để chứng minh rằng các nước Đông Nam Á không thể chấp nhận một quan niệm mở mang kinh tế quá ư đơn

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

giản như vậy. Ở đây, ta đã thấy vấn đề kinh tế bị ràng buộc rất mật thiết với các vấn đề xã hội, chính trị, đạo lý, tôn giáo và tình cảm. Do đó người ta không thể xử dụng bất cứ phương tiện nào, áp dụng bất cứ chính sách nào. *Chẳng hạn* : nhiều chính phủ Đông Nam Á thừa biết rằng ngăn cấm ngoại kiều làm một số nghề, tức là buộc họ phải thanh toán xí nghiệp và bãi đầu tư. Sức sản xuất toàn quốc sẽ vì vậy mà bị giảm sụt. Nhưng vì lý do an ninh, và để bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân trong nước, chính phủ đành phải đặt mục tiêu chính trị lên trên mục tiêu kinh tế.

Biện pháp cải cách điền địa cũng vậy. Về phương diện kinh tế rất có thể cuộc cải cách điền địa sẽ khiến cho quyền sở hữu ruộng đất bị tế phân, sự canh tân nông nghiệp bị trở ngại... nhưng đó là một khí giới hiệu nghiệm để chống lại âm mưu tuyên truyền của Cộng sản ở hương thôn.

B.— Một cách thứ hai để quan niệm sự mở mang kinh tế không căn cứ vào lợi tức quốc gia, mà hướng vào sự tăng cường các « *lực lượng sản xuất* ».

Lực lượng sản xuất là gì ? Đó là tất cả những cái có thể tạo lợi tức cho quốc gia.

a) Trước hết ta phải nói tới *số nhân dân hoạt động*, nghĩa là những người có thể làm việc được. Trong một nền kinh tế dựa vào nhân lực, số nhân dân hoạt động này ấn định giới hạn tối đa của sự phát triển. Nếu số người đó khiếm dụng, hoặc thất nghiệp hoàn toàn, hoặc kém hiệu quả vì thiếu huấn luyện chuyên môn... dĩ nhiên lợi tức của họ tạo ra rất ít ỏi. Bằng cách tận dụng nhân công, tăng thêm số giờ làm việc, và huấn luyện thợ thuyền, người ta có thể khiến cho lợi tức quốc gia tăng thêm rất mau.

Phần lớn những nước Đông Nam Á không thiếu nhân công. Trái lại những công nhân « tiềm tàng » thường không làm việc triệt để. Ở thôn quê chẳng hạn, mỗi năm, thời giờ làm việc thực sự của người nông dân thường không quá 6 tháng. Cả các nhà công nghệ, các nhà buôn, các công tư chức cũng vậy. Họ có thể cả ngày có mặt ở bàn giấy, ở công xưởng hay ở xí nghiệp nhưng số giờ làm việc thực sự của họ không chắc đã tới 4, 5 giờ một ngày. Đã thế đại đa số công nhân đều không được huấn luyện chuyên môn : năng xuất của họ vì vậy mà rất kém cỏi.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Như vậy, ta có quyền tin rằng các nước Đông Nam Á, hãy còn nhiều khả năng về phương diện nhân lực.

Nếu chú trọng về lợi tức, dĩ nhiên người ta chỉ tìm cách huy động nhân dân để làm những việc không cần nhiều chuyên môn, và làm việc với những phương pháp cổ hữu, hoặc không có phương pháp nào hết ! Đó là tình trạng của phong trào *phát triển cộng đồng*. Với phong trào ấy, lợi tức có thể tăng thêm nhưng sự tăng gia sẽ không là bao. Trái lại, nếu chú trọng đến lực lượng sản xuất, người ta sẽ tìm cách tăng thêm hiệu quả của công việc. Nhiều biện pháp có thể áp dụng như huấn luyện thật nhiều kỹ thuật gia và công nhân chuyên môn, cải tổ lề lối làm việc trong các xí nghiệp và các công sở, hợp lý hóa hoạt động... làm như thế tức là tăng cường lực lượng sản xuất. Tạm thời, rất có thể lợi tức chưa tăng ngay nhưng trong tương lai, chắc chắn lợi tức tăng rất nhiều.

b) Sau nhân lực, ta phải nói tới các *tài nguyên thiên nhiên*. Đó cũng là một lực lượng sản xuất quan hệ.

Trong nước càng nhiều tài nguyên thiên nhiên thì khả năng phát triển càng dồi dào. Tuy nhiên, ta đừng tưởng rằng các tài nguyên đó, tự nó có thể mở đường cho sự phát triển kinh tế. Điều quan hệ là phải *hiểu rõ* tài nguyên đó có những gì, cách xử dụng ra sao, muốn xử dụng phải sửa soạn như thế nào... ?

Nghiên cứu tài nguyên thiên nhiên, như vậy, là một cách để tăng cường lực lượng sản xuất. Công cuộc nghiên cứu không phải là dễ dàng. *Thí dụ :* người ta phải tìm tòi khắp các miền trong nước để xem có mỏ dầu hỏa, mỏ than, mỏ sắt, mỏ đồng, mỏ uranium v.v.. không. Muốn thế cần phải có nhiều chuyên viên về khoáng chất, phải tổ chức sự tìm mỏ một cách triệt để và rộng rãi để tìm mỏ dầu hỏa chẳng hạn, nhiều khi phải tốn hàng chục triệu Mỹ-kim để đào giếng... Trong 10 cuộc tìm mỏ dầu, người ta tính rằng có tới 9 cuộc thất bại. Một thí dụ khác: người ta cần phải biết rõ tính chất của đất đai để có thể giồng giọt hợp lý. Muốn thế cần phải có nhiều chuyên viên về địa chất học, chia nhau khảo cứu đất đai trong khắp các miền hương thôn. Dĩ nhiên, muốn đạt được kết quả mỹ mãn người ta phải thí nghiệm kỹ càng, phải áp dụng những phương pháp mới như phương pháp « đồng vị » (radiosotopes), ta có thể nói chung rằng tất cả các công cuộc nghiên cứu về canh nông, kỹ nghệ, thương mại... đều là những cuộc đầu tư. Chính các cuộc nghiên cứu đó sẽ biến tài nguyên thiên nhiên thành lực lượng sản xuất có thể huy động bất cứ lúc nào...

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Ở các nước Đông Nam Á, hiện thời ta thấy rằng sự nghiên cứu tài nguyên hãy còn vô cùng thiếu sót. Việc nghiên cứu đó từ trước đến nay hoàn toàn phó mặc cho tư nhân. Nhưng nhân dân vì thiếu kiến thức chuyên môn cũng có, thiếu phương tiện tài chính cũng có, nên không thể nghiên cứu chu đáo. Rút cục họ đã noi theo các vết xe cũ, sản xuất theo phương pháp cũ trong những nghề cũ...

c) Sau hết, ta phải nói tới các *tư bản* hiểu theo nghĩa kỹ thuật, nghĩa là tất cả các cơ cấu như đường xá, thiết lộ, nhà cửa, phi trường, hải cảng, cầu cống v.v... các máy móc dụng cụ hiện có sẵn trong nước, các tài hóa có thể dùng làm tư bản luân chuyển như thóc giống, than đá, săng nhớt, nguyên liệu kỹ nghệ v.. v... Những tư bản vừa kể, hiện thời là lực lượng sản xuất quan hệ nhất ở các nước tân tiến.

Đã hẳn là tư bản đó hoàn toàn do người cấu tạo nên, bằng cách hạn chế sự tiêu thụ. Do đó, nhịp tích lũy tư bản tùy thuộc lợi tức hàng năm: càng nhiều lợi tức, người ta có thể đầu tư nhiều hơn. Mặt khác, số tư bản ích lũy càng quan trọng bao nhiêu, thì lợi tức kiếm được càng lớn bấy nhiêu.

Thực ra điều vừa rồi, không những đúng với tư bản, mà còn đúng cả đối với hai loại lực lượng sản xuất đã nói trên, tức là nhân lực và tài nguyên thiên nhiên. Có nhiều kỹ thuật gia, nhiều thợ chuyên môn, nhiều phòng thí-nghiệm, nhiều phòng khảo cứu... thì lợi tức hàng năm sẽ nhiều hơn. Với lợi tức dồi dào ấy, người ta lại có thể huấn luyện thêm kỹ thuật gia, thêm thợ chuyên môn, thực hiện thêm nhiều cuộc nghiên cứu mới mẻ để tăng thêm lợi tức trong tương lai.

Như vậy, sự mở mang kinh tế có tính cách lũy tiến.

Các nước Đông Nam Á hiện thời có rất ít lực lượng sản xuất: v vậy nên lợi tức thấp kém. So với các nước tiền tiến, sự chênh lệch như ta đã thấy, có thể lên tới 10 lần. Nếu không có một sự cố gắng để hoán cải tình thế, trong vòng vài ba chục năm nữa, sự chênh lệch chỉ tăng thêm chứ không chắc gì giảm bớt...

Chính vì vậy mà nhiều người đã chủ trương rằng mở mang kinh tế tức là tăng cường lực lượng sản xuất.

Đó là một chính sách đã từng được áp-dụng ở nước Đức hồi giữa thế kỷ thứ 19 dưới ảnh hưởng của chủ nghĩa quốc gia kinh tế. Chính sách này, hiện thời cũng được toàn thể các nước Cộng sản thi hành. Họ thường dùng các biện pháp sau đây :

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

1.— Triệt để giáo dục quần chúng để đào tạo thật nhiều cán bộ chuyên môn về đủ các loại (Thanh toán nạn mù chữ, mở rộng cửa các trường Đại học và trường Cao đẳng cho sinh viên theo học, thiết lập những khóa huấn luyện cấp tốc, tổ chức những lớp tu nghiệp trong phạm vi từng công xưởng, từng ngành hoạt động v .v..)

2.— Bỏ thật nhiều tiền để tổ-chức sự khảo cứu khoa học theo một kế hoạch toàn quốc. Chính nhờ sự cố gắng đó mà Nga Sô đã đạt được những thành tích rất vẻ vang trong cuộc thi đua về hỏa tiễn.

3.— Hạn chế tới mức tối thiểu sự tiêu thụ của nhân dân, ngõ hầu tích lũy thật nhiều tư bản cho Nhà Nước. Chính vì vậy mà trong khi lực lượng sản xuất của Nga Sô tăng thêm rất mau, thì người dân vẫn chịu kham khổ đủ điều. Đó là nguyên tắc : « nhịn đói để đầu tư ».

4.— Trong các ngành hoạt động, chỉ giữ lại những ngành nào có tính cách thật rõ rệt: những ngành khác phải tiêu diệt và nhân công dùng ở các ngành này phải thay đổi công tác. Ở Nga chẳng hạn : các nghề thương mại và rất nhiều tiểu công nghệ đã bị ngăn cấm.

5.— Chú trọng đến kỹ nghệ nhiều hơn là canh nông vì người ta tin rằng trong nông nghiệp định luật năng xuất tiệm giảm áp dụng rất sớm,

6.— Trong các kỹ nghệ, người ta đặt trọng tâm vào các kỹ nghệ nặng, nghĩa là những kỹ nghệ chế tạo « tư bản phẩm ».

7.— Sau hết, trong canh nông, người ta phổ biến phương pháp tại canh, để có thể dùng nhiều máy móc và giải phóng bớt nhân công.

Tất cả các biện pháp vừa kể đều có kết quả làm tăng thêm lực lượng sản xuất, nhưng tạm thời, nó khiến cho mức sống của nhân dân phải hạ thấp. Người ta viện lý do : thế hệ đương kim phải hy sinh cho các thế hệ mai sau. Dĩ nhiên, muốn bắt nhân dân hy sinh mấy chục năm liền như vậy, chính quyền đã phải dùng những phương pháp độc tài trái ngược hẳn với các quyền tự do thiêng liêng và nhiều khi với phẩm giá của con người nữa.

Ở các nước Đông Nam Á hiện thời như ta đã thấy, vì nhiều lý do chính trị, xã hội, tôn giáo cũng như kỹ thuật và tài chính, chính phủ khó lòng áp dụng được toàn thể những biện pháp vừa kể. Chẳng hạn : không nước nào đủ phương tiện để tiêu diệt thương mại, để tập trung sự canh

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

tác, để tổ chức sự khảo cứu khoa học trên một căn bản rộng rãi để thiết lập kỹ nghệ nặng v.v... Mặt khác, hình thức « Viện trợ thương mại hóa» của Hoa Kỳ khiến cho người ta không thể hạn chế sự nhập cảng tiêu thụ phẩm để lấy tiền đầu tư...

C.— Một cách thứ ba để quan niệm mở mang kinh tế, coi sự mở mang đó chỉ là một *phương tiện* chứ không phải là phương tiện duy nhất để thực hiện hạnh phúc của nhân dân.

Cứu cánh trong quan niệm này không phải là « Con người kinh tế » (homo oeconomicus) mà là con người toàn diện. Cái gì ta phải thực hiện là hạnh phúc của con người toàn diện ấy.

Muốn thế, người ta có thể dùng hai cách :

— Hoặc là cố gắng thỏa mãn những nhu yếu thiên hình vạn trạng của con người bằng sự chế tạo những phương tiện thích ứng. Đó là con đường *kinh tế*.

— Hoặc là cố gắng tiết chế các nhu yếu bằng sự huấn luyện thể chất và tinh thần. Đó là con đường *giáo hóa*.

Đã hẳn là, người ta không thể diệt trừ tất cả các nhu yếu. Không phải bất cứ ai đều có thể tu luyện như các vị « Fakir » Ấn Độ nhịn ăn, nhịn mặc, nhịn cử động... trong hàng tháng trường. Những kẻ phàm tục đều phải tìm cách thỏa mãn một số nhu yếu căn bản như ẩm thực, phục sức, trú ngụ... để có thể sinh tồn.

Con đường giáo hóa coi sự thỏa mãn các nhu yếu căn bản ấy là một điều bất đắc dĩ. Người ta chỉ cốt no ấm, chứ không cần gì phải tìm những thực phẩm thật ngon, những y phục thật đẹp, những nhà cửa thật lộng lẫy... Để bênh vực quan niệm nhân sinh này, người ta lý luận rằng hạnh phúc không phải chỉ là những khoái lạc do các phương tiện vật chất mang lại. Hạnh phúc phức tạp hơn nhiều :

— Trước hết người ta có thể tìm thấy hạnh phúc trong sự *an nhàn* của thể xác và sự *thanh thản* của tâm hồn. Sung sướng nhất, chính là những người không phải bận tâm về công danh, tài lợi không phải lo lắng về gia đình, xã hội. Những người đó thật chẳng khác gì đã phá tan được cùm xích của kiếp sống, để hòa mình với thiên nhiên. Quan niệm hạnh phúc « yên tĩnh » này đã được biểu lộ rõ ràng trong câu ca dao :

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Con mèo nằm bếp ro ro :
Ít ăn thì lại ít lo ít làm !
Con ngựa đi Bắc về Nam :
Nhiều ăn thì lại nhiều làm nhiều lo !

— Sau nữa, hạnh phúc còn có thể tìm thấy trong sự *thỏa mãn về* tinh thần và sự thỏa mãn này thường thường không cần tới những phương tiện quá ư phiền toái, quá ư tốn kém. Ngao du sơn thủy để thưởng thức cái đẹp thiên nhiên của tạo vật, nghe một bài hát du dương hay ngâm một câu thơ tuyệt diệu đó là những cái thú tao nhã mà bất cứ ai đều có thể hưởng được, không cần phải có nhiều tiền của.

— Ngay cả những kẻ chưa dứt được tục lụy và hãy còn đắm đuối trong bể tình cảm, đừng tưởng rằng họ khổ sở đâu ! Họ có thể tìm thấy hạnh phúc trong các say sưa của yêu đương hay cái đầm ấm của cảnh gia đình hòa thuận. Chính thứ hạnh phúc này đã khiến cho nhiều người vẫn có thể vui vẻ mặc dầu thiếu ăn thiếu mặc...

Dĩ nhiên, một khi người ta coi hạnh phúc là cứu cánh, người ta sẽ không tha thiết với vấn đề kinh tế nữa. Đó là trường hợp của các dân tộc Đông Nam Á — và nói chung, của hầu hết các dân tộc Á Châu, rất có thể quan niệm nhân sinh này bắt nguồn ở các tôn giáo : như Phật giáo và Hồi giáo và ở các triết lý như Khổng học hay Lão học...

Phật giáo, chẳng hạn đã dạy tín đồ rằng cuộc sống vật chất, trong thời gian trong sắc thái chỉ là một cuộc sống gửi. Cái gì thực sự, cái gì vĩnh viễn là cuộc sống của linh hồn bất diệt ở ngoài thời gian, trong hư không. Quá ư lo lắng về kinh tế, như vậy, chỉ là thái độ của những người chưa giác ngộ.

Khổng học, tuy không đả động tới các vấn đề siêu hình, nhưng cũng khuyên người đời phải tiết chế dục vọng và tránh sự kiêu sa...

Chúng ta phải công nhận rằng xưa kia, các dân tộc Á Châu, nhờ ở nhân sinh quan này, đã đạt tới một thế quân bình tinh thần rất thích hợp với trình độ kỹ thuật và kinh tế của toàn châu. Thế quân bình ấy có thể duy trì mãi mãi được không ?

Cứ lấy lý mà xét, ta có thể đoán ngay là không !

Người ta không thể cưỡng lại mãi mãi những định luật đanh thép của kinh tế. Với thời gian, dân số tăng dần và tăng rất mau. Trong khi

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

đó, đất đai vẫn không thay đổi. Dù có triệt để khai thác chăng nữa, người ta vẫn không thể phá nổi định luật năng xuất tiệm giảm. Như vậy mực sống của mọi người sẽ dần dần hạ thấp. Sinh hoạt càng ngày càng chật vật. Không một tôn giáo hay một đạo lý nào có thể khuyên nhủ đại chúng quên mãi cái đói rét của họ. Như vậy, vấn đề mở mang kinh tế thế nào cũng phải nêu lên.

Đối với các dân tộc Á Châu, nhất là đối với dân vùng Đông Nam Á, vấn đề này đã nêu lên một cách rất phũ phàng.

Trong khi họ đề cao đạo đức và coi nhẹ kinh tế, thì bên Âu Châu cuộc cách mạng kỹ thuật đã khiến cho sự mở mang kinh tế biến thành một quốc sách.

Với chính sách trọng thương, các quốc gia Âu châu đã trở nên hùng mạnh và tìm cách bành trướng thế lực khắp thế giới. Họ đã chinh phục miền Đông Nam Á để làm thuộc địa :

Đã hẳn là trước sự thực phũ phàng này, các dân tộc Đông Nam Á, không thể không hoang mang. Họ hối tiếc rằng họ đã không sớm biết mở mang kinh tế như Nhật Bản, để có thể bảo vệ quyền độc lập của đất nước !

Ngày nay, quyền độc lập đã vẫn hồi nhưng sự hoang mang tinh thần vẫn còn. Vẫn còn là vì các dân tộc Đông Nam Á hiểu rõ rằng con đường kinh tế tuy đã đưa các quốc gia Tây phương đến sự hùng cường, nhưng thực ra, cũng không đem lại cho người Tây phương hạnh phúc mà họ khao khát.

Ở Âu Mỹ chẳng hạn, chúng ta đã thấy gì ?

Vẫn biết các nước tư bản này đã kiếm được rất nhiều lợi tức, nhưng những tiện nghi dồi dào của đời sống vật chất cũng không thể lấp nổi cái trống rỗng của tâm hồn. Ngoài những giờ mê mải làm việc, họ không biết làm gì để « tiêu bớt » cái rỗi rãi !

Có những người đã tìm cách giải thoát trong thể thao, trong âm nhạc, trong kịch ảnh, trong các cuộc du ngoạn.

Có những thanh niên tưởng tìm được một nghĩa lý cho cuộc sống bằng cách thực hiện những thủ đoạn tàn bạo mà họ cho là oai hùng ! Phong trào cao bồi, J. 3 đã biểu lộ cái tâm trạng này. Có những thanh

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

niên hay thiếu nữ khác đã cố tìm cách quên buồn trong những nếp sống bừa bãi, hay những điệu nhảy điên cuồng... Phong trào Saint Germain Des Prés là một thí dụ của thái độ này ! Trước cảnh tượng đó ta không thể không cảm thấy rằng con đường kinh tế là một con đường lầm quẫn. Người Âu Mỹ cố tìm cách thỏa mãn mọi nhu cầu của họ, nhưng họ vừa thỏa mãn được một nhu yếu này, thì một nhu yếu khác lại xuất hiện ngay. Sự thèm muốn không bao giờ hết ! Xưa kia, cái mộng của người dân Hoa Kỳ trung bình là có một cái nhà và một chiếc xe hơi. Ngày nay có nhà, có một chiếc xe hơi, họ lại muốn có hai chiếc xe, hoặc một du thuyền và họ muốn du lịch các nước... Người ta cố gắng làm việc, cố gắng tăng gia năng xuất để có thể rỗi rãi nhiều hơn : đến lúc rỗi rãi, người ta lại băn khoăn về cách giết thì giờ cho lý thú... Nếu chỉ để giết thì giờ cho lý thú, hà tất phải chọn con đường kinh tế ! Các dân tộc Á Châu ngay từ xưa, đã tìm được sự yên tĩnh tinh thần, bằng con đường giáo hóa rồi ! Chính vì vậy mà các nhà xã hội học, gần đây đã vạch rõ rằng ở các nước kỹ nghệ hóa, nghĩa là những nước Âu Mỹ, phong trào đi nhà thờ, nghe giảng đạo, nghiên cứu tôn giáo... càng ngày càng mạnh. Bị giam hãm trong cái lẩn quẩn của vật chất, hình như người ta đang muốn tìm một lối thoát ở các thuyết duy linh...

Ở các nước Cộng sản, hiện nay, người ta cũng đang mê mải với cuộc mở mang kinh tế. Người ta thấy cố tăng cường lực lượng sản xuất để hy vọng làm bá chủ nhân loại và thâu hoàn cầu về một nơi. Nhưng để gây sức mạnh vật chất, con người Cộng sản đã phải trói buộc tinh thần và dập tắt tình cảm. Họ đã tiêu diệt tất cả những cái gì là thanh cao, là đẹp đẽ ở trong cuộc sống để giữ lại riêng phần vật chất. Họ khiến cho ta liên tưởng đến những con gà được nuôi trong các trại tối tân ở Âu Mỹ : những con gà này bị nhốt trong những chuồng chạy dài, chia làm nhiều ô, mỗi con một ô. Ở đây, đời sống của chúng được tổ chức một cách hoàn toàn khoa học nghĩa là hoàn toàn máy móc. Chúng không cần phải lo kiếm mồi : đã có những ống máng tự động chuyển thức ăn đến cho chúng. Những thức ăn này đã được lựa chọn kỹ càng: không thay đổi nhưng rất nhiều chất bổ. Chúng cũng không lo rét vì đã được sưởi bằng điện, không lo ốm vì đã có thú-y trông nom. Đến kỳ, người ta sắp đặt cả công việc giao hợp của chúng. Người ta bắt chúng phải đẻ thật nhiều trứng bằng những phương pháp vật lý học hay hóa học... Tất cả nếp sống tổ chức đó đã đưa những con gà kia đến đâu ? Đến máy làm thịt và ở đây chúng cũng đã được làm thịt một cách rất mau lẹ và khoa học.

Trước cảnh tượng vừa kể, các dân tộc Đông Nam Á không thể không

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

nhận thấy là cái nhân sinh quan đượm tính cách duy linh của họ, lại còn hợp lý và cao siêu hơn nhiều. Nếu tôi không lầm, khuynh hướng hiện thời của nhiều nước Đông Nam Á là cố gắng phục hưng những truyền thống duy linh, để có thể tự tạo một khuôn khổ sinh hoạt riêng biệt, khác hẳn những kiểu mẫu do các nước tư bản Âu Mỹ hay các nước Cộng sản đã mang lại. Trong cái khuôn khổ rộng rãi đó, họ sẽ tìm cách giải quyết vấn đề mở mang kinh tế. Nói khác, sự mở mang kinh tế sẽ không phải là tất cả mà chỉ là một phần của cuộc phát triển con người toàn diện, kinh tế chỉ được coi là một phương tiện chứ không phải là một cứu cánh.

Tư tưởng này, đã thấm nhuần các cuộc bàn cãi của một số học giả đại diện cho các quốc gia Á Châu, trong Hội nghị bàn tròn tổ chức ở Vọng Các hồi cuối tháng giêng năm 1958, dưới sự bảo trợ của tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á !

Vừa đây, nó lại được phát biểu rõ ràng trong thông điệp ngày Song Thất của Tổng Thống Ngô-Đình-Diệm và thông cáo chung của hai chính phủ Thái Lan — Việt Nam, sau cuộc viếng thăm Saigon của Ngoại trưởng Thanat Khoman...

●

Chắc quý bạn cũng nóng lòng muốn biết xem về phương diện chính sách, hệ quả của quan niệm mở mang kinh tế này sẽ như thế nào...

Tôi cần phải thành thực nói ngay rằng nếu đem so sánh quan niệm duy linh với hai quan niệm duy vật đã trình bày là « tăng gia lợi tức » và « tăng cường lực lượng sản xuất » chúng ta sẽ thấy ngay tính cách tế nhị và phức tạp của nó. Chính vì vậy, mà nhà chuyên môn khó lòng dựa vào đó để suy diễn một chính sách kinh tế khúc triết và hợp lý (hai chữ hợp lý, ở đây, tôi muốn hiểu theo nghĩa kinh tế chật hẹp của nó — tức là có thể đem lại hiệu quả tối đa với một số phí tổn tối thiểu).

Dĩ nhiên, khi người ta chỉ muốn tăng gia lợi tức thật mau và thật nhiều, người ta có thể tìm dễ dàng những biện pháp thích hợp nhất như : kỹ nghệ hóa, cơ giới hóa, tập trung sản xuất v.v...

Khi người ta muốn tăng cường lực lượng sản xuất cũng vậy : người ta có thể căn cứ hoàn toàn vào các định luật khoa học để giải quyết vấn đề kinh tế như giải quyết một bài toán. Thật là minh bạch. Thật là dản dị.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Trái lại, khi người ta muốn « gây hạnh phúc cho con người toàn diện» người ta sẽ bị vướng víu vì nhiều duyên cớ «phi kinh tế», có khi « phản kinh tế ». Ví dụ : Người ta có thể biết mười mươi rằng cải cách điền địa tức là khuyến khích sự tế phân ruộng đất, do đó, làm trở ngại sự cơ giới hóa và khiến cho năng xuất của ngành canh nông khó tăng cao. Nhưng mặt khác, người ta cũng cần phải thỏa mãn nguyện vọng tha thiết của hàng triệu bần nông muốn làm sở-hữu-chủ miếng đất hàng năm họ canh tác.

Riêng đối với vùng Đông-Nam Á-Châu, tôi đã vạch rõ trong phần đầu bài này, một số đặc điểm hệ trọng liên quan tới địa lý, lịch sử, chính trị, văn hóa, kinh tế v.v...

Muốn gây hạnh phúc cho nhân dân, trong một hoàn cảnh éo-le như vậy, quả thực là một công việc khó khăn vô cùng. Khỏi phải nói là mỗi quốc gia Đông Nam Á, tùy theo khuynh hướng riêng của mình, đã cố gắng áp dụng một chính sách coi là thích nghi nhất.

Ở đây, tôi không muốn đi sâu vào chi tiết và phê bình chính sách của từng nước. Tôi chỉ xin dựa vào quan niệm duy-linh về mở mang kinh tế, để xét ba vấn đề thường được luôn luôn bàn tới ở các nước Đông Nam Á. Đó là :

— Vấn đề kinh tế hoạch định.
— Vấn đề kỹ nghệ hóa.
— Vấn đề thị trường chung.

A.— Các nước Đông-Nam-Á nên theo chính-sách kinh-tế tự-do hay chính-sách kinh-tế hoạch định ?

Tôi thiết tưởng có thể quả quyết trả lời rằng chính sách tự-do không thích hợp.

1) Không thích hợp vì nó khó lòng bảo đảm cho *toàn thể* nhân dân một số lợi tức tối thiểu để chống lại đói rét và bệnh hoạn. Cái gì quan trọng đối với các nước Đông Nam Á, không phải chỉ là mức lợi tức trung bình tính theo đầu người. Nếu ta xét trường hợp nước Việt Nam, chẳng hạn, ta thấy rằng lợi tức quốc gia năm 1956 là 59 tỷ 496 triệu bạc. Đem chia cho 12 triệu dân trung bình mỗi người kiếm được 4958$ hay 413$ một tháng. Một gia đình 5 người như vậy, trung bình kiếm được mỗi tháng 2065$ nghĩa là số lương của một lao công Saigon. Vẫn biết số lương đó chẳng cao gì, nhưng ít nhất nó cũng khiến cho cả gia đình khỏi đói rét.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nếu ta theo quan niệm duy vật về mở mang kinh tế, coi sự tăng gia lợi tức hoặc sự tăng cường lực lượng sản xuất là mục tiêu chính yếu, ta phải công nhận rằng lý luận vừa rồi là đúng.

Trái lại, một khi theo quan niệm duy linh, coi hạnh phúc nhân dân là điều hệ trọng, thì ta cần phải đắn đo trước khi kỹ nghệ hóa.

Ai cũng biết có hai lối kỹ nghệ hóa :

— Một cách đáng coi là *hợp lý* vì nó thu hẹp vào sự thiết lập những kỹ nghệ lành mạnh có thể phồn thịnh bằng sức riêng, không cần phải chính quyền nâng đỡ.

— Một cách đáng coi là *phi lý* vì nó bao gồm cả những kỹ nghệ không đủ điều kiện để phát triển tự nhiên : lối kỹ nghệ hóa này hoàn toàn dựa vào sự nâng đỡ của chính quyền.

Đã hẳn, chỉ có lối kỹ nghệ hóa thứ nhất là không làm thiệt hại công quỹ, không bắt nhân dân phải đóng góp quá mức, không bắt người tiêu thụ phải mua những hàng nội hóa vừa đắt vừa xấu.

Lối kỹ nghệ hóa ấy phù hợp với quan niệm duy linh về mở mang kinh tế.

Nếu xét tình trạng các nước Đông Nam Á hiện thời, ta buộc lòng phải công nhận rằng hầu hết đều không đủ điều kiện để thiết lập nhiều kỹ nghệ. Nước nào cũng thiếu tư bản, thiếu chuyên viên, thiếu thợ lành nghề. Nhiều nước thiếu cả điện lực và than chất. Chỉ một số kỹ nghệ nhẹ, dùng những nguyên liệu sẵn có trong nước, và sản xuất những hàng hóa có thể tiêu thụ ngay trong nước, là tương đối thích hợp thôi. Ở Việt Nam, ta có thể kể một vài thí dụ như kỹ nghệ giấy, kỹ nghệ xi-măng, kỹ nghệ ve chai, kỹ nghệ đường, kỹ nghệ ván ép v.v... Với tất cả những kỹ nghệ đó, không chắc gì chúng ta có thể chuyển quá 10% nhân công từ khu vực sơ đẳng sang khu vực nhị đẳng !

Như vậy, muốn bảo đảm một mức sống tối thiểu cho toàn thể mọi người, trong giai đoạn hiện thời, vẫn còn phải trông cậy vào nông nghiệp.

C.— Các nước Đông-Nam-Á có nên và có thể họp thành một thị-trường chung không ?

Từ ngày 6 nước : Pháp, Đức, Ý, Hòa Lan, Bỉ và Lục Xâm Bảo ở Âu

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Châu họp thành một thị trường chung, thì vấn đề thiết lập một liên hiệp tương tự trong vùng Đông Nam Á cũng đã được nhiều người nghĩ tới. Người ta hy vọng rằng giải pháp này có thể làm giảm bớt tình trạng chia rẽ trong vùng, làm tăng thêm sự liên đới kinh tế và do đó, thúc đẩy nhịp phát triển của toàn thể.

Nếu dựa vào khuynh hướng chung trong vùng, mà tôi đã vạch rõ, là mở mang kinh tế theo quan niệm duy linh, dĩ nhiên sự hợp tác chặt chẽ của các quốc gia Đông Nam Á là một điều rất hay để chống lại sức cám dỗ của chủ nghĩa duy vật đang lăm le tràn ngập khắp Á Châu. Các dân tộc Đông Nam Á không thể nào áp dụng chính sách : « cháy nhà hàng xóm, bình chân như vại » trái lại, lúc này hơn bao giờ hết, nếu 180 triệu dân vùng Đông Nam Á, biết họp thành một khối nhất trí, giống như liên đoàn Hồi giáo để bảo vệ những giá trị tinh thần thiêng liêng của mình, họ sẽ biến thành một lực lượng đáng kể. Và nếu khối người ấy biết hợp tác khéo léo với nhau về phương diện kinh tế, họ có thể khai thác triệt để những tài nguyên quí báu trong vùng hiện đang bị nhiều kẻ láng giềng thèm muốn...

Chúng ta thừa biết việc thiết lập một thị trường chung không phải là chuyện dễ. Về mặt kỹ thuật, muốn đi tới một thị trường chung ; phải có những điều kiện tối thiểu sau đây :

a) Các quốc gia phải bổ túc cho nhau trong sự thương mại hơn là cạnh tranh lẫn nhau.

b) Mực giá cả ở các quốc gia không chênh lệch quá đáng, ít nhất đối với các sản phẩm chính yếu như lúa gạo, ngô, đỗ, cao su, chè v.v...

c) Công thợ và chế độ lao công ở các nước cũng đừng khác nhau quá.

d) Các chính phủ phải sẵn sàng cho hàng hóa, tư bản, nhân công... được tự do chuyển dịch từ nước này sang nước khác, ở trong vùng. Các thể lệ quan thuế và ngoại thương phải được nhất trí đối với những nước ngoài vùng.

e) Cân chi phó của các quốc gia phải thăng bằng hay ít nhất, cũng đừng thiếu hụt trầm trọng và một cách thường xuyên...

Chúng ta thấy ngay là trong giai đoạn hiện thời, cả 5 điều kiện kể trên đều thiếu sót.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Như vậy việc thiết lập thị trường chung chưa thể nào thực hiện được. Tuy nhiên chúng ta có bổn phận sửa soạn hoàn cảnh để thị trường chung Đông Nam Á có thể ra đời mau chóng :

a) Các nước Đông Nam Á có thể bắt đầu bằng việc ký kết những hiệp ước thương mại để khuyến khích sự trao đổi nguyên liệu thực phẩm: ví dụ lúa gạo Việt Nam đổi lấy dầu hỏa Nam Dương, trâu bò Thái Lan đổi lấy « La ve » Việt Nam v.v...

b) Các nước có thể nghiên cứu sự thống nhất hóa các luật lệ thương mại, các thủ tục ngân hàng, các phương pháp đo lường, các thể lệ hối đoái và quan thuế.

c) Các nước có thể tiến tới sự ổn định tình trạng tiền tệ trong vùng bằng cách ấn định một hối xuất thiết thực so với một bản vị chung (Vàng, Mỹ kim hay một ngoại tệ khác).

d) Trong sự kỹ nghệ hóa ta nên nhớ rằng nếu một kỹ nghệ mới chỉ có thể cung cấp cho một thị trường quốc nội, nhiều khi nó sẽ không xuất hiện nổi bởi lẽ thị trường quốc nội đó hẹp hòi quá (Thí dụ : kỹ nghệ dược phẩm ở Ai Lao, hoặc Cao Mên). Nếu các quốc gia áp dụng một kế hoạch kỹ nghệ hóa chung cho toàn vùng, dĩ nhiên, một nhà máy lập ở Cao Mên hay Ai Lao có hy vọng bán hàng cho một thị trường rộng rãi gồm tới 180 triệu người tiêu thụ.

e) Trong sự cố gắng để tiến tới thị trường chung Đông Nam Á ta khỏi phải nói là Hoa Kỳ và các cường quốc Âu châu có thể đóng một vai tuồng quan hệ nhờ ở sự viện trợ kinh tế, tài chính và kỹ thuật.

Nói tóm lại, nếu các quốc gia Đông Nam Á cương quyết giữ quan niệm duy linh của họ, họ cần phải cộng tác chặt chẽ. Ý kiến thị trường chung không nên vội coi là một ảo ảnh mà phải được coi là một mục tiêu để tiến tới.

●

Tôi đã căn cứ vào quan niệm duy linh để thử giải quyết một vài vấn đề liên quan tới sự mở mang kinh tế ở các nước Đông Nam Á.

Để kết thúc bài này, tôi thiết tưởng cần phải nói thêm rằng quan niệm duy linh ấy không phải là hệ quả của một lý thuyết hay một chủ nghĩa kinh tế nào cả. Đó chỉ là một thái độ tinh thần, một khuynh hướng chung của các dân tộc Đông Nam Á. Rất có thể thái độ tinh thần

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ấy, bắt nguồn ở các hệ thống triết lý và tôn giáo đã chi phối tư tưởng của nhân dân Đông Nam Á từ bao thế kỷ nay. Ở đây, tôi cảm thấy rằng các yếu tố văn hóa đã có ảnh hưởng rất sâu sa đối với cách xử sự của con người kinh tế.

Chính vì vậy, mà các biện pháp kinh tế hiện đang được thi hành ở nhiều nước Đông Nam Á, mới trông có vẻ rất phi lý, hay ít ra, thì cũng không hoàn toàn phù hợp với lối lý-luận thông thường của các nhà kinh tế học. Nhưng nếu ta đem những biện pháp ấy, đối chiếu với quan niệm duy linh về mở mang kinh tế, và nếu chúng ta nhớ lại mọi đặc điểm phức tạp của tình trạng vùng Đông Nam Á, ta phải thành thực công nhận rằng, những biện pháp ấy cũng có cái lý của nó.

Nói khác, nhà kỹ thuật không thể đem các quy tắc cổ điển của khoa kinh tế học để áp dụng hoàn toàn vào các quốc gia Đông Nam Á.

Tôi chắc nhiều người sẽ cho rằng quan niệm duy linh về mở mang kinh tế là một quan niệm quá ư mơ hồ và như vậy, nó có thể làm giảm bớt một phần nào sự phát triển của vùng Đông Nam Á. Điều này khó lòng tránh khỏi. Tuy nhiên, chúng ta cần phải lựa chọn:

— hoặc là mở mang 100% nhưng phải hy sinh mọi khát vọng về tinh thần và tình cảm.

— hoặc chỉ mở mang 40, 50, 60% nhưng vẫn thỏa mãn được những khát vọng phi kinh tế đó...

Các dân tộc Đông Nam Á đã chọn con đường thứ hai vì họ vẫn còn chịu ảnh hưởng sâu xa của các truyền thống duy linh.

Nguyện vọng tha thiết của tôi là được thấy quan niệm duy linh ấy mỗi ngày một sáng tỏ hơn để có thể giúp đỡ nhân dân Đông Nam Á chống lại sức cám dỗ của các phong trào duy vật...

VŨ-QUỐC-THÚC

Saigon 23-8-59

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

HỘI-THẢO : VẤN-ĐỀ MỞ-MANG KINH-TẾ Ở ĐÔNG-NAM-Á

HỎI : Thưa giáo sư, về vấn đề trợ cấp của chính phủ, tôi thấy chính phủ bắt buộc người vay tiền phải có bất động sản để bảo đảm. Vậy trong trường hợp một người bỏ tất cả tiền nong để mua máy móc, thì số máy móc đó không đủ để bảo đảm hay sao ?

ĐÁP : Trong trường hợp lấy máy móc để bảo đảm số tiền được vay sẽ có sự bất tiện, là khi công ty hay xí nghiệp kỹ nghệ bị thất bại, chính phủ có trưng dụng những máy móc đó thì sau một thời gian nó đã cũ kỹ, han rỉ cả rồi.

Chính phủ cũng có nghĩ đến việc cho những xí nghiệp hay công ty có hy vọng hoạt động được vay tiền. Nhưng vấn đề phải đặt ra là : Trợ cấp cho những ai, vì sẽ có rất nhiều người muốn vay.

HỎI : Trong lúc nước ta đang suy yếu về kinh tế, nếu ta cứ kỹ nghệ hóa theo đường lối duy linh thì e rằng chúng ta sẽ bị chậm trễ trong sự phát triển kinh tế. Như bên Nhật bổn về thế kỷ XIX chẳng hạn, họ đã tiến mạnh về kinh tế, vì họ không quá khắt khe với chủ nghĩa duy linh ?

ĐÁP : Ta không theo lối phát triển kinh tế của cộng sản hay tư bản. Đường lối của ta là mở mang kinh tế mà vẫn tôn trọng những giá trị tinh thần nghĩa là không bị hy sinh quá đáng.

HỎI : Ta có theo nền kinh tế hoạch định không ?

ĐÁP : Kế hoạch của ta là mềm dẻo. Vấn đề kinh tế hoạch định có đặt ra nhưng vẫn còn nguyên vẹn.

HỎI : Giữa sự cạnh tranh của hai sự tấn công kinh tế, ta có cách nào để đối phó không ?

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ĐÁP : Đó là bổn phận của tất cả chúng ta. Rất khó mà giải quyết chung được.

HỎI : Giáo sư nhận xét thế nào về kế hoạch 5 năm của chính phủ ?

ĐÁP : Tuy người ta nói nhiều về kế hoạch đó. Nhưng thực ra chính phủ chưa hề công bố. Lý do là mình không thể đặt định chặt chẽ được vì thiếu nhiều điều kiện. Thí dụ như vấn đề khuyếch trương công ty giấy ở Việt Nam. Số vốn cần có là 200 triệu đồng, vậy mà sau một thời gian, sự cộng tác của tư nhân tất cả chỉ có trên 1 triệu. Về sau Việt-Nam Thương tín phải giúp vào mới thành hình.

HỎI : Vấn đề phát triển cộng đồng có ích lợi không ?

ĐÁP : Vấn đề này đã được thực hiện ở nhiều nơi, như ở Ấn Độ thì rất có hiệu quả.

Về kinh tế, phong trào này không được nhiều kết quả cho lắm nhưng rất hữu ích về phương diện xã hội, chính trị.

HỎI : Định luật về thừa số của John Maynard Keynes tại sao không áp dụng được ở Việt Nam ?

ĐÁP : Ở Âu châu, định luật này dễ áp dụng vì dân chúng có nhiều cơ hội tiêu pha và khuynh hướng tiêu thụ mạnh mẽ. Ở nước ta, nhiều khi định luật thừa số không áp dụng triệt để bởi lẽ chính phủ tung tiền vào những vùng dân cư thưa thớt, số tiền hàng năm sau mới được tiêu, như vậy ảnh hưởng thừa số yếu hơn.

HỎI : Kế hoạch Colombo có ích lợi gì cho chúng ta ?

ĐÁP : Khác với viện trợ Mỹ chuyên về kinh tế, hàng hóa. Kế hoạch Colombo chỉ giúp ta về kỹ thuật, đào tạo chuyên môn, cấp những học bổng.

HỎI : Nhận viện trợ Mỹ, nền kinh tế của ta có bị chi phối không ?

ĐÁP : Nhận viện trợ tức là ta tự thấy bị lệ thuộc. Nhưng họ không có ý nghĩ đó vì so sánh với nền kinh tế Hoa Kỳ, ta thật không đáng kể.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

HỎI : Vấn đề chia đôi đất nước có ảnh hưởng gì tới nền kinh tế ?

ĐÁP : Dĩ nhiên sự thống nhất rất thuận lợi cho sự mở mang kinh tế nhưng còn tùy thuộc vào nội dung của vấn đề thống nhất. Nếu thống nhất dưới ách Cộng sản thì không nên.

HỎI : Thế tại sao ở bên Đức, sau khi bị chia rẽ, Tây Đức lại tiến mạnh ?

ĐÁP : Vì ở Tây Đức hấp dẫn nhiều tư bản. Nhưng bên cạnh Tây Đức còn Đông Đức thì sao ?

HỎI : Kỹ nghệ dệt ở Tân-Mai thế nào ?

ĐÁP : Đó không phải là một kỹ nghệ vì máy móc đã lỗi thời.

HỎI : Ở Hố nai, có những máy mới, vậy không phải là kỹ nghệ sao ?

ĐÁP : Có 2 thứ máy mới :

— Mới về hình thức nhưng không thích hợp. Mới ở Việt Nam nhưng là cũ ở Pháp, Mỹ.

— Mới về hình thức và cách xử dụng cũng tân tiến.

HỎI : Hiện giờ nông thôn đang khổ sở, chính phủ có kế hoạch gì để giúp họ chăng ?

ĐÁP : Hiện có những kế hoạch Dinh điền, Di dân. Nhưng kế hoạch này có lợi về xã hội, chính trị nhưng không hợp với kinh tế vì sự phân chia ruộng đất làm ta không thể cơ giới hóa canh nông được.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Vấn-đề đào-tạo trí-thức tại Việt-Nam

ĐẶNG-VŨ-BIỀN

HÔM nay tôi xin trân trọng trình bầy cùng Quý Bạn, một vấn đề mà tôi coi là quan hệ : Đó là vấn đề Đào Tạo Trí Thức.

Sở dĩ tôi đã chọn vấn đề này là vì trong công cuộc tìm hiểu những « khát vọng của thời đại » mà chúng ta lấy làm đề tài cho Đại Học Hè 59, tôi thấy một khát vọng khẩn thiết mà tôi cùng chia sẻ với nhiều bạn học sinh và sinh viên. Khát vọng đó là được thấy sự học của mình trong khi làm cho mình được đứng vào hàng ngũ Trí Thức thì cũng thực sự đào tạo cho mình những hiểu biết xứng đáng với danh từ Trí Thức, những hiểu biết có thể thực sự giúp mình làm được những công việc hữu ích, thực sự giúp cho mình có một đời sống, một tương lai tốt đẹp và thực sự giúp cho mình biết sống một cách có ý nghĩa. Khát vọng này chỉ có thể thỏa mãn được, nếu ở nước ta có một công cuộc đào tạo trí thức thích hợp.

Tôi cũng biết rằng trình bầy về vấn đề Đào Tạo Trí Thức, trong khi chính mình cũng chưa đáng mặt một nhà trí thức hoàn toàn, là một việc làm liều lĩnh nếu không phải là ngông nghênh.

Nhưng thiết nghĩ, khi chúng ta tìm hiểu một khát vọng, lẽ dĩ nhiên không phải để rồi thụ động coi khát vọng đó như một mộng ước không tưởng. Trái lại việc làm của chúng ta chỉ có ý nghĩa nếu khi biết được khát vọng của mình, ta lấy khát vọng đó làm mục đích để theo đuổi, để cố gắng thực hiện.

Theo quan niệm ấy, khi đã nhận định khát vọng của mình chỉ có thể thỏa mãn nếu sự đào tạo trí thức được tổ chức hợp lý, tôi nghĩ rằng trình bầy những hiểu biết những quan niệm của mình về vấn đề Đào Tạo Trí Thức không phải là một thái độ ngông nghênh mà chỉ là

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

một bổn phận tự nhiên đối với mình và đối với những người cùng chung khát vọng.

Tôi ước mong rằng nhờ sự trình bầy này, tôi sẽ tìm được, trong Quý Bạn, những người cùng chung khát vọng và được trao đổi cùng Quý Bạn những hiểu biết khả dĩ có thể làm khát vọng đó hết là một khát vọng để trở thành một thực hiện hữu ích.

Để trình bầy về vấn đề tôi xin lần lượt định nghĩa danh từ trí thức, ấn định những mục tiêu phải đạt trong việc đào tạo trí thức và khảo sát « hiện trạng sự đào tạo trí thức ở Việt Nam. »

Đầu tiên tôi xin nói tới việc định nghĩa danh từ Trí Thức. Danh từ này tuy hay được dùng, nhưng ý nghĩa chưa rõ rệt và nhiều khi co dãn.

Tôi không có ý định khảo sát ở đây, giá trị của những định nghĩa mà người ta đã gán cho danh từ đó, chỉ xin nói tới định nghĩa mà tôi dùng trong bài này. Trong bài này, tôi coi danh từ trí thức như một danh từ chỉ những người nhờ học hỏi, nhờ suy luận đã thâu thái được nhiều kiến thức và nhờ đó biết làm việc, biết cư xử, biết sống thế nào để mọi người đều cho là phải. Nói một cách cụ thể hơn là trí thức, những người có một kiến thức chuyên môn khá cao, để có thể làm việc đắc lực và hữu ích cho xã hội, có một căn bản văn hóa khá rộng rãi để biết cư xử, biết sống hợp lý và có những giá trị tinh thần vững chãi để hướng dẫn các hành động của mình.

Biết làm việc hữu ích, biết sống cho mình, biết xử với người; thiết tưởng một người trí thức như vậy đã có thể không thẹn với danh từ.

Dựa theo định nghĩa nói trên, một sự đào tạo trí thức cần phải có ba nhiệm vụ :

— Nhiệm vụ thứ nhất là huấn luyện chuyên môn. Vì, ngày nay không còn ai có thể tự hào, như xưa kia kẻ sĩ có thể làm một trăm nghề. Thật vậy, tất cả mọi việc đã trở nên phức tạp và một người chỉ có thể làm việc đắc lực nếu chọn đúng nghề thích hợp với mình và được hưởng một sự huấn luyện kỹ càng về nghề đó.

— Nhiệm vụ thứ hai là huấn luyện văn hóa.

Nhiệm vụ này bất cứ ở thời đại nào cũng là cần thiết nhưng riêng ở thời đại hiện tại, vì những sự biến đổi xã hội, chính trị, các nếp sống,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

các quan niệm thế nào là đẹp, thế nào là hay đã bị đảo lộn, việc huấn luyện cho các nhà trí thức tương lai một căn bản văn hóa, rộng rãi cần thiết hơn lúc nào hết. Vì nếu không có văn hóa một người không thể quyết định hợp lý thế nào là đẹp, là hay và chọn lấy nếp sống thích hợp cho mình để thay thế cái hay cái đẹp cổ xưa hiện đã không còn được nhận.

— Nhiệm vụ thứ ba là huấn luyện tinh thần.

Nhiệm vụ này cũng cần thiết, vì dù muốn dù không, một người cũng phải có một số giá trị tinh thần mà mình tôn trọng, một số nguyên tắc, hướng dẫn đời mình. Nếu không tất cả các hành động của mình, các quyết định của mình sẽ bị chi phối hoặc bởi cám dỗ của tư lợi hoặc bởi đe dọa của quyền lực. Một người mà đời sống bị chi phối quá nhiều bởi tư lợi và quyền lực thiết tưởng không thể là một nhà trí thức được.

Ba nhiệm vụ huấn luyện cần thiết cho sự đào tạo trí thức ấy, được thực hiện ở đâu ? Lẽ dĩ nhiên là chúng phải được thực hiện ở trong cả gia đình, trong học đường và ngoài xã hội, nhưng ảnh hưởng của mỗi nơi huấn luyện có quan hệ nhiều ít khác nhau.

Chẳng hạn sự huấn luyện chuyên môn hầu như hoàn toàn phải thực hiện ở trong các trường Đại Học, các trường Cao Đẳng kỹ thuật. Những hiểu biết kỹ thuật học hỏi ở ngoài đời thường chỉ là những khéo léo, những mánh lới kỹ thuật sơ đẳng chưa đáng được coi là hiểu biết chuyên môn.

Sự huấn luyện văn hóa thường được thực hiện ở bậc Trung Học, nhưng kiến thức văn hóa cũng còn có thể thâu lượm được bằng kinh nghiệm sống trong gia đình ngoài xã hội, và nhất là bằng sự học thêm sau khi đã ra trường. Nhưng theo kinh nghiệm thì thường thường chỉ những người đã thích văn hóa, đã có căn bản văn hóa ngay từ khi ở bậc Trung học thì mới thích tiếp tục, mới có đủ khả năng để trau dồi văn hóa. Vì thế ta có thể coi rằng sự huấn luyện văn hóa quan-trọng nhất phải thực hiện ở các trường Trung học.

Sự đào tạo các giá-trị tinh thần phức tạp hơn sự huấn luyện về chuyên môn và văn hóa.

Vì thường thường tính tốt xấu của một người phụ thuộc rất nhiều vào bản tính trời sinh. Dầu vậy, chúng ta đều biết rằng bản tính này

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

có thể sửa đổi bằng giáo dục trong gia đình, ở học đường và một phần nhỏ ngoài xã hội.

Ấn định xong thế nào là trí thức, những nhiệm vụ chính của sự đào tạo trí thức và các nơi huấn luyện trí thức về mỗi phương diện, tôi xin nói tới tình trạng hiện tại của sự đào tạo trí thức ở Việt-Nam.

SỰ ĐÀO-TẠO TRÍ-THỨC VỀ PHƯƠNG-DIỆN CHUYÊN-MÔN

Trước hết tôi xin nói tới sự đào tạo trí thức về phương diện chuyên môn.

Vì sự đào tạo này được thực hiện trong các trường Đại-Học và các trường Cao Đẳng kỹ thuật, nên khảo sát sự đào tạo trí thức về phương diện chuyên môn tức là khảo sát hoạt động của các trường Đại Học và các trường Cao Đẳng kỹ thuật.

Trong sự khảo sát này tôi bắt buộc phải dùng tới nhiều con số, mặc dầu tôi biết rằng thường thường các con số chỉ có ý nghĩa với các nhà chuyên môn, còn trái lại, rất khô khan đối với mọi người khác.

Nói một cách có hình ảnh hơn, ta có thể ví các con số như một thiếu nữ chỉ tỏ ra duyên dáng đáng yêu đối với những người hiểu biết mình, đối với kẻ tri âm, người tri kỷ ; trái lại rất lãnh đạm, đáng ghét đối với khách bàng quan, đối với kẻ phàm phu, người tục tử. Trong những điều kiện ấy, nếu tôi vẫn dùng tới các con số là vì tôi nghĩ rằng những con số mà tôi dùng thuộc về đời sống của học-sinh sinh-viên và vì hầu hết tất cả chúng ta đều có liên lạc tới gia đình học-sinh sinh viên, nên nếu những con số đó không được coi quý bạn như những kẻ tri âm người tri kỷ, thì cũng có thể được coi quý bạn như những người bà con, hàng xóm láng giềng và như vậy, nếu không lộ được tất cả vẻ đáng yêu thì cũng không đến nỗi tỏ ra quá đáng ghét.

Đầu tiên tôi xin dùng những con số để xét sự đào tạo chuyên môn của trí thức về phương diện « lượng. »

Đứng về phương diện lượng, ta có thể bảo rằng sự đào tạo này hết sức khả quan. Hiện nay các trường Đại Học và Cao Đẳng kỹ thuật ở Việt-Nam đang sinh hoạt rất mạnh mẽ. Sĩ số tổng cộng của sinh-viên các trường trong năm 1958 — 59 đã lên tới 8.252 người.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Hơn thế nữa ta có thể tin chắc rằng trong tương lai, số sinh viên lại còn tăng thêm rất nhiều.

Thực vậy, nếu ta xét đà tiến triển của ngành Đại Học ta sẽ thấy :

Trong niên học 1956 — 57 số sinh viên chỉ 4.520 người. Sang niên học 57 — 58 số này tăng lên 42% đã trở thành 6.464 và tới niên học 58 — 59 vừa qua con số này đã lên tới 8.252 người nghĩa là tăng 30%.

Nếu ta xét về sự tăng gia của số học sinh đỗ Tú tài, nghĩa là những người sửa soạn để ghi tên vào Đại Học, ta cũng thấy một sự tiến triển tương tự :

Nói riêng tới số học sinh đỗ tú tài Việt. Trong năm 1957 số này là 764. Sang năm 58, số đó lên tới 997 nghĩa là tăng 30%. Và nếu ta ước lượng số học sinh sẽ đỗ xong Tú tài toàn phần năm nay dựa theo số học sinh đỗ tú tài I (3151 người) và số học sinh trượt Tú tài II năm 1958 (2.200 người) và áp dụng tỉ số đó trung bình trong 2 năm trước ở Nam-Việt là 30%, ở Trung Việt là 50%, ta sẽ thấy rằng số học sinh đỗ xong Tú tài toàn phần năm nay sẽ vào khoảng 1.700 người, nghĩa là tăng 70%.

Xa hơn nữa, xét tới sỹ số các học sinh ở Trung học, ta càng có thể tin chắc ở sự tăng tiến của số sinh viên trong các năm tới, vì tổng số học sinh Trung học và Tiểu học cùng tăng rất nhanh. Chẳng hạn từ niên học 57 — 58 sang niên học 58 — 59, số học sinh Trung học đã tăng từ 105.039 lên tới 132.936 nghĩa là gần 30%.

Vậy đứng về phương diện số lượng, sự đào tạo các chuyên viên ở Việt-Nam trong hiện tại rất khả quan và trong tương lai còn có nhiều triển vọng khả quan hơn nữa.

Ta lại xét tới sự đào tạo chuyên môn của trí thức về phương diện phẩm. »

Đứng về phương diện phẩm, ta có thể xét vấn đề theo hai quan điểm :

— Quan điểm thứ nhất là xét xem sự đào tạo trí thức về phương diện chuyên môn hiện có hợp với nhu cầu thực sự của xã hội Việt Nam không ?

— Quan điểm thứ hai là xét xem sự đào tạo này có bảo đảm một tương lai đẹp đẽ cho những người tốt nghiệp không ?

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Đứng về quan điểm thứ nhất ta thấy ở Việt-Nam hiện có 11 ngành Đại học và Cao đẳng chuyên môn khác nhau. Xếp theo thứ tự số sinh viên nhiều ít ta có :

1.— Ngành Khoa-học	với	2.028	sinh viên
2.— Ngành Luật-học	với	1.879	sinh viên
3.— Ngành Văn-khoa	với	1.412	sinh viên
4.— Ngành Y-dược	với	1.172	sinh viên
5.— Ngành Sư-phạm	với	793	sinh viên
6.— Ngành Hành-chánh	với	245	sinh viên
7.— Ngành Kiến-trúc	với	212	sinh viên
8.— Ngành Công-chánh	với	196	sinh viên
9.— Ngành Điện-học	với	110	sinh viên
10.— Ngành Mỹ-thuật	với	151	sinh viên
11.— Ngành Công-nghệ	với	54	sinh viên

Thường thường, người ta hay chia các chuyên viên làm 2 loại : chuyên viên sản xuất và chuyên viên dịch vụ.

Chuyên viên sản xuất là những Kỹ sư, những Kinh tế gia góp phần trực tiếp vào công cuộc sản xuất. Số chuyên viên này ở Việt Nam hiện do 4 ngành Công nghệ, Điện học, Công chánh và Kiến trúc đào tạo. Tổng số sinh viên các ngành này là 572 sinh viên, nghĩa là 7% tỉ số tổng cộng các sinh viên. Tỉ số này thực ra còn ít hơn nữa vì một số khá lớn sinh viên Điện học, Công chánh v.v... chỉ học tới mức cán sự.

Chuyên viên dịch vụ là các Bác sĩ, Dược sĩ, Luật sư, Giáo sư v.v. nghĩa là những người tuy hữu ích đối với xã hội nhưng không góp phần trực tiếp vào công cuộc làm cho quốc gia phồn thịnh vì sản xuất nhiều lên. Số sinh viên theo học các ngành đào tạo chuyên viên dịch vụ là 7680 và chiếm tỉ số 93%.

Tỉ số quá ít những người theo học các ngành sản xuất với các ngành dịch vụ thiết nghĩ là một khuyết điểm lớn lao của sự đào tạo trí thức về phương diện chuyên môn.

Thực vậy, không ai chối cãi rằng Việt Nam hiện là một nước hậu tiến về kinh tế và cần phải được tăng cường về phương diện sản xuất. Sự thiếu chuyên viên sản xuất này trong sự đào tạo trí thức chắc chắn sẽ làm chậm mực tiến bộ của nước ta.

Đứng về phương diện bổn phận tinh thần của toàn thể giới trí thức đối với xã hội, tính cách thiếu sản xuất của trí thức cũng là một

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

nhược điểm. Vì nếu thất phu còn có trách nhiệm trong việc hưng vong của tổ quốc, thì trách nhiệm làm cho quốc gia hưng thịnh lại càng phải nặng nề hơn đối với các người trí thức. Trách nhiệm này, giới trí thức làm thế nào đảm nhiệm nổi nếu thiếu tính cách sản xuất ?

Hơn nữa đứng về phương diện xã hội, tính cách thiếu sản xuất của trí thức cũng là một điều tai hại. Vì do sự đào tạo khó khăn và lâu dài, người trí thức bao giờ cũng được xã hội ưu đãi. Nếu ngày nay giới trí thức không góp phần hữu hiệu vào công cuộc sản xuất để nâng cao đời sống kinh tế của dân chúng, mà chỉ sống một đời sung sướng khác biệt hẳn đại đa số dân chúng nhờ ở sự hiểu biết chuyên môn mà dân chúng buộc phải nhờ tới khi gặp tai nạn như kiện tụng, ốm đau, hay tìm nơi học hỏi thì lẽ dĩ nhiên uy tín và cảm tình của dân chúng đối với giới trí thức không thể tồn tại mãi được. Trong thực tế, những xu hướng mới hiện ra gần đây đòi ấn định giá biểu tiền thù lao các nghề tự do là một dấu hiệu của sự kiện đáng ngại đó.

Như vậy, trong hiện tại, sự đào tạo trí thức về phương diện chuyên môn chưa phù hợp với nhu cầu của xã hội.

Bây giờ ta hãy xét vấn đề, đứng về quan niệm thứ hai, nghĩ về phương diện tương lai của người trí thức.

Theo quan điểm này, tôi lần lượt ước lượng hy vọng được tốt nghiệp của người sinh viên khi theo học từng ngành và xét tới hy vọng tìm việc của người sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Về phương diện tốt nghiệp, các trường có thể chia làm hai loại.

— Loại thứ nhất, gồm các trường chỉ nhận sinh viên vào học sau một kỳ thi tuyển lựa. Đó là trường hợp các trường Sư phạm, Hành chính, Công chánh, Điện học, Công nghệ. Theo kinh nghiệm, một khi đã đỗ được vào học các trường này, người sinh viên có 100% hy vọng sẽ tốt nghiệp sau đúng số niên học đã ấn định trong chương trình.

— Loại thứ hai gồm các trường còn lại như Khoa học, Luật học, Văn khoa, Y dược v.v... Sự nhập học các trường này được tự do, nhưng hy vọng tốt nghiệp sau thời gian ấn định, cũng khá mong manh.

Ta hãy xét trường hợp trường Khoa học. Ta thấy trong niên học 55-56 số sinh viên ghi tên là 690 người, số Chứng chỉ cấp phát là 180, vậy tỉ số đỗ là 20%. Năm 1956-57 trường này cấp 221 Chứng chỉ và số sinh viên là 769, vậy tỉ số đỗ là 28%. Sang niên học 57-58 số sinh viên ghi tên là 994 và số Chứng chỉ cấp pháp là 367, tỉ số đỗ như vậy là 37%.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Muốn đỗ xong Cử nhân, phải có 4 Chứng chỉ. Để tính số sinh viên sẽ đỗ Cử nhân sau 4 năm, ta hãy tạm lấy tỉ số đỗ trung bình của các Chứng chỉ là 30%. Ta thấy rằng tỉ số sinh viên đỗ xong Cử nhân sau 4 năm sẽ là $(30\%)^4$, nghĩa là trên 1000 sinh viên ghi tên, sau 4 năm sẽ có 8 người đỗ hoàn toàn xong Cử nhân.

Thực ra tỉ số đỗ thay đổi rất nhiều theo từng chứng chỉ, tỉ số này rất thấp đối với các Chứng chỉ toán học và tương đối cao hơn đối với các Chứng chỉ vạn vật học, ngoài ra nếu muốn có Cử nhân giáo khoa, người sinh viên phải có một số chứng chỉ nhất định, nên tỉ số các sinh viên đỗ xong Cử nhân toán học còn có thể thấp hơn tỉ số 8‰ nữa.

Ta lại xét tới trường hợp trường Văn khoa. Trong niên học 55-56 trường này có 317 sinh viên ghi tên và đã cấp phát 128 Chứng chỉ, tỉ số đỗ năm đó là 40%, sang năm 56-57 trường có 328 sinh viên và đã cấp phát 150 Chứng chỉ, tỉ số đỗ năm này là 45%. Sang tới năm 57-58 số sinh viên ghi tên lên tới 831, số Chứng chỉ cấp phát là 174, tỉ số đỗ là 20%.

Về phần trường Luật khoa, năm 1955-56 có 934 sinh viên ghi tên và số đỗ là 347, tỉ số đỗ là 37%. Sang năm 56-57, có 481 sinh viên đỗ trong số 1754 sinh viên ghi tên, tỉ số đỗ như vậy là 27%. Đến năm 57-58 trường có 1790 sinh viên ghi tên và số sinh viên đỗ cuối năm là 476, tỉ số cũng gần được 27%. Lấy tỉ số đỗ trung bình cho 3 năm là 29%. Ta thấy sau 3 năm trên 1000 người ghi tên trường Luật sẽ có $\left(\frac{29}{100}\right)^3$ tức là 25 người tốt nghiệp Cử nhân.

Về phần trường Y dược, thường thường các sinh viên chỉ trượt nhiều trong 2 năm đầu, sau đó, nếu các sinh viên có trượt kỳ tháng 6, thì thường cũng đỗ được xong ở kỳ thi tháng 10.

Chẳng hạn lấy năm 1958 làm thí dụ, ta có :

	KẾT QUẢ THI KHÓA I BAN Y KHOA			KẾT QUẢ CẢ NĂM		
Năm	**Tổng số thi**	**Số đỗ**	**Tỉ số đỗ**	**Tổng số thi**	**Số đỗ**	**Tỉ số đỗ**
Năm I	182	53	29 %	182	105	57 %
Năm II	107	26	24 —	107	92	85 —
Năm III	106	46	43 —	106	100	94 —
Năm IV	82	43	52 —	82	80	97 —
Năm V	71	38	53 —	71	68	95 —

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

KẾT QUẢ THI KHÓA I BAN DƯỢC KHOA — KẾT QUẢ CẢ NĂM

Năm	Tổng số thi	Số đỗ	Tỉ số đỗ	Tổng số thi	Số đỗ	Tỉ số đỗ
N. tập sự	130	24	18 %	130	62	47 %
Năm I	67	13	19 —	67	35	52 —
Năm II	27	18	66 —	27	27	100 —
Năm III	31	26	83 —	31	29	93 —

KẾT QUẢ THI KHÓA I BAN NHA KHOA — KẾT QUẢ CẢ NĂM

Năm	Tổng số thi	Số đỗ	Tỉ số đỗ	Tổng số thi	Số đỗ	Tỉ số đỗ
Năm I	59	13	22 %	59	33	56 %
Năm II	27	1	3,7 —	27	18	66 —
Năm III	8	3		8	8	100 —
Năm IV	3	3	100 —	3	3	100 —

Hãy dựa theo các con số ở trên để tính số người tốt nghiệp.

Vì ban Y khoa : muốn tốt nghiệp Bác sĩ y khoa phải có Chứng chỉ sinh lý hóa (tỉ số đỗ trung bình 30%) học hết 6 năm y khoa và nộp 1 luận án, vì trong mấy năm trước đây, khi đỗ xong năm thứ năm, người sinh viên đã phải động viên phục vụ trong quân đội như một y sĩ (mặc dầu chưa thi bệnh lý và nộp luận án), nên ta có thể tạm coi là trở thành y sĩ trong thực tế, các sinh viên tốt nghiệp năm thứ năm. Trong các điều kiện ấy, trên 1000 sinh viên ghi tên theo trường Y khoa sau 6 năm sẽ có :

$$1.000 \left(\frac{30}{100} \times \frac{57}{100} \times \frac{85}{100} \times \frac{94}{100} \times \frac{97}{100} \times \frac{95}{100}\right) \# 125$$ người tốt nghiệp ra Y sĩ.

Về ban Dược khoa, muốn tốt nghiệp lên năm thứ tư, người sinh viên còn phải qua 4 kỳ thi nữa, nhưng vì những kỳ thi này chỉ cách nhau có 2 tháng, nên phần lớn các sinh viên chỉ trượt lại 4 hay 6 tháng. Vì vậy ta có thể coi rằng số sinh viên tốt nghiệp Dược sĩ được quyết định bởi số sinh viên đỗ xong năm thứ ba. Như vậy trên 1000 sinh viên ghi tên theo học trường Y dược sau 5 năm sẽ có :

$$1.000 \times \left(\frac{47}{100} \times \frac{52}{100} \times \frac{100}{100} \times \frac{93}{100}\right) \# 225$$ người tốt nghiệp Dược sĩ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Về ban Nha khoa, số sinh viên năm thứ 3, thứ 4, năm thứ 5 có hy vọng đỗ 100%. Số sinh viên có hy vọng tốt nghiệp sau 5 năm sẽ là 369 người trên 1000 người ghi tên. Tuy vậy bắt đầu từ năm nay, sinh viên Nha khoa cũng phải học sinh lý hóa, như vậy tỉ số tốt nghiệp sẽ ít hơn nữa.

Tôi cũng cần phải nói ở đây rằng 2 ban Y khoa và Dược khoa, một người sinh viên rớt quá bốn lần ở cùng một lớp sẽ không được tiếp tục học nữa.

Về phần trường Kiến trúc trong 3 năm gần đây chỉ có 4 sinh viên tốt nghiệp, mặc dầu số sinh viên ghi tên hàng năm trung bình là 50 người.

Về phần trường Mỹ thuật, năm 1957 số sinh viên ghi tên tại trường là 101, số sinh viên tốt nghiệp là 8; năm 1958, số sinh viên ghi tên là 104 và số tốt nghiệp là 16.

Khảo sát về hy vọng tốt nghiệp của các sinh viên theo học mỗi ngày, tôi không phê bình hoặc kết luận, mà chỉ xin đưa ra một vài điều nhận xét kỹ thuật :

1) Những tỉ số đỗ ở trên là tỉ số so với số sinh viên ghi tên ở một vài trường như trường Y-dược đại đa số sinh viên ghi tên cũng là sinh viên theo học thực sự, những tỉ số đó có thể coi là sát với sự thực. Tại một vài trường khác, nhiều sinh viên, nhất là sinh viên năm I, tuy có ghi tên nhưng không theo học. Đối với những trường này tỉ số đỗ của các sinh viên thực sự theo học, có thể cao hơn các tỉ số đã tính rất nhiều.

2) Để tính số sinh viên tốt nghiệp sau đúng số năm học ấn định theo chương trình, vì ở một vài trường (Luật — Khoa học — Văn khoa) tôi đã phải dùng tỉ số đỗ chung cho cả trường chứ không dùng tỉ số đỗ từng lớp. Như vậy tỉ số đỗ này có thể sai với sự thực.

Kiểm điểm phép tính của mình tôi thấy phép tính đó đúng cho trường Khoa học. Vì theo ước lượng bằng tính, những năm 54-55-56-57 phải có tới 14 Cử nhân khoa học thế mà trong thực tế, trong các năm này đã có 19 Cử nhân. Sự khác biệt có thể giải nghĩa bằng sự kiện bên cạnh số sinh viên tốt nghiệp sau đúng 4 năm còn có các sinh viên tốt nghiệp sau khi đã phải học lại một hay nhiều năm.

Đối với trường Luật, nếu muốn kết quả hợp với sự thực đáng lẽ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

phép tính của tôi phải tìm thấy số đỗ trung bình sau ba năm của 1.000 người ghi tên trường Luật là 60-70 người chứ không phải 25 người.

3) Ta không thể dựa vào những con số ở trên để quyết định một cách tuyệt đối học trường nào khó, học trường nào dễ. Như thế một phần vì tỉ số ở trên được tính theo số sinh viên ghi tên chứ không phải theo số sinh viên có học thực sự nghĩa là chưa hẳn đúng sát với sự thực, một phần vì tổ chức mỗi trường mỗi khác. Chẳng hạn các sinh viên trường Y-dược gần như bắt buộc phải để cả ngày của mình để theo học các giờ ở trường, trái lại các trường Luật khoa, Khoa học, Văn khoa lại có sinh viên có thể vừa đi học vừa tiếp tục làm công chức hoặc đi giậy học.

Xét xong vấn đề hy vọng tốt nghiệp theo từng trường, bây giờ ta hãy xét tới vấn đề tìm việc của các sinh viên khi đã tốt nghiệp.

Về vấn đề này ta cũng phải chia các trường ra làm hai loại. Loại thứ nhất gồm các trường Sư phạm, Hành chính, Công chính, Điện học, Công nghệ. Vì số sinh viên nhập học các trường này đã được ấn định theo nhu cầu của chính phủ, nên sau khi tốt nghiệp sinh viên các trường này được đảm bảo hoàn toàn.

Vấn đề tìm việc chỉ đặt ra đối với sinh viên tốt nghiệp ở loại trường thứ hai nghĩa là Khoa học, Luật học, Văn khoa, Y-dược v.v...

Đầu tiên xin nói tới trường hợp các trường Khoa học và Văn khoa. Sinh viên tốt nghiệp ở hai trường này hiện chỉ có một việc làm : đó là giậy học.

Trong tình trạng hiện tại, nước ta thiếu rất nhiều giáo sư, vì vậy tương lai của những người tốt nghiệp ở hai trường này có thể coi là được bảo đảm 100%.

Thực vậy, sinh viên hai trường này không cần phải đợi đỗ xong Cử nhân, mà chỉ cần có một Chứng chỉ cũng đã tìm được việc làm và mặc dầu vậy, số giáo sư cần thiết vẫn thiếu.

Chẳng hạn như từ niên học 57-58 sang niên học 58-59 tất cả có 57 sinh viên tốt nghiệp Sư phạm, 114 sinh viên mới đỗ Chứng chỉ Văn khoa và 77 sinh viên mới đỗ được 1 Chứng chỉ Khoa học (không kể Chứng chỉ sinh lý hóa, vì sinh viên đỗ Chứng chỉ này sẽ theo học trường Y khoa và Nha khoa).

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Như thế tổng cộng sang đầu niên học 58-59, số giáo sư có một chút căn bản chuyên môn tăng được 248 người. Lấy trung bình mỗi giáo sư dạy 25 giờ một tuần, những giáo sư này sẽ cung cấp thêm cho nền giáo dục Trung học 6.200 giờ giảng dạy.

Cũng trong thời gian đó, số học sinh Trung học tăng thêm 30.000 người nghĩa là 500 lớp 60 học sinh. Theo chương trình mới, mỗi lớp mỗi tuần học 28 giờ, vậy muốn cho số học sinh mới này được học đầy đủ, số giờ giảng dậy phải tăng thêm 24.000 giờ nghĩa là gấp 4 lần số cung.

Vậy trong hiện tại và trong một tương lai khá xa các sinh viên trường Khoa học và Văn khoa có thể yên tâm về vấn đề tìm việc.

Sinh viên theo học những ngành khác, không được hưởng sự may mắn này.

Chẳng hạn như ở trường Luật khoa, từ ngày thành lập Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chính, khi tốt nghiệp người Cử-nhân Luật không còn thể chọn nghề hành chính mà phải chọn một trong ba nghề sau đây : 1) Công chức ngạch Tư-pháp ; 2) Luật-sư ; 3) Chuyên-viên ở ngân hàng và các xí nghiệp kỹ nghệ.

Về ngạch Tư pháp, không có sự tuyển lựa hàng năm. Từ 1954 tới nay mới chỉ có hai kỳ thi tuyển lựa Thẩm phán và riêng năm 1957, đặc biệt có cuộc tuyển lựa không phải thi lấy 16 người có bằng Cử-nhân Luật vào trật tùy viên Công-Tố-Viện.

Về ngành Luật-sư, hiện ở Nam-Việt và Cao-Nguyên có 82 Luật-sư hực thụ và 41 Luật-sư tập sự, ở Trung-Việt có 6 Luật-sư.

Số văn-phòng Luật-sư thường tăng rất chậm, vì khi trở thành thực thụ, người Luật-sư nhiều khi cộng tác ngay với văn phòng nơi mình tập sự. Do đó, số Luật-sư tập sự hàng năm được nhận vào các văn phòng chỉ là để thay thế những Luật-sư tập sự cũ đã tốt nghiệp. Thời gian tập sự là 3 năm, vậy trung-bình mỗi năm có vào khoảng 14 Luật-sư tập sự được tốt nghiệp nghĩa là mỗi năm có 12 chỗ tập sự dành cho các người mới đỗ Cử nhân Luật khoa.

Hiện nay không có tài liệu nào về triển vọng làm chuyên viên ở các ngân hàng và xí nghiệp. Nhưng theo một vài người bạn ở ban Luật cho tôi biết thì triển vọng này cũng không lớn lao lắm. Ta thí dụ rộng rãi là mỗi năm có 10 chỗ về ngành này.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Như vậy chỗ làm dành cho người đỗ Cử-nhân Luật về năm 1957 là $16 + 14 + 10 = 40$.

Trong năm đó có 72 sinh viên đỗ xong Cử-nhân Luật. Vậy 32 người hay 44% trong số những người này sẽ không tìm được việc làm hợp với khả năng chuyên môn.

Sự tìm việc khó khăn cũng có đối với ngành Y dược nhưng mang một hình thức khác.

Thực vậy, từ khi tốt nghiệp người Y-sĩ hay người Dược-sĩ có quyền mở phòng khám bệnh hay nhà thuốc ở bất cứ nơi nào không quá gần một đồng nghiệp cũ. Như thế, theo lý thuyết, bao giờ người Bác-sĩ và người Dược sĩ cũng có thể tìm được việc làm. Nhưng trong thực tế các Bác-sĩ và Dược-sĩ chỉ sống được nếu có đủ số thân chủ, đủ số khách mua hàng.

Năm, mười năm trước đây, trong thời đại hoàng kim của nghề, hầu hết các Bác sĩ và Dược sĩ chỉ cần mở phòng khám bệnh, mở nhà thuốc là chắc chắn thành công. Gần đây thời đại hoàng kim đó đã chấm dứt. Hiện đã có nhiều Bác sĩ hàng ngày mở rộng phòng mạch chờ khách, nhưng khách vẫn vắng teo. Về nghề Dược sĩ cũng thế, hiện nay đã có vài nhà thuốc phải đóng cửa vì ế quá.

Những trường hợp thất bại này cũng chưa có nhiều lắm và một phần cũng là do ở các Bác sĩ và Dược sĩ quy tụ quá đông ở Saigon, Chợlớn. Trong số 442 Bác sĩ ghi tên ở Y-sĩ đoàn, tất cả có 270 vị nghĩa là gần 2/3 ở vùng Saigon Chợlớn và trong số 319 Dược-sĩ hiện hữu, cũng có gần 2/3 nghĩa là 210 vị ở Saigon Chợlớn. Thường khi chịu đi các tỉnh xa, các Bác-sĩ và Dược-sĩ hãy còn nhiều hy vọng thành công. Nhưng trong một tương lai xa vời, số Bác-sĩ Dược-sĩ tốt nghiệp một ngày một nhiều, lẽ dĩ nhiên là đời sống của Bác-sĩ và Dược-sĩ cũng thấp kém đi.

Về phần các Nha sĩ, vì trong 8 năm từ 1950-1957 tất cả chỉ có 9 người tốt nghiệp nên sự tìm việc của các Nha-sĩ không mấy khó khăn.

Nói tóm lại, muốn cho công cuộc Đào-Tạo Trí-Thức về phương diện chuyên môn được hoàn hảo, ta cần phải giải quyết 3 vấn đề :

1°) Tăng giá trị sản xuất của giới trí-thức

2°) Tăng số chuyên viên ngành giáo-dục.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

3°) Giải quyết sự tìm việc khó khăn cho sinh-viên tốt nghiệp thuộc một vài ngành.

Trong hiện tại và trong một tương lai gần, vấn đề sau cùng này chưa khẩn thiết lắm vì số lượng các sinh viên tốt nghiệp không kiếm được chỗ làm ổn thỏa hãy còn ít và vì thế những giải pháp cá nhân hãy còn hữu hiệu. Chẳng hạn các Cử-nhân Luật không kiếm được việc làm về ngành luật hiện vẫn có thể sống bằng nghề cũ của mình vẫn làm trước khi đỗ và nhất là nghề giậy học. Riêng về nghề Dược sĩ, thì hiện chúng tôi đang cố gắng giải quyết vấn đề bằng cách hướng mạnh nghề Dược sĩ về ngành sản xuất và ngành thí nghiệm.

Về vấn đề thứ hai, tức là đào tạo thêm Giáo sư. Hiện đã có hơn bốn ngàn sinh viên thuộc 3 trường Khoa học, Văn khoa, Sư phạm, theo học ngành này nghĩa là gần 50°/o tổng số toàn thể sinh viên. Nếu số Giáo sư còn thiếu đó là vì tỉ số đỗ quá ít. Như vậy tôi nghĩ rằng có lẽ vấn đề chỉ có thể giải quyết bằng cách dìu dắt và kiểm soát sự học của sinh viên nhiều hơn để số đỗ tăng lên.

Vấn đề trí thức thiếu sản xuất khó giải quyết hơn.

Giải pháp của chính phủ hiện nay là chính sách du học. Trong phạm vi này, từ ngày thành lập vào tháng 2 năm 1956 tới giữa năm 1958, Hội đồng du học đã cho phép 683 sinh viên xuất ngoại trong số đó có 317 sinh viên thuộc các ngành giáo dục và sản xuất như kỹ nghệ, canh nông v.v...

Sự cung cầu chuyên viên ở Việt-Nam hiện chưa được khảo sát đầy đủ, vì vậy tôi không biết rõ con số 317 kể trên có đủ cung ứng cho nhu cầu kỹ thuật sản xuất của Việt-Nam không. Nhưng theo ý kiến của giáo sư Thạc-sĩ Nguyễn-cao-Hách trình bày trong kỳ Đại hội toàn quốc kỹ thuật gia thì con số 317 này ít quá và nguồn gốc du học khó có thể thỏa mãn được nhu cầu của Việt-Nam về chuyên viên.

Như vậy sự đào tạo chuyên viên chỉ có thể giải quyết bằng cách lập thêm các trường chuyên môn ở ngay tại Việt-Nam. Đó là một công việc hết sức khó khăn, không những về phương diện ngân quỹ và giáo sư, mà còn về tính cách thích hợp của những trường này đối với nhu cầu xã hội.

Sự thích hợp này chỉ được biết một cách chắc chắn nếu nhu cầu và chuyên viên ở Việt-Nam đã được khảo sát cẩn thận, thế mà sự khảo sát này hiện chưa được thực hiện.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

SỰ ĐÀO-TẠO TRÍ-THỨC VỀ PHƯƠNG-DIỆN VĂN-HÓA

Trình bày xong các nhận xét về vấn đề đào tạo trí thức về phương diện chuyên môn, tôi xin trình bày tiếp tới vấn đề đào tạo trí thức về phương diện văn hóa.

Như đã được trình bày ở trên, sự huấn luyện văn hóa quan hệ nhất là sự huấn luyện trong các trường Trung học.

Cái văn hóa ấy là gì ? Và tình trạng văn hóa của các học sinh Trung học hiện nay như thế nào ? Đó là hai câu hỏi mà tôi sẽ cố gắng trả lời ở dưới đây :

Cách đây đã lâu, có một lần ở bên Pháp dự định thay đổi chương trình Trung học để nâng cao mức văn hóa của học sinh Trung học. Sau đó chương trình Trung học Pháp vẫn được giữ nguyên như cũ vì các nhà học giả khi đi tìm một định nghĩa cho chữ văn hóa chỉ tới được một sự đồng ý là định nghĩa văn hóa của tất cả mọi người khác đều không đúng...

Như thế ta thấy rằng tìm được một định nghĩa thật đúng cho chữ văn hóa quả là một việc khó khăn và vì thế, dĩ nhiên, việc xét giá trị văn hóa của người lại càng khó khăn hơn nữa.

Định nghĩa tôi đưa ra dưới đây không phải là một định nghĩa có giá trị tuyệt đối, mà chỉ là một định nghĩa tôi xét thấy thích hợp nhất đối với vấn đề.

Theo ý tôi, cái văn hóa mà ta cần phải huấn luyện cho các học sinh ở Trung học là sự tổng hợp của :

1) Những hiểu biết thực dụng trong đời sống như ngôn ngữ, sinh ngữ, khoa học thường thức.

2) Những tư tưởng hay đẹp, những sự khôn ngoan của các văn gia, các triết gia.

3) Những hiểu biết về văn nghệ, về nghệ thuật.

4) Và nhất là óc suy luận, biết nhận thấy cái hay cái đẹp, cái phải cái trái.

Định nghĩa văn hóa như ở trên không có gì mới mẻ và tất cả các chương trình Trung học đều dựa trên định nghĩa này. Khi ở bậc

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Trung học, ta học bài là để biết các kiến thức hữu ích, hay và đẹp. Ta làm bài là để tập suy luận.

Các chương trình chỉ khác nhau ở chỗ ấn định kiến thức nào nên được giảng dậy. Tùy theo sự ấn định này mực văn hóa sẽ cao hay thấp, sẽ thích hợp với đời sống ít hay nhiều. Nhưng một khi chương trình đã được ấn định, ta có thể đo trình độ văn hóa của học sinh bằng trình độ mà học sinh này thâu thái được những cái hay cái đẹp trong chương trình.

Dựa vào phương pháp đó ta hãy xét xem học sinh hiện tại đã có một căn bản văn hóa đầy đủ hay chưa ?

Cho tới bây giờ, chưa có cuộc khảo sát nào được thực hiện để đo mức văn hóa của các học sinh. Nhưng theo ý kiến của phần đông giáo sư và phụ huynh học sinh thì mức văn hóa của học sinh hiện nay càng ngày càng xuống thấp. Những vị này đi đến kết-luận ấy dựa theo những khuyết điểm sau đây của học sinh :

1) Học sinh ngày nay nhiều người có kiến thức rất thiếu sót vì không chịu học hết cả chương trình.

Gạt ra ngoài trường hợp tai hại của một vài trường tư dạy gồm chương trình hai ba năm vào một năm ; ngay ở trường công, ta cũng thấy nhiều học sinh học tủ.

Có nhiều học sinh không những học tủ bài, nghĩa là trong mỗi môn chỉ học một số bài quan trọng, mà lại còn học tủ môn, nghĩa là bỏ hẳn một hay nhiều môn học. Chẳng hạn có nhiều học sinh bỏ hẳn môn Sử Địa và có nhiều học sinh đỗ xong Tú tài toán mà không biết gì về sinh ngữ, mặc dầu đã phải học sinh-ngữ trong bảy năm trường.

Hơn nữa vì biết rằng kiến thức của mình có nhiều lỗ hổng, nên nhiều học sinh bỏ hẳn không dùng tới các kiến thức đó vì sợ để lộ những thiếu sót của mình và kết quả là sự thiếu kiến thức của nhiều học sinh thực là trầm trọng.

2) Học sinh ngày nay nhiều người không biết suy luận. Trong khi làm bài, đáng lẽ phải đưa ra những nhận xét cá nhân dựa theo sự hiểu biết và óc suy luận của mình thì nhiều học sinh chỉ đưa ra những ý tưởng sáo bắt chước các bài mẫu có giá trị ít hay nhiều. Có nhiều học sinh lại quên hẳn sự suy luận đến độ không làm nổi một bài riêng mà

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

cứ phải dùng các bài mẫu mặc dầu các bài này không có liên lạc với đầu bài. Chẳng hạn trong kỳ thi tú tài I vừa qua, đầu bài Pháp văn đại ý hỏi : «*Có người bảo tiền tài không làm ra hạnh phúc, nhưng lại cũng có người cho rằng có tiền mua tiên cũng được, vậy nếu Anh (hay Chị) có một số tiền Anh (hay Chị) sẽ tiêu thế nào ?* » Trong kỳ thi đó có nhiều học sinh đã làm bài này như là đầu bài đã hỏi về câu có tiền mua tiên cũng được vì các học sinh đó chỉ có bài mẫu về vấn đề này mà thôi.

Sự thay thế suy luận bằng trí nhớ máy móc không những được dùng khi làm luận mà nhiều khi còn được dùng trong các bài toán lý hóa nữa. Thậm chí đối với nhiều học sinh, những bài làm, nghĩa là những môn tập cho học sinh suy luận đã trở thành những môn học thuộc lòng đặc biệt, hiểm hóc và bắp bênh vì số bài phải học không được định trước.

3) Học sinh ngày nay ít chịu đọc sách và vì thế kiến thức không được rộng rãi. Sự lười đọc sách này một phần là vì học sinh học bằng trí nhớ nhiều quá nên học rất chậm và ít thời giờ rỗi. Một lý do khác nữa là sách tiếng Việt có giá trị hiện rất ít, thế mà phần đông học sinh lại không đủ sinh ngữ để đọc sách ngoại quốc.

Dầu vậy sự lười đọc sách cũng là một khiếm khuyết văn hóa lớn lao của học sinh thời nay. Cổ nhân có câu : « Một ngày không đọc sách thì soi gương lấy làm tự hổ, Ba ngày không đọc sách thì nói chuyện nhạt nhẽo khó nghe». Không đọc sách, một người thường gần như không còn cách gì để mở rộng kiến thức. Đối với nhiều học sinh ngày nay kiến thức học ở trường đã kém, trí suy luận lại cũng kém, nay lại lười đọc sách, thiết tưởng căn bản văn hóa không thể nào không mãi mãi thấp kém được.

Sự thấp kém văn hóa này thường đã được nhiều người nhận thấy. Để sửa chữa, giải pháp thường được đưa ra nhất là đổi chương trình. Nếu sự đổi chương trình có cái giá trị của nó, thì theo ý tôi giải pháp này cũng không giải quyết được toàn thể vấn đề. Vì dù chương trình bắt học điều này hay điều khác, nhưng nếu không có gì làm thay đổi cách học của học sinh, thì học sinh vẫn tiếp tục học tủ, vẫn tiếp tục dùng trí nhớ thay suy luận và vẫn tiếp tục biết rất ít về văn hóa.

Vì vậy tôi nghĩ rằng tất cả các giải pháp đều phụ thuộc vào vấn đề sửa đổi cách học của học sinh và sự sửa đổi này chỉ có thể thực hiện được nếu ban giáo huấn của các trường được cải thiện cho hoàn toàn hơn.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Theo ý tôi, nếu các học sinh cũng có một phần trách nhiệm trong sự thiếu sót văn hóa của họ, thì trách nhiệm nặng nề nhất vẫn là ở các Giáo sư.

Thực vậy, vì số Giáo sư hiện rất thiếu nên việc làm của các Giáo sư cũng có nhiều khiếm khuyết.

Trước hết có nhiều Giáo sư phải giậy ở những lớp vượt trên sức học của mình. Lẽ dĩ nhiên những Giáo sư này không đủ sức tự soạn lấy những bài giảng dậy và dễ có xu hướng dùng các bài mẫu.

Sau nữa, ngay trong số các Giáo sư thừa năng lực, nhiều vị cũng không giúp được học sinh đủ như học sinh có quyền đòi hỏi. Như vậy là vì những Giáo sư này thường dậy rất nhiều giờ, ở rất nhiều nơi nên khó lòng làm thế nào khác hơn là giậy vừa đủ tác trách, không có đủ thời giờ theo dõi sự học của các học sinh để dìu dắt và thúc đẩy các học sinh này cố gắng hơn.

Công việc cải thiện ban giáo huấn như vậy bắt buộc phải được thực hiện, để mức văn hóa của học sinh có thể được nâng cao. Dầu vậy, đó là một công cuộc nói thì dễ mà làm thì khó vì ta đã biết trong hiện tại số Giáo sư thiếu rất nhiều.

SỰ ĐÀO-TẠO TRÍ-THỨC VỀ PHƯƠNG-DIỆN TINH-THẦN

Sau vấn đề huấn luyện về văn hóa, tôi xin nói tiếp tới vấn đề huấn luyện trí thức về phương diện tinh thần.

Sự huấn luyện này phần lớn được thực hiện ở trong gia đình, ở trường Tiểu và Trung học, và cũng gây cho tôi vài điều làm tôi thắc mắc :

— Điều thắc mắc thứ nhất. Sự giáo dục gia đình ở Việt Nam nhiều khi quá sơ đẳng nếu không phải là không có hẳn.

Thực vậy, nhìn quanh mình, tôi thấy có nhiều gia đình hoặc để mặc con cái sống theo ý muốn hoặc chỉ cốt gây cho con thành một đứa con ngoan. Thế mà người con ngoan nhiều khi chỉ có nghĩa là một người con ít quấy rầy cha mẹ, biết nghe lời cha mẹ, biết lễ phép với họ hàng và nếu học giỏi hoặc thi đỗ (nhờ tài học hoặc nhờ tài xoay xở cũng được) thì càng quý hóa lắm. Hơn nữa nhiều gia đình vẫn coi rằng sự thành đạt ở đời có nghĩa là đến được một địa vị cao sang bằng cách này hay cách khác để rồi hưởng thụ ích kỷ, ăn nhiều làm ít,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

chứ không nghĩ rằng đó là kết quả của việc làm đứng đắn trong quá khứ và một cơ hội để làm việc đắc lực và hữu ích hơn nữa trong tương lai. Sự thiếu sót này tôi sợ sẽ làm cho người trí thức không biết nhận trách nhiệm chính đáng của mình.

— Điều thắc mắc thứ hai của tôi là e rằng nhiều học sinh ngày nay đã không còn tôn trọng sự thành thật tinh thần nữa. Chẳng hạn trong các kỳ thi sự quay phim không còn bị coi là một sự xấu xa, mà được coi là một sự tự nhiên. Đến độ có nhiều học sinh thuộc bài hẳn hoi, nhưng vẫn quay phim như thường để lấy thứ bực cao.

Thiếu tính thành thật tinh thần, tôi sợ những học sinh này khi ra đời sẽ không muốn theo đuổi cái hiểu biết không vụ lợi, không giám nhận các sự thật phũ phàng và như vậy cũng là một điều thiếu sót.

— Điều thắc mắc thứ ba lo sợ rằng tinh thần tự trọng ngày nay không còn được tôn quý như xưa. Nói ra điều này thực là một sự liều lĩnh. Nhưng quả thực có nhiều lúc tôi cũng như nhiều đồng nghiệp coi sinh viên thực hành ở Đại-Học, chúng tôi cùng buồn vì có những sinh viên có thái độ không xứng đáng. Tôi xin miễn kể những thí dụ vì chắc rằng đây chỉ là trường hợp con sâu bỏ rầu nồi canh. Tuy vậy có lúc chúng tôi cũng không khỏi buồn vì đôi khi nồi canh nhiều sâu quá.

— Điều thắc mắc thứ tư của tôi là sự mất tin tưởng của nhiều học sinh và sinh viên.

Sự mất tin tưởng này thực ra không phải là không có lý do. Vào đầu năm, nhân một buổi nói chuyện của Hội Phụ-Huynh Học-Sinh trường Chu-văn-An, một cựu học sinh của trường đã lên tiếng bảo rằng :

« Không phải thanh niên thời nay thiếu tin tưởng và không muốn tin tưởng, trái lại thanh niên hiện nay rất khao khát tìm được những cái cao đẹp để tin tưởng.

Nhưng tin tưởng thế nào được khi nhìn trong trường học, một vài Giáo sư của mình đáng lẽ phải nêu gương cần mẫn, tận tụy với nghề, thẳng thắn công bằng khi cho điểm trong các kỳ thi, thì trái lại một số chỉ có tinh thần cầu tiền, thậm chí có Giáo sư đã trắng trợn tuyên bố giữa lớp là khi dạy ở trường tư, mình dạy hay hơn nhiều chứ nếu dạy như ở

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

trường công thì học trò nào nó thèm học. Hơn nữa trong các kỳ thi, luôn luôn có chuyện Giáo-sư đi xin điểm cho bà con, bè bạn,

Người thanh niên cũng có thể nào tin tưởng được khi nhìn ra xã hội thấy biết bao kẻ nói đạo đức nhưng xét lại cũng chỉ là những kẻ lấy những giá trị cao đẹp nhất để che đậy những sự lợi dụng bỉ ổi nhất ».

Nhưng dẫu sự thiếu tin tưởng của thanh niên là có lý do thì sự thiếu tin tưởng này cũng là một điều đáng tiếc, vì không có tin tưởng thường thường người ta sẽ không muốn làm gì to tát hơn là kiếm sống cho mình. Một người trí thức mà chỉ biết có kiếm sống thì thiết nghĩ đời sống cũng đáng buồn.

Dẫu vậy, nếu sự hiểu biết về chuyên môn và văn học có thể ước lượng bằng những tiêu chuẩn khách quan thì những giá trị tinh thần của một người chỉ là một vấn đề lương tâm khó đo lường.

Và đã nhận chế độ tự do dân chủ tức là nhận rằng có nhiều giá-trị tinh thần khác nhau nhưng cùng đáng quí như nhau.

Vì vậy, tuy tôi đã nêu lên ở đây một vài sự kiện khiến tôi hoài nghi giá trị của sự huấn luyện tinh thần ở Việt-Nam ngày nay, tôi cũng không dám liều lĩnh kết luận rằng sự huấn luyện tinh thần ngày nay quá nhiều khuyết điểm. Vả lại trong đời sống hàng ngày, tôi cũng vẫn thường được gặp nhiều thanh niên giầu chí khí, giầu tâm huyết và có tâm hồn cao thượng đáng quý.

Và tôi tin rằng vì giá trị tinh thần là cần thiết cho đời sống nên khi xã hội đã tìm lại được thế quân bình sau những cuộc đảo lộn vừa qua, các thanh niên sẽ lại tìm thấy nhiều giá trị tinh thần hợp thời hơn để thay thế các giá-trị tinh thần cũ.

●

Khảo sát xong vấn đề đào tạo trí thức ở Việt-Nam tôi không khỏi hơi buồn vì nhận thấy rằng đứng về mọi phương diện huấn luyện chuyên môn, văn-hóa và tinh-thần nhất là về hai phương diện trên, sự đào tạo trí thức ở Việt-Nàm hãy còn quá nhiều khuyết điểm. Tôi lại càng buồn hơn nữa trong khi số học sinh, sinh viên tăng rất nhanh thì trái lại sự cải thiện, sự đào tạo trí thức lại gặp quá nhiều khó khăn và chỉ có thể thực hiện rất chậm.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nhưng trong lịch-sử, biết bao lần loài người đã thắng những khó khăn vô biên, nhờ lòng tin tưởng và sự nỗ lực vượt bực. Cải thiện sự đào tạo trí thức tuy khó, nhưng tôi chắc rằng với sự cố gắng của chúng ta, vài ba năm sau đây, xét lại vấn đề ta sẽ có thêm lý do để lạc quan nhiều hơn và khát vọng được học để trở thành trí thức xứng đáng với danh từ khi đó cũng sẽ tiến gần tới sự thực hiện hơn, và chúng ta sẽ có thể vui vẻ thấy rằng nước Việt-Nam đã có nhiều nhà trí thức hoàn toàn biết sống và biết giúp người khác sống trong hạnh phúc.

ĐẶNG-VŨ-BIỀN

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Tìm một quan-niệm tổ-chức giáo-dục kỹ-thuật ở V.N. ngày nay

NGUYỄN-ĐƯỢC

I.— TÓM LƯỢC PHẦN THUYẾT-TRÌNH

MUỐN có một quan niệm xác thực về tổ chức giáo dục kỹ-thuật, ta cần bàn tới hai điểm : vấn đề kỹ thuật với kinh tế và kỹ thuật với văn hóa.

Trước đây, thường một kỹ thuật gia được đào tạo do nhu cầu cần thiết : dần dần nhu cầu đó phát triển và lan tràn các ngành : điện, ngân hàng. Đàng khác do sự cạnh tranh của tư-bản, nên đã đi đến sự chuyên môn hóa để sản xuất nhiều, mau và rẻ. Do đó, các kỹ thuật gia đã vì quá chuyên môn nên vốn liếng kiến-thức trở nên nhỏ hẹp, khép kín. Đàng khác các tư-tưởng duy vật làm cho con người chỉ nghĩ tới vật chất, lấy vật chất làm căn bản. Ta có thể định nghĩa kỹ thuật là dùng các phương pháp khoa học, toán học để giải quyết các vấn đề sản xuất cho mau lẹ. Văn minh hiện tại là văn minh kỹ thuật, nếu ta không sáng suốt thì sẽ mất bản ngã. Vì thế, theo tôi quan niệm, phải đào tạo một *con người toàn diện* trước khi đào tạo thành một kỹ thuật gia, vì nếu chỉ đào tạo một kỹ thuật gia như một cái máy sản xuất thì rất nguy hiểm.

— Cần phải chú trọng tới *vấn đề kinh tế* khi đào tạo một kỹ thuật gia. Hiện tình kinh tế Việt Nam đang lâm vào chỗ bế tắc: sản xuất quá ít, mà tiêu thụ nhiều quá, nên ta phải sản xuất sao cho cán cân được quân bình. Nước ta là một nước nông nghiệp và tiểu công nghệ. Về nông nghiệp : nếu không được hướng dẫn khôn khéo thì sẽ bị bế tắc. Về kỹ nghệ : không phát triển vì thiếu đầu tư, mà dầu có đầu tư, ta cũng thiếu chuyên viên rất nhiều, vì theo dự đoán thì tới năm 1962 ta cần phải có 5.000 chuyên viên và 200 kỹ sư. Đàng khác, nước ta chưa có tập trung kỹ nghệ : các ngân hàng tập trung một số tiền khá lớn mà không

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

đem ra khuếch trương kỹ nghệ. Vậy chỉ có một lối thoát là nên đào tạo những người sau này điều khiển tiểu công nghệ, vì đó là điều giải quyết cần thiết để có thể khuếch trương tiểu công nghệ và phát triển kinh tế. Hãy tổ chức dạy nghề chuyên môn cho cẩn thận, chu đáo.

— Xét theo *quan điểm văn hóa*, ta thấy trình độ văn hóa ngày nay của các sinh viên, học sinh càng ngày càng kém. Chương trình học lại thấp và lỗi thời: ngành học phổ thông của ta dập theo Pháp, mà nền học của Pháp đã có từ đời Napoléon để lại. Theo kiểu cách học đó, học sinh phải có kiến thức bách khoa. Nếu muốn dạy cho có một vốn kiến thức bách khoa như xưa thì ngành học phổ thông không thể thực hiện mà phải tới cấp Cử nhân. Thành thử ta phải quan niệm lại vấn đề văn hóa. Vì thế, muốn có một quan niệm giáo dục kỹ thuật cho hoàn bị ở Việt Nam thì không thể không đề cập tới vấn đề văn hóa. Muốn đào tạo một kỹ thuật gia phải tạo cho họ có một căn bản văn hóa vững chắc.

Tóm lại, phải đào tạo một kỹ thuật gia :

— Hợp tình trạng kinh tế trong nước.

— Nâng cao trình độ văn hóa của họ.

II.— LƯỢC TÓM PHẦN HỘI-THẢO

HỎI : Tại sao chính phủ kêu gọi đào tạo chuyên viên thì trong khi đó, có nhiều chuyên viên đã được đào tạo mà lại không được đặt đúng chỗ ?

ĐÁP : Tôi phải thú nhận khuyết điểm đó là do bộ máy điều khiển hành chính của ta : có ông kỹ sư cầu cống lại được đặt làm trong ngân hàng, có kỹ sư hầm mỏ làm trong hàng không, có cấp tướng lại làm việc trong bộ Y-tế. Tình trạng này là do thực dân, chiến tranh còn lại. Muốn cải tổ và đặt các chuyên viên theo đúng chỗ tùy theo năng khiếu của họ ta chỉ có thể sửa đổi bộ máy hành chính lần lần, công việc này đòi hỏi một thời gian lâu dài.

HỎI : Một kỹ sư do trường Cao đẳng Kỹ thuật đào tạo có tương đương với trường ngoại quốc không ?

ĐÁP : Về các kỹ sư được đào tạo do hai trường Công chánh và Điện học thì ta có thể tạm được. Còn về trường Kỹ nghệ thì hơi kém vì hiện thời thiếu các xưởng để các sinh viên thực tập.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

HỎI : Triển vọng của tiểu công-nghệ Việt-Nam thế nào ?

ĐÁP : Muốn trả lời dứt khoát, ta cần phân biệt làm ba loại tiểu công-nghệ :

a) Về các tiểu công-nghệ sản xuất các mỹ-phẩm, ta không lo thiếu thị trường, vì ta có thể bán ở ngoại quốc, hiện thời các nước Âu-Mỹ đang có xu hướng thích các mỹ-phẩm làm bằng tay.

b) Về ngành sản xuất để tiêu thụ trong nước và dùng nguyên liệu ngay trong nước mà sản xuất như nước mắm, đồ gốm, chiếu, ta không lo có sự cạnh tranh, vì dân chúng tiêu thụ nhiều.

c) Còn thứ tiểu công-nghệ hiện đang nẩy nở vì trước kia chưa có kỹ nghệ như nghề dệt, trước sau sẽ khó khăn vì không có thị trường và bị cạnh tranh bởi hàng ngoại hóa.

Trong cuộc triển lãm tiểu công-nghệ vừa qua, tôi đã có ý định phát triển các tiểu công-nghệ bằng cách thay đổi và hướng dẫn thị hiếu của dân chúng (nón, bình, quạt), ta thay đổi màu sắc, hình thái, nhờ đó sẽ được dân chúng để ý và nâng đỡ. Nhưng đó mới chỉ là một cuộc thí nghiệm mới thôi.

K.S. NGUYỄN-ĐƯỢC

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

HỘI-THẢO : NHIỆM-VỤ CỦA VIỆT-NAM THÔNG-TẤN-XÃ TRONG VẤN-ĐỀ THÔNG-TIN Ở VIỆT-NAM VÀ TRÊN THẾ-GIỚI

HỎI : Việt-Nam Thông-Tấn-Xã là gì ?

ĐÁP : Nói một cách vắn tắt, Việt-Nam Thông-Tấn-Xã là cơ quan thông tấn chính thức của Việt Nam đã được thiết lập từ năm 1951 và trụ sở trung ương hiện nay đặt tại Saigon, số 116-118 đường Hồng Thập Tự.

Việt Tấn Xã tuy được Chính phủ trợ cấp một phần chi phí vẫn có những lợi tức riêng nhờ ở việc bán các bản tin cho Đài Phát Thanh, tất cả các báo chí ở Việt Nam, các cơ quan của Chính phủ và Tư nhân.

Việt Tấn Xã là một cơ quan tự trị do một Hội đồng quản trị kiểm soát về đường lối hoạt động và do một Tổng Giám Đốc điều khiển trực tiếp. Hội đồng quản trị Việt Tấn Xã gồm có :

— Một đại diện của Tổng Thống	Chủ tịch
— Một đại diện của Bộ Tài Chính	Hội viên
— Một đại diện của Bộ Thông Tin	Hội viên
— Một đại diện của báo chí	Hội viên
— Một đại diện của Đài Phát Thanh	Hội viên

Hai vị sau này chỉ tham dự Hội đồng quản trị Việt Tấn Xã với tư cách tư vấn. Tổng Giám Đốc Việt Tấn Xã do Tổng Thống chỉ định theo đề nghị của Hội đồng quản trị. Hiện nay nhân viên Việt Tấn Xã gồm lối trên 100 người, kể cả biên tập viên, phóng viên, thông dịch viên, thông tín viên các tỉnh và hải ngoại, nhân viên đánh máy, hành chính, ấn loát, phát hành v.v...

HỎI : Vai trò của Việt Tấn Xã trong việc thông tin tại Việt Nam như thế nào ?

ĐÁP : Hiện thời hầu hết các cơ quan thông tin báo chí tại Việt-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nam đều căn cứ vào các tin tức do Việt Tấn Xã phát hành để thi hành công việc của mình, nên nhiệm vụ của Việt Tấn Xã trong việc loan tin tại Việt Nam rất quan trọng. Tất cả những báo tiếng Việt Nam, Trung Hoa, Pháp và Anh xuất bản ở Saigon đều mua và xử dụng tin tức của Việt Tấn Xã. Đài Phát Thanh cũng căn cứ vào tin tức của Việt Tấn Xã để soạn thảo những bản tin loan trên làn sóng điện ; các cơ quan chính quyền, kể cả những cơ quan chuyên về thông tin như Bộ Thông Tin, Sở Báo Chí Phủ Tổng Thống, Sở Báo Chí Bộ Ngoại Giao, các tùy viên báo chí các Bộ đều căn cứ vào các bản tin Việt Tấn Xã để theo dõi tình hình quốc nội cũng như quốc tế.

HỎI : Việt Tấn Xã đã gặp những vấn đề gì trong lúc thi hành những nhiệm vụ nói trên ?

ĐÁP : Hiện nay những vấn đề Việt Tấn Xã gặp phải có thể chia làm 3 loại :

a) *Tình trạng nhân viên.*— Vì nghề báo chí ở nước ta chưa được tổ chức có căn bản vững vàng nên đại đa số ký giả kể cả những nhân viên ở Việt Tấn Xã đang còn thiếu những điều kiện về văn hóa tổng quát và kỹ thuật chuyên môn để có thể thi hành đúng mức nhiệm vụ khó khăn của họ trong việc thông tin nhất là trong một cơ quan thông tấn chính thức của chính phủ. Vấn đề này cần phải được giải quyết với một chương trình lâu dài nhằm mục đích huấn luyện nhân viên tại chỗ trong khi đang làm việc và ở ngoại quốc trong thời gian tu nghiệp bổ túc.

b) *Điều kiện làm việc.*— Việt Tấn Xã là một cơ quan tương đối mới thành lập (1951) nên các cơ sở chưa được củng cố và bành trướng đến mức cần thiết. Vấn đề trụ sở và những phương tiện chuyển vận cũng như chuyên môn đều đang còn thiếu sót. Vấn đề này có thể giải quyết được dễ dàng một khi Chính phủ lưu tâm đến sự cần thiết trợ giúp Việt Tấn Xã tiến đến một mức hoạt động tương đương với các cơ quan thông tấn quốc gia khác đã tiến bộ hơn.

c) *Nội dung tin tức.*— Việt Tấn Xã là cơ quan thông tấn chính thức của Chính phủ, tất nhiên có bổn phận tuyên truyền cho Chính phủ. Vì thế chỉ có thể đề cập đến những tin tức có lợi cho Chính phủ và nhiều khi phải bỏ những tin tức hết sức hấp dẫn về mặt thông tin nhưng không có lợi cho lập trường của Chính phủ. Ngoài ra, cũng vì tính cách thông tin chánh thức cho nên Việt Tấn Xã cần phải hết sức dè dặt trong việc loan tin và những tin tức được loan phải phụ thuộc

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

vào sự quyết định của các cơ quan chính quyền, bởi vậy tin tức có nhiều khi chậm trễ, không được nhanh chóng bằng một cơ quan thông tấn độc lập. Vấn đề này hết sức phức tạp và chỉ có thể giải quyết nếu quan niệm về vấn đề thông tin chung được thay đổi. Tất nhiên sự thay đổi này còn phụ thuộc nhiều yếu tố, không những vượt hẳn phạm vi hoạt động của Việt Tấn Xã mà còn đi vào vấn đề chính sách của Chính phủ.

HỎI : So sánh với các cơ quan thông tấn quốc tế thì Việt Tấn Xã như thế nào ?

ĐÁP : So với các cơ quan thông tấn quốc tế lớn như là AFP (Agence France Presse) của Pháp, trước là Havas, thành lập năm 1825, hiện giờ có đến 1500 nhân viên; hoặc Reuters của Anh, thành lập năm 1851, có gần 2.000 nhân viên; hoặc AP của Mỹ (Associated Press) thành lập năm 1857; hoặc UPI (United Press International) thành lập năm 1907 gồm 6.000 nhân viên thì ta thấy Việt Tấn Xã còn rất bé nhỏ. Tuy nhiên, nếu so sánh với những cơ quan thông tấn quốc gia khác (hiện nay có lối 76 cơ quan thông tấn quốc gia) nhất là những cơ quan thông tấn ở Á-Châu thì có thể nói là Việt Tấn Xã, tuy mới thành lập, đã có một địa vị khả quan. Điều cốt yếu là làm thế nào để cho Việt Tấn Xã có thể theo được những xu hướng của hầu hết các cơ quan thông tấn quốc tế và dung hòa được những xu hướng ấy với những nhu cầu của Việt-Nam về vấn đề thông tin báo chí.

Hiện nay các cơ quan thông tấn báo chí đều đi đến chỗ « quốc tế hóa » tin tức của mình, nghĩa là họ xem tất cả những tin tức bất cứ ở một nước nào đều thuộc quyền sở hữu của toàn thế giới và họ có bổn phận phải loan. Ngoài ra những tin tức của các cơ quan thông tấn quốc tế đều nhằm hai yếu tố chính là : hết sức nhanh chóng và hết sức hấp dẫn.

Tất nhiên, như đã nói ở trên, vì tính cách cơ quan thông tấn quốc gia nên Việt Tấn Xã chưa có thể hoàn toàn đi theo những xu hướng của các cơ quan thông tấn quốc tế. Mặc dầu vậy, để có thể theo kịp trào lưu của các cơ quan thông tấn trên thế giới Việt Tấn Xã cũng cần phải một phần nào theo những xu hướng kể trên. Ta có thể nói là nếu muốn phát triển, Việt Tấn Xã cần phải làm thế nào để giữ cho nội dung tin tức của mình có tính cách quốc gia trong lúc về hình thức tin tức cần được trình bày theo những lề lối quốc tế.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

HỎI : Tại sao có nhiều cơ quan thông tấn quốc tế thường hay loan tin thất thiệt về một vài quốc gia ?

ĐÁP : Vấn đề này không có gì lạ vì nếu xét kỹ ta thấy rằng một cơ quan thông tấn quốc tế thuần túy không bao giờ có, nghĩa là một cơ quan thông tấn được gọi là « quốc tế » như AFP chẳng hạn, nếu phân tách kỹ ta nhận thấy đại đa số nhân viên hãng này là người Pháp nên họ hiểu và loan tin của những nước khác qua quan niệm và tưtưởng của một người Pháp. Do đó đã có nhiều sự suy luận sai lầm trong việc loan tin các nước vì những tin tức này đã được AFP nhìn qua con mắt của người Pháp, Reuters nhìn qua con mắt của người Anh, UPI qua con mắt của người Mỹ v.v...

HỎI : Tại sao có nhiều biến cố ở Việt Nam mà Việt Tấn Xã lại loan tin chậm hơn các cơ quan thông tấn quốc tế khác ?

ĐÁP : Tình trạng này đã được trình bày ở trên vì các cơ quan thông tấn quốc tế chỉ cần có 2 yếu tố cho tin tức của họ là nhanh chóng và hấp dẫn, nên mỗi khi có việc gì xảy ra họ có thể loan tin ngay. Ngược lại Việt Tấn Xã là một cơ quan thông tấn chính thức của Chính phủ nên mỗi khi có việc gì xảy ra còn phải chờ phản ứng của Chính phủ để loan tin cho được chắc chắn, đúng đường lối. Vấn đề này cần phải dung hòa cả hai lối loan tin vừa kể thì việc thông tin mới được hoàn toàn xác đáng, và nhanh chóng.

Ngoài ra, có người nêu lên vấn đề nên theo quan niệm « thông tin thuần túy » hay « hay thông tin tuyên truyền ». Theo chỗ tôi thiết tưởng, với trình độ dân trí ngày càng lên cao, lối thông tin tuyên truyền nhồi sọ sẽ bị thất bại. Vì vậy cần phải áp dụng lối thông tin hợp với tinh thần tự do dân chủ mới có thể gây được tín nhiệm trong dân chúng. Và chính vì lý do này mà các cơ quan thông tấn của Thế Giới Tự Do đã có uy tín hơn những cơ quan thông tấn có tính cách tuyên truyền của Cộng sản.

HỎI : Theo ý ông, vấn đề nào quan trọng nhất hiện nay trong việc thông tin tại Việt Nam ?

ĐÁP : Vấn đề trọng đại nhất hiện nay là việc dung hòa quyền tự do thông tin với những nhu cầu của nền an ninh quốc gia.

HỎI : Căn cứ vào tình trạng thông tin báo chí ở Việt Nam với những vấn đề phức tạp như trên thì giải pháp đầu tiên là phải làm gì ?

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ĐÁP : Xây dựng một cơ cấu thông tin tự do đúng theo tinh thần dân chủ không phải công việc một ngày hay một năm. Nhưng theo thiển ý của tôi thì giải pháp cho vấn đề này nằm trong phạm vi nhân sự nghĩa là ngày nào Việt Nam có thêm một số ký giả được huấn luyện đầy đủ, có một kiến thức rộng rãi và một tinh thần trách nhiệm đứng đắn biết xử dụng quyền tự do ngôn luận mà không đi ngược lại quyền lợi của quốc gia, thì ngày ấy vấn đề thông tin báo chí được giải quyết một phần lớn.

Vì vậy, tôi rất mong các bạn sinh viên Đại Học tốt nghiệp các trường Luật khoa và Văn khoa muốn theo đuổi ngành thông tin báo chí phải được khuyến khích nếu họ muốn trở thành những ký giả chuyên nghiệp là những chiến sĩ cầm bút phục vụ cho Tự do, Chân lý và Tổ quốc.

Nếu có được một số những phần tử mới, có đủ năng lực và thiện chí phục vụ cho ngành thông tin báo chí, thì nghề ký giả tại nước ta sẽ có uy tín hơn, đồng thời vấn đề xử dụng quyền « tự do báo chí » cũng sẽ được giải quyết một phần lớn.

NGUYỄN-THÁI

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

HỘI-THẢO VỀ VẤN-ĐỀ GIẢI-PHÓNG PHỤ-NỮ

Giáo sư Nguyễn-khắc-Hoạch : Giới thiệu Ban Trình thuyết.

Ô. Nguyễn-văn-Trang : Khai đề và hướng dẫn cuộc Hội-thảo.

Ô. Nguyễn-nam-Châu : Trình bầy sơ lược những Quan niệm về vấn đề phụ nữ.

Bà Tăng-thị Thành-Trai : Trình bầy quan niệm Bình quyền trước Xã hội và Pháp luật.

Bà Mai-ngọc-Liệu : Trình bầy những điểm Sinh lý và Tâm lý liên hệ đến Phụ nữ tính.

Cô Phan-ngọc-Quới : Trình bầy Địa vị và Thiên chức người phụ nữ trong gia đình, xã hội.

Bà Nguyễn-văn-Đãi : Thử trình bầy một quan niệm về giáo dục phụ nữ.

Bác sĩ Nguyễn-văn-Ái : Tham gia trình thuyết.

SAU ĐÂY LÀ BẢN TÓM LƯỢC CÁC BÀI THUYẾT TRÌNH :

ÔNG NGUYỄN-VĂN-TRUNG : *KHAI ĐỀ*

Người ta đã và vẫn còn đang bàn cãi nhiều về vấn đề người Đàn Bà, về vấn đề giải phóng phụ nữ. Hôm nay chúng ta cũng có ý định đem nó ra thảo luận chung. Với sự có mặt của nhiều vị thuyết trình ở đây, chứng tỏ rằng vấn đề hết sức phức tạp. Không ai có thể tự phụ nhìn bao quát toàn diện vấn đề. Do đó chúng tôi chỉ xin đưa ra những nhận định để trao đổi, đối thoại.

Một ý kiến đầu tiên và căn bản là chúng tôi có cảm tưởng rằng những lập trường và ý kiến vẫn thường được nêu ra hoặc chấp thuận xưa nay về vấn đề giải phóng người đàn bà, những lập trường đó không hoàn toàn xác thực vì hình như đã đặt vấn đề không nhằm.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Khi hô hào phải giải phóng phụ nữ có nghĩa là người đàn bà bị áp bức, chà đạp nên cần giải phóng. Nhưng thực ra ngày nay phụ nữ hiện có bị áp bức không ? Và nếu có thì ở phương diện nào ?

Bởi vì, trong thực tế, ở nhiều xã hội hiện đại, người phụ nữ rất được chiều đãi và hưởng nhiều quyền lợi ngang hàng có khi hơn đàn ông nữa. Ngay trong xã hội ta, các bà vợ, bà mẹ thường là những người nắm giữ quyền bính trong gia đình : cả quyền tài chính lẫn quyền tình cảm và tinh thần. Vậy phải chăng vấn đề đặt ra có lẽ là giải phóng đàn ông khỏi sự áp chế của người đàn bà chứ không phải là giải phóng phụ nữ ? (*Cử tọa cười xôn xao*)

Những ví dụ nói trên có ý chứng tỏ rằng điều cần thiết trước tiên là phải đặt vấn đề cho đúng. Muốn vậy, thiết tưởng cần phải khảo sát xem qua tất cả những biểu lộ tình cảm, trí thức, những sinh hoạt gia đình xã hội, qua những thay đổi theo hoàn cảnh lịch sử kia, cái gì là yếu tính trường tồn của người đàn bà, và ý nghĩa đích thực của cái yếu tính (phụ nữ tính) đó là gì trong viễn tượng nhìn người đàn bà như một Con Người hòa hiệp với Người đàn ông là bạn đường. Có phân tách như vậy, chúng ta mới mong đưa ra những nhận xét thích đáng về thiên chức, sứ mệnh, địa vị và vai trò của người đàn bà, rồi sau cùng đề nghị những quan niệm giáo dục, tổ chức xã hội chính đáng và hợp lý. Trước hết, ông Nguyễn Nam Châu sẽ trình bầy sơ lược những quan niệm về người đàn bà qua giòng lịch sử, trình bầy một cách khách quan. Sau đó chúng ta trao đổi những nhận định chi tiết hơn.

ÔNG NGUYỄN-NAM-CHÂU : *SƠ-LƯỢC HIỆN-TÌNH NHỮNG QUAN NIỆM VỀ VẤN-ĐỀ GIẢI-PHÓNG PHỤ-NỮ.*

1.— Quan-niệm cổ hữu :

Người đàn bà không có giá trị, hoặc có thì chỉ trong phạm vi gia đình, kém hẳn người đàn ông : nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô.

Nguyên do : Người đàn bà thiên bẩm có trách nhiệm làm mẹ, nên chịu những thời gian yếu đuối, cần nhờ người đàn ông bảo vệ che chở và cung cấp nhu cầu sinh nhai. Rốt cuộc, chỉ đàn ông giữ trọng trách kiến tạo đời sống xã hội và văn minh. Người đàn bà chỉ giữ vai trò nội trợ. Người đàn ông vì có khả năng nắm giữ các nhiệm vụ cao trọng trong xã hội như tế tự, hương lửa, nối giõi tông đường v.v... nên được lương

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

tâm xã hội coi là có giá trị hơn, đàn bà bị coi là yếu đuối, kém tự chủ, ít sáng kiến...

2.— Giai-đoạn đòi giải-phóng :

Quan niệm thứ nhất đòi giải phóng và bình đẳng hoàn toàn với đàn ông trên mọi phương diện xã hội, pháp luật cũng như mọi nếp sống con người. Quan niệm này đã thành công khá và đem lại cho phụ nữ sự bình đẳng trước pháp luật. Nhưng các phương diện khác thì có vẻ quá khích nên đã bị chống đối.

Quan niệm thứ hai của chủ trương Mác-xít và một số người bên thế giới tự do, cho rằng sở dĩ người đàn ông khinh rẻ và áp chế đàn bà là vì từ xưa đến nay họ có năng lực sản xuất cùng làm chủ nền kinh tế và văn minh, vậy muốn bình đẳng, phụ nữ cũng hòa mình vào cuộc sống cần lao sản xuất cũng đồng nắm giữ kinh tế và tác tạo văn minh. Quan niệm này tiêu diệt hẳn phụ nữ tính, đồng hóa đàn ông với đàn bà, bắt phụ nữ phải gánh vác những việc quá sức họ, có hại hơn là giải phóng họ.

Quan niệm thứ ba nhận định trong thế giới ngày nay, nhiều nơi phụ nữ đã hoàn toàn bình đẳng với đàn ông trên phương diện quyền lợi và nghĩa vụ trước pháp luật, nhưng trong tinh thần vẫn có sự bất bình đẳng. Đàn ông vẫn tự tôn, đàn bà đôi khi cũng còn tự ti.

Lý do của hiện tượng đó : một khuynh hướng (Simone de Beauvoir) cho là vì đàn bà chưa quen với nếp sống mới. Và đòi phải giáo dục dần dần đến chỗ bình đẳng thực sự.

Một khuynh hướng khác lại cho rằng *bản tính* người đàn bà có lẽ không bao giờ có đủ mọi khả năng tình cảm, trí tuệ và thể xác bình đẳng với đàn ông về tinh thần được. Vậy đàn bà là đàn bà, đàn ông là đàn ông, phụ nữ cứ nương tựa vào đàn ông theo «phụ nữ tính» của họ, miễn là đừng có sự khinh rẻ và bất bình đẳng trước pháp luật là được rồi.

Một khuynh hướng khác muốn phân biệt những cái gì đặc biệt « phụ nữ tính » không thể biến đổi, cái gì là do hoàn cảnh lịch sử tạo nên, để sau cùng tìm một phương thế giáo dục hợp với bản tính phụ nữ, đồng thời cũng giúp họ có được một tâm trạng hiên ngang tự chủ, khiến đàn ông không còn thể tự tôn mà khinh thường hay đàn áp họ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Vấn đề khó khăn là làm sao phân biệt cái « phụ nữ tính tất yếu » và một nền giáo dục thế nào thì mới thích hợp. Đó là điều chúng ta sẽ chú ý đặc biệt trong cuộc hội thảo này.

BÀ TĂNG-THỊ THÀNH-TRAI : *QUAN-NIỆM BÌNH-QUYỀN TRƯỚC XÃ-HỘI VÀ PHÁP-LUẬT.*

Thưa các bạn,

Chắc các bạn cũng đã biết rằng sự Bình Quyền và Bình Đẳng của phụ nữ là hai điểm khác hẳn nhau. Bình Đẳng là xét về tinh thần nhiều hơn. Khi nói bình đẳng là cho rằng hai bên đàn-ông và đàn-bà đều có giá trị tinh thần như nhau, cần thiết như nhau và đôi bên tuy khác biệt nhưng lại bổ túc và hòa hợp nhau.

Trái lại bình quyền là nói về phương diện xã hội hay pháp luật : khi xã hội và pháp luật công nhận rằng người đàn-bà cũng được tham gia và giữ các trọng trách trong gia đình, xã hội như đàn-ông và ngang hàng với đàn ông, không chia biệt ; thí dụ đàn bà có quyền giao dịch khế ước, mua bán và làm chủ tài sản, đi bầu phiếu và ứng cử, cùng giữ các chức vụ trong xã hội v..v...

Xét như vậy, thì chúng ta thấy rằng hai quan niệm đó khác biệt hẳn nhau, và nhiều khi không đi đôi với nhau. Chẳng hạn trong nhiều xã hội xưa kia, tuy đàn bà có rất ít quyền lợi đối với xã hội, họ chỉ là nội tướng, nội-trợ quán xuyến việc gia đình, nhưng xét về phương diện bình đẳng tinh thần lại rất được kính trọng và chiều chuộng. Ngày nay trong một số quốc gia tân tiến, như Thụy Sĩ chẳng hạn, tuy người phụ nữ không có quyền bầu phiếu, nhưng tuy vậy họ rất được bình đẳng và kính trọng, có khi hơn đàn ông nữa.

Trái lại, có nhiều nước, đàn bà được đủ mọi quyền công dân, hệt như đàn ông, nhưng thân phận của họ lại rất bị bạc đãi, và không được coi trọng bằng đàn ông.

Vậy thì sự bình đẳng trước pháp luật xã hội, chỉ là một sự phân phối công quyền của người công dân trong xã hội, tuy có can hệ, song không phải là thiết yếu trong vấn đề giải phóng phụ nữ.

Trước đây, có nhiều người cho rằng sở dĩ người đàn bà bị bạc đãi khinh rẻ là vì họ không được bình quyền mà tham gia các công việc

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

xã hội, kiến tạo đô thị như đàn ông. Bởi đấy họ hô hào đòi giải phóng phụ nữ bằng sự đòi quyền tham gia các chức vụ xã hội. Tất nhiên việc tham gia xã hội như vậy có làm cho phụ nữ được hiên ngang và tư cách hơn, nhưng không phải là một cách thế độc nhất giải quyết sự bình đẳng. Vì như ta đã biết, ngày nay nhiều chị em phụ nữ đã hưởng trọn quyền công dân như đàn ông, lại cũng tham gia mọi thứ chức vụ trong xã hội, nhưng thực sự vẫn không được coi là bình đẳng với đàn ông.

Lại có người cho rằng sự bất bình đẳng là do việc người đàn ông nắm quyền sản xuất và chế tạo văn minh. Bởi vậy họ muốn đòi giải phóng phụ nữ bằng cách đưa phụ nữ vào làm các việc lao động sản xuất cùng với đàn ông.

Chúng ta thấy rằng như vậy, người phụ nữ càng thêm khó nhọc. Họ vừa phải vất vả ngoài xã hội như đàn ông, đến khi về nhà lại không tránh được những công việc săn sóc con cái và sửa sang nhà cửa, bếp nước, thành ra chung quy ; muốn giải phóng phụ nữ mà hóa ra đặt gánh nặng lên vai họ. Mà như vậy nhiều khi vẫn chưa có sự bình đẳng trong tinh thần.

Sau cùng ta thấy rằng, trong nhiều xã hội quyền công dân của phụ nữ đã hoàn toàn được chấp nhận : chúng tôi có thể làm mọi chức vụ xã hội ; Tổng-Thống, Bộ-Trưởng hay Giáo-sư v..v... Nhưng sự bình đẳng thực trong tinh thần hầu như vẫn chưa có.

Vậy sự đòi hỏi quyền lợi trước pháp luật là điều hay, nhưng không phải là điều thiết yếu trong vấn đề bảo vệ phụ nữ. Đôi khi còn có hại cho họ, vì đã phải nắm những trách nhiệm và nghề nghiệp trái với thiên chức và sứ mạng của họ, chẳng hạn việc gia nhập quân đội chiến đấu như đàn ông v..v...

Cho nên thiết tưởng vấn đề can hệ là tìm hiểu tâm lý và khuynh hướng của phụ nữ để biết rõ đâu là địa vị; là thiên chức ; là sứ-mệnh thực thụ hợp với phụ-nữ-tính của chúng tôi.

Ngoài ra, những quyền lợi và trọng trách trong xã hội chỉ là lệ thuộc vào sự phân phối của tùy hoàn cảnh biến đổi trong xã hội. Điều thiết yếu là hòa hợp được đời sống trong gia đình và tránh được sự bất bình đẳng trong tinh thần của hai bên nam nữ.

Vậy sự giải phóng và tiến bộ không thể căn cứ nguyên nơi pháp luật, nhưng là căn cứ vào một nền giáo dục thích nghi và hợp lý, hợp bản tính chị em phụ nữ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Bây giờ tôi xin nhường lời cho Mai-Ngọc-Liệu để bàn đến những đặc điểm sinh lý và tâm lý liên quan đến phụ nữ tính bất di bất dịch của người đàn bà. Và do đó tìm đến địa vị cùng thiên chức sứ mạng của họ.

BÀ MAI-NGỌC-LIỆU : *PHỤ-NỮ-TÍNH.*

Những quan-niệm sai lầm :

1) *Đàn bà thấp kém và thua kém đàn ông* : Trước hết là về bản chất (sinh lý và tâm lý) ; thua kém về mặtxã-hội chỉ là kết quả của thấp kém bản chất.

2) *Đàn bà bình đẳng và bình quyền với đàn ông* : Hai bên đều có khả năng tinh thần và thể xác như nhau ; chênh lệch xã hội là do đàn ông tạo ra.

Những hậu quả của hai quan niệm này đều ở hai thái cực và vô cùng tai hại : xã hội cũ đã hạ giá, khinh miệt, đàn áp hoặc nô lệ hóa đàn bà ; những phong trào nữ quyền cận đại và hiện đại đã biến-tính phụ nữ và tạo ra một chế độ nô lệ mới cho phụ nữ hơn là giải phóng họ.

Cần trở lại một quan-niệm chân-chính :

Quan niệm ấy là : *Bản chất đàn bà khác biệt với đàn ông nhưng hai bên có giá trị ngang nhau* tức là bình đẳng chứ không thấp kém. Khác biệt là để *hỗ trợ* lẫn nhau và *hợp tác* với nhau chứ không thể xung đột và đàn áp lẫn nhau.

Bản-chất đàn-bà :

Bản chất phụ nữ (nature féminine) hay phụ nữ tính (féminité) là gì ? Câu hỏi này khó trả lời vì :

— *Khoa học và triết học cho tới nay vẫn chưa đi sâu vào vấn đề*, chưa biết tường tận ngoài *mấy điểm căn bản và chính yếu* của bản chất phụ nữ. Bởi thế người đàn bà còn là một « *điều chưa biết* », một « *huyền bí* » tuy không là « kẻ xa lạ » của chúng ta.

— *Điểm căn bản và chính yếu của bản chất phụ nữ* : Đàn bà khác đàn ông về *cơ năng* (fonction), *thiên chức* (vocation) và *sứ mạng* (mission). Do đấy Tạo Hóa đã cấu tạo thể chất và tâm hồn phụ nữ với

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

những cơ quan, đặc tính và khả năng khác biệt với đàn ông, để cho đàn bà thực hiện chức vụ mình.

Cơ năng : *tạo sinh hài nhi* (enfentement) ;

Thiên chức : *làm mẹ* (maternité) ;

Sứ mạng : *tình yêu* (amour).

Phân-tích đại-cương :

1) *Thể chất :* Chi phối bởi *cơ quan sinh dục và dưỡng nhi.*

— *Thân hình mềm mại và uyển chuyển* (những đường cong của thân đàn bà đối lập với những đường thẳng và những góc cạnh của thân đàn ông ; nguyên nhân do lớp mỡ mỏng dưới da, các bắp thịt nhỏ mềm và gân dẻo).

— Có *sắc đẹp* và *duyên dáng.*

— *Sức mạnh bắp thịt kém* đàn ông nhưng *sức mạnh thần kinh trội hơn* (vì thế việc nặng không hợp với đàn bà ; đàn bà chịu đựng nhọc mệt và có sức kháng bệnh hơn đàn ông) điểm này cần thiết cho sự thai nghén và sinh đẻ.

— Ngoài ra, *tuổi dậy thì phát lộ sớm* hơn nam giới một năm với những đặc tính ngoại diện : tóc dài (nếu không cắt), không râu, ngực và chân tay không có lông đen dài, lông mày vẫn thưa thớt, vú hông và mông phát triển, cao độ tiếng nói chỉ hạ xuống một cung (ton) trong khi tiếng đàn ông hạ hẳn xuống một bát độ (octave), kinh nguyệt xuất hiện.

2) *Tâm hồn* : Trước hết cần nhớ rằng tuy tâm hồn và thể chất liên quan mật thiết với nhau, ảnh hưởng và chi phối lẫn nhau — nhưng tâm hồn cũng như những yếu tố tâm lý không phải do thể chất tạo ra.

— *Bản năng làm mẹ và yêu thương* xuất hiện từ ấu thời.

— *Tình cảm và xúc cảm* chiếm ưu thế : nhạy cảm, đa cảm và tế nhị.

— *Trực giác* phát triển hơn lý trí : nhận định nhanh, trực tiếp và toàn bộ không cần lý luận (do đấy, lý luận kém, ít sáng kiến, hay câu nệ.)

— *Những đặc tính chi tiết :* thích trang điểm ; chú ý đến chi tiết hơn tổng quát ; dịu dàng, mềm dẻo, cần mẫn, chăm chú, kiên nhẫn, bền bỉ và chịu đựng hơn đàn ông.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

— *Sự phát triển tâm lý* có nhịp điệu và cách thế khác biệt với nam giới ; tuổi dậy thì sớm hơn một năm và già dặn (maturité) trước đàn ông hai năm (thiếu nữ 16 tuổi già dặn bằng con trai 18 tuổi).

Một phân-biệt thiết-yếu.

Cần tránh sự lầm lẫn « *yếu tính* » với những « *tính phụ thuộc* » và nhất là với những « *tính giả tạo* ».

Yếu tính là những đặc tính chủ yếu chung của mọi phụ nữ và do thiên bẩm. Tính phụ thuộc cũng do thiên bẩm nhưng thay đổi (đôi khi khiếm khuyết) mỗi người một khác. Tính giả tạo do giáo dục và cuộc sống xã hội tạo nên. Trong vấn đề phụ nữ tính, sự phân biệt này rất quan trọng vì phần giả tạo hầu như một cái vỏ dầy đặc gắn bó quá chặt chẽ vào bản tính đàn bà, và tạo nên bởi tình trạng lầm lạc và bất công đối với nữ giới trong nền văn minh đàn ông qua mấy ngàn năm lịch sử.

Một hạng đàn-bà dị biệt.

Có một số phụ nữ bẩm sinh với một phần nam nhi tính trong những đặc tính phụ thuộc, và phụ nữ tính của họ khiếm khuyết nhiều hay ít. Tuy không là hạng người quái dị nhưng họ cũng là một hạng «*ái nam ái nữ* » nếu ta hiểu danh từ này theo nghĩa rộng tức là những người có « *tướng và tính đàn ông* ».

Ngoài một số rất hiếm những *đàn bà có râu*, còn một đa số có thân hình và dáng điệu nam nhi, ít cảm tính và tình cảm, lý trí và ý chí phát triển, thiên về đấu tranh, ham lý luận và có những sở thích của nam giới.

Phong trào nữ quyền thường do hạng người này dẫn đầu và *khuynh hướng nam nhi hóa* cũng thường xuất phát từ họ ra.

●

Nhận định rõ rệt phụ-nữ-tính cũng như quan niệm chính xác về giá trị phụ nữ và sự bình đẳng giữa nam nữ là để hướng chiều sự phát triển toàn diện con người phụ nữ và hướng chiều phong trào giải phóng phụ nữ một cách đích đáng và xứng hợp, tránh những lầm lạc và quá trớn dẫn tới sự biến-tính hạ-giá và nô-lệ-hóa đàn bà dưới một hình thức mới.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

CÔ PHAN-NGỌC-QUỚI : *ĐỊA-VỊ VÀ THIÊN-CHỨC CỦA PHỤ-NỮ TRONG GIA-ĐÌNH VÀ XÃ-HỘI.*

Ở xã hội Âu Tây ngày nay, người phụ nữ kể ra cũng đã được bình đẳng, bình quyền và được quý chuộng yêu mến như người đàn ông. Trong gia đình, ngoài xã hội họ đã có một địa vị khả quan, hòa hợp và góp sức với người đàn ông trong công việc gây dựng gia đình cũng như xã hội. Nhưng cái thiên chức làm mẹ làm vợ của họ cũng không bao giờ thay thế được.

Ở Việt-Nam xưa kia, người phụ nữ có một địa vị lệ thuộc vào quan niệm nối giõi tông đường. Vai trò của họ là sinh con trai thừa kế lo việc hương lửa. Họ không cần tham gia công tác xã hội. Trong việc hôn nhân, họ phải lệ thuộc vào quyền bính cha mẹ : đặt đâu ngồi đấy. Ngày nay, dần dần họ đã được quyền lựa chọn người bạn trăm năm. Hôn nhân cũng bớt tính cách khắt khe của bổn phận để đưa đến hạnh phúc riêng tư của hai vợ chồng. Người phụ nữ cũng bắt đầu tham gia các công việc ngoài xã hội. Nhưng thiết tưởng dẫu sao, thiên chức làm mẹ của họ cũng rất quan trọng không thể nào thay thế được. Vậy lý tưởng là làm sao hòa hợp được vai trò của người phụ nữ trong gia đình với công tác của họ ở ngoài xã hội. Thiết tưởng, trước hết người phụ nữ nên làm trọn thiên chức làm vợ làm mẹ của mình để săn sóc chồng và giáo dục con cái. Ngoài ra, nếu gì cần thiết phải tham gia những công việc xã hội thì cũng chỉ nên tham gia vừa phải, không nên quá thiên về nhiệm vụ đó mà sao lãng việc săn sóc chồng con trong gia đình. Vả lại, ngay khi tham gia các công việc xã hội, người phụ nữ cũng nên lựa chọn những công tác thích hợp với tâm hồn phụ nữ, nghĩa là những công tác cần thiết đến sự săn sóc, dịu dàng, đến tình yêu thương âu yếm, và hy sinh, nhẫn nại : chẳng hạn các việc liên quan đến y tế, giáo dục, xã hội, từ thiện...

Nói tóm lại, thiên chức và địa vị của người phụ nữ lý tưởng là hướng về các nhiệm vụ săn sóc giáo dục con cái trong gia đình, ngoài ra là những công tác xã hội thích hợp với tâm tình nhiều yêu thương, nhẫn nại và hy sinh của họ.

BÁC SĨ NGUYỄN-VĂN-ÁI :

Người phụ nữ yếu đuối về sinh lý nên thường bị bắt nạt, mặc dầu được pháp luật che chở. Nhưng thực ra vai trò người phụ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

nữ rất là cần thiết, không những về vai trò làm mẹ theo phương diện thể xác, nhưng nhất là về phương diện tinh thần : chính vì thế mà ngay cả đến các nữ tu sĩ cũng có thể đóng vai trò làm mẹ tinh thần đối với xã hội. Như thế nghĩa là người phụ nữ có một thiên chức cần thiết và căn bản làm mẹ tinh thần : là giáo dục, săn sóc để tác tạo nên những người con tinh thần. Cho nên gia đình lý tưởng nhất có lẽ là gia đình trong đó người đàn ông làm còn người đàn bà ở nhà săn sóc con cái. Nếu vì kinh tế, người đàn bà phải đi làm việc ngoài xã hội, thì cũng phải để thì giờ góp nhiều phần vào công việc săn sóc con cái và gia đình. Một gia đình thực tế, thường hai vợ chồng cùng đi làm và cùng cộng tác với nhau trong gia đình để giáo dục con cái. Nhưng vấn đề khó khăn là điều hòa hai nhiệm vụ đối với xã hội và gia đình như vậy. Có lẽ cần phải có sự trưởng thành của cả người đàn ông lẫn đàn bà. Kinh nghiệm bản thân : hai vợ chồng tôi cùng làm nghề y sĩ, nghĩa là một nghề rất chuyên môn và rất mất nhiều giờ ngoài xã hội. Có khi hai vợ chồng không thể cùng ăn với nhau trong một giờ. Vả lại xét về quan niệm y khoa, ít khi đồng quan điểm nhau, nhưng tình yêu thương trong gia đình và việc săn sóc con cái không vì thế mà suy giảm. (*Cử tọa vỗ tay cười xôn xao*).

BÀ NGUYỄN-VĂN-ĐÃI : *MỘT QUAN-NIỆM VỀ GIÁO-DỤC PHỤ-NỮ*

Sau khi đã nghe ông Nguyễn-Nam-Châu, bà Tăng-thị Thành-Trai, bà Mai-Ngọc-Liệu và chị Phạm-Ngọc-Quới trình bày về những quan niệm giải phóng phụ nữ qua lịch sử, quan niệm bình đẳng, bình quyền cũng như về tâm lý, sinh lý, cơ năng, thiên chức và sứ mạng đích thực của người phụ nữ, chúng ta thử tạm phác họa ra một quan niệm giáo dục thích ứng và phù hợp với khát vọng của người phụ nữ trong thời đại bây giờ và tương lai.

Sở dĩ từ trước tới nay, người ta chưa tìm được một quan niệm giáo dục đứng đắn và thích nghi cho chị em phụ nữ, là bởi vì như ông Nguyễn-Nam-Châu đã nói : người ta thường đi đến những quan niệm quá khích về địa vị người phụ nữ trong xã hội. Hoặc người phụ nữ chỉ được coi như một hạng thấp kém hẳn đàn ông, nên phải lệ thuộc vào phái mạnh ; hoặc trái lại, người ta muốn cho người phụ nữ hoàn toàn trở nên giống như đàn ông, nghĩa là đòi hỏi những quyền lợi và đón nhận các chức vụ y hệt như đàn ông.

Quan niệm sai lầm này phát sinh từ những sự sai lầm về quan

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

niệm bình quyền và bình đẳng. Vì như bà Tăng-thị Thành Trai vừa nói: sự bình quyền chỉ là xét theo phương diện quyền lợi trước pháp luật, còn bình đẳng lại thuộc phạm vi tinh thần. Người phụ nữ có thể hưởng mọi quyền lợi xã hội ngang với đàn ông, nhưng thực tế, trong tinh thần họ vẫn bị khinh rẻ áp chế. Trái lại trong nhiều nước, dù người phụ nữ ít tham gia các hoạt động xã hội, nhưng lại rất được chiều chuộng, kính trọng.

Vả lại, xét theo phương diện sinh lý và tâm lý liên hệ đến thiên chức và sứ mạng làm vợ, làm mẹ, thì dù giáo dục làm sao đi nữa, người phụ nữ cũng không thể nào từ bỏ được những đặc tính bản chất thiên nhiên của tâm hồn mình.

Xét như vậy, một nền giáo dục phụ nữ chân chính và hiệu nghiệm thường phải chú trọng đến mấy điểm thiết yếu sau này :

Trước hết đào tạo những phẩm tính thích hợp với *thiên chức làm Vợ và làm Mẹ* của người phụ nữ. Sau nữa lại phải rèn luyện các đặc tính thuộc tình cảm, trí tuệ và thân xác làm sao cho người phụ nữ có được *tư-cách bình-đẳng về tinh-thần* đối với đàn ông. Hai đặc điểm này đưa đến một hình ảnh lý tưởng về người phụ nữ: một người bạn *khác biệt để hòa hợp* với đàn ông *để bổ-túc và cộng-tác* với người chồng, đồng thời vẫn có một sự *bình-đẳng* về tinh thần đối với nam giới.

Thực vậy, thiên chức làm Vợ và làm Mẹ đòi hỏi phải có sự khác biệt và hòa hợp giữa hai phái Nam Nữ. Không những sự khác biệt và hòa hợp về thể xác, nhưng còn khác biệt và hòa hợp về tình cảm và tinh thần nữa.

Vai trò làm Vợ đòi hỏi người phụ nữ phải có sự dịu dàng, tình yêu thương để đem lại cho người chồng sự yên ủi, âu yếm và êm đềm sau những giây phút hoạt động tranh đấu với xã hội. Thiên chức làm Mẹ lại càng cần đến sự dịu dàng trìu mến để săn sóc, bảo vệ và âu yếm đối với các con cái. Vậy nên, dù người phụ nữ có tham gia chức vụ nào trong xã hội, nàng cũng không thể nào bỏ được cái sứ mạng cao cả là đem tình yêu thương, sự dịu dàng âu yếm đến cho những người thân yêu trong gia đình của mình. Và nền giáo dục chân chính là làm nẩy nở, phát huy tình yêu thương, sự dịu dàng trong tâm hồn người phụ nữ, nhất là trong thời đại máy móc của chúng ta đây là thời đại phải cần đến nhiều tình thương yêu âu yếm hơn bao giờ hết.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nhưng sự khác biệt không có nghĩa là thua kém, hay bất bình đẳng mà chỉ có ý nghĩa hòa hợp, bổ túc và cộng tác, trong tinh thần kính trọng và bình đẳng. Sự khác biệt đòi hỏi một sự phân công cho thích hợp với tinh thần hiểu biết, nâng đỡ lẫn nhau, chứ không hề có ý nghĩa tranh chấp hay áp chế. Muốn có được sự bình đẳng tinh thần như vậy không phải chỉ việc đòi hỏi các quyền lợi hay chức vụ xã hội ngang nhau. Vì sự bình quyền trong nhiều xã hội hiện đại vẫn chưa đem lại sự bình đẳng thực trong tinh thần. Người đàn bà có thể làm những chức vụ hệt như đàn ông, nhưng trong tâm hồn nàng vẫn bị người đàn ông coi là phái yếu, là thua kém chàng. Nguyên do tại đâu ? Là bởi vì trong phương diện tinh thần và tình cảm hình như đa số chị em phụ nữ chưa có được những tư cách xứng đáng như các bạn phái Nam. Khi đàn ông tỏ vẻ khinh thị người đàn bà thường họ đem ra những lý lẽ như : đàn bà không biết lý luận là gì, không tự chủ nổi tình cảm, đàn bà nhút nhát và luôn luôn phải dựa dẫm nương tựa vào đàn ông, đàn bà hay sa ngã và yếu đuối về vấn đề tình cảm v.v. Vậy muốn đánh đổ quan niệm khinh thị đó, thiết tưởng phải đánh đổ những ấn tượng xấu trên đây về người đàn bà, nghĩa là phải giáo dục cho người phụ nữ biết *suy luận sáng suốt*, và nhất là biết *tự chủ* trong *tình cảm của mình.*

Người phụ nữ lý tưởng là người *dịu dàng thùy mị*, biết *suy nghĩ sáng suốt*, và luôn luôn biết *tự chủ tình cảm* của mình. Nền giáo dục chân chính là đào tạo nên người phụ nữ lý tưởng ấy.

Trước hết, gia đình giữ một vai trò quan trọng trong việc giáo dục tâm hồn phụ nữ : gia đình có nhiệm vụ phải hun đúc, nuôi dưỡng tình yêu thương, sự hy sinh, sự dịu dàng, sự âu yếm và tính thùy mị của người thiếu nữ. Thực tế đã cho ta thấy rằng không một hoàn cảnh nào khác ngoài gia đình có thể thay thế nhiệm vụ đó được. Xã hội, học đường, các lưu xá có thể dạy thêm kinh nghiệm và những hiểu biết về phương diện trí thức nhưng không bao giờ có thể hun đúc nên tình yêu thương dịu dàng trong tâm hồn con người. Những trẻ mồ côi, những học sinh chịu đào tạo quá lâu trong trong các lưu xá, những kẻ phải xa gia đình quá nhiều trong thời thơ ấu và niên thiếu đều hiếm được một tâm hồn quân bình, dịu dàng và giầu tình thương yêu.

Còn học đường là nơi giúp cho phụ nữ phát triển những cơ năng của trí tuệ và khiến cho họ rộng tầm hiểu biết và luyện tập dần dần sự suy luận cho có hệ thống sáng suốt hơn. Nhưng cũng tùy thuộc ở tinh thần của mỗi học đường và mỗi giáo sư có nhiệm vụ giáo dục họ. Ngày nay, có những học đường chỉ lo dạy kiến thức cho học sinh hơn là giúp

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

họ đào luyện tinh thần. Tương lai của phụ nữ vì thế còn tùy thuộc nơi sự tổ chức và quan niệm giáo dục nơi học đường.

Sau hết sự *tự chủ trong tình cảm* phải được rèn luyện trong mọi hoàn cảnh : gia đình, học đường cũng như xã hội chung quanh. Tất cả phải làm sao giúp cho người phụ nữ biết sáng suốt nhận định, đừng để tình cảm chi phối và lôi cuốn. Muốn như vậy ; một nền giáo dục quá khắt khe cũng đem đến những hậu quả tai hại y hệt một nền giáo dục quá thả lỏng. Vấn đề là giúp người thiếu nữ lúc đang ở tuổi bồng bột biết suy luận chính chắn trước mọi hoàn cảnh và quyến rũ ở đời. Sự hướng dẫn có kết quả ngần nào là tùy ở sự khéo léo của các bậc phụ huynh trong gia đình cũng như ở học đường : một sự hướng dẫn vừa sáng suốt vừa đầy chân thành yêu thương.

Ở đây tôi không dám đi vào chi tiết của những phương pháp giáo dục, mà chỉ phác họa đơn sơ hình ảnh người phụ nữ lý tưởng cùng những nét chính của một nền giáo dục thích nghi đối với người phụ nữ như vậy.

Gia đình, học đường, bầu khí xã hội (báo chí, văn chương, màn ảnh v.v...) tất cả đều phải góp phần vào công việc đào tạo người phụ nữ lý tưởng ấy : người phụ nữ dịu dàng thùy mị, giầu tình yêu mến hy sinh để thi hành thiên chức làm Vợ và làm Mẹ, người phụ nữ biết sáng suốt suy luận để cộng tác với đàn ông trong các nhiệm vụ ở đời ; sau hết người phụ nữ biết tự chủ ở tình cảm của mình, để khỏi bị yếu đuối, quyến rũ và sa ngã trước những mánh lới, dã man và bạo động của phái từ xưa kia vẫn được coi là phái mạnh để đánh tan được quan niệm khinh khi chênh lệch và tạo nên một sự bình đẳng thực sự tinh thần của hai người Bạn Đường, trong công cuộc hòa hợp, bù trừ, chia sẻ, cộng tác lẫn nhau cũng như trong chức vụ săn sóc và giáo dục con cái của hai người.

Một nền giáo dục theo phương pháp nào đi nữa, nếu chú trọng đến hình ảnh người phụ nữ lý tưởng trên kia và nếu cố gắng để phát huy những đòi hỏi chính đáng hợp với thiên chức làm Vợ, làm Bạn Đường và làm Mẹ của chị em phụ nữ chúng tôi, thì thiết tưởng nền giáo dục đó là một nền giáo dục gần lý tưởng nhất và sẽ có hiệu quả tốt đẹp trong công cuộc giải phóng chị em phụ nữ ngày nay vậy.

ÔNG NGUYỄN-VĂN-TRUNG : *NHẬN-ĐỊNH TỔNG-QUÁT VẤN-ĐỀ HỘI-THẢO.*

Sau khi đã nghe các bài trình thuyết và cùng nhau thảo luận về

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

những thắc mắc đã nêu lên, chúng ta có thể thâu lượm được mấy điểm chính yếu sau đây :

Trước hết, là tìm ra được một cách đặt vấn đề cho thích đáng. Chúng ta đều thấy rõ rằng vấn đề giải phóng phụ nữ không phải như xưa nay người ta thường đặt ra, là đòi cho phụ nữ được quyền này quyền nọ ngang với đàn ông, hoặc đào tạo nên những mẫu phụ nữ giống như đàn ông. Chứng cớ là như bà Tăng-thị Thành-Trai vừa nói : Có những xã hội đã cho người phụ nữ hưởng mọi quyền lợi ngang hàng với đàn ông, nhưng thực tế lại khiến cho người đàn bà phải đau khổ, cực nhọc và thiệt thòi hơn bao giờ hết — chẳng hạn xã hội Cộng sản hay Phát-xít — vì những xã hội đó đã không tôn trọng những đòi hỏi thâm sâu của phụ nữ tính. Trái lại, có những xã hội như Thụy-Sĩ — tuy chưa dành hết quyền công dân trong tay người đàn bà, nhưng đời sống phụ nữ lại rất được kính trọng, chiều chuộng và dễ chịu hơn cả.

Vậy vấn đề không phải *chỉ là* đòi bình quyền, nhưng là đặt đúng địa vị, đúng thân phận hợp với yếu tính người phụ nữ, tạo nên những phụ nữ sống đời sống gia đình cũng như xã hội am hợp với khát vọng sâu xa của họ.

Thứ hai, khi tìm yếu tính người đàn bà qua những điểm sinh lý và tâm lý phụ nữ, như bà Mai-Ngọc-Liệu đã làm, chúng ta thấy rằng người đàn bà có những biểu lộ, đặc điểm khác hẳn đàn ông. Sự khác biệt đó là cần thiết vì để bổ túc và hòa hiệp với đàn ông trong một tương quan *bình-đẳng*. Vậy khác biệt mà không kém cỏi.

Theo nhận xét này, việc tranh đấu cho quyền lợi phụ nữ không phải chỉ là một sự tranh chấp xung đột, nhưng là đi tìm một quan niệm phù hợp về sự làm việc của phụ nữ, là làm sao cho phụ nữ có thể tham gia cộng tác với người đàn ông trong bất kỳ hoàn cảnh và địa hạt nào, mà vẫn phù hợp và không làm mất yếu tính phụ nữ của họ.

Nói như vậy tức là công nhận rằng có những công việc riêng thích hợp với tùy hạng đàn ông hoặc đàn bà. Và những công việc đó tuy khác nhau, nhưng đều có giá trị ngang nhau.

Ngày xưa người ta thường chia công việc ra thành nhiều hạng và sắp đặt giá trị hơn kém nhau. Thành thử người ta hay có thói khinh rẻ những hạng người làm công việc này hoặc tôn trọng những thứ người làm công việc kia. Do đó người ta thường coi đàn ông là giá trị hơn

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

đàn bà, vì đàn ông hay gánh vác những công việc có tính cách chinh phục, tác tạo nền văn minh kinh tế.

Ngày nay, xét lại ta thấy công việc nào cũng đều có giá trị cả, có khác nhau là chỉ khác ở tính chất công việc mà thôi. Theo thiển ý của tôi, mọi công việc đều có thể phân biệt làm hai hạng, có giá trị ngang nhau : một thứ là cần lao sản xuất (travail producteur) phải cần đến sức lực thân xác và sự bạo động hung hăng. Thứ cần lao này có tính cách tác tạo và sản xuất sáng tạo ra các nhu cầu vật chất để ta xử dụng. Đó là thứ cần lao thích hợp cho nam giới. Nó rất cần thiết trong công cuộc tranh đấu sinh tồn, nhưng nhiều khi cũng gây ra sự tranh chấp cừu địch.

Một thứ cần lao khác gọi là cần lao giáo hóa (travail civilisateur) có tính cách mềm dẻo, an nghỉ, thanh bình, khiến cho tâm hồn con người được thảnh thơi, sung sướng : sự cần lao biểu lộ trong cử chỉ và lời nói, tình yêu thương của người Mẹ săn sóc người con, người Vợ đối với người chồng. Thứ cần lao đem lại an ủi và thoa dịu những vết thương ở đời.

Nếu cuộc đời lúc nào cũng cần đến hai thứ cần lao đó để bổ túc lẫn nhau, thì sự có mặt của hai giới nam nữ khác biệt nhau cũng vô cùng cần thiết để mỗi người lãnh lấy cái thiên chức riêng biệt của mình. Người đàn ông sau khi lao tác, sản xuất, đấu tranh và sáng tạo những nhu cầu ở đời, thì tất phải cần đến và đòi hỏi một sự an ủi săn sóc trong sự yêu thương trìu mến của người phụ nữ. Cuộc đời nhờ thế — nhờ hai thứ cần lao hòa nhau — sẽ không bao giờ sa vào sự cứng cỏi dã man, hoặc đi vào con đường yếu mềm tàn lụi.

Sau mấy nhận định căn bản trên này, ta có thể đi đến một quan niệm thích đáng về nền giáo dục phụ nữ : ta không nhằm đào tạo nên những thiếu nữ có những đặc điểm phù hợp với công việc này hay hoàn cảnh khác. Ta không đòi họ chỉ được phép giam mình trong ngưỡng cửa gia đình hay phải xông pha vào trường xã hội. Nhưng ta muốn có được những phụ nữ đích thực là phụ nữ, nghĩa là bất kỳ trong hoàn cảnh nào, trong công tác nào — gia đình hay xã hội — đều vẫn giữ được cái thiên chức đặc biệt của mình : đó là giữ vai trò giáo hóa nhân loại, là làm những người mẹ tinh thần của cuộc đời, đem lại cho xã hội sự thanh bình, an nghỉ, dịu dàng đầm ấm.

Vấn đề không phải chỉ là đặt định cho phụ nữ những công việc

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

bất di bất dịch trong gia đình xã hội, nhưng là đào tạo cho họ có một tâm hồn làm mẹ tinh thần, tâm hồn biết làm trọn sứ mệnh giáo hóa nhân loại, trong bất kỳ địa vị hay hoàn cảnh nào.

Thiết yếu là làm sao cho mọi người đàn ông cũng như đàn bà có được một tâm hồn trưởng thành, biết quan niệm đúng giá trị của sự cần lao và hiểu được rằng công việc nào xét theo tinh thần cũng đều đáng quý và có giá trị như nhau. Như vậy thì là đàn ông hay đàn bà, làm việc trong gia đình hay xã hội, đó chỉ là một sự phân công để chia sẻ, cộng tác với nhau trên đường đời. Người đàn ông không tự tôn, người đàn bà không tự ti. Tương giao giữa đôi bạn trong gia đình, nhờ ý thức trưởng thành ấy mà sẽ có sự chân thành, tôn kính và tín nhiệm lẫn nhau : do đó có sự khoan dung, tha thứ và tình yêu mến lẫn nhau ngày càng mật thiết hơn. Việc giáo dục con cái sẽ hòa hiệp và hiệu nghiệm hơn.

Muốn tiến tới một nền giáo dục có thể giúp người thanh niên thiếu nữ đạt tới trình độ trưởng thành trong tâm hồn, thiết tưởng cần phải tạo ra một bầu không khí thuận tiện trong gia đình cũng như ngoài xã hội, nơi học đường. Phải làm sao có bầu khí tự nhiên khiến sự tương giao giữa nam và nữ bớt vẻ giả tạo, ngượng ngùng, làm sao có sự chân thành, cởi mở, có sự tôn trọng và tín nhiệm lẫn nhau. Người thiếu nữ có được sự hiên ngang, tự chủ và hồn nhiên. Người thanh niên tránh được sự tự tôn hay tâm địa lợi dụng, giả dối.

Chỉ có một bầu khí như vậy mới tạo nên một sự bình đẳng trong tinh thần giữa hai giới nam nữ, và đồng thời vẫn nuôi được sự khác biệt hòa hiệp của đôi bên, người đàn ông và người đàn bà, trên con đường trăm năm ở đời.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Khung cảnh và đạo-đức

CUNG-GIŨ-NGUYÊN

XÃ hội Việt Nam trong vòng mấy mươi năm sau đây đã trải qua nhiều biến cố. Có biến cố tốt đẹp, lợi ích cho thanh thế, quyền lợi của dân tộc, đem lại cho mỗi công dân sự vui sống, nhưng cũng có biến cố tai hại mà hậu quả đáng buồn đã được trông thấy, và đối với mai sau chắc hẳn vô cùng nguy khốn. Trong số biến cố này có sự xụp đổ thảm thương về đạo đức của một số khá quan trọng thanh niên, dễ nhận hơn hết là trong đám thanh niên học sinh. Tưởng không cần nhắc lại đây trong chi tiết những bằng chứng của sự xụp đổ ấy. Ai cũng đã nghe, chứng kiến, hay biết nhờ báo chí, bao nhiêu hành động phi luân của thanh niên, tại học đường và ngoài học đường. Nhiều gia đình đã than phiền một cách thường xuyên về hạnh kiểm của con em, dư luận không ngớt đặt vấn đề đức dục, nhà chức trách lo ngại cho tình trạng chung của thanh thiếu niên. Rất nhiều lời than oán và trách cứ nhắm vào cái bia duy nhất là học đường.

Tại sao học đường phải mang tiếng trước nhất ? Vì những lý do chính đáng và cũng vì nhiều thành kiến. Mặc dù nhiều điều kiện sinh hoạt của học đường, mặc dù địa vị xã hội của thầy giáo đã đổi thay, người ta vẫn đinh ninh rằng học đường là nơi thay thế cho gia đình bảo vệ đạo đức, học đường là khung cảnh « đào luyện », có ảnh hưởng to tát đối với tánh tình những thanh niên thụ giáo. Người ta lại tặng một cách rẻ tiền vì không cho điều kiện — dù chỉ là tinh thần — người ta tặng cho thầy giáo một thiên chức với những tài năng lý-tưởng. Không những là « mô phạm », là « gương mẫu đạo đức », thầy giáo còn có bổn phận dạy trẻ thi cho đậu, và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tánh nết của trẻ tại học đường, và luôn cả trong gia đình, ngoài đường phố. Người ta cứ dùng hình ảnh cổ điển của bậc thầy đời trước để phê phán những người có trách nhiệm về giáo huấn trong hiện tại. Và cũng như thời xưa, mỗi khi thanh niên nào có hành động xấu xa, người ta ít khi hỏi : con cái nhà ai ? Người làng xóm nào ? Mà chỉ hỏi một cách sâu độc : Thầy nào dạy nó ? Nó học trường nào ?

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Phản ứng tự nhiên ấy thuộc mớ phản ứng tiềm tàng chúng ta thụ hưởng nơi khung cảnh văn hóa và lễ giáo thời trước. Phản ứng không có gì là dở, nó chỉ không đúng với hiện tình của học đường, của mối tương quan giữa thầy trò, giữa « sư đệ ».

Những người hiện nay, vì tình cờ hay vì chí hướng, thuộc giáo giới không ngạc nhiên về thứ phản ứng của dư luận. Chính họ đành chịu trước hơn ai cảnh « lương-tâm bất an », sự xung đột và khó giải quyết giữa nghĩa-vụ lý-tưởng và những điều-kiện xã-hội. Không phải là họ thiếu cố gắng. Họ đã tìm những phương pháp bổ-khuyết, đem thi hành mọi biện pháp, nhưng tháng này qua tháng khác, niên khóa này tiếp đến niên khóa khác, tình trạng chung của thanh niên học sinh không cải thiện mà có phần nguy ngập hơn nữa. Những cán bộ giáo dục không có quyền bỏ cuộc, không có quyền chán nản, dù cho phải làm mãi công việc của Sisyphe lăn những tảng đá lên dốc cao để chiều thấy tuột xuống và ngày mai vẫn phải làm lại. Sự nhẫn nại và cố gắng của số người còn có lương tâm nghề nghiệp, có kéo dài cũng không ích lợi gì cho đại cuộc, mà đại cuộc mới quan hệ. Đại cuộc là sửa soạn cho thế hệ mai sau trở nên người hữu ích, được sung sướng hơn, được tự do hơn, đám người hiện thời ; đại cuộc là xây dựng một thế hệ đủ khả năng để làm tươi đẹp đời cá nhân mình, điều khiển và góp sức trong đời sống đoàn thể ; đại cuộc là đặt ngay từ bây giờ những nền móng vững chắc về tinh thần, kỹ thuật và đạo lý, để ngăn cản sự thoái hóa, chống lại áp bức của đè hèn và dã man ; đại cuộc là làm thế nào cho dân tộc ở mảnh đất này, trong thời đại hiện sống, góp phần hiệu lực để duy trì và tô điểm văn minh nhân loại.

Thế mà nhìn vào thực trạng, nhìn vào phần tử mà khách sáo thường tặng cho là tinh hoa đất nước, tương lai nòi giống, người ta phải kinh khủng khi thấy tinh hoa ấy chỉ là cái vỏ danh từ, và viễn ảnh về tương lai của một nòi giống có lịch sử oai hùng không có gì là sáng lạn. Trong những bản thống kê chính thanh niên học sinh tự làm lấy (theo các phúc trình của Trại Hội-thảo Hè 1959 — Đề tài : Đạo-đức học-đường), chúng ta thấy được định lý số :

— hạng thanh niên có học nhưng vô hạnh : 93%
— và phần tử gọi là xấu, nghĩa là loại vứt đi, có thể đến : 45%

Thanh niên phê phán người đồng hội đồng thuyền của mình như thế. Bản thống kê có thể không xát thực tế, có vẻ quá khắt khe, nhưng sự nhận xét tổng quát đó cũng đáng lo ngại. Không căn cứ nơi những

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

con số trên, chúng ta hãy nhìn ngay trong các học đường số thanh niên không còn một lễ phép tối thiểu đối với thầy, với bạn ; hãy nhìn trong các phòng thi cử số người gian lận một cách táo bạo và mỗi khi bị bắt quả tang, số người không có trên mặt một nét xấu hổ ăn năn nào ; hãy xem các hồ sơ thi cử, học hành, bao nhiêu bằng chứng gian trá về giấy tờ, bằng cấp, chứng chỉ học trình; hãy hỏi các tư thục số học sinh hàng năm quỵt tiền học phí ; hãy nhìn số người phung phí tiền cha mẹ cho ăn học trong những trà đình tửu điếm và dùng mọi phương kế để chứng minh sự tiêu pha ; hãy xem « nết na » vay mượn ở đâu về của những người từ đầu đến chân không có một chút gì tỏ ra con nhà đứng đắn; hãy lắng nghe — nếu chịu được — những lời nói những câu chuyện, hay đọc mớ thư nặc danh tượng trưng cho sự hèn nhát và tánh tình bần thỉu; hãy nhìn những hình vẽ hay khắc trên các bàn ghế, bôi trên vách tường của nhà trường ; hãy xem những « nghệ-phẩm » truyền lại cho đời trên những tảng đá, thân cổ thụ hay thành trì các danh-lam thắng cảnh ; hãy ghi những cử chỉ, những thái độ trong các rạp chiếu bóng, trên đường phố. Bao nhiêu cảnh xấu xa có thể chỉ là một « ngoại lệ », nhưng số thanh niên còn trong trắng, được giáo dục gia đình kiềm chế, rồi cũng dần dần phục tùng, a dua theo để khỏi bị khinh rẻ vì không sống đúng theo thời thượng.

Đó là sự thay đổi lạ lùng nhất trong khoảng mười lăm năm tại một xã hội có tiếng là đầy lễ nghĩa, thanh phong, nghiêm huấn.

Ngạc nhiên đưa đến sự tìm hiểu. Vì đâu có sự biến chuyển nhanh chóng như thế ? Có nhiều nguyên do.

Cứ theo sách cổ điển về tâm lý thì thanh niên bước bỉnh thường thuộc tuổi khó khăn, tuổi dậy thì, tuổi của con người đang bị lôi cuốn giữa nhiều xu hướng trái ngược, giữa những cực đoan. Thanh niên tuổi ấy khi thì muốn lý tưởng tuyệt đối, khi thì chà đạp mọi lý tưởng. Có những tánh tốt được phát huy thời ấy như anh hùng tính, chí mạo hiểm, thái độ hiên ngang, ham thích làm lãnh tụ, nhưng nếu những tánh ấy không được hướng dẫn, sẽ được dùng vào những việc tầm thường hay ti tiện.

Với Freud, hay bắt chước Freud, người ta hay nhắc đến mặc cảm Oedipe của thanh niên, khiến trẻ gạt bỏ tất cả uy quyền, không chịu đựng được các cấp trên của mình, của cha mẹ hay những người có một vai tuồng tương tự. Thanh niên muốn được chung quanh xem như một nhân vị đầy đủ, muốn tỏ rõ hiện sinh của mình bằng cách đố kỵ hoàn

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

toàn và phi lý đối với khung cảnh, nhất là đối với người lớn tuổi, tiêu biểu trong trí thanh niên những chướng ngại ngăn cản sự sinh sống vật chất, tình cảm, tinh thần của thanh niên.

Có người quen dùng tiêu chuẩn chính trị để phê phán mọi việc, dù là việc không liên quan mật thiết với chính trị, đã đổ lỗi một cách dễ dàng cho nền giáo dục và học vấn thực dân, hay cho tình cảnh vô trật tự, vô lý tưởng của một số thanh niên hiện thời là sản phẩm của chế độ phong kiến ! Nếu đó là lý do chính xác, thì vấn đề không đáng quá lo ngại, vì trong địa hạt chính trị và trong thực tế, chúng ta đã thanh toán chủ quyền và thế lực của phong kiến và thực dân.

Nhận xét một cách rộng rãi hơn nữa, chúng ta sẽ nhớ lại rằng đám trẻ hiện nay tuổi từ 15 đến 21, 22, đã sống nhiều năm thơ ấu trong cảnh binh đao khói lửa. Cũng như hạng đồng lứa ở Âu Châu đã chịu gian khổ trong thời đại chiến, đám trẻ của ta đã phải chịu ảnh hưởng tai hại và sâu xa của các cuộc chính biến. Chiến tranh không chỉ làm vô số người chết hay tàn phế ; ngay đối với người sống sót, chiến tranh vẫn để lại những dấu vết thầm kín và bền bỉ trong tâm tính. Trong trường hợp xứ ta, chiến tranh không chỉ có hình thức dã man của thứ quân địch xâm lăng nhất định. Dân chúng ta đã liên tiếp, và trong khoảng thời gian rất ngắn, thấy người ngoại quốc này hay khác, mới là kẻ thù, tiếp đến là đồng minh, rồi lại kẻ thù, đồng bào vừa mới được tiếng ái quốc, tiếp đến là mang tiếng việt gian, rồi lại hóa thành nhà cách mạng chân chính. Mặt trận của ta không chỉ là những chiến lũy dọc theo biên thùy của xứ sở, mặt trận len lỏi khắp đất nước, con đường chia rẽ địch thủ xuyên qua thành phố, làng mạc, xuyên qua gia đình, xuyên qua cả tâm hồn cá nhân nữa. Đám trẻ há không ghi nhận với ngạc nhiên và chán nản bao nhiêu biến chuyển gây những cử chỉ và lời nói mâu thuẫn nơi người chung quanh trong một thời gian quá ngắn ?

Chiến tranh, dưới hình thức mà Cộng sản đã dùng từ những ngày đầu cuộc cách mạng, lại đem nhiều điều mới lạ. Các vụ đấu tố lan rộng. Trước mắt đám trẻ xảy ra những cảnh đánh đập, chửi bới chém giết với tất cả các lối độc ác chưa hề tưởng tượng, đối với hạng người bấy lâu nay — có lý hay không có lý — được xem như là đáng kinh. Có khi chính đám trẻ đã được dùng để đóng vai tuồng quan trọng trong những tấn tuồng kinh khủng ấy. Khi có những đứa con trở lại phê bình, tố cáo, đánh đập cha mẹ ; khi có trẻ được khuyến khích trong hành động phi luân ấy ; khi có học sinh được quyền và buộc phải dùng quyền, khiển trách, đả đảo, chém giết những thầy của mình ; khi đám trẻ được

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

phép chế nhạo, hành hạ, người già cả, bất chấp tuổi tác; khi những chùa miếu, thánh đường đã được phỉ báng và phá phách, thì thiết tưởng trong trí óc của đám trẻ, còn có ý tôn nghiêm nào, ý trật-tự nào, còn có ngôi vị thiêng liêng nào, có thể tồn tại trọn vẹn?

Sự lật đổ liên tiếp của các uy quyền — chính hay ngụy — từ hồi đảo chính Nhật, đã gây ra trong trí thanh niên kết luận rằng không một chính quyền, một chính thể nào sẽ bền vững, và xui khiến đứa trẻ sẵn khuynh hướng ương ngạnh, giữ một cách mạnh mẽ hơn nữa thái độ cường lương, vô trật tự, vô chính phủ. Lối hiểu lầm và dùng hấp tấp những danh từ chính trị : bình đẳng, tự do, dân chủ, vân..v..., khiến cho trẻ cũng dùng những danh từ ấy, theo hiểu biết nông cạn của mình để thỏa mãn những thú tính.

Chiến tranh và chính biến lại còn thay đổi tâm tính người, nhất là tâm tính trẻ, khi bắt buộc người phải rời khỏi gia đình, làng mạc, phải lánh xa xã hội quen thuộc. Cảnh sống tạm, nay đây mai đó đủ đổi tính tình. Người mất cội rễ, đến xứ lạ, cũng như người được che dấu biệt dạng biệt tính của mình trong một đồng phục, dễ có những hành động liều lĩnh hơn là khi còn sợ đám chung quanh biết tông tích mình, sợ tiếng cười chê của người quen biết hay thanh nghị của làng xóm.

Bao nhiêu nhận xét ấy khiến ta phải nhớ đến quan hệ của khung cảnh đối với giáo dục. Chúng ta thường quên rằng giáo-dục của trẻ không chỉ xây dựng nơi học đường mà thôi. Dù có muốn cho học đường hoàn toàn trách nhiệm về việc ấy cũng không được ; học đường không phải là một xã hội đóng kín, đứa trẻ vào trường, dù phải ở nhiều năm trong ký túc xá, cũng không tách hẳn khỏi những khung cảnh tự nhiên, gia đình, xã hội, và ảnh hưởng của khung cảnh ấy, dù trẻ có muốn hay không, cũng quan hệ gấp mấy ảnh hưởng của thầy giáo — nhất là thầy chỉ chuyên dạy những môn nhất định. Vì quên một sự thật quá hiển nhiên, nên lời chỉ trích thường chỉ nhắm nơi học đường, hay sự tin tưởng của phụ huynh mới gửi tất cả nơi học đường.

Vẫn biết học đường có thể đóng vai tuồng trọng yếu, nhưng trách nhiệm cũng như hiệu lực xét ra có hạn trong thời buổi này mà học đường không phải như xưa và thầy giáo cũng không được như trước.

Lối tổ chức cấp Trung học khiến mỗi lớp có nhiều thầy dạy, mỗi người lo mỗi môn, chẳng ai phụ trách về đức dục. Có thể nói khi còn học với một thầy suốt năm, học sinh tiểu học còn biết vâng lời kính

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

trọng thầy, nhưng lên đến cấp trên, sự kính trọng vâng lời đã được chia sẻ cho số thầy trong lớp, càng nhiều thầy, lễ nghĩa càng bớt đi nếu như không mất hẳn. Tưởng khi trách một thầy dạy Sử địa hay Toán sao không có ảnh hưởng đạo đức đối với con trẻ, chúng ta đã đòi hỏi quá nhiều ; điều đòi hỏi chính lý và tối đa là thầy ấy đừng làm gương xấu cho học sinh mà thôi. Vậy thầy luân lý ? Thầy luân lý dạy những bài luân lý, còn học sinh thực hành điều đã dạy, hay chính thầy có thực hành trong đời sống riêng của thầy không, lại là một việc khác nữa. (Thấy nhược điểm ấy, cơ quan hữu trách đã ghi trong chương trình mới giờ luân lý thực hành, cần phải chờ xem các trường thực hành thế nào?) Bởi vậy, trong lối tổ chức hiện giờ, không riêng gì cho xứ ta (trừ ra một vài trường ở Anh quốc dùng tối tutorship), học sinh chỉ biết những giáo sư mà không còn có « thầy » trong nghĩa cao quý và tốt đẹp thời trước nữa. Ảnh hưởng của giáo sư tận tâm có thể có nhiều về sự học vấn, về thái độ học tập, mà về đức dục thật là có hạn. Vả chăng, một bậc thầy giỏi, tốt, có ảnh hưởng đạo đức cũng không phải là một bảo đảm về tính tình của người theo học *(Xem phụ chú cuối bài)*.

Một phần dư luận cho rằng đạo đức học đường kém nhất ở các tư thục, nhất là các tư thục đô thị mà những người không ở trong thành phần giáo dục điều khiển và dùng mọi biện pháp cạnh tranh và quảng cáo thương mại, đặt nhẹ vấn đề đạo đức đến nỗi dung túng học sinh vô kỷ luật, bênh vực thứ học sinh ấy mà không kể đến giáo sư, (dễ thay thế), và làm tổn hại rất nhiều cho uy tín của giáo sư nói chung. Một phần dư luận khác lại chỉ trích một số giáo sư thiếu tư cách, thiếu khả năng tại các trường công cũng như tư. Lời than phiền ấy không phải vô căn cứ ; nhưng vấn đề không phải nan giải. Mở trường và làm giáo sư, ở nước ta, trong tổ chức hiện thời, không phải hoàn-toàn tự do. Nếu quả thật tình trạng đáng chê bai, thì không riêng gì những «chủ trường» và « cộng-tác viên » có lỗi. Quy chế hiện hành về học đường, các cơ quan thanh tra và kiểm soát sẵn có, có thể cải thiện tình trạng bi đát trên.

Mỉa mai là lời trách cứ học đường và thầy giáo do những phụ huynh thốt ra, mà chính trong gia đình các phụ huynh ấy, giáo dục của con em thực là cẩu thả. Họ quên rằng giáo dục học đường chỉ có hiệu quả khi nào được đi cùng một đường lối với giáo dục trong gia đình và ngoài xã hội.

Chính trong gia đình, trẻ tìm thấy trước nhất những gương tốt hay xấu, và có mấy phụ huynh nghĩ đến hậu quả của đời sống bản thân

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

mình đối với đời của con em ? Có phụ huynh lại quan niệm sai lầm về tình thương và không đủ can đảm hay kiên nhẫn để bắt buộc trẻ theo một kỷ luật, một trật tự. Phải chi các Hội phụ huynh học sinh không chỉ lo mở thêm trường và lớp cho con em mà tổ chức được một trường dạy các cha mẹ về bổn phận của mình, thì sẽ giúp một phần lớn trong việc chấn hưng đạo đức. Người ta thường bào chữa cho những gia đình nghèo nàn và dốt nát không có phương tiện săn sóc con cái và chỉ trông mong nơi học đường. Nhưng tính tình xấu không nhất thiết dính liu với cảnh thiệt thòi sút kém về tiền bạc hay chữ nghĩa. Trong rất nhiều gia đình ở thôn quê, chúng ta vẫn còn nhận thấy vốn liếng tinh thần được giữ gìn vững chắc. Cái hư hỏng của thanh niên bắt đầu với sự tiếp xúc với bạn bè thành thị, với sự gắng gượng bắt chước tất cả cái dở được thịnh hành để khỏi mang tiếng « quê mùa ».

Đối với trẻ, mối nguy hại đáng kể là đời sống của gia đình, là ngôn ngữ cử chỉ của cha mẹ, là lối phán đoán suy xét người lớn — như thầy giáo — trước mặt trẻ con. Do đó trẻ tìm lấy dần dần một hệ thống giá trị riêng của gia đình, sai hẳn với những giá trị nêu lên tại học đường, làm căn bản cho một đời sống theo đạo lý. Nếu chính cha mẹ bênh vực cho con mình hỗn láo, sai biểu các con sửa chữa các giấy tờ, nếu chính cha mẹ khen con « khôn ngoan » khi chúng đã làm những việc xảo quyệt gian trá, thì hà tất phải lo gì nữa cho đức dục của trẻ, hà tất phải đòi hỏi nơi học đường dạy lễ phép hay lương thiện ! Nếu quả thật gia đình muốn sự thành công của con cái mình theo một quan niệm phi đạo, thì mục phiêu ấy có thể đạt được với rất nhiều phương tiện không thuộc phạm vi học đường và lĩnh vực đạo đức. Về đường lối ấy, tiếc thay xã hội lại nêu rất nhiều gương xấu.

Gia đình là một trường học ; xã hội cũng là một trường học rộng lớn và có ảnh hưởng mạnh mẽ hơn nữa đối với thanh niên, trong khi chúng sửa soạn vào đời. Thử hỏi xã hội chúng ta hiện giờ, trong nhịp sống hàng ngày, đã giúp ích được gì trong việc xây dựng đạo đức cho thanh niên không ? Tổ chức xã hội ta đã được chu đáo chưa để ngăn ngừa cái hại của sách vở, báo chí, phim ảnh, để chận đứng phong trào cao bồi và lưu manh ? Thái độ của những người lớn, ngoài cha mẹ và thầy giáo, của những người mà thanh thiếu niên có dịp tiếp xúc hay trông thấy ở các nơi công cộng, trong các rạp hát, tại các công sở, nơi công viên, bãi biển, thái độ và lối xử thế của phần đông có đứng đắn và trang nghiêm không để cho trẻ bắt chước hay trẻ chỉ thấy những người cũng vô trật tự vô kỷ luật như mình.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Trước kia và bây giờ trong một số gia đình, các cha mẹ thường tránh cho trẻ nghe những lời nói không đoan trang, chứng kiến những cảnh xích mích hay tàn bạo. Tâm hồn trong trắng của trẻ được giữ gìn cho đến cùng. Nhưng hiện nay, sự gìn giữ ấy không được chu đáo hay khó thực hiện. Nhờ máy thâu thanh và vi âm, không phải của trong nhà, mà còn của hàng xóm và ngoài đường, cái tầm thường hay cái nguy hại đột nhập vào trong cảnh thanh tịnh của gia đình, trong tâm trí non nớt của trẻ. Nhờ những tranh ảnh quảng cáo khổng lồ, nhờ màn ảnh «đại vĩ tuyến» trẻ được thu nhận trực tiếp hay gián tiếp những sự kích thích thú tính. Sống trong thời buổi văn-minh vật chất này, thật khó cho một thanh niên bảo vệ được cái hay cái đẹp về đạo lý của gia đình truyền lại hay thực hiện được những bài học những lời khuyên bảo ở học đường.

Xã hội, hẳn nhiên, lo bảo vệ luân lý. Nhưng khi luân lý đã mất dần hay chờ cơ hội để mất hẳn, thì vấn đề không chỉ là bảo vệ, mà còn là xây dựng đạo đức. Có hai lối quan niệm về đạo đức và cũng do đó, có hai lối xây dựng đạo đức. Một là đứng về phía xã hội, dùng những luật lệ gắt gao để trừng trị những hành vi trái với thuần phong mỹ tục ; hai là dùng giáo dục, văn hóa, dư luận, dùng ngay đời sống xã hội để xây dựng cho từng cá nhân tinh thần tự giác, tự trọng, một ý thức đạo đức không dính líu với sự sợ hãi. Một xã hội có đạo đức không phải là không có người phạm tội, nhưng gồm những người biết thế nào là tội, biết điều gì là xấu xa, và cố gắng tránh, ăn năn cải hối khi phạm đến. Xã hội thật là vô đạo đức, khi người ta bất chấp dư luận, bất chấp sự chê cười đàm phán, sống mặt dạn mày dày, nói láo không ngượng miệng, giết người không gớm tay, phỉnh gạt người chung quanh với những danh từ to tát, ăn cắp và ăn cướp dưới mọi hình thức kể cả hình thức đạo đức, nói tóm lại khi cố ý đảo ngược tất cả giá trị thiêng liêng. Chúng ta chú trọng đến thứ đạo đức nào? Đạo đức hình thức? Đạo đức sơn thép? Với phương tiện nào? Uy-hiếp, thanh-trừ, tiêu-diệt, dùng võ-lực để gieo tình yêu ? Điều đó, xã hội ta trước đây đã dùng. Tam cương, ngũ thường, bao nhiêu mối tương quan giữa những giai cấp, giữa những quyền lợi, giữa người với người, giữa người với Trời đều được quy định, và mọi người đều sống theo đó, có kẻ miễn cưỡng và sợ hãi mà sống, có kẻ vui thích và hiên ngang mà sống, xã hội trở nên tươi đẹp và hòa điệu. Nhưng sự tươi đẹp và hòa điệu ấy chỉ là hào dáng. Suốt trong thời khung cảnh xã hội không biến dịch, khi con người không bị xao xuyến vì những ảnh hưởng bên ngoài nhờ « vạn-lý trường thành » đạo đức, văn hóa, chính trị thì cảnh đẹp ấy vẫn kéo dài, cho đến khi một yếu tố bất ngờ xảy đến, lung lay khung cảnh xã hội, làm xụp đổ thành trì gọi là bảo vệ đạo đức, mới thấy rõ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

con người sống trong cảnh vực ấy không đủ sức để thắng bản năng và thú tính của mình tình cờ được phóng thích và chống lại với các *phản giá trị* đang thắng thế. Sự sụp đổ tinh thần hiện thời ở xứ ta — một xứ đã từng có thời tươi đẹp và hòa điệu bên ngoài — chứng minh điều đó. Và chứng minh một cách rõ ràng hơn nữa điều ấy, cuộc biến thiên về tinh thần của dân chúng Trung Hoa, với mấy nghìn năm tôn giáo và đạo đức hưng thịnh, đã sản xuất và cho phép sản xuất, những « công xã », là bao nhiêu nghĩa địa của giáo lý cổ truyền.

Vậy, vấn đề là xây dựng đạo lý cách nào, và xây dựng thứ đạo lý nào ? Tái sinh những lề lối cũ kỹ, có đủ để đem lại một đời sống quân bình và thỏa mãn không? Có thể gạt bỏ những vấn đề mới mà sự tiếp xúc với Tây phương trong thời đại nguyên tử, mà văn minh khoa học, tấn bộ kỹ thuật, đã đặt ra cho đạo đức không ? Có thể gạt bỏ tất cả những phát minh của các khoa y-học, tâm-lý, phân-tâm-lý, xã-hội học không ? để chỉ xem con người lý tưởng, con người không thật và không có thật ? Xây dựng đạo đức không chỉ lập lại xuông những bài học của thời đại nào, của xứ sở nào. Công việc cần nhiều thông minh, nhiều tri sáng tác, nhiều óc luận lý và khoa học, để định lấy những giá trị, sắp đặt các giá trị, phổ biến những giá trị. Công việc phổ biến lại cần sự hợp tác của những người tin tưởng vào giá trị ấy, trung thành với giá trị ấy. Thầy giáo ở học đường, cha mẹ trong gia đình, những người có địa vị xã hội, những bậc thật sự lãnh đạo hay tự xưng là lãnh đạo quần chúng, có bổn phận tối thiểu sống hòa hợp với những giá trị mình nêu lên. Trẻ nhìn nơi người chung quanh. Mỗi hành vi của bất cứ một người nào vẫn ghi dấu vết sâu xa trong tâm hồn trẻ. Riêng học đường không thể một mình xây dựng đạo đức cho thanh niên nếu bài học của học đường mãi mãi và hoàn toàn mâu thuẫn với khung cảnh.

Thực trạng đáng bi quan. Phải chi người thức giả được phép bi quan rồi bỏ mặc. Cần phải vượt lên bi quan và cùng nhau tìm mọi biện pháp để qua mau cơn khủng hoảng tinh thần hiện thời và xây dựng xã hội sau này của chúng ta. Có nhiều biện pháp cần kiên nhẫn và thời gian, cần khôn ngoan nữa. Có biện pháp không nằm trong tay những người muốn cho xã hội thay đổi. Ít ra nữa, những người ấy có bổn phận nói lên những bâng khuâng và những khát vọng.

CUNG-GIŨ-NGUYÊN

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Phụ-chú.— Học trò hư có nên đổ tội cho thầy không? Về giáo dục, thầy giỏi, thầy tốt có bảo đảm kết quả của sự dạy dỗ mình không? Những câu hỏi như thế, không nên trả lời một cách hấp tấp. Lịch sử có rất nhiều ví-dụ chua-chát, mỉa-mai, sâu-độc.

Trong mười hai tông-đồ theo Jésus, có Judas Iscariot đã giúp nhà chức-trách Do-Thái bắt Jésus, Jésus là một Thầy tài giỏi mà đã có một môn-đệ hèn hạ. Thái-độ của Judas không chỉ là một cơn khủng khoảng như thánh Pierre đã trải qua (trong một khuya đã mấy lần chối Chúa), Judas đã trở trái làm mặt một cách quả quyết. Bài học chính của Thầy là mọi người nên thương yêu nhau và Judas đã dùng cái hôn — một hình thức của tình thương — để tố-giác Thầy!

Socrate cũng có nhiều đệ-tử. Học-trò tiếng tăm hơn hết của nhà hiền-triết Hi-lạp là Alcibiade, yêu chuộng thầy lắm, nhưng sau đã trở nên một tên phản-quốc. Critias, cũng là học-trò của Socrate về sau đã hóa thành Một trong số Ba Mươi nhà chuyên chế ác độc, giết vô số đồng bào vì một chút uy-quyền.

Còn ai không biết vua Néron. Lúc còn là thái-tử đã được giáo-huấn kỹ lưỡng. Thầy của Néron là Sénèque, một nhà thông-thái bậc nhất, có tài hùng biện và văn thơ, một hiền-triết có khuynh-hướng « khắc-kỷ », nghĩa là đặt đạo-đức trên căn-bản bổn-phận. Năm năm đầu của triều Néron được thiên-hạ tán-dương. Nhưng từ khi Néron 22 tuổi, thì Néron làm rất nhiều tội ác, giết vợ, giết mẹ, sống một đời phi-luân, và Sénèque, bậc thầy đáng kính và có công lớn, cũng bị Néron buộc phải tự-sát.

Có vô số thí-dụ tương-tự. Hàng trăm, hàng nghìn, hàng vạn thanh niên, có tài năng, được giáo huấn đầy đủ cũng đã đi con đường phản trắc, vong ân, vô hậu. Đó là điều thắc mắc và khó giải nhất trong giáo dục. Và đó cũng là điều mà những ai dấn thân trong nghề giáo huấn không nên quên bao giờ. — *C.G.N.*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Tâm-hồn thanh-niên trước những vấn-đề yêu-đương, luân-lý, tôn-giáo, xã-hội

NGUYỄN-HUY-LỊCH

SỐNG ở đời, con người sau bao kinh-nghiệm, dần dần nhận thấy mình không sinh ra để sống cô-đơn, độc-lập, trái lại có liên-đới mật-thiết với vạn sự trong thiên-nhiên, vũ-trụ, với nhân-quần xã-hội, cũng như với những giá-trị thiêng-liêng. Nhịp sinh-tồn của mỗi cá-nhân giúp họ suy-tưởng và tìm ra cho họ một vài định-luật căn-bản mà bậc tiền-bối thật ra cũng đã nhận thấy từ lâu. Nhưng điều đáng ghi là mỗi người tuy rong ruổi trên con đường riêng, cuối cùng lại cũng gặp nhau trên đường cái quan: sự khám-phá đó, vừa triển nở bản-lĩnh duy-tư, lại vừa cho mọi người thông hiệp với nhau trong những thu lượm cốt yếu.

Do đó, những thực-tại như Yêu-đương, Luân-lý, Tôn-giáo, Xã-hội... là những thực-tại vĩnh-tồn, con người ở mọi nơi, thuộc mọi thời-đại đều chú ý, nghĩ ngợi, và phát-biểu phán-đoán bằng những thái-độ, những phản-ứng cụ-thể: hoặc để công nhận, hoặc để chối-từ, phản-kháng.

Nói thế phải chăng là ta đã ra đời quá chậm, và mọi vấn-đề đều đã được bàn hết, còn đâu đến lượt góp phần vào cuộc hội thảo? Thưa không, vì mỗi thời-đại, mỗi thế-hệ, mỗi đợt người, thể nào cũng cần xác định lập-trường, và dù muốn hay không, sự chọn lựa cũng ảnh-hưởng vào nếp sống mỗi cá nhân, hoặc làm cho nó nên sáng tươi, đượm niềm hân hoan, hoặc trở nên đen tối, thấm nhiễm bi-ai, chán chường...Thành ra vấn-đề, tuy già nua như nhân-loại, mà thật vẫn làm cho mỗi người háo hức, phấp-phỏng, nó vẫn liên can đến từng người một...

Vậy tâm-hồn thanh-niên phản-ứng thế nào trước những thực-tại, trước những đòi hỏi của đời? Ta có thể biết được một phần nào thái-độ của thế-hệ ngày nay trước tình-yêu, luân-lý, tôn-giáo, xã-hội chăng?

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Đây là một đề-tài mênh-mông, phức-tạp, nếu muốn bàn kỹ có lẽ cần xét theo từng bình-diện, mỗi bình-diện lại có thể thành đối-tượng truy-tầm của một ngành chuyên-biệt...

Sở dĩ tôi chọn đề tài này để trình bày cùng quý bạn, hẳn không phải vì tôi chuyên-môn gì, nhưng có lẽ vì thấy nhiệm-vụ trong giới sinh-viên cho tôi được gần thanh-niên, cùng với họ suy nghĩ bàn hỏi một vài vấn-đề cần phải nêu lên, lại được dịp chứng-kiến một thái-độ nhận thấy trong phản-ứng sinh-tồn....Vậy tôi xin đưa góp ra đây đôi ba ý-kiến, không phải để xét đoán, mà để tìm hiểu. Có cần phải nói rằng ở đây chúng tôi không có ý, cũng chẳng dám bàn đầy-đủ hết mọi khía-cạnh, chỉ phác ra vài nét mà chúng tôi nghĩ có lẽ đáng lưu ý.

I

TRƯỚC VẤN-ĐỀ YÊU ĐƯƠNG

Khi ít khi nhiều, khi nào cũng có.—Đứng trước vấn-đề yêu-đương, người thanh-niên mới lớn lên không phải là không hề có chút ý-niệm nào, dù họ chưa cảm thấy tính tình đó. Họ chưa phải là « đương sự », nhưng họ có thể là « nhân chứng » : vì tuy chưa bước vào cuộc, song cũng đã nghe nói tới, khi ít khi nhiều, khi nào cũng có... Thanh niên biết được phần nào bởi sự-thể nhận thấy chung-quanh mình : trong gia-đình chẳng hạn, khi có cuộc hôn-nhân của anh chị, của bà con họ hàng ; hoặc những cảnh hàng ngày chứng-kiến nơi phố phường : cái anh chàng đầu chải mướt ngày nào cũng thấy dựa xe gắn máy ở gốc cột đèn xế bên nhà hàng xóm, như kiên-nhẫn mong chờ cái chi . . .

Thanh-niên còn được biết bởi những hình-thức văn-chương, mỹ thuật diễn-tả thực-tại tình yêu : vì đi học phải đọc Kiều, Shakespeare, Racine, với bao bài thơ trữ tình của bốn phương ! Biết bao dịp họ cầm trong tay những pho tiểu-thuyết mà đề-tài chính quanh-quẩn chung-quanh yêu-thương, ân-ái, nêu lên một số vấn-đề liên-can tới « gia-đình », « đoạn tuyệt », « thoát-ly » ngay trong cái xã-hội Việt-Nam ta. Ấy là không kể những cuốn phim, những tạp-chí điện-ảnh mà cốt chuyện nói lên những cuộc tình-duyên may mắn hay đau khổ, mộng mị nhiều hơn sự thật....

Thành ra các cậu em trai, các cô em út, tuy ít tuổi mà cũng đã biết nhận xét, cũng đã tâm-lý : nhưng ở đây, họ còn mới nhận xét tình

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

yêu như một sự-kiện « khách-quan » : biết thì cũng biết đấy, song biết vậy thôi... Họ vẫn còn chưa tiến xâu vào trong thực-tại của yêu thương, và ái-tình đối với họ vẫn còn là một « huyền-nhiệm », họ mới lảng vảng ngoài hành-lang. Do đó mà thanh-niên thắc-mắc, muốn rằng rồi đây chính mình cũng được nếm hương-vị, nhất là trong cương-vực này, tất cả con người đều hướng về thực-tại đó...

Cho tới khi ấy, ý kiến tiên nghiệm của thanh niên về tình yêu thường chịu ảnh hưởng của hai yếu tố quan trọng :

Yếu tố thứ nhất là Giáo dục. Giáo dục trong gia đình hoặc nơi nhà trường có thể gây trong lòng thanh niên một khái niệm thanh cao, tế nhị, hay trái lại hẹp hòi, ti tiện về tình yêu. Với một sự hiểu biết chắc chắn về cơ cấu của con người, về những khát vọng thâm trầm, với một căn bản vững kiên gây nên thái độ quân bình, cởi mở ; giáo dục có thể triển nở tâm hồn thanh thiếu niên, giúp họ xây dựng lạc quan. Ta phải nhận là đôi khi giáo dục lại khép kín một số người, vì đã gây nên dăm ba thành kiến làm họ lo lắng sợ sệt : Chẳng hạn ở một vài nơi, vì muốn làm nổi phẩm giá cuộc đời tu trì, thì lại giảm thấp ý nghĩa của tình yêu, của hôn nhân, coi đó như một cái gì không đẹp ; hoặc gieo trong lòng thanh niên phấp phỏng, lo sợ, lo sợ tình yêu chỉ đưa tới lẳng mạn ; lại có khi giản lược tình yêu trong phạm vi định đoạt của bậc cha mẹ... Nhưng ta nên để ý : phản ứng của nhà giáo dục, của bậc cha mẹ tuy rất ảnh hưởng trong thái độ con cái, song lại cũng có thể gây nên một phong trào đối lập, con cái có thể làm ngược hẳn lại, nếu không đi xát với đời sống...

Yếu tố thứ hai là tình cảm cơ năng (affectivité) của thanh niên, thiếu nữ, làm họ tiên đoán được phần nào tùy theo tình cảm giầu, nghèo dồi dào hay khô khan... Có người mới 15, 16 (có khi sớm hơn) đã để ý đến chuyện tình duyên, có người thì mãi về sau mới lưu tâm tới. Nhưng ngay trong lãnh-vực này, lại cũng phải để ý tới khí hậu, trình độ văn hóa, tập quán gia đình, tôn giáo v.v...

Trong giai đoạn đầu tiên, thanh niên thiếu nữ đã chịu rất nhiều ảnh hưởng của người khác, của xã hội bao bọc. Tới một thời họ phải đảm nhận trách-nhiệm, phải tự quyết, dấn thân trên con đường tình yêu. Đứng về phương-diện tâm-lý, cũng như về phạm vi đạo đức hay tôn giáo đó là một hành vi chính đáng, quí hồ xứng hợp với bản tính thâm trầm của tình yêu.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Đề đi tới thế quân-bình.— Nhưng trong đợt mới này, thái độ đầu tiên của thanh niên, có khi vì ảnh hưởng của những yếu tố nói trên, lại hoặc là quá lý tưởng, hoặc là thiên hẳn về lạc thú...

1) Nói là quá lý tưởng, nhưng cũng khá lãng mạn, đa cảm, và quá đơn sơ ! Yêu trên mây trên gió, yêu như trong thơ phú, thiếu sáng suốt, không tích cực do đó có khi đi tới hậu quả đáng tiếc :

— Có người tự mình làm khổ đời mình : Văn sĩ A. Gide đã tả tâm trạng cô Alissa tuy yêu chàng Jérôme nhưng lại từ chối tình yêu đó (La porte étroite). Từ chối vì nàng muốn đạt tới cái mà nàng tưởng là thanh cao lý tưởng, là hoàn hảo ; từ chối vì lại cho rằng giữa hoàn hảo và hạnh phúc có sự đối lập chẳng bao giờ dung hòa được, vì nàng nghĩ rằng tất cả những gì làm nàng sung mãn đều là trở ngại, dù chính đáng đến đâu chăng nữa. Nhưng xét kỹ, ta thấy có lẽ chỉ vì ủ ấp một quan niệm lãng mạn, chỉ vì sợ phải quên mình, mà Alissa đã khép kín lòng lại. Vì thật ra, ngay trong tình yêu trần thế cũng cần phải tinh luyện tâm hồn, luôn luôn siêu thoát, và đường lối của tình yêu, nếu quả thật là tình yêu dâng hiến, dù sao cũng hướng thượng (1).

— Có người lại không biết nhận định hoàn cảnh thiết thực của mình. Là thanh niên thế kỷ XX, chịu ảnh hưởng Âu tây tư tưởng, chúng ta thưởng thức quan niệm cao đẹp về tình yêu, nhưng quên không phân biệt cái phần bất biến có giá trị vĩnh cửu, với cái phụ thuộc có giá trị tương đối, rất hợp với miền này xứ nọ, với mức sống, tập quán của một thời, nhưng vị tất đã hợp với mọi nơi mọi thời. Thành ra sống trong gia cảnh Việt Nam, họ thấy khác biệt, chênh lệch, do đó đâm ra chán ngán, nản lòng, không thấy rằng cần phải thích nghi...

2) Còn khuynh hướng thiên về lạc thú một phần lớn do ảnh hưởng của phim ảnh, của tiểu thuyết. Bỗng nhiên thanh niên tìm ra một hình thức mà trước kia họ không biết đến, không ngờ tới : hình thức khoái lạc. Trong tâm trí bị ám ảnh của biết bao hình ảnh khêu gợi, người thanh niên chỉ chú trọng trong giai đoạn đó tới vuốt ve, mơn chớn, và háo hức tìm kiếm cảm giác ngũ quan. Ta phải nói thêm là trong phạm vi này, trí tưởng tượng can thiệp một phần quan trọng, làm cho con người dễ bị thắc mắc về dục tình đến nỗi một số chỉ trông thấy tình yêu dưới khía cạnh đó, và đâm ra xuy bụng mình ra bụng người...

---

(1) R. Pons Procès de l'amour

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Hai khuynh hướng đó — quá lý tưởng, quá thiên về lạc thú — hiện hữu ngay trong tâm hồn thanh niên với nhiều mực độ khác nhau. Dĩ nhiên là quan niệm như vậy tất chưa thể đạt tới tình yêu chân thật. Nhưng cứ thường sự thì sau một thời khủng hoảng, chập choạng, thiên bên này, ngả bên kia, người thanh niên lành mạnh có thể dần dần tiến tới thế quân bình, vừa thiết thực vừa thanh cao hơn...

Tình yêu toàn-diện là một tình yêu dâng-hiến.— Họ sẽ hiểu được rằng toàn diện con người — cả tinh-thần lẫn tình cảm — đều tham gia trong tình yêu : lòng mến thương biểu lộ ra ngoài bằng lời nói, cử chỉ, bằng tất cả lối cư xử vừa đàng hoàng, tế nhị, càng yêu càng thêm thanh thoát dịu dàng tuy không kém phần tâm huyết.

Khi đó, tình yêu không còn là thứ *tình yêu xâm chiếm*. Dưới hình thức này, yêu ai chỉ vì người ấy có lợi cho mình, thỏa mãn được cái lòng ham-muốn ích kỷ của mình. Đó là trường hợp yêu vì xe hơi, nhà lầu, vì cái bằng kỹ sư, tiến sĩ. Tôi yêu người kia, nhưng thật ra tôi chỉ để ý đến có duy chính mình tôi, coi người kia như phương-tiện có thể thực-hiện dự định của tôi. Bản-lĩnh riêng tư của tha nhân, tôi đâu có cần, can chi tôi phải nề nang thận trọng ! Ta có thể thấy thứ tình yêu này diễn ra trong nhiều cương-vực của đời : cha mẹ nói là thương con, nhưng lại nhất nhất bắt chúng phải theo quyết-định của mình hơn là nghĩ cách giúp chúng thực hiện khát vọng thâm-trầm của chúng ; chồng bắt vợ — hay ngược lại ! — phải lệ thuộc mọi ý-kiến của chồng, ngay cả trong những phạm vi, trong những chi-tiết mà người chồng không cần can thiệp... Yêu, nhưng yêu lối lấn áp, lối «nuốt chửng» (amour digestif) lối ích-kỷ (duy ngã độc tôn). Ta có quyền gọi hình thức đó là *tình yêu thực dân*.

Trái lại, tình yêu theo nghĩa chân chính là một *tình yêu dâng hiến* (amour oblatif) mà hai câu thơ của Tản-đà nói lên khá đầy đủ :

Mình với ta tuy hai mà một,
Ta với mình tuy một mà hai.

1) Hai bên sở dĩ thương nhau là vì có nhiều điểm giống nhau : « Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu ». Do đó hai bên ưng ý, mong muốn gần nhau : đồng tâm đồng chí, hai bên coi nhau như một, như chính mình vậy (alter ego). Mà vì « mình với ta tuy hai mà một », nên có lòng hảo-tâm : yêu là muốn điều lành cho người mình yêu, mong cho người hạnh phúc, cầu cho người được sung sướng, chúc cho người thực hiện đến tận cùng sứ-mệnh của người...

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

2) Tuy-nhiên dù giống nhau đến đâu chăng nữa, dù khát khao sự hợp nhất rõ là mật thiết, mỗi người cũng vẫn giữ một phần khác biệt, vì mỗi người vẫn có một thiên-mệnh độc nhất chẳng ai thay thế được, và chính cái thiên-mệnh đó nếu được thực hiện cho đến cùng, sẽ làm cho mỗi người triển-nở toàn diện, đạt tới cứu cánh của đời mình, làm cho mình rõ thật là mình, với mầu sắc đặc biệt có một không hai trong trần. Thành ra « ta với mình tuy một mà hai ». Khi nhận định được khía cạnh này, hai bên sẽ kính trọng nhau, không nuôi ý xâm-chiếm, chẳng tìm cách giản-lược tha-nhân, trái lại mỗi người sẽ tìm hết mọi phương thế để giúp cho nhau đi tới thành công, dù trong không gian và trong thời gian cần ly-biệt, dù có phải « anh đi đường anh, tôi đi đường tôi ». Vì xét cho cùng, nếu tình yêu làm cho đôi bên mong được gần nhau, cùng nhau thông hiệp, tuy nhiên bản tính của sự gần gũi hà tất đã phải là một sự gần gũi hữu hình trong không gian. Kinh nghiệm cho thấy rằng nhiều khi hai bên rất gần nhau, kề vai nhau, mà lại chỉ oán thù, khinh chê, ghê tởm lẫn nhau : âu cũng vì tình yêu không phải chỉ ở trong sự liên kết của hai thân thể, mà còn cần một sự kết hợp hàm chứa hiến dâng. Biết kính trọng thiên mệnh của tha nhân, vì coi tha nhân như chính mình, con người yêu đương sẵn sàng làm theo ý bạn, giúp bạn trung thành với quyết định cũng như ngay chính mình muốn trung thành với thiên chức của chính mình. Hạnh phúc của người ta yêu, niềm vui nơi người há chẳng là hạnh phúc, hoan hỉ của ta sao ? Nhưng ta còn thấy điều này nữa : là trong khi hai bên hết lòng theo đuổi đường lối để thực hiện ý nghĩa đời mình, lại là lúc hai bên được gần nhau nhất, gần nhau trong quyết định trung thành, trong cố gắng để mỗi người quả thật là mình. Bây giờ ta hiểu được rằng .

Gặp nhau ở chốn tinh thần,
Dù xa non nước, nhưng gần tấc gang !

Trên phạm vi thanh cao này, Đông hay Tây đều đồng ý. Văn hào Antoine de Saint-Exupéry cũng đã chẳng nói : « Kết chặt với nhau vì một đích cao, chúng tôi mới thấy yêu không phải là nhìn nhau, nhưng là cùng nhìn về một hướng. Chỉ có tình bạn những người cộng tác với nhau trong lý tưởng, cùng tiến lên một đỉnh cao trên đó họ lại gặp nhau» (Terre des hommes). Ở đây không còn là chiếm đoạt, là ích kỷ, mà là dâng hiến, mà là vị tha. Yêu người chẳng phải vì người hữu ích cho mình, mà chỉ vì người là người, vì ta là ta.

Những người tìm mà không thấy.— Nhưng còn trường hợp những người tìm mà không thấy, ước mong thành lập gia đình mà hậu

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

như chẳng được dịp ? Đây cũng là sự kiện éo le, đọc báo chí Âu tây ta được chứng kiến những cánh thư tâm sự thật cảm động ; bên ta tuy không quen mượn tờ báo để ngỏ nỗi lòng, nhưng vấn đề không phải vì thế mà không thành. Biết bao người trong tình cảnh trắc trở đã đau khổ âm thầm lại đôi khi trở nên chua chát, chẳng còn tin đời... Vì thật ra, đâu có phải là họ không muốn, đâu có phải là họ lãnh đạm ? Họ cũng có một tâm hồn để yêu đương, như ai họ cũng mong mỏi cảnh đoàn viên xum họp, bầu không khí ấm cúng vui tươi, với tri âm tri kỷ, để cùng nhau cố gắng xây dựng... Vậy mà tại sao không được toại nguyện ?

— Phải chăng là vì những người đó chưa tìm thấy tri-nhân ?

— Hoặc vì tại họ không biết yêu, vì quan-niệm của họ thiếu thế quân-bình, hoặc vì quá lý-tưởng, hay quá hướng về yêu-sách tài-chính địa-vị.

— Hay chỉ vì họ không biết làm cho chính mình nên dễ thương, gây niềm thiện cảm ? Thật ra điểm này rất quan-trọng...Muốn yêu, điều kiện cốt yếu là phải *thành thật* : mình phải là mình, không che đậy, dấu diếm, điệu bộ, chẳng muốn đóng kịch hay làm vẻ kiểu-cách. Trong cương-vực này, ta cần nhắc đến vai trò của suy tư, của phản ứng bản thân. Nhưng trong gia đình Việt-Nam, không khí sinh sống thường là bầu không-khí « đại gia-đình » chẳng những chỉ có cha mẹ và con cái mà lại nhiều khi cả chú bác cô dì, ông bà nội ngoại cũng cùng chung sống một nhà. Do đó con số những bậc « bề trên » can thiệp vào cuộc đời thanh niên có phần hơi nhiều. Ngoài ra, kiến trúc chiếc nhà Việt-Nam thường gồm những gian rộng lớn, song lại không có tường ngăn chia thành phòng riêng, bốn năm anh em cùng học, cùng nghỉ chung, thật tiện cho việc kiểm soát mực siêng năng học hành, nhưng một đàng khác không giúp cho nhịp sống suy-tư phát-triển. Vì thanh-niên muốn mở mang trí-tuệ cũng cần có lúc sống trong cô-đơn, để phản ứng, suy tưởng, cái vui mừng của ai vừa khám phá ý-nghĩa một thực tại, dù thuộc về phạm-vi trí-thức cũng có khi lộ trên nét mặt, trên nụ cười lý-thú... Nhưng nếu khi ấy lại bị anh hay chị ngồi trước mặt nghiên-cứu ý nghĩa của cái vui hay cái thắc mắc, nếu tư tưởng ghi trong cuốn nhật-ký để trên bàn lại bị các em tò mò lật ra mà bình luận lớn tiếng, thì dù sao trong tâm khảm thanh niên cũng sẽ sinh ra trạng-thái của người bị « kiểm-duyệt » và người sẽ không quen chia xẻ cùng tha-nhân đời sống nội-tâm mà người cố giữ bí mật, người sẽ gượng gạo khi phải bàn đến những thực tại rất chính đáng, sẽ ra vẻ lãnh-đạm trong khi mà tâm hồn lại rất thiết tha, xao xuyến, rung động, sẽ chẳng dám tỏ ra nỗi lòng cùng người trong

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

gia đình, nhất là khi bậc trên lại không muốn công nhận sự kiện biến-chuyển nơi hàng con cháu — bé, biết gì mà nói — không cho họ có dịp đề cập tới những vấn-đề vĩnh cửu một cách đàng hoàng, sòng phẳng... Ta lại nên thêm là trong văn chương, khi nói đến yêu đương, người ta thường dễ coi như một dịp để diễu cợt, để hạ thấp phẩm giá của thực tại đó — như trong thơ Hồ-xuân-Hương, trong truyện Tiếu-Lâm — tất cả những yếu-tố đó dù sao cũng gián tiếp gây nên những thái-độ không được tự nhiên nơi thanh-niên thiếu-nữ ... Phải chăng cũng vì thế mà trong một giai-đoạn đáng lẽ phải rất thành thật, đơn sơ, thì thanh niên lại ngượng nghịu, hoặc trái lại, đâm ra sống sượng với những cách bắt chước nhiều khi hớ hênh, tưởng rằng phải a-dua, đi đứng như tài tử này, ăn mặc như minh tinh kia, điệu bộ huênh hoang, khùng khùng thì thiên hạ mới để ý, hoan nghênh. Có ngờ đâu họ lại chỉ làm cho dư luận ngạc nhiên mà không mến phục.

Thật ra, một khi qua cái tuổi « mới lớn lên », thanh niên cần gắng trở nên suy tư, phát triển cho đều những khả năng tiềm tàng để nên người trưởng thành, có thể siêu thoát, vượt lên trên cả cái lòng tự ái, vị kỷ, để có thể vừa đón nhận vừa biết dâng hiến, để nghĩ tới tha nhân, chứ không phải chỉ nghĩ đến mình...

Có người không qua được giai đoạn đó, thành ra họ không thể yêu được. Vì thế họ sẽ tìm trong tình yêu khía cạnh mạo hiểm, khoái lạc, nhưng sẽ trốn những đòi hỏi của tình yêu thật, vì họ sợ, vì họ bất lực để đối phó, để đáp lại những nhu cầu ấy. Ta sẽ gặp một số người, tuy hơn 30 hay 40 tuổi đầu mà vẫn còn thái độ loăng quăng của bọn thanh niên mới lớn.

Một vài yếu-tố ảnh-hưởng.— Trong vấn đề tình yêu, ta phải chú ý đến vai trò của gia đình, của bậc cha mẹ, anh em bà con... Ngày nay nhiều bậc phụ mẫu am hiểu tâm hồn thanh niên, nên khi con cái đến tuổi đặt vấn đề, các vị có thái độ ôn hòa, bình tĩnh, khôn ngoan, gây được tin cẩn nơi họ. Bầu không khí cởi mở trong gia đình có thể dễ dãi sự huấn luyện tình cảm của thanh niên giúp họ mến trọng những giá trị đó mà lại cũng biết diễn tả tế nhị, tùy hoàn cảnh, tùy theo mực độ cư xử, không thái quá mà cũng chẳng bất cập, đường hoàng tự nhiên mà không suồng sã...

Tuy nhiên, có khi thiếu sự am hiểu giữa cha mẹ và con cái, vì có chênh lệch giữa các thế hệ do phong tục, do nền giáo dục gây nên. Vì

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

vậy mà ta thấy cảnh xung đột, giằng co, đưa đến những hoàn cảnh rất phức tạp đau đớn mà các nhà văn đã tả một cách khá xâu sắc, chân thành...

Ta có thể mừng rằng ngày nay trong xã hội Việt Nam, một số lớn những hiểu lầm đã được giải quyết vì giữa cha mẹ và con cái có những tiêu chuẩn chung đôi bên đều đồng ý, chẳng hạn trong phạm vi văn hóa, phong tục, sự đối lập giữa « cổ » với « kim » đã giảm nhiều...

Ta cũng cần ghi một vài tình tình có thể phát nở từ những vấn đề yêu đương, tình cảm.

1) Tinh ghen tuông : ghen đối với những bạn đã thành công, nhất là khi lại cùng để ý đến một người. Nếu không biết siêu thoát, tình tình đó dẫn tới những hành vi nhỏ nhen, những phê bình ti tiện, những câu nói chọc, nói kháy nếu không nhã nhặn thì cũng thiếu đức công bằng.

2) Ngoài ra tự ti mặc cảm cũng làm tê liệt thanh niên trong đường tình-duyên. Thứ mặc cảm này thường chớm nở vì người thanh niên chưa có dịp thành công, hoặc đã bị thất bại: do đó họ có cảm-tưởng mình xấu số, kém cỏi, và đáng lẽ cố gắng để thoát khỏi, thì lại phóng đại cái trạng thái đó mỗi ngày mỗi thêm trầm trọng. Trong trường hợp này nếu xét kỹ, ta thấy có một phần kiêu-ngạo : kiêu ngạo ngay trong cái tự ti ! Con người ở đây không chịu công nhận hoàn cảnh hạn chế của mình, công nhận để mà siêu thoát : thái-độ đó là thái-độ dỗi hờn thiếu đơn sơ, và thiếu luôn cả chí khí...

3) Thái-độ hà khắc, cứng cỏi, quá nghiệt (puritanisme), bao giờ cũng quan niệm tình yêu dưới khía cạnh tiêu cực, khía cạnh tội lỗi, xấu xa, nguy-hiểm, coi nó như một vấn-đề cấm-kỵ, cũng rất bất tiện, vì làm cho con người dễ rơi vào tình trạng người bị ẩn ức mà Phân tâm học tố-cáo : khi bị đè nén một cách vô ý-thức, một cách mù quáng ta phải sợ sẽ có lúc bùng nổ, làm cho người lại lao mình trong những quá đáng trái ngược. Người quân-bình là người biết công nhận chân giá-trị của yêu đương, biết phân-biệt cái cốt yếu và cái phụ-thuộc...

II

TRƯỚC VẤN-ĐỀ LUÂN-LÝ, TÔN-GIÁO, XÃ-HỘI

Vì thời gian không cho phép chúng tôi nói nhiều trong khuôn khổ một buổi thuyết trình, nên xin tóm tắt vài nhận xét về phản-ứng của

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thanh niên trước vấn-đề Luân-lý, Tôn-giáo và Xã-hội. Như thế không có nghĩa là chúng tôi phủ-nhận tính cách quan-trọng của những đề-tài này trong đời sống con người chúng ta.

Trước vấn-đề luân-lý.— Vấn-đề Luân-lý được đặt lên trong tâm hồn thanh-niên khi *óc phê-bình* ở nơi họ được phát-triển. Họ muốn tự mình tìm ra lý do của những bó buộc phải theo. Trước đây, khi còn ở thời thơ ấu, bậc trên đưa ra chỉ thị, con cháu cứ việc tuân theo, không thắc mắc cũng chẳng bàn cãi. Nhưng càng lớn, bản lĩnh con người càng trở nên rõ rệt hơn, thanh niên càng nghiệm thấy mình phải đối lập với mọi hình thức của chính sách «thượng hành hạ hiệu». Đó là tuổi thanh niên hay cãi, hay chỉ trích bất cứ cái gì « bề trên » đề nghị. Do đó vấn-đề luân-lý được họ đem ra xem xét, mổ xẻ. Đây là giai-đoạn học-sinh, sinh viên gọi thầy dạy là « hẳn », và lên án giá-trị cấp trên : đây cũng là thời người ta « đặt lại vấn-đề », nêu ra những câu hỏi liên can tới ngay nền tảng của Luân-lý để xem Luân-lý chính đáng hay không. Luân-lý dạy thế này, thế nọ; Luân-lý cấm việc này việc kia. Tại sao? Dựa vào đâu mà Luân-lý dám khoác vai trò ban ra mệnh lệnh? Lấy tư cách nào mà ép buộc? Những câu hỏi đó không thể không làm cho thanh niên thắc mắc, chúng lại càng gay go nhất là trong thâm tâm họ lại hiện hữu những xu hướng, những lực lượng trái ngược, xung đột lẫn nhau, thúc đẩy họ. Sự giằng co trong tâm khảm gây hoang mang, do đó, để tỏ mình không lệ thuộc những chỉ thị có vẻ như thu hẹp phạm-vi tự-do, thanh niên sẽ như chẳng để ý tới những cấm đoán, kiểm duyệt của Luân-lý...

Trong thái độ mà nhìn bên ngoài ta thấy thiếu kính cẩn, đoan-trang thật ra có sự thử thách cả về phương diện trí-thức — những vấn nạn về căn bản Đạo-đức nói lên điều đó — lẫn về phương diện tâm-lý — những khó khăn vấp phải trong cố gắng thực hành nền Đạo-đức — mà những ai chứng kiến không thể coi thường tính cách quyết-liệt trong đời người thanh niên trong cuộc.

Giữa cha mẹ — đại diện của lễ nghĩa — và con cái có thể có hiểu lầm và sự hiểu lầm có thể gây nên khủng-hoảng. Để lấy một ví dụ trong phạm-vi tình yêu: Cha mẹ thường khuyên con cái phải đứng đắn, nết na, không nên giao thiệp với người khác phái, vì muốn « nam nữ thụ thụ bất thân». Nhưng chàng thanh niên kia lại bắt đầu để ý đến một thiếu nữ và có sự quí-mến. Luân-lý dậy ta phải tránh những việc xấu: đó là điều chí phải. Nhưng cha mẹ đôi lần lại dựa vào nguyên tắc ấy để cản ngăn con mình, chẳng phải vì sợ điều bất chính xảy ra, mà có khi chỉ vì

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

không ưa con mình kết bạn với người đó. Thành ra ở nơi thanh niên sinh ra phẫn uất, vì thấy mình bị nghi ngờ, bị ngăn cản « nhân danh luân-lý », một mặt khác lại cảm nơi lòng những tình tình yêu đương quí mến thành thật, tế nhị... Nếu thanh niên nhút nhát thì đành thôi, đành lòng bỏ cuộc ; nhưng nếu họ có bản lĩnh, rất có thể họ bất chấp mệnh lệnh bề trên, và cùng một chập coi luân-lý như hình-thức, như giả tạo, không đi sát với nhịp sống nhận sinh : *Yêu thì có gì là xấu, sao lại bị nhà cấm* ? Vì phẫn uất về một điểm phụ, thanh niên có thể đâm ra phủ nhận cả cái phần hữu lý và chân chính của đạo đức, và thiên về một thái độ đáng tiếc...

Thật ra, cơn khủng hoảng đó không có gì là lạ, và cũng rất bình thường có thể hữu ích nữa. Vì thái độ thơ ấu, nhu mì, dù sao cũng chỉ là tạm thời, nhịp sống còn đưa con người dần dần trưởng thành, trở nên chính chắn, già giặn, biết sáng suốt nhận định. Muốn ấu trĩ suốt đời tức là tỏ mình thiếu thốn về sức khoẻ thể xác lẫn tinh thần. Vậy qua cơn khủng hoảng nói trên, thanh niên giải quyết nhiều cách :

1) Chẳng hạn bằng sự từ chối nguyên tắc luân lý : một khi phủ nhận tư cách của Đạo đức, con người đâm vào vòng ăn chơi, gian lận, trí trá, thù ghét dưới những hình thức rất hợp thời, căn cứ trên Ích kỷ, trên Tham lam, trên Kiêu ngạo...

2) Hoặc họ giải quyết bằng sự chấp thuận những giá trị luân đức, sau khi đã suy nghĩ, cân nhắc, chọn lựa, theo tiếng của lương tâm. Những người này hiểu rằng đó là những giá trị nhân bản có thể giúp con người tiến triển theo Chân, Thiện, Mỹ... Đó là phần thưởng của cố gắng kiên vững và tư riêng, của một cuộc chiến đấu ngay trong nội tâm, với sự cộng tác kín đáo của nhà giáo dục sáng suốt, của bậc cha mẹ, và nhất là của những ảnh hưởng tinh thần.

Thanh niên do đó nhận thấy rằng Luân lý là cố gắng của con người để chinh phục ngay chính bản thân, thông cảm với nhân quần xã hội trong công việc đạt tới Hạnh phúc. Vì con người tự do, con người đạo đức là con người sừng sững trong vũ trụ, không phải sừng sững như một vật bị tung ra một cách phi lý, nhưng sừng sững như một nhân vị biết rõ vị trí mình, và từ gốc tới ngọn, thấm nhiễm một sinh lực mạnh mẽ để chẳng lung lay trước cơn bão táp đề :

Dù ai nói đông nói tây,
Thì ta cũng vững như cây giữa rừng !

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Trước vấn-đề Tôn-giáo.— Trước Tôn giáo, thái độ thanh niên cũng tương tự như trước Luân lý : có điều là cương vực tôn giáo mênh mông hơn. Trong phạm vi này, vấn đề không phải chỉ là xác định một thái độ thực tiễn. Tôn giáo đòi hỏi hơn thế, đòi hỏi một thái độ căn bản, huy động toàn diện con người, từ tận bản thể chó tới hành động. Thái độ tôn giáo thâm trầm hơn cả thái độ triết gia chấp thuận một hệ thống siêu hình học. Trong tôn giáo có sự dâng hiến của chính bản thân cho một Tín ngưỡng, để tín ngưỡng đó cải hóa hẳn con người, chi phối tương lai người.

Chúng tôi xin lấy một ví dụ tuy mượn ở Thiên Chúa giáo song có lẽ quí vị thuộc tôn giáo khác cũng có dịp nhận thấy một vài nét tương tự : Trong Thiên Chúa giáo, con người nhận định mình là tạo vật của Thiên Chúa lại là con Ngài và có nghĩa anh em với Đức Ki-tô cứu-thế.

Trẻ nhỏ sống trong tín ngưỡng đều biết điều đó khi học giáo lý. Nhưng trẻ nhỏ không có dịp, và cũng không cần chứng minh sự kiện con người tùy thuộc Thiên Chúa. Trẻ nhỏ tin và sống sự kiện đó một cách có thể nói là hồn nhiên...

Nhưng thanh niên, những người trưởng thành, và nhất là nếu có những đòi hỏi tinh thần, thì sống đức tin như người bán than (la foi du charbonnier) lại không đủ, còn phải xác định lập trường, trước là đối với ngay chính mình, sau là đối với tha nhân, trong sự công nhận mối liên lạc với Thiên Chúa, một mối liên lạc mạnh hơn, khăng khít hơn mọi lưu luyến trần thế khác... Do đó mà cũng có khủng hoảng, thắc mắc, hoang mang con người tín hữu phải trải qua để tấn triển... Vì con người sẽ chẳng tin nếu không thấy là đáng tin, sẽ chẳng thuận phục nếu không thấy, hay chưa thấy là đáng thuận phục.

Thật ra, có một vấn đề mà mọi người đều gặp và đều giải quyết không bằng cách này thì bằng cách khác : từ những ai đã chọn và chấp nhận một tín ngưỡng cho tới người còn đang tìm kiếm, và ngay cả người cho đến giờ chưa lưu ý đến lắm... Kinh nghiệm lịch sử nhân loại, trải qua mọi thái độ, từ phiếm thần cho tới tín ngưỡng độc thần, cho ta ghi lại điều này : ấy là con người có một ý hướng tôn giáo, một ước mong thỏa mãn cái khát Tuyệt đối. Khi con người bái kính hòn đá, tôn thờ bình vôi hay mặt trời, đâu có phải là thờ những cái đó theo tư cách những vật vô tri vô giác, nhưng chính vì hòn đá, bình vôi, cỏ cây, tinh tú biểu lộ trong quan niệm hộ một sức linh thiêng, huyền bí, một cái gì cao siêu hơn cái trần tục tầm thường.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nghĩa là có câu hỏi, có vấn đề tôn giáo.

Thanh niên phản ứng thế nào ?

1) Có người không muốn giải quyết : họ lảng tránh bằng giải pháp không suy tưởng.

2) Có người giải quyết bằng sự phủ nhận Tuyệt đối, chối từ Thượng Đế, chẳng hạn làm ngơ, có cũng như không (Sartre), hoặc quả quyết theo thuyết vô thần dùng biện chứng pháp chứng minh không thể có một Đấng siêu việt (Marx). Ở trong thái độ phủ nhận này, có người rất thành thật, bênh lập trường vì tin đó là chân lý ; nhưng có người theo chủ nghĩa đó vì có ý hợp thức hóa hành động thực tiễn của mình, đời tư của mình nhất là khi không hợp với tiêu chuẩn lương tâm...

3) Có người hoang mang, lo lắng, và cố tìm mối liên lạc có thể thỏa mãn lòng họ: chẳng hạn trong Khoa-học, trong quan niệm Khoa-học vạn năng (Scientisme), trong sự truy tầm những giá trị thiêng liêng dưới muôn hình thức. Người ta xúc động trước một nghĩa cử anh hùng, một thái-độ quân-tử vô tư, hoặc thông cảm với phần trong trắng của tình yêu thanh cao tế nhị, của lòng hy sinh đượm đầy nhân đạo; cũng có khi thấy tâm hồn được nâng lên cao khi nghe khúc trầm ca bi đát của một nhạc phẩm thống thiết. Như thế đã là hướng về con đường thiêng liêng phần nào...

4) Và có người hàng ngày vật lộn, chiến đấu để được giữ nghĩa tương quan với Đấng Tối-cao. Trong Thiên-Chúa giáo, mối liên-lạc ấy là mối Bác-ái : con người đáp lại Tình yêu của Thiên-Chúa bằng mối tình trung thành, với sự trợ giúp của hồng ân siêu nhiên.

Những thái độ vừa nêu ra đây diễn tả tâm hồn thanh niên trước vấn-đề tôn giáo. Cố nhiên là trong trường hợp chấp thuận, ta đừng vội tưởng thanh niên đã đạt ngay được tới mực độ hoàn hảo của tín ngưỡng vì từ ý hướng cho đến thực hiện, con đường cũng còn xa, còn nhiều trắc trở, thử-thách, lại cũng đòi hỏi cố gắng bản thân để con người được tinh luyện, và đáng được nên bậc thánh hiền.

Trước vấn-đề Xã-hội.— Người thanh-niên, khi rời gia đình, lên tỉnh đi học hay đi làm, được trực tiếp với một khía cạnh mới của cuộc đời. Họ phải đụng chạm với những tập quán, những nếp sống khác với khung cảnh gia đình. Thanh niên được dịp chen vai thích cánh với nhiều

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

tầng lớp, không cùng giai cấp, không cùng xu hướng, với những phản ứng rất khác biệt. Dĩ nhiên là trước đó, thanh niên cũng đã biết sự khác biệt đó, nhưng có lẽ chỉ biết sơ sơ, xa xa, biết theo nguyên-tắc, theo những nhận xét lượm qua sách vở báo chí, và thật ra nhiều người không quan tâm chú trọng đến mấy, vì còn như bị giam cầm trong khung cảnh, hoặc vì còn mải để ý đến những vấn đề hạn chế hơn của tuổi niên thiếu. Ta đã được nghe những trang thanh niên tuấn tú tranh luận rất hăng hái về hoàn cảnh giai-cấp vô sản, đề nghị những chương trình cải tạo đời sống dân quê, bênh vực quyền công nhân : nhưng lại cứ thản nhiên gắt mắng người phu quét phòng thí nghiệm, về nhà thì quát tháo á-xầm, chú bếp ! Ta cũng thấy cô sinh viên trình bầy rất tế nhị phẩm tước của tình yêu theo quan niệm « nhân-vị » và cùng một chập không thể hiểu rằng theo nguyên tắc đó thì phải để cho chị làm công về nhà lấy chồng, dù có vì thế mà trong biệt thự thiếu người giúp việc đã quen...

Nhưng bây giờ, bước vào trường đời, được chứng kiến một thế giới mới mà chính họ khám phá ra, thanh niên cư xử thế nào ?

1) Người thì sợ, sợ phải đối phó với thực tại, sợ tìm ra nhiều sự thật phũ phàng, nên không dám nhìn thẳng cuộc đời. Họ ưa thoát thân, lẩng tránh trong « tháp ngà », trong phòng riêng với đống sách. Đó là trường hợp những con mọt sách, chuyên « xã hội học » trong bốn bức tường...

2) Người thì cố ý lãnh đạm, đôi khi một cách trắng trợn, nhất nhất không chịu quan tâm đến vì e rằng sẽ phải hy sinh, sẽ phải quảng đại nếu không may mình động lòng trắc trở.

3) Cũng có người thì cởi mở, thông cảm thật sự với tình cảnh tha nhân, dám đặt mình vào địa vị người khác, đủ can đảm nhận thấy mình còn sung sướng đầy đủ hơn người khác, tuy chính mình chẳng có gì đáng được may mắn, nếu đem so với những thống khổ của anh em...

Do đó, ở nơi những người này nẩy ra cái ý muốn nâng đỡ tha nhân với một tình huynh đệ chân thành để phục hồi lại đức Công-bằng trong xã hội. Tuy nhiên, muốn hiệu nghiệm, thì mong muốn đó phải thành hình, phải được tích cực thực hiện. Giới thanh niên tuy có một phần khá lớn dửng dưng với hành động xã hội, vì những lẽ nói trên, hoặc nếu để ý là chỉ chú trọng đến tư lợi, tuy nhiên có thể nói rằng người thanh niên lành mạnh không ưa tán phét, lối hùng biện xuông,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

dựa trên tình cảm, mà lại biết uốn mình ra khỏi tháp ngà của lòng vị kỷ. Có những người trẻ đã « làm nên công chuyện », dù không có khả năng đặc biệt, hoặc nhiều phương tiện : họ tuy nghèo trong phương cách, song có tư cách, có thiện chí với một tình yêu mạnh mẽ thúc đẩy họ, làm họ chẳng sợ trở ngại, đi đến nơi đến chốn, lại kéo được cả người khác gây nên một trào lưu xả kỷ.

III

KẾT - LUẬN

Trải qua những phản ứng muôn hình của thanh niên trước thực tại của đời, mấy nhận xét chúng tôi vừa trình bầy quả là thiếu xót, nhưng vì cũng có tính cách đại cương, nên chúng tôi xin giữ lại một đôi điều sau đây :

Trước vấn đề yêu đương, luân lý, tôn giáo, xã hội, người ta có thể hoặc là cởi mở, hoặc là khép kín. Hoặc là thuận nhận, hoặc là chối từ. Thuận nhận để tiến xa, tiến cao, để xây dựng, cuối cùng để thực hiện sứ mệnh. Hay là chối từ vì thiếu sáng suốt, thiếu khiêm tốn, thiếu quảng đại, vì còn có gì đó cản trở, che lấp, những cản trở hoặc từ ở ngoài gây nên, hoặc do ngay chính tâm hồn mình...

Giữa hai thái độ chính, ta phải công nhận còn có một số thái độ chập chừng, do dự, có thể nghiêng bên này, ngả bên kia. Đó là cố gắng của con người trong khi đi tìm ý nghĩa của đời. Vì ngay khi mà ta nhận thấy lý tưởng, ngay khi ta muốn thực hiện lý tưởng đó, vẫn còn cần cố gắng để tất cả đời ta thật sự tương xứng. Việc đó không phải dễ. Nhưng điều cần, trong đời này, không phải là tới đích ngay, mà là tiến về đích « hôm nay hơn hôm qua và còn kém ngày mai »...

Do đó, bài này chỉ có ý nghĩa khi mỗi ta lại cũng công nhận con người là một « huyền nhiệm », mà sự phân tích không thể đào sâu cho rõ thấu triệt. Có những thái độ làm ta ngạc nhiên, khó chịu; nhưng nếu biết tự nội tâm rằng đó là những khủng hoảng, những giai đoạn có khi rất đau đớn để con người tìm đường giải thoát, thì chẳng một ai dám tự cho mình có quyền xét đoán họ một cách quyết liệt...

NGUYỄN-HUY-LỊCH O.P.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nhận-định tổng-quát

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

TRONG hai tuần qua, chúng ta đã nghe và đã thảo luận những vấn đề đủ mọi phương diện, từ văn nghệ, tôn giáo đến kinh tế, giáo dục, chung quanh đề tài : « Tìm hiểu những khát vọng thời đại ».

Cũng như khi các bạn đến thăm một cơ sở nào như trường học, nhà máy, trước hết có một người giới thiệu tổng quát, rồi các bạn sẽ được dẫn đi xem từng khu vực sinh hoạt của cơ sở; sau cùng một người khác sẽ trình bày lược tóm lại những điều các bạn vừa xem thấy. Hội thảo Đại-học Hè này cũng vậy. Cách đây hai chủ nhật, linh-mục Trần-văn-Thiện Viện trưởng Viện Đại-Học Dàlạt đã giới thiệu cho chúng ta hướng đi và những nẻo đường chính của đề tài, rồi tiếp sau ngài, các vị diễn giả đã trình bầy với các bạn từng nẻo đường một... Hôm nay tôi xin lãnh trách nhiệm kết thúc những buổi hội thảo bằng cách trình bầy một vài nét mà tôi có thể gọi là tụ điểm chung của tất cả các thuyết trình viên cũng như của các bạn tham dự viên đồng thời rút ra những kết quả mà chúng ta đã thu lượm được, không những nhờ các buổi thuyết trình và hội thảo, mà còn do tất cả bầu khí sinh hoạt chung của Đại-Học Hè chúng ta.

Như các bạn thấy, đề tài chung là : « Tìm hiểu những khát vọng của thời đại ». Chúng ta là những thanh niên mới lớn lên, đang bước vào đời và bắt đầu thắc mắc suy tư về những vấn đề liên quan đến bản thân ta, đến dân tộc, nhân loại, tóm lại đến thân phận con người ở đời này. Nhưng trong năm học, có lẽ các bạn đã phải bận tâm học hỏi về những vấn đề chuyên môn theo ngành học của mình; do đó chưa có dịp đặt ra hoặc suy nghĩ về những vấn đề kể trên. Đại-học Hè này chính là cơ hội để chúng ta ý thức, cân nhắc nhận định trước những thắc mắc do nhiều hoàn cảnh của thời đại gây nên.

Vậy tìm hiểu những khát vọng của thời đại, tức là tìm hiểu chính

Bản số hoá 2016: ĐCVOnline | Nguyễn Văn Lục

chúng ta. Thời đại chúng ta có thể gọi là một thời-đại chuyển mình trong một khúc quặt lịch sử, báo hiệu bằng những đảo lộn, thay đổi đôi khi đến cội rễ về kinh-tế, luân-lý, tôn-giáo, tình cảm. Những đảo lộn đó bó buộc và thúc đẩy ta phải thắc mắc, suy nghĩ, đặt lại vấn-đề, để tìm một hướng đi mới, một nếp sống mới, trong những hoàn cảnh mới.

Tìm hiểu những khát vọng của thời đại tức là tìm hiểu những nếp sống mới, những hướng đi mới của con người biểu lộ trong văn-nghệ, tôn-giáo, triết-lý, tổ-chức kinh-tế và giáo dục v.v...

Vậy khát vọng của thời đại chúng ta là gì ?

Trước hết, khát vọng đó biểu hiệu trong văn nghệ, bởi vì nhà văn và nghệ sĩ chính là những chứng nhân của thời đại. Họ chứng kiến những biến cố và hoàn cảnh chung quanh, họ chia sẻ những khát vọng cũng như niềm xao xuyến của đồng loại. Bởi vậy văn nghệ chính là những biểu lộ sâu xa nhất của các khát vọng thời đại.

Trong lãnh vực này, *Giáo-sư Nguyễn-khắc-Hoạch* đã cho chúng ta biết hướng đi chung của mọi ngành văn nghệ. Chúng ta đã được thấy rằng dù đi đường nào chăng nữa, thì văn nghệ hiện đại cũng đều vượt quá địa giới của không gian, thời gian, vượt quá những khuôn khổ chia biệt, dù là khuôn khổ các quốc-gia hay cá vị, để đi đến một chiều hướng chung ; đó là phát biểu con người toàn diện : con người xao xuyến về thân phận thiết yếu của mình, cũng như con người muốn thưởng thức những nét thanh tao của cuộc sống tạm bợ. Sự phát biểu toàn diện con người như vậy đã đem lại cho quang cảnh văn-nghệ hiện đại một bộ mặt phong phú và nội dung sâu xa.

Ông Nguyễn-nam-Châu thì lại cho chúng ta thấy những nét sâu đậm hơn về tâm tư của con người thời đại qua văn nghệ : nhất là văn nghệ Âu-châu hiện thời : đó là nỗi xao xuyến thiết yếu về thân phận làm người. Suy nghĩ về thân phận ấy, có kẻ chán chường tuyệt-vọng, vì coi rằng cuộc đời là vô nghĩa, con người là vô vị. Một số người khác lạc quan hơn, muốn cứu vãn phẩm giá làm người của mình trong những lý tưởng nhân đạo và những niềm tin cao cả.

Niềm tin tha thiết nhất đã biểu lộ trong phong trào Nhân vị mà *Cha Bửu-Dưỡng* đã trình bày. Niềm tin khiến cho con người biết từ bỏ những thái độ và nếp sống lạnh lùng dã man của máy móc hoặc của con thú để biết dơ tay chào đón anh em đồng loại, biết sống trong khoan dung độ lượng và tình yêu thương tha thức.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Niềm tin ấy không phải ngày xưa không có, nhưng nó đã bị lu mờ đi trước sự tràn lấn của nền văn minh cơ khí và kỹ thuật hiện đại. *Cụ Trần-quang-Khải* đã làm chiếc cầu đưa chúng ta về nếp sống xa xưa của các bậc tiền bối, mang lại cho chúng ta một tâm trạng thanh thản êm đềm của các vị Nho gia. Tâm hồn chúng ta sẽ dịu lại và được an bình như đứa trẻ nấp dưới cánh tay mẹ.

Ông Nguyễn-huy-Bảo thì cho chúng ta thấy những giá trị cao cả của Thiên-Chúa giáo, những giá trị đã nối kết chúng ta lại với Thượng Đế và anh em đồng loại. Giữa cảnh hỗn loạn của những con người kiêu hãnh và vô vọng, niềm tin Thiên-Chúa Giáo vẫn như hòn đá kiên cố đem lại sự giải phóng và hy vọng cho nhân loại, cái nhân loại đang quá choáng mắt vì những phát minh khoa học đến nỗi quên hẳn nguồn gốc và cứu cánh của đời mình, cũng như quên hẳn sức yếu hèn và hữu hạn của thân phận nó.

Nói cho đúng, khoa học không có tội vạ gì cả. *Bác-sĩ Nguyễn-văn-Ái* đã cho chúng ta thấy : khoa-học đã đem lại cho con người một đời sống khả quan hơn. Nó giúp ta diệt trừ được sự đói rét bệnh tật. Nó cung cấp cho nhân loại đầy đủ tiện nghi để sống một cuộc đời tươi đẹp hơn. Nhưng chính vì con người đã hiểu sai vai trò của nó. Con người đã coi khoa học là vạn năng. Bởi đấy, thay vì xử-dụng nó như một phương tiện, thì ngày nay nhiều người trong chúng ta đã trở nên nô-lệ của máy móc. Lấy nó làm cứu cánh đời mình. Vậy muốn cứu vãn con người, khoa học cần phải ý thức tới ý nghĩa nhân bản của nó.

Và một khi đã hiểu khoa học theo một ý nghĩa nhân bản, thì dầu có tiến hóa thế nào chăng nữa, như trong bài thuyết trình của *Bác-sĩ Vũ-đình-Chính*, con người cũng vẫn không quên được thân phận và ý nghĩa thiết yếu của đời mình.

Những khoa học về kinh tế cũng vậy. *Giáo-sư Vũ-quốc-Thúc* cũng như *Ông Huỳnh-văn-Lang* đều cho chúng ta thấy rằng một nền kinh tế lành mạnh và có hiệu nghiệm cần phải phụng sự con người toàn diện, con người có cái phần siêu việt cao cả của nó. Chúng ta không thể lấy việc sản xuất kinh tế sung mãn làm cùng đích để hy sinh những con người sống động, như trong các chế độ cưỡng bách và độc tài chỉ huy kinh tế. Chúng ta cũng không thể chấp thuận một nền kinh tế quá tự do hỗn loạn đến nỗi làm mất thế quân bình của đời sống nhân dân. Vậy chỉ nên có một nền kinh tế hoạch định theo một chính sách mềm dẻo thích hợp với hoàn cảnh và khả năng của mỗi dân tộc. Đồng thời vẫn

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

giữ được lòng tôn trọng những giá trị siêu linh và phẩm giá con người trong xã hội ấy.

Ngoài một chính sách thích ứng như vậy, lại còn phải cần đến sự thực hiện khéo léo của các nhà chuyên môn nữa. *Giáo-sư Đặng-vũ-Biền* và *Kỹ-sư Nguyễn-Được* đã cho chúng ta thấy sự cần thiết phải đào tạo một lớp trí thức xứng đáng để góp phần vào những công việc xây dựng xứ sở.

Vấn đề căn bản vẫn là vấn đề đào luyện và giáo dục con người. Con người toàn diện đã đành, nhưng cũng là con người biết nhận đúng vị trí và giới hạn khả năng của mình. Con người biết nhận đón trách nhiệm và đồng thời cũng biết sẵn sàng hiến thân vì kẻ khác. Chính nhờ tiêu chuẩn này mà trong buổi hội thảo về vấn đề giải phóng phụ nữ, chúng ta đã có thể đạt tới được những nhận định mới mẻ và chính xác. Chúng ta thấy rằng vấn đề giải phóng phụ nữ không phải chỉ nguyên ở việc san bằng quyền lợi trước pháp luật hay xã hội, nhưng là việc đặt đúng vị trí cùng tương quan của cả hai giới nam nữ. Người đàn bà có một sinh lý và tâm lý khác với đàn ông. Bởi vậy họ có một thiên chức, một sứ mệnh riêng. Sự khác biệt chỉ là để hòa hợp và bổ túc lẫn nhau chứ không phải để xung đột tranh chấp. Cho nên sự bình đẳng chỉ là một biểu lộ tinh thần của những con người trưởng thành và nhân đạo. Nó là kết quả của một sự giáo dục tâm hồn cho cả hai bên đàn ông cũng như đàn bà.

Nhưng khi nói đến vấn đề giáo dục, chúng ta lại phải thành thực mà công nhận với *Ông Cung-giũ-Nguyên* rằng trong hoàn cảnh gia đình ; học đường và xã hội chúng ta hiện nay, người thanh niên Việt Nam thường đã thâu nhận được một nền giáo dục không đáng khả quan là bao. Thêm vào đó, Báo chí và Thông tin, như lời *Ông Nguyễn-Thái* đã nói trong buổi hội thảo về « vấn đề Thông Tin ở Việt Nam », có lẽ cũng chưa ý thức được vai trò giáo dục và hướng dẫn dư luận trong tinh thần tôn trọng chân lý và tự do của quần chúng, thành thử con đường giáo dục thanh niên của chúng ta lại càng thêm khó khăn hơn.

Cha Nguyễn-huy-Lịch lạc quan hơn. Đối với những phản ứng đôi khi quá bồng bột của thanh niên thiếu nữ trước những vấn đề yêu đương, luân lý, tôn giáo và xã hội, Ngài đã không muốn chỉ quy lỗi cho thanh niên hoặc lên án hoàn cảnh, mà lại thấy trong đó một dấu hiệu khủng hoảng rất thường tình và đôi khi còn cần thiết nữa. Cơn khủng hoảng đó có thể đưa tới những kết quả tốt hay xấu tùy nghi. Hoặc là người thanh niên sẽ yếu đuối mù quáng mà sa đọa. Hoặc là anh sẽ sáng suốt và can đảm vượt qua những trở ngại để tiến tới một đời sống quân

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

bình hơn. Tất cả đều lệ thuộc vào sự nâng đỡ hướng dẫn của một nền giáo dục thích nghi và sáng suốt.

●

Tôi vừa ghi lại những nét chính của những bài thuyết trình. Chúng ta thấy rằng dù ở khuynh hướng nào, trên lãnh vực nào mặc lòng, các diễn giả đều quan tâm đến một chiều hướng duy nhất : ấy là đặt con người trở lại đúng vị trí của nó. Con người ở đây là con người toàn diện, con người sống trong lịch sử trần gian đồng thời cũng vượt qua không gian và thời gian. Bởi vậy dù nhận định về vấn đề gì chăng nữa : văn nghệ, tôn giáo, kinh tế hay xã hội, con người vẫn không thể quên viễn tượng thực thụ của thân phận mình. Đó là một thân phận ràng buộc với anh em đồng loại, cùng chung phần và chia sẻ những nỗi lo âu xao xuyến hoặc niềm hy vọng phấn khởi cùng nhau. Hơn nữa thân phận đó lại còn liên quan mật thiết đến cùng đích của đời sống con người. Và con người chỉ thấy an bình khi được biết rằng đời mình, hành vi của mình, sự khát vọng của mình có một ý nghĩa cao cả nào đó.

Nhưng nói đến con người toàn diện là nói đến một huyền nhiệm rất phong phú. Bởi đấy khi bàn đến những vấn đề liên quan đến con người chúng ta không thể tự phụ giải quyết hoàn toàn vấn đề hoặc đem ra được những giải pháp có tính cách tuyệt đối. Vậy thiết tưởng những buổi hội thảo vừa qua không những mang lại cho chúng ta một vài ý tưởng căn bản chỉ đạo sự suy nghĩ của chúng ta sau này, nói cách khác, không những giúp chúng ta tự hiểu mình, hiểu những băn khoăn lo lắng và khát vọng của con người thời đại ta, mà có lẽ còn đem lại cho chúng ta những kết quả gián tiếp khác nữa : đó là *sự ý thức về một thái độ tri thức* mà chúng ta có thể cho rằng cần thiết và đáng quý hơn cả những kiến thức đã lượm được, nhất là ở thời đại chúng ta này.

Thực vậy, khi nhìn bao quát tất cả những vấn đề chúng ta đã nêu lên và thảo luận trong các buổi thuyết trình và hội thảo, một cảm tưởng đầu tiên là chúng ta thấy không có vấn đề nào được giải quyết một cách hoàn tất, thỏa mãn ; trái lại, đôi khi chỉ là gây thêm thắc mắc, đặt thêm vấn đề, hay làm cho ta ý thức rằng vấn đề phức tạp vượt quá tầm thước giới hạn chúng ta.

Chúng ta có thể tự hỏi : tại sao không thể có một giải pháp hoàn tất, và *sự kiện không thể có* như vậy sẽ hại hay lợi cho chúng ta ? Thiết tưởng rằng không thể có một giải pháp hoàn tất và chỉ một lần là xong xuôi tất cả, bởi vì vấn đề nêu lên là một vấn đề thời đại, hay nói cho đúng « thời sự ». Vấn đề thời sự vì chúng ta đang sống *trong* vấn đề đó; chính chúng ta là một vấn đề trước ý thức của chính mình. Hơn nữa,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

nó đang là một vấn đề bởi vì những sự kiện còn đang tiếp diễn và biến đổi. Do đó không thể có một phán đoán bao quát và hoàn tất về một sự kiện còn đang tiếp diễn và biến đổi. Ví dụ : chúng ta không thể có một ý kiến cố định và cho ý kiến đó là chân xác tuyệt đối về phong trào Mác-Xít. Chính vì tại đó là một lý thuyết còn đang sống động, còn *đang làm lịch sử* chứ chưa phải đã thuộc về lịch sử. Rất nhiều người 1959 nói về Mác-Xít với thái độ và lối nhìn của những người thời 1848 hoặc 1917. Đó là một thái độ không đúng vì đã coi Mác-Xít như là sự kiện lịch sử, không còn ảnh hưởng vào lịch sử hay một lý thuyết cố định bất di bất dịch.

Do đó, bàn đến một vấn đề có tính cách thời sự, tức là đồng thời ta cũng ý thức được tính cách mênh mang của vấn đề đó và dĩ nhiên không dám tự hào nhìn bao quát được toàn diện vấn đề. Vì sự thực, nhìn một vấn đề gì, bao giờ cũng chỉ là nhìn từ một vị trí nhất định nào đó. Nói rằng nhìn từ một vị trí, nghĩa là cái nhìn của ta bao giờ cũng thiếu xót vì chỉ là lãnh hội được một vài khía cạnh chứ không bao giờ lãnh hội được toàn thể sự vật. Việc lãnh hội được toàn thể sự vật bao hàm cái nhìn bao quát từ mọi vị trí. Vậy mà ta không thể nhìn bằng cách vượt khỏi vị trí. Chính vì thế mà các bạn nhận thấy nhiều ý-kiến khác nhau đã được nêu lên giữa các vị thuyết trình hay giữa các vị đó với các bạn.

Trước vấn-đề rộng rãi phức tạp, mỗi người tới đây có lẽ chỉ mang đến một vài nhận xét tư riêng, nói lên một vài kinh nghiệm trong ý định góp phần để mọi người có thể nhìn vấn đề rộng rãi hơn, dưới nhiều khía cạnh hơn, vì ai nấy đều hiểu rằng vấn đề vượt quá tầm hiểu biết của mỗi người và có lẽ của mọi người nữa. Đó là ý nghĩ của Hội thảo. Hội thảo là gặp gỡ để trao đổi ý kiến, để đối thoại. Mục đích của hội thảo chưa hẳn là giải quyết xong vấn đề, nhưng đôi khi chỉ là nhằm đặt vấn đề cho đúng, hay làm cho mọi người cảm thấy vấn đề không đơn giản, mà trái lại rất phức tạp. Cảm tưởng đó sẽ giúp ta tránh được những phán đoán vội vã, thô thiển muốn thanh toán nhanh chóng vấn đề, và thúc đẩy ta thắc mắc tìm tòi thêm mãi.

Đó cũng là một cách thế biểu lộ của một người suy-tư trưởng thành, biết rằng mình phải chịu trách nhiệm cuộc đời mình và tự chọn cho mình một lối sống, chứ không phải ỷ lại vào người khác, hoặc chấp nhận một cách nô lệ, thụ động nếp sống và hướng đi của người khác.

Chúng tôi thiết tưởng rằng Hội thảo Đại-học Hè tổ-chức cho những tham dự viên đa số là sinh viên, nghĩa là ở cái tuổi mới bắt đầu biết thắc mắc, và còn đang ở thời kỳ tìm tòi, thì mục đích của nó chưa hẳn

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

phải là giải quyết một cách đầy đủ mọi vấn đề nêu lên, nhưng cốt yếu là nhằm đào tạo cho họ một thái độ trí thức. Thái độ trí thức là thái độ khiêm tốn, khoan dung, rộng lượng, cởi mở, sẵn sàng đối thoại tiếp đón ý kiến người khác và tôn trọng những ý-kiến khác ý-kiến của mình, đồng thời cũng không quên sáng suốt nhận định các sự kiện chung quanh. Đối thoại khoan dung vì không cho mình là nắm được chân lý toàn diện hay nhìn bao quát được mọi vấn đề.

Thái độ trí thức cũng còn là một thái độ chân thành với mình, với người mình đối thoại trong việc trình bày và trao đổi ý-kiến. Vì mục đích của đối thoại, hội thảo là *thông cảm*; Nhưng thông cảm sao được nếu không có *chân thành* trong việc trao đổi, nghĩa là không nói điều mình thực sự muốn nói.

Sau cùng thái độ trí thức cũng là ý chí muốn xét lại, đặt lại vấn-đề, không bao giờ chịu chấp thuận một ý-kiến một tư tưởng nào một cách cuồng tín hay thiếu sự nhận định phê bình tư riêng một cách sáng suốt.

Hội thảo để trao đổi tranh luận về một sự kiện gì tức là đã coi sự kiện đó như một vấn đề, nghĩa là một câu hỏi cần phải giải đáp bằng sự phân tách tìm hiểu chứ không phải là một sự thực hiển nhiên chỉ việc chấp thuận. Người trí thức là người yêu chuộng chân lý. Nhưng bởi chân lý là cái gì cao xa, là nhẫn giới cuộc đời vươn tới, nên cần phải tìm kiếm mãi mãi, và như vậy, không thể thỏa mãn với những thần tượng, do một thái độ ỷ lại, thụ động gây nên. Người trí thức là người phá vỡ các thần tượng (briseurs des idoles).

Một thái độ như thế rất cần thiết ở thời đại chúng ta, thời đại mà nhiều nơi người ta dùng áp lực chính trị, bạo động để tạo ra những thần tượng, để bó buộc con người phải chấp thuận những giải pháp mà họ coi là hoàn tất đầy đủ về những vấn đề thời đại, trên địa hạt kinh tế, chính trị và văn hóa v.v.

Như trên chúng ta đã nói, thời đại chúng ta là thời đại khúc quặt của lịch sử, báo hiệu bằng những đổ vỡ, đảo lộn đến tận nguồn gốc các nền tảng luân lý, tôn giáo và tận cơ cấu các tổ chức kinh tế chính trị.

Trước sự thay đổi đó ; nhiều ý thức hệ mới xuất hiện và tự coi như một giải pháp độc nhất và đầy đủ có thể thiết lập một nếp sống mới trong những hoàn cảnh mới.

Nhưng chúng ta phải thành thực mà nhận rằng con người thời đại

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

này đang sống trong sự áp chế hay ít ra trong đe dọa áp chế của những ý thức hệ độc đoán, độc tôn đó. Vậy ở cái thời đại mà người ta bảo với chúng ta rằng : « tìm thấy rồi, đây là đường đi, cứ việc theo mệnh lệnh, đừng thắc mắc nữa», chúng ta có thể trả lời : «không có đường độc đạo, chưa tìm thấy hướng đi rõ rệt, còn phải tìm kiếm, thắc mắc». Chúng ta đang ở khúc quặt của lịch sử : Các giá trị cũ, chúng ta chưa nhận định lại được rõ ràng ; các giá trị mới, chúng ta chưa khám phá ra hết. Ở thời Đế quốc các ý-thức-hệ độc tôn ngự trị, chúng ta đề cao tinh thần đối thoại trao đổi, thảo luận, tìm kiếm không ngừng.

Một nơi có thể gọi là khung cảnh thích hợp nhất của sự đối thoại trao đổi ; của ý chí tìm kiếm không ngừng trong tinh thần thân ái và khoan dung cởi mở thiết tưởng là Đại Học. Sứ mệnh truyền thống của Đại Học là tạo ra và duy trì cái bầu khí tự do trao đổi, thảo luận, tìm tòi và có lẽ điều cao quý nhất mà người trí thức hấp thụ được ở Đại Học cũng là lòng yêu chuộng tự do suy tư, tìm kiếm và cởi mở, đối thoại.

Nhưng nói rằng Đại Học và những tổ chức trong khuôn khổ Đại Học như Đại-Học Hè này là nơi suy tư tự do, nhận định phê bình, thắc mắc tìm kiếm không ngừng, như vậy không có nghĩa là coi những việc trên là cứu cánh, là tìm để mà tìm ; thắc mắc để thắc mắc. Trái lại, đó chỉ là những việc làm có ý nghĩa như một sửa soạn cần thiết cho hành động hiệu quả, trên đường vươn tới chân lý.

Cuộc đời hoạt động tranh đấu ở ngoài Đại Học là dựa trên những niềm tin, niềm thâm tín (conviction). Không thể hành động nếu không dựa trên những niềm thâm tín đó, vì nếu chỉ thắc mắc lưỡng lự hoài nghi mãi, không thể hành động được. Nhưng khi hành động muốn tránh khỏi những bế tắc, và niềm tin muốn tránh khỏi biến thành cuồng tín mù quáng đôi khi ta phải biết ngừng tay lại, phải lùi lại để có thể kiểm điểm ; suy xét lại ý nghĩa cũng như hướng đi, hành động của mình. Sự ngừng lại, lùi lại đó là suy tư, là thảo luận, đối thoại. Và Đại Học hay Hội thảo Đại-Học Hè tức là những cơ hội để thực hiện việc suy tư, đối thoại, trao đổi đó.

Thiết tưởng đấy là ý nghĩa và mục đích thiết yếu sự họp mặt của các giáo sư, các vị học giả và anh chị em sinh viên chúng ta hai tuần vừa qua trong bầu không khí Hội thảo đầy thân mật và khoan dung của Đại-Học Hè đầu tiên trên đất nước vậy.

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Sinh-hoạt Đại-Học Hè 59

ĐÚNG hẹn, 50 anh chị em sinh viên Đại-Học Saigon tới Đàlạt vào chiều mồng một. Còn anh chị em sinh viên Đại-Học Huế sau mấy ngày vất vả trong những chiếc G. M.C. qua những nẻo đường cát bụi, mãi tới chiều mồng hai mới đến Trại.

Đúng 8 giờ sáng ngày 3-8-59, Trại Hè Đàlạt được chính thức khai mạc dưới sự chủ tọa của ông Thị-Trưởng, Thiếu-Tướng Chỉ-huy Trường Võ-bị Quốc-gia, ông Viện-Trưởng Viện Đại-Học Đàlạt và sự hiện diện của một số đông quan khách. Quang cảnh buổi Lễ hết sức trang nghiêm nhưng không kém phần thân mật vì sự hòa đồng giữa anh em sinh viên Trường Võ-bị và anh em sinh viên Đại-học.

Mở đầu cho buổi Lễ, Giáo-sư Nguyễn-văn-Trung giới-thiệu chương trình và ông Viện-trưởng Viện Đại-học Đàlạt đọc diễn văn khai mạc. L.M. Viện-trưởng tóm thâu tất cả ý tưởng thâm thúy của người trong tiêu đề: « Cần phải đi tìm ý nghĩa thực của cuộc đời ».

Sau đó, các quan khách đi thăm phòng ngủ, phòng ăn, thư viện và các cơ sở khác của Đại-học Hè.

Đúng 9 giờ các quan khách trở lại Giảng đường và Giáo-sư Nguyễn-khắc-Hoạch mở đầu cho Đại-Học Hè bằng bài thuyết trình: «Những nẻo đường mới trong rừng Văn-nghệ hiện đại ». Với lối văn trong sáng, Giáo-sư đã thao thao trong hơn một tiếng đồng hồ làm cho cử tọa đôi khi phải nín thở.

Buổi chiều có cuộc hội thảo về vấn đề trên. Giáo-sư Nguyễn-khắc-Hoạch đã trả lời đầy đủ các câu hỏi của thính giả. Nhưng vì thời giờ eo hẹp, nên còn nhiều sinh viên chưa được hỏi tường tận.

Sang ngày 4-8-59, L.M. Bửu-Dưỡng Giáo-sư các Viện Đại-học Đàlạt, Huế và Saigon, đã thuyết trình về: « Phong-trào Nhân-vị ». Giáo-sư đã hùng hồn trình bày về nguyên ủy và cứu cánh của « phong trào nhân-vị ». Tiếp đó có cuộc hội thảo ngay vấn đề và L.M. Bửu-Dưỡng đã giải đáp thỏa đáng các câu hỏi của anh chị em.

Buổi chiều, các trại sinh được hai đại diện của Phòng Du-lịch Đà-thành hướng dẫn đi thăm đô thị, và đúng 17 giờ, anh chị em sinh viên được Tòa Thị-chính Đàlạt mở cuộc tiếp tân tại khách sạn

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Palace. Buổi tiếp tân hết sức thân mật : có ông Thị-trưởng Đàlạt, Thiếu - tướng Chỉ - huy - trưởng Trường Võ-bị Quốc-gia và một số đông quan khách tham dự.

Sáng 5-8-59, tại Giảng đường Đại-học, Bác-sĩ Nguyễn-văn-Ái, Viện trưởng các Viện Pasteur Việt Nam thuyết trình về vấn đề «Tiến tới một nhân-bản khoa-học». Bằng lời văn trong sáng, tiếng nói rõ ràng, Bác-sĩ đã gieo vào tâm tư mỗi người cái ý nghĩa của « nhân-bản khoa-học ». Liền sau đó, Bác-sĩ Ái dự cuộc hội thảo với anh chị em sinh viên về vấn đề trên để bàn rộng thêm và định rõ giá trị của nó. Tiếp theo, anh chị em sinh viên được Bác-sĩ hướng dẫn đến Viện Pasteur Đàlạt. Và, tại đây, anh chị em sinh viên được xem tận mắt, sờ tận tay các dụng cụ trang bị cho Viện Pasteur. Ra về, anh chị em sinh viên không khỏi cảm phục công trình của Viện Pasteur Đàlạt nói riêng và các Viện Pasteur Việt-Nam nói chung.

Chiều nay, Bác-sĩ Vũ-đình-Chính, Khoa-trưởng Đại-Học Khoa-Học Huế đã mở cuộc hội thảo với anh em sinh viên về « Con người trước vấn đề tiến hóa ». Phòng hội thảo rất sôi nổi, vì vấn đề đặt ra thật thú vị.

Tối đến, Đại-học Hè hân hoan đón tiếp đoàn văn nghệ Nha Chiến Tranh Tâm Lý từ Saigon lên họp bạn cùng anh chị em sinh viên. Sau bữa cơm thân mật, hơn hai mươi nghệ sĩ tài danh của thủ đô như các bạn Canh-Thân, Nhật-Bằng, Đan-Thọ v.v... và các cô Tuyết-Mai, Thái Thịnh, Lệ-Hằng, Tuyết-Hương v.v. đã đem lại cho bầu khí êm đềm kín đáo và thân mật của trại hè thường ngày một nhịp sống vui tươi phấn khởi khác thường. Anh em sinh viên trường Võ bị Quốc-gia cũng tới liên hoan và góp phần bằng một hòa khúc hùng tráng.

Sáng ngày 6-8-1959, toàn thể trại sinh dưới sự hướng dẫn của Phòng Du-lịch, đã đến thăm Thị xã Koya, nơi đồng bào Thượng cư trú. Tại đây, toàn thể đã được đồng bào đón tiếp niềm nở bằng những tiếng khèn tiếng cồng vui vẻ. Anh chị em sinh viên đã đáp lễ bằng những tặng phẩm đơn sơ như thuốc men, quần áo.

Chiều nay, dưới sự hướng dẫn của đại diện Phòng Du-lịch, anh chị em tham dự viên trại hè Đàlạt đã tới thăm Vườn sưu tầm thảo mộc tại địa điểm thực nghiệm lâm sản Măng-Linh cách đô thị Đàlạt chừng mười cây số. Ở đây, ta thấy các loại cây rất quý như : Eucalyptus, Passiflore, Thông, Tô-lạp-hương, Sồi, Tùng, Trắc-bá-diệp, Mơ, Anh-đào... giúp rất nhiều cho nền kỹ nghệ quốc gia. Trên đường về, đoàn trại sinh ghé qua đồi Mai-khôi. Và tại đây, anh chị em sinh viên được Linh mục Bửu-Dưỡng, giám đốc trại, mở cuộc tiếp tân. Sau đó, Linh mục Bửu-Dưỡng hướng dẫn đoàn sinh viên đi thăm toàn đồi Mai-khôi, xem các công trình xây dựng và gia đình dân sự. Cả đồi Mai khôi hoang dã xưa đã biến thành một trung

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

tâm đông đảo, hoa nở đầy đường, nếp sống tươi đẹp, ai xem thấy cũng phải cảm phục công « khai sơn phá thạch» của cha Bửu-Dưỡng.

Trời về tối, phái đoàn mới ra về mà còn nhiều anh chị em sinh viên luyến tiếc khu đồi thơ mộng, muốn xin với cha Giám-đốc cho « trụ trì » luôn tại đây. Cha Bửu-Dưỡng « giang hai tay » thật rộng sẵn sàng đón nhận mọi «nhân vị» trở về. Mong anh chị em sinh viên xung phong.

Buổi tối có cuộc kiểm thảo, giáo sư Nguyễn-văn-Trung đã cho trại sinh tường tận về sự thành lập trại hè, và sự giúp đỡ tích cực của các cơ quan, nhất là hội : « Asia Foundation ». Sau đó, Giáo sư Nguyễn-nam-Châu tặng các bạn sinh viên Đại học-Hè 59 nhạc phẩm « Sinh viên họp bạn ».

Sang ngày 7-8-59, hồi 8g.30 tại giảng đường, cụ Trần-quang-Khải Chủ tịch hội Khổng-học Đàlạt đã thuyết trình về « Sinh lực của Nho giáo trong thời hiện đại ». Bằng giọng trầm ấm, thong thả cụ đã hướng dẫn thính giả rảo qua khu vườn Khổng-học đáng tôn quí của nền văn hóa Đông phương.

Tới 10g. 30 ; ông Nguyễn-nam-Châu nói chuyện về : «Những niềm xao xuyến và hy vọng của con người trong văn nghệ hiện đại ». Bằng những dẫn chứng cụ thể, ông đã lần lượt nói về hiện trạng tâm tư con người qua một số tác giả văn học : Paul Evely, A. Malraux, P. Valéry..., phân tích nguyên do cuộc khủng hoảng tinh thần (dẫn chứng : Vercors, G. Marcel, Saint-Exupéry..,) và nói đến một số nhà văn hóa kêu gọi cứu vãn nhân phẩm như Maulnier, Camus v.v...

Vấn đề trên được bàn cãi sôi nổi một lần nữa tại phòng hội thảo lúc 16 giờ. Và, ông Nguyễn-nam-Châu đã giải đáp thêm để làm sáng tỏ đề tài nhưng hình như lúc ra về « lòng người còn xao xuyến ».

Sáng ngày 8-8-59, vào hồi 9 giờ, có cuộc hội thảo về « Vấn đề giải phóng phụ nữ » và thảo luận về « người đàn bà trong hoàn cảnh hiện đại ». Sau lời giới thiệu của Giáo sư Nguyễn-khắc-Hoạch và Giáo sư Nguyễn-văn-Trung khai đề, các thuyết trình viên lần lượt đăng đàn. Trước hết, ông Nguyễn-nam-Châu, giáo sư triết học, trình bày sơ lược hiện tình những quan niệm về vấn đề phụ nữ. Tiếp đến, Bà Tăng-thị Thành-Trai trình thuyết về « Quan niệm bình quyền trước xã hội và pháp luật». Sau đó bà Mai ngọc Liệu trình về « phụ nữ tính », cô Phan-ngọc-Quới nói tới « địa vị và thiên chức của người phụ nữ ». Sau cùng, bà Nguyễn-văn-Đãi « thử trình bày một quan niệm giáo dục mới cho chị em phụ nữ». Buổi hội thảo rất sôi nổi và gay go nhất là chung quanh vấn đề về một gia đình lý tưởng cho xã hội Việt-Nam hiện đại.

Đến 15 giờ chiều, ông Khoa Trưởng Văn-khoa Saigon, giáo sư Nguyễn-huy-Bảo thuyết trình về « Những giá trị Kyto giáo ».

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Bằng lời văn chải chuốt, tiếng nói sõi sàng, thong thả, Ông Khoa-trưởng Nguyễn-huy-Bảo đã lần lượt giúp thính giả tìm hiểu ý nghĩa và giá trị muôn thuở của Đạo Công-giáo. Ông đã nêu rõ trọng tâm của Đạo là : « *Khối tình yêu toàn vẹn* ». Vì yêu, Thiên-chúa cha mới cho con giáng trần. Vì yêu, Thiên-chúa con mới sẵn sàng chịu chết, và cũng vì yêu, Chúa Ky-tô mới ở cùng nhân loại cho đến tận thế để thánh hóa họ và giúp họ nên Thánh theo đúng lời người phán : «Chúng con hãy nên Thánh vì cha chúng con là đấng rất Thánh » (Math.V, 48).

Và để giúp sinh viên hiểu thêm đề tài, Ông Khoa Trưởng đã vui lòng giải đáp mọi thắc mắc vào buổi hội thảo ban tối. Tiếp đó, Ban Văn-nghệ tổ chức ca kịch để giúp vui cho trại sinh. Buổi ca kịch đã thâu lượm được kết quả khả quan. Đặc biệt nhất là vũ đoàn Nam sinh viên đã chuyển mình « răng rắc » theo tiếng « khèn » hòa điệu, và Ban hợp ca G.M.C. vang vọng tiếng hát « trầm hùng chát chúa ».

Ngày Chủ nhật 9/8, từ sớm tinh sương, ba chiếc G.M.C. đã lách mình qua cổng, vào đón sinh viên du ngoạn. Trên đường nhựa trực chỉ thác Gougah, ba chiếc G.M.C. lao mình trong gió theo xe dẫn đạo ; chả mấy chốc thác Gougah, với nước ngàn đổ reo vang cả khu rừng u tịch, đã hiện ra trước mặt. Xe ngừng chạy, đoàn sinh viên đổ xô đến bên thác để ghi vội lấy vài tấm ảnh kỷ niệm trước khi tới trường bay và thác Liên Khương.

Như thời khóa biểu ấn định, đoàn Trại sinh tới nhà máy làm đồ sứ Vĩnh Tường vào đúng 11g30. Được Ban Giám - đốc nhà máy hướng dẫn đi xem các cơ sở trang bị những máy móc tối tân, ai cũng cảm phục Ông Giám-đốc Công ty Vĩnh Tường đã khéo hợp tác với người Nhật để học hỏi phần kỹ thuật và chuyên môn của họ.

Sau khi viếng thăm công ty, đoàn trại sinh tới thác Prenn để nghỉ trưa. Dưới màn nước bạc thác Prenn, đoàn trại sinh quây tròn bên nhau để hưởng cái vui nhộn của buổi Picnic. Ly rượu cuối cùng đã cạn, đoàn trại sinh chia nhau đi vạn ngả để ngắm cảnh, nghe thông, mải mê với núi đồi kỳ thú, mãi đến 16g00 mới nỗi còi thu quân hồi trại.

Sáng ngày 10/8, đoàn Sinh viên Đại-học Hè thăm viếng Trường Võ bị Quốc-gia Đàlạt. Đúng 7g30 phái đoàn tới Trường. Sau phần nghi lễ, phái đoàn dự thuyết trình tại phòng hội nghị, rồi lần lượt đi thăm các trại Quang Trung, trại Cộng Hòa. Ở trại Quang Trung, phái đoàn được các đơn vị trưởng đón tiếp và thuyết trình về khoa Tác chiến, khoa Thể dục và Văn hóa vụ. Tại trại Cộng-Hòa, phái đoàn đi thăm phòng thí nghiệm và phòng ngủ sinh viên sĩ quan D.4 và D.6. Tiếp đó, Đại diện sinh-viên Đại-học hội kiến với Trung tá Đại diện Thiếu tướng chỉ huy trưởng và ký sổ vàng tại văn phòng. Tới 9g00, phái đoàn dự tiệc trà tại phòng ăn

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

sinh viên sĩ quan và đúng 9g30 đoàn sinh viên rời Trường Võ bị.

Trở về giảng đường hồi 10g00, đoàn sinh viên dự luôn buổi thuyết trình của Ông Nguyễn-Thái, Tổng Giám đốc Việt Nam Thông tấn xã, về vấn đề « Thông tin và tuyên truyền». Ông Nguyễn-Thái đã hóm hỉnh tóm tắt bài thuyết trình bằng bốn chữ W, đó là What, Where, Who và When. Liền sau đấy thỏa thuận để sinh viên chất vấn cho rộng vấn đề.

Đến tối, Ban Giám đốc «khao» anh chị em trại sinh bằng một buổi xi-nê hai xuất : phim « Đừng vượt biển » (Don't go wear the water) và phim « Quyết trả thù » (Bravados) tại rạp Ngọc Lan, 42 Thành Thái Đàlạt.

12-8-59. Dưới bầu trời thanh quang, đoàn trại sinh Đại-học Hè Đàlạt ngồi gọn trên 3 chiếc G.M.C. và chiếc Volkswagen, theo xe dẫn đạo của Phòng Du-lịch Đàlạt, trực chỉ sở trà Cầu Đất, một Công ty làm trà to nhất Đàlạt.

Dẫn đầu cuộc du ngoan hôm nay có Cha Viện-trưởng Viện Đại-học Huế, vì thế, cuộc du ngoạn có tính cách trang trọng hơn. Nhiều biểu ngữ chào mừng treo cao và những cuộc tiếp đón long trọng dành cho phái đoàn tại các địa điểm viếng thăm.

Đúng 9g.30, đoàn sinh viên tới sở trà Cầu Đất. Ban Giám - đốc hướng dẫn quan khách và đoàn sinh viên đi thăm các cơ sở và máy móc của sở. Đây là nhà máy sấy, kia là sở chọn trà, nọ là chỗ đóng bao, bỏ hộp. Tất cả đều hoạt-động hăng hái, theo nhịp máy inh ỏi khiến ai viếng thăm cũng phải thú vị.

Rời sở trà, đoàn sinh viên tới thăm địa điểm xây đập Danhim. Đứng trước đập Danhim hùng-vĩ và được nhà đương cuộc giải thích dự án xây cất, ai cũng thấy sự cố gắng vượt bực của Chính-phủ để góp phần « Cải-tạo Dân-sinh ».

Rời đập Danhim, đoàn sinh viên vòng theo đường đồi tới trại chăn nuôi Dran. Ở đây, đoàn trại sinh cắm lều nghỉ trưa, và dự bữa Pic-nic cuối cùng. Kinh nghiệm hơn lần trước, ban « Tiếp-tế » đã dành mỗi người một « túi cổ phần » để tiện bề « thao túng ». Có chị chỉ làm « tiêu hao » một phần nhỏ, trái lại có anh làm « bay » phần mình lại « du kích » sang phần khác. Không khí vui nhộn vang reo cả cánh đồng hiu quạnh.

Tới 3 giờ chiều phái đoàn mới lên xe ra về, sau khi đã đi thăm toàn khu trại bò. Đường về kỳ thú bằng mấy lần đi vì mưa gió vật vã G.M.C. nghiêng ngửa.

Sáng ngày 13-8, vào hồi 8g.30, Giáo-sư Vũ-quốc-Thúc, Khoa-trưởng Đại-Học Luật-Khoa Saigon đã thuyết trình về vấn đề « Kinh-tế ở các nước hậu tiến Đông-Nam Á-Châu ». Vì đề tài quan trọng, hơn nữa, diễn giả là một nhà luật học có tiếng nên đã thu hút được một số khán giả kỷ lục. Trong đó, chúng tôi nhận

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thấy Quí ông : Thị-trưởng thành phố Đalạt, Thiếu-tướng Chỉ-huy-trưởng Trường Võ-bị Quốc-gia và Giám-đốc các Nha, Sở thuộc Cao-Nguyên Trung-Phần tại Đàlạt.

Sau giờ thuyết trình, diễn giả đã giải đáp các câu hỏi của cử tọa trong một buổi hội thảo sôi nổi.

Buổi chiều vào hồi 15g.30, ông Cung-Giũ-Nguyên, Hiệu - trưởng trường Lê-Quý-Đôn Nhatrang, đã thuyết trình về «Khung-cảnh và giáo - dục». Diễn giả đã thành thật nhận xét về « tổ chức học đường » một cách rất tỉ mỉ và công phu. Sau đó, Ông Hiệu-trưởng đã giải đáp thêm các câu hỏi của sinh viên về vấn đề giáo dục.

Buổi tối, Ban Tuyên-vận Nha Công-an và Cảnh-sát Cao-Nguyên Trung phần đã tới giúp vui đêm liên hoan văn nghệ. Với nhiều bài ca đặc sắc, nhiều bản nhạc trầm-hùng, nhạc đoàn tuyên-vận đã chiếm được lòng ưu ái của hầu hết anh chị em tham-dự-viên Đại-học Hè Đàlạt.

Sang ngày 14-8, vào hồi 8g30, ông Đặng-vũ-Biền, Giáo sư Đại học Dược Khoa Saigon, thuyết trình về « Vấn đề đào tạo trí thức trước những nhu cầu xã hội hiện đại ». Giáo-sư Biền đã định nghĩa danh từ trí thức và quan niệm thế nào là người trí thức một cách tường tận và làm cho cử tọa thỏa mãn. Liền sau đó, Ông đã giải đáp thêm các câu hỏi của anh em sinh viên trong buổi hội thảo, để rộng đường « suy tưởng ».

Tới 3g30 chiều, Cha Nguyễn huy Lịch, Tuyên úy sinh viên Công giáo đã thuyết trình về « Tâm hồn Thanh niên trước những vấn đề yêu đương, luân lý, tôn giáo, xã hội».Có thể nói đây là đề tài sôi nổi nhất.

L.M. Tuyên úy sinh viên Công giáo đã « dí dỏm » ví von, và đào sâu tâm lý thanh niên thế hệ. Sau đó, để giải đáp thêm thắc mắc của cử tọa, L.M. đã tổ chức buổi hội thảo rất hào hứng, linh động. Anh Chị em sinh viên nhớ mãi « hình ảnh » Người, dễ dãi và ý nhị trong mọi lời giải đáp mặc dầu câu hỏi đặt ra có khúc mắc.

Đến tối, L.M. Viện Trưởng Đại học Đàlạt lại khao anh chị em tham dự viên một xuất xi-nê thú vị, phim « Chiếc chìa khóa » (La clé). Một câu chuyện tình ; « một chiếc chìa khóa một căn phòng trong đó có một người đàn bà với những chàng trai chinh chiến, mỗi lần ra đi là không hy vọng ngày trở về... »

Sang ngày 15-8, anh chị em sinh viên được Đại diện Phòng Du-lịch Đàlạt hướng dẫn đi xem Nha Địa dư Quốc gia. Ở đây, đoàn trại sinh được mục kích rõ ràng những máy móc tối tân, tinh vi dùng trong công tác họa đồ. Mười giờ anh chị em sinh viên rời Nha Địa-dư để đi thăm thác « Da tam La », một trong những thắng cảnh đẹp của « Kinh đô du lịch ».

Buổi chiều, anh chị em sinh viên dự buổi thuyết trình và hội

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thảo cuối cùng của Khóa Đại-học Hè Đàlạt. Theo chương trình ấn định ông Nguyễn Được, Giám đốc Nha Kỹ thuật và Mỹ thuật học vụ nói về : « Tìm một quan niệm tổ chức giáo dục kỹ thuật ở Việt Nam ngày nay. »

Chủ nhật 16-8, ngày bế mạc Khóa Đại-học Hè đã được tổ chức long trọng vào hồi 8g30 sáng, trước sự hiện diện của một số đông quan khách và quí vị Giáo-sư Đại-Học. Sau phần nghi lễ, L.M. Cao văn Luận, Viện-trưởng Viện Đại-học Huế đọc diễn từ bế mạc, tiếp đó, Giáo sư Nguyễn-văn-Trung « nhận định tổng kết » về Đại học Hè. Giáo sư Trung dứt lời, một Đại diện anh chị em sinh viên đứng lên nói cảm tưởng của mình về Đại học Hè 59.

Buổi tối, anh chị em sinh viên đã tổ chức một buổi lửa trại để xiết chặt tình thân ái, giữa anh em sinh viên ba Viện Đại-Học, để mai này, khi chia tay tạm biệt, mỗi người còn in sâu trong tâm khảm mình hình bóng của mỗi tham dự viên Đại-học Hè Đàlạt 1959.

NGUYỄN-DUY-NHẤT, Phóng-viên

Trích trong 4 số nội san « Sinh-Hoạt » do anh chị em sinh-viên xuất-bản trong thời gian Đại-học Hè.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ĐẠI HỌC

SỐ 12 THÁNG 11-59

SỐ ĐẶC BIỆT

ĐỂ XÂY DỰNG NỀN ĐẠI HỌC VIỆT-NAM

với

NHỮNG Ý KIẾN CỦA MỘT SỐ GIÁO SƯ VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ và SAIGON

CÙNG QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ

Tạp-Chí Nghiên-Cứu ĐẠI-HỌC Huế đã nhận được những số tiền gởi về ủng hộ hoặc bưu phiếu mua báo của quý vị độc giả sau đây, Tạp-Chí Đại-Học xin trân trọng có lời cảm ơn.

(tiếp theo các kỳ trước)

Ô. Nguyễn-hữu-Văn, Xuân-Bích Saigon	120$
— Vũ-anh-Thuấn, Xuân-Bích Saigon	120$
— Nguyễn-văn-Quý K.B.C. 4.715	135$
Tòa Tỉnh-Trưởng tỉnh Phú-Yên	500$
Ty Công-An tỉnh Phú-Yên	225$
Ô. Nguyễn-xuân-Dậu, Phú-Nhuận Saigon	80$
— Nguyễn-ngọc-Ru, Ty Thanh-Niên Phước-Tuy	120$
— Nguyễn-văn-Quế, KBC 3046/3	215$
Tòa Thị-Chính Đànẵng	1.200$
Tòa Thị-Chính Đànẵng	3.350$
Ô. Cao-bá-Vũ, Thư-ký Quốc-Hội Saigon	120$
— Bùi-Trâm, K.B.C. 4.100	120$
— Lưu-tăng-Nghĩa, Phát-Diệm Saigon	200$
— Lê-thành-Nhân, 89 Yersin Saigon	120$
— Phan-quang-Quán, 33 Chợ Trương-minh-Giảng Saigon	120$
Cô Trần-kim-Sang, 219 Lê-quang-Hiền Chợlớn	120$
Ô. Lê-thành-Châu, 98 Duy-Tân Đàlạt	120$

(còn nữa)

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ĐẠI-HỌC XUẤT-BẢN

Những sách đã xuất bản :

NGUYỄN VĂN TRUNG

Biện chứng giải thoát trong Phật Giáo — Giá 45$

JEAN LACROIX

Tình cảm và đời sống đạo đức — Giá 30$

NGUYỄN NAM CHÂU

Sứ mệnh văn nghệ - Những nhà văn hóa mới — Giá 50$

Bác-sĩ NGUYỄN VĂN ÁI

Vi Trùng Học (tập I) — Giá 60$

MỘT NHÓM GIÁO SƯ

Danh Từ Triết Học — Giá 40$

ĐÀM QUANG HẬU

Danh từ chuyên khoa trong Việt Ngữ — Giá 30$

RENÉ DESCARTES

Phương Pháp Luận — Giá 30$

in tại nhà in NAM - SƠN
36, Ng-an Ninh — Saigon

GIÁ 20$

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục